BỘ TƯ PHÁP **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

ĐỖ THỊ ÁNH HỒNG

CÁC BIỆN PHÁP HÌNH SỰ PHI HÌNH PHẠT DƯỚI GÓC ĐỘ SO SÁNH LUẬT

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2023

BỘ TƯ PHÁP **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

ĐỖ THỊ ÁNH HỒNG

CÁC BIỆN PHÁP HÌNH SỰ PHI HÌNH PHẠT DƯỚI GÓC ĐỘ SO SÁNH LUẬT

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Chuyên ngành: Luật Hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 9380104

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Nguyễn Tuyết Mai
2. TS. Đào Lệ Thu

Hà Nội – 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi.

Các kết quả nghiên cứu trong Luận án này chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu được sử dụng trong Luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đúng theo quy định.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Luận án này.

Tác giả luận án

Đỗ Thị Ánh Hồng

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành Luận án này, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến TS. Nguyễn Tuyết Mai và TS. Đào Lệ Thu đã tận tình truyền đạt kiến thức và hướng dẫn tôi thực hiện Luận án. Tôi xin được gửi lời cảm ơn tới Khoa Pháp luật Hình sự, Phòng Đào tạo sau đại học, Viện Luật so sánh và Ban Giám hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội đã tạo điều kiện tốt nhất để tôi hoàn thành Luận án. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các nhà khoa học, các thầy cô giáo đã đóng góp ý kiến, giúp đỡ, động viên, khích lệ tôi trong quá trình thực hiện Luận án. Tôi xin cảm ơn gia đình, đồng nghiệp và bạn bè đã giúp đỡ, động viên tôi trong quá trình học tập và thực hiện Luận án này.

Tác giả luận án

Đỗ Thị Ánh Hồng

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Bộ luật Hình sự	: BLHS
Bộ luật liên bang	: BLLB
Bồi thường thiệt hại	: BTTH
Biện pháp hình sự	: BPHS
Cơ quan điều tra	: CQĐT
Hình phạt	: HP
Liên Hợp quốc	: LHQ
Nghiên cứu sinh	: NCS
Người chưa thành niên	: NCTN
Nhà xuất bản	: NXB
Trách nhiệm hình sự	: TNHS
Viện Kiểm sát	: VKS

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 1

1. Lý do lựa chọn đề tài 1

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 5

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 6

4. Phương pháp luận, cách tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu 7

5. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu 10

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án 11

7. Cấu trúc của luận án 12

PHẦN TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU 13

1. Tình hình nghiên cứu đề tài 13

1.1. Các công trình nghiên cứu khoa học trong nước 13

1.1.1. Những vấn đề lý luận về các biện pháp hình sự phi hình phạt trong các nghiên cứu trong nước 13

1.1.2. Những bình luận về thực trạng pháp luật liên quan đến các biện pháp hình sự phi hình phạt trong các nghiên cứu trong nước 16

1.1.3. Những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến các biện pháp hình sự phi hình phạt trong các nghiên cứu trong nước 19

1.2. Các công trình nghiên cứu khoa học ngoài nước 22

1.2.1. Những vấn đề lý luận về các biện pháp hình sự phi hình phạt trong các nghiên cứu ngoài nước 22

1.2.2. Những bình luận về thực trạng pháp luật liên quan đến các biện pháp hình sự phi hình phạt trong các nghiên cứu ngoài nước 25

1.2.3. Những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến các biện pháp hình sự phi hình phạt trong các nghiên cứu ngoài nước 28

2. Đánh giá tình hình nghiên cứu đề tài và những vấn đề luận án kế thừa, bổ sung và phát triển 32

2.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu đề tài và những vấn đề luận án kế thừa 32

2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục bổ sung, phát triển 35

Kết luận phần Tổng quan về vấn đề nghiên cứu 36
PHẦN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU 38
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC BIỆN PHÁP HÌNH SỰ PHI HÌNH PHẠT 38
1.1. Khái niệm biện pháp hình sự và biện pháp hình sự phi hình phạt 38
1.1.1. Khái niệm biện pháp hình sự 38
1.1.2. Khái niệm biện pháp hình sự phi hình phạt 43
1.2. Hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt 56
1.2.1. Khái niệm hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt 56
1.2.2. Yêu cầu và nguyên tắc xây dựng hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt 57
1.2.3. So sánh quan điểm về phân loại các biện pháp hình sự phi hình phạt 58
1.3. So sánh quan điểm về các thành tố cơ bản của các biện pháp hình sự phi hình phạt 62
1.3.1. So sánh quan điểm về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 62
1.3.2. So sánh quan điểm về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 63
1.3.3. So sánh quan điểm về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt 66
1.4. Ý nghĩa của các biện pháp hình sự phi hình phạt 68
1.4.1. Ý nghĩa đối với đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 69
1.4.2. Ý nghĩa đối với xã hội 70
1.4.3. Ý nghĩa đối với nền tư pháp hình sự 70
1.5. Phân biệt các biện pháp hình sự phi hình phạt với hình phạt 72
1.6. Cơ sở của việc quy định các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự 76
1.6.1. Cơ sở lý luận 76
1.6.2. Cơ sở pháp lý 81
1.6.3. Cơ sở thực tiễn 85

1.7. Các yếu tố tác động, chi phối việc xây dựng quy định về các biện pháp hình sự phi hình phạt 87
Kết luận Chương 1 91
CHƯƠNG 2. CÁC BIỆN PHÁP HÌNH SỰ PHI HÌNH PHẠT TRONG LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ QUỐC GIA 96
2.1. Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Đức 96
2.1.1. Định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt 96
2.1.2. Về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt 97
2.1.3. Về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 98
2.1.4. Về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 98
2.1.5. Về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt 100
2.2. Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Nga 113
2.2.1. Định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt 113
2.2.2. Về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt 114
2.2.3. Về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 115
2.2.4. Về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 115
2.2.5. Về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt 117
2.3. Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Hoa Kỳ 120
2.3.1. Định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt 122
2.3.2. Về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt 122
2.3.3. Về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 124
2.3.4. Về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 124
2.3.5. Về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt 125
2.4. Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Thái Lan 132
2.4.1. Định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt 133
2.4.2. Về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt 133
2.4.3. Về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 133
2.4.4. Về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 134
2.4.5. Về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt 135

2.5. Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Việt Nam 139
2.5.1. Định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt 140
2.5.2. Về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt 140
2.5.3. Về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 142
2.5.4. Về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 143
2.5.5. Về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt 144
Kết luận Chương 2 149
CHƯƠNG 3. SO SÁNH CÁC BIỆN PHÁP HÌNH SỰ PHI HÌNH PHẠT TRONG LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM 155
3.1. So sánh các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự một số quốc gia 155
3.1.1. Định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt 155
3.1.2. Về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt 156
3.1.3. Về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 161
3.1.4. Về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 162
3.1.5. Về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt 165
3.2. Những đề xuất hoàn thiện quy định về các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Việt Nam 171
3.2.1. Những nguyên tắc định hướng việc đề xuất hoàn thiện quy định về các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Việt Nam 171
3.2.2. Những đề xuất cụ thể hoàn thiện quy định về các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Việt Nam 174
3.2.2.1. Đề xuất bổ sung định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt 174
3.2.2.2. Đề xuất hoàn thiện quy định về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt 175
3.2.2.3. Đề xuất hoàn thiện quy định về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 183
3.2.2.4. Đề xuất hoàn thiện quy định về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt 185

3.2.2.5. Đề xuất hoàn thiện quy định về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt 187

Kết luận Chương 3 195

PHẦN KẾT LUẬN 197

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA NGHIÊN CỨU SINH LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Hệ thống các biện pháp hình sự (BPHS) bao gồm hệ thống hình phạt (HP) và hệ thống các BPHS phi HP. Trong đó, các BPHS phi HP đóng vai trò quan trọng, được áp dụng độc lập với hình phạt hoặc áp dụng thay thế hay kèm theo hình phạt[1], góp phần phát huy tối đa mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội. Việc nghiên cứu về các BPHS phi HP là vô cùng cần thiết vì các lý do sau đây:

Thứ nhất, dưới góc độ lý luận, ở Việt Nam chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống về các BPHS phi HP dưới góc độ so sánh. Cụ thể, BPHS phi HP là khái niệm đã xuất hiện trong khoa học luật hình sự của một số quốc gia, tuy nhiên còn ít được đề cập trong khoa học luật hình sự ở nước ta. Vào giai đoạn cuối thế kỉ XIX, trên cơ sở học thuyết phòng ngừa xã hội và học thuyết về nguyên nhân tội phạm; cùng với sự phát triển của triết lý "phúc lợi", triết lý "phục hồi" và triết lý "cộng đồng" trong xử lý hành vi phạm tội[2], khái niệm BPHS phi HP đã xuất hiện trong các nghiên cứu của trường phái Xã hội (Social School)[3] dưới tên gọi "*security measures*" (các biện pháp bảo đảm an toàn) hay "*non-punitive measures*" (các BPHS phi HP)[4]. Trải qua quá trình biến đổi lâu dài của lịch sử và phù hợp với xu hướng nhân đạo, bảo vệ quyền con người, các nhà khoa học luật hình sự trên thế giới ngày càng chú trọng nghiên cứu về các BPHS phi HP vì các biện pháp này có ý nghĩa quan trọng đối với đối tượng bị áp dụng các biện pháp này, đối với xã hội cũng như nền tư pháp hình sự. Các nhà nghiên cứu cũng nhận ra rằng HP không còn là BPHS duy nhất, thay vào đó cần đẩy mạnh nghiên cứu về các BPHS phi HP áp dụng phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau[5] vì các biện pháp này có mục đích thiên về hướng tác

---

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung,* NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 11.

[2] Về các triết lý này, xem: Hoàng Xuân Châu (2021), "Các triết lí phổ biến trong xử lí người chưa thành niên phạm tội trên thế giới – Kinh nghiệm của Anh, xứ Wales và gợi ý cho Việt Nam", *Tạp chí Luật học,* (2), 3-15 và Đào Lệ Thu (Chủ nhiệm đề tài) (2022), *Triết lý xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật và sự thể hiện trong thực tiễn lập pháp của một số quốc gia trên thế giới*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 32-38.

[3] Maizer Chankseliani (2012), "Punishment and other penal measures (Hình phạt và các biện pháp hình sự khác)", *European Scientific Journal,* 8(2), 98-108.

[4] Joseph Heffner & Oriel Feldman Hall (2019), "Why we don't always punish: Preferences for non-punitive responses to moral violations (Tại sao không phải lúc nào cũng áp dụng hình phạt: Việc ưu tiên áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt đối với hành vi xâm phạm nhân phẩm)", *Scientific Report,* 9, 13219, 1-13.

[5] Joseph Heffner & Oriel Feldman Hall (2019), "Why we don't always punish: Preferences for non-punitive responses to moral violations (Tại sao không phải lúc nào cũng áp dụng hình phạt: Việc ưu tiên áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt đối với hành vi xâm phạm nhân phẩm)", *Scientific Report,* 9, 13219, 1-13.

động trực tiếp nhằm "*triệt tiêu, hạn chế các yếu tố có thể góp phần tạo ra nguyên nhân tái diễn hành vi phạm tội*"[6]. Tuy nhiên, khác với HP đã có một hệ thống (được thống nhất về tên gọi), các BPHS phi HP lại được đề cập trong các nghiên cứu của các nhà khoa học luật hình sự ở một số quốc gia trên thế giới với các tên gọi khác nhau. Các học giả người Đức sử dụng thuật ngữ các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn (*Measures of reform and security*)[7]; trong khi các chuyên gia luật hình sự người Nga gọi là các biện pháp pháp luật hình sự khác (*Other Measures of a Criminal-Law Nature*)[8]; hay các nhà nghiên cứu tại Hoa Kỳ cho rằng đó là các BPHS phi HP (*Non-punitive Measures*)[9] hoặc các BPHS trung gian thay thế hỗ trợ (*Intermediate and Alternative Sanctions*)[10]; giới khoa học luật hình sự Thái Lan gọi là các biện pháp bảo đảm an toàn (*Measures of Safety*)[11]; còn tại Việt Nam, có một số quan điểm cho rằng các BPHS phi HP bao gồm nhóm các biện pháp tư pháp có tính chất là các BPHS khác và các biện pháp giám sát, giáo dục[12]. Vì vậy, trong Luận án này, nghiên cứu sinh (NCS) sẽ quy ước sử dụng thuật ngữ "các BPHS phi HP" là thuật ngữ chung để chỉ các biện pháp mang tính chất của các biện pháp này. Ở Việt Nam, các nhà khoa học luật hình sự chủ yếu chỉ đưa ra các phân tích, bình luận riêng về các biện pháp giám sát, giáo dục (áp dụng trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự ("TNHS")[13]) hoặc các biện pháp tư pháp

---

[6] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 28.

[7] Luisa Hartmann và Johannes Munzert (2022), "The Criminal Liability of Corrections Officers in German Prisons: The Landmark Decision of the Federal Court of Justice from November 28, 2019 (2 StR 557/18) (Trách nhiệm hình sự của quản giáo trong các nhà tù ở Đức: Phán quyết mang tính bước ngoặt của Tòa án Tư pháp Liên bang Đức ngày 28 tháng 11 năm 2019 (2 StR 557/18))", *German Law Journal*, 23, 625-636.

[8] Tatiana V. Nepomnyashchaya (2017), "Other measures of a criminal-law nature: Definition, Legal nature, System (Định nghĩa, Bản chất pháp lý, và Hệ thống các biện pháp pháp luật hình sự khác), *Law Enforcement Review*, 1(1), 114-121.

[9] Joseph Heffner & Oriel Feldman Hall (2019), "Why we don't always punish: Preferences for non-punitive responses to moral violations (Tại sao không phải lúc nào cũng áp dụng hình phạt: Việc ưu tiên áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt đối với hành vi xâm phạm nhân phẩm)", *Scientific Report*, 9, 13219, 1-13.

[10] Voncile B. Gowdy (1992), *Intermediate Sanctions (Biện pháp hình sự trung gian)*, U.S. Department of Justice, Office of Justice Programs, National Institute of Justice, USA; và Paul Marcus (1994), "Alternative Penal Sanctions (Biện pháp hình sự thay thế)", *American Journal of Comparative Law Supplement*, 1137, 703–715.

[11] Alessandro Stasi (2021), *General Principles of Thai Criminal Law (Những nguyên tắc chung của luật hình sự Thái Lan)*, Springer, Singapore, tr. 17.

[12] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 10.

[13] Đối với NCTN phạm tội (người dưới 18 tuổi phạm tội), việc áp dụng các BPHS phi HP có tính giáo dục chính là tác động đến các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội mà NCTN đó thực hiện. Bởi lẽ, khác với người thành niên là người đã phát triển hoàn chỉnh về thể chất và trí tuệ, NCTN phạm tội có ít kinh nghiệm trong cuộc sống, đặc biệt là khả năng nhận thức và quan niệm về pháp luật của NCTN phạm tội chưa hình thành đầy đủ hoặc bị lệch lạc. (Xem: Đặng Thanh Nga (2008), "Một số đặc điểm tâm lí của NCTN phạm tội",

được quy định trong Bộ luật Hình sự ("BLHS") mà chưa quan tâm nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề lý luận và thực trạng pháp luật về các BPHS phi HP. Bên cạnh đó, các công trình khoa học luật hình sự ở nước ta hiện nay cũng chỉ nghiên cứu trong phạm vi quy định pháp luật của từng quốc gia cụ thể mà chưa nghiên cứu dưới góc độ so sánh luật về các BPHS phi HP. Điều đó dẫn tới hạn chế là hoạt động lập pháp hình sự thời gian qua bị rơi vào tình trạng: một số trường hợp "bắt chước" một cách máy móc, thiếu chọn lọc quy định cụ thể của nước ngoài; một số khác lại tham khảo và quy định mang tính hình thức trong khi chưa thực sự hiểu rõ bản chất của vấn đề, từ đó chưa phản ánh đúng nội dung vấn đề vào trong luật quốc gia. Vì vậy, việc nghiên cứu các BPHS phi HP dưới góc độ so sánh là vô cùng quan trọng để có một góc nhìn khách quan, sâu sắc, toàn diện hơn về vấn đề này cũng như phù hợp với xu hướng của khoa học luật hình sự thế giới trong việc nghiên cứu phát triển các BPHS phi HP bên cạnh HP.

Thứ hai, nghiên cứu so sánh pháp luật về các BPHS phi HP là vô cùng cần thiết để khắc phục những hạn chế tồn tại trong luật hình sự Việt Nam. Cụ thể, xem xét và đánh giá về thực trạng luật hình sự Việt Nam, có thể thấy các BPHS phi HP về cơ bản đã được quy định trong BLHS nhưng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế như sau: (i) chưa có định nghĩa pháp lý chính thức mang tính hệ thống về các BPHS phi HP dẫn tới hiểu không đúng hoặc không đầy đủ về bản chất, mục đích và ý nghĩa của các biện pháp này; (ii) chưa đáp ứng được các yêu cầu và nguyên tắc trong xây dựng hệ thống các BPHS phi HP, từ đó không đảm bảo được tính toàn diện, thống nhất về các mặt trong nội tại các BPHS phi HP và giữa các BPHS phi HP với HP cũng như với các chế định khác trong pháp luật hình sự; (iii) quy định về chủ thể có thẩm quyền xem xét miễn TNHS và quyết định áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không chỉ có Tòa án mà còn có các cơ quan khác như Cơ quan điều tra ("CQĐT"), Viện Kiểm sát ("VKS") là trái với Hiến pháp 2013 của Việt Nam[14]; (iv) chưa quy định đầy đủ về đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP; và (v) quy định không đầy đủ, rõ ràng về điều kiện áp dụng

Tạp chí Luật học, 1, 39-44.) Điều này là các yếu tố chính tạo nên tội phạm liên quan đến NCTN. Do đó, việc áp dụng các BPHS phi HP để giáo dục, nâng cao ý thức, nhận thức về pháp luật đối với NCTN phạm tội thể hiện mục đích phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội.

[14] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (Phần chung),* NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 395.

và nội dung của từng loại BPHS phi HP cụ thể, khiến cho các biện pháp này không đạt được hiệu quả hoặc chưa tối ưu hoá mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội đề ra. Vì vậy, việc học tập kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia trên thế giới để khắc phục những hạn chế đó là hoàn toàn cần thiết. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng tiếp thu kinh nghiệm ở đây không có nghĩa là sao chép hay "bê nguyên" cách quy định của quốc gia khác để áp dụng cho Việt Nam, mà cần phải chắt lọc được những "hạt nhân hợp lý, phù hợp với trình độ phát triển chính trị, kinh tế - văn hóa - xã hội, các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc và các yêu cầu khác của quá trình phát triển đất nước"[15].

Thứ ba, nghiên cứu so sánh luật để hoàn thiện quy định pháp luật về các BPHS phi HP tại Việt Nam là phù hợp với đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế. Trước đây, trong giai đoạn 2005-2020, Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã chỉ rõ một trong những nội dung của nhiệm vụ hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự là: "... *đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội*…" Tiếp đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ngày 01/02/2021 cũng đã đề ra sáu nhiệm vụ trọng tâm, trong đó xác định Việt Nam cần tiếp tục xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh... Với tinh thần này, tại Hội thảo "Cải cách tư pháp tại Tòa án nhân dân đến năm 2030, định hướng đến năm 2045", Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương đã khẳng định nước ta cần tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ đúng đắn đã được Nghị quyết số 49-NQ/TW đề ra nhưng chưa được triển khai thực hiện[16]. Thêm vào đó, Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về Định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (2021-2026) cũng đã nhấn mạnh: công tác xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế phải được các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị chú trọng, đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập quốc tế, phát triển đất nước nhanh, bền vững. Do vậy, việc đẩy mạnh nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm từ pháp luật của các quốc gia trên thế giới để

---

[15] Trịnh Quốc Toản (2010), *Các hình phạt bổ sung trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 195.

[16] Vy Thảo (2022), "*Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới*", Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, https://dangcongsan.vn/thoi-su/tiep-tuc-day-manh-cai-cach-tu-phap-nham-dap-ung-yeu-cau-trong-tinh-hinh-moi-601813.html, truy cập ngày 02/05/2022.

hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với đường lối của Đảng ta.

Từ những lý do khách quan nêu trên, có thể thấy, các BPHS phi HP phải được quy định trên cơ sở thống nhất nhận thức về bản chất và mục đích của các biện pháp này. Đồng thời, cần có sự so sánh, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp của nhiều quốc gia trên thế giới; từ đó, đưa ra các đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam. Bên cạnh đó, cùng với lý do chủ quan: phù hợp với công việc nghiên cứu, giảng dạy của NCS và sự tự nhận thức về tính mới, tính cấp thiết, sự thú vị và ý nghĩa quan trọng của vấn đề cần nghiên cứu, điều đó càng thôi thúc trong NCS niềm đam mê và quyết tâm lựa chọn và thực hiện đề tài ***"Các biện pháp hình sự phi hình phạt dưới góc độ so sánh luật"*** để làm đề tài luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: Mục đích của luận án là hoàn thiện lý luận về các BPHS phi HP và hoàn thiện quy định của luật hình sự Việt Nam về các BPHS phi HP.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được mục đích nghiên cứu đã đề ra, luận án có những nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

Thứ nhất, luận án nghiên cứu so sánh các quan điểm khác nhau của các nhà nghiên cứu Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới về các BPHS nói chung và các BPHS phi HP nói riêng. Từ đó, luận án làm sáng tỏ những vấn đề lý luận như xác định rõ khái niệm BPHS (định nghĩa, đặc điểm của các BPHS), khái niệm BPHS phi HP (định nghĩa, đặc điểm của các BPHS phi HP), khái niệm hệ thống các BPHS phi HP, xác định yêu cầu và nguyên tắc xây dựng hệ thống các BPHS phi HP, phân loại các BPHS phi HP, chủ thể áp dụng các BPHS phi HP, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP, ý nghĩa của các BPHS phi HP, phân biệt các BPHS phi HP với HP, cơ sở của việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự; các yếu tố tác động, chi phối việc xây dựng quy định về các BPHS phi HP.

Thứ hai, luận án làm sáng tỏ nội dung và đánh giá, bình luận về những quy định hiện hành của luật hình sự Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam trên cơ sở các tiêu chí so sánh bao gồm định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP, hệ thống các BPHS phi HP, chủ thể áp dụng các BPHS phi HP, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP,

điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP để thấy được những điểm tương đồng và khác biệt; lý giải nguyên nhân của những tương đồng và khác biệt đó.

Thứ ba, luận án chỉ ra những hạn chế, bất cập trong quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về các BPHS phi HP. Đồng thời, trên cơ sở soi chiếu với các vấn đề lý luận về các BPHS phi HP và tiếp thu có chọn lọc những hạt nhân hợp lý từ kinh nghiệm lập pháp của Đức, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan, luận án đưa ra những đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là: (i) những quan điểm khác nhau liên quan đến các vấn đề lý luận về các BPHS phi HP; (ii) các quy định hiện hành của luật hình sự Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam về các BPHS phi HP dưới góc độ so sánh.

Phạm vi nghiên cứu:

- Về nội dung: **Luận án được tiếp cận và được thực hiện dưới góc độ luật hình sự so sánh.** Các khía cạnh nghiên cứu chủ yếu về các BPHS phi HP được khai thác thông qua những vấn đề lý luận về các BPHS phi HP; những quy định trong luật hình sự hiện hành của một số quốc gia về định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP, hệ thống các BPHS phi HP, chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP. Phạm vi của luận án không bao gồm các vấn đề liên quan đến luật tố tụng hình sự cũng như thực tiễn áp dụng và thi hành các BPHS phi HP vì: (i) trong quá trình thực hiện luận án, NCS không có đủ điều kiện tới các quốc gia được lựa chọn so sánh để tìm hiểu về các vấn đề này; (ii) mục đích nghiên cứu của luận án này là đưa ra những đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam trên cơ sở hai khía cạnh đó là soi chiếu với các vấn đề lý luận về các BPHS phi HP và tiếp thu có chọn lọc những hạt nhân hợp lý từ kinh nghiệm lập pháp của Đức, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan; (iii) NCS cho rằng vấn đề liên quan đến thực tiễn áp dụng và thi hành các BPHS phi HP là một đề tài phức tạp, cần phải được tập trung nghiên cứu trong một đề tài luận án khác để giải quyết được toàn diện và chuyên sâu.
- Về không gian: Năm quốc gia Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam được lựa chọn để so sánh về từng khía cạnh liên quan đến các BPHS phi HP. Nguyên nhân là bởi vì những quốc gia được lựa chọn mang tính đại diện về mặt địa lý gồm châu

Âu, châu Á và châu Mỹ. Đặc biệt, có những quốc gia điển hình cho các truyền thống pháp luật nổi tiếng trên thế giới và có ảnh hưởng cũng như những điểm tương đồng và khác biệt nhất định đối với pháp luật Việt Nam như Đức (là đại diện tiêu biểu của truyền thống Civil Law), Nga (chịu ảnh hưởng của truyền thống Civil Law[17] và trước đây thuộc hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa trong Liên Xô cũ), Hoa Kỳ (là đại diện tiêu biểu của truyền thống Common Law) và Thái Lan (chịu ảnh hưởng của cả truyền thống Civil Law và truyền thống Common Law). Các quốc gia trên đã xây dựng cho mình được một hệ thống các BPHS phi HP trong luật hình sự quốc gia khá phát triển, tiến bộ, xứng đáng để Việt Nam học hỏi kinh nghiệm.

- Về thời gian: Đối với cơ sở lý luận, luận án nghiên cứu một số học thuyết, triết lý và quan điểm của các nhà khoa học luật hình sự liên quan đến các BPHS phi HP theo tiến trình ra đời và phát triển trong lịch sử. Còn đối với các văn bản pháp luật của Việt Nam và những quốc gia được lựa chọn nghiên cứu sẽ là các văn bản đang có hiệu lực tại thời điểm nghiên cứu.

4. Phương pháp luận, cách tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu

***Phương pháp luận**:* NCS sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử trong triết học Mác-Lênin, thể hiện ở việc: (i) Nghiên cứu các BPHS phi HP trong mối liên hệ với các BPHS. Các BPHS nói chung, HP và các BPHS phi HP nói riêng, nhìn dưới góc độ triết học có mối quan hệ nội tại, tương tác với nhau. Đây là mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, trong đó HP và các BPHS phi HP là những cái riêng, còn các BPHS là cái chung. Chính vì lý lẽ đó, NCS cho rằng, muốn hiểu được khái niệm BPHS phi HP thì nhất thiết phải nhận thức được khái niệm chung về BPHS. (ii) Nghiên cứu các BPHS phi HP trong mối liên hệ mật thiết với hình phạt (trong một số trường hợp nhất định, các BPHS phi HP được áp dụng thay thế hoặc kèm theo HP). (iii) Nghiên cứu các học thuyết và các triết lý tiến bộ trong luật hình sự để hình thành cơ sở lý luận của việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự. (iv) Nghiên cứu những khía cạnh pháp lý cụ thể của từng BPHS phi HP và mỗi biện pháp trong tổng thể hệ thống các BPHS phi HP

[17] Terre des homes (2021), *Access to justice for children Country fact sheet: Russia (Tờ thông tin quốc gia về tư pháp người chưa thành niên ở Nga)*, https://childhub.org/sites/default/files/library/attachments/14%20Russia%20Access%20to%20Justice%20for%20Children.pdf , truy cập ngày 26/01/2022.

được quy định trong luật hình sự và các điều kiện bảo đảm thực hiện phù hợp với mỗi giai đoạn phát triển của Nhà nước và xã hội. Đồng thời, để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra, luận án vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nhà nước pháp quyền, cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế được thể hiện trong các Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ngày 01/02/2021 và Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về Định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (2021-2026). Ngoài ra, lý luận luật hình sự cũng là cơ sở phương pháp luận quan trọng để NCS nghiên cứu quy định của luật hình sự về các BPHS phi HP trong phạm vi mỗi quốc gia và đánh giá quy định của các quốc gia (Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam) trong mối tương quan so sánh với nhau. Bởi lẽ, "*lý luận pháp luật nghiên cứu nội dung bên trong và mối tương quan của các quy phạm pháp luật*"[18] và lý luận ở bậc cao hơn có thể là cơ sở phương pháp luận cho việc nghiên cứu những vấn đề ở bậc thấp hơn.

Cách tiếp cận nghiên cứu đề tài là cách tiếp cận đa ngành, liên ngành: kết hợp chuyên ngành luật hình sự thực định với cách tiếp cận luật hình sự so sánh, chính sách pháp luật hình sự.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng trong luận án bao gồm:

Phương pháp so sánh luật học: Đây là phương pháp quan trọng nhất, là kim chỉ nam trong suốt quá trình nghiên cứu luận án. Phương pháp này thể hiện tính chuyên sâu và có khả năng đánh giá đúng đắn, toàn diện về đối tượng nghiên cứu. Cụ thể, tại Chương 1 của luận án, phương pháp so sánh được sử dụng trong việc tìm hiểu các quan điểm khác nhau về khái niệm BPHS và BPHS phi HP, về chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP, về phân loại các BPHS phi HP; nghiên cứu sự khác biệt giữa các BPHS phi HP với HP và các biện pháp cưỡng chế có liên quan đến tội phạm. Tại Chương 3 của luận án, phương pháp so sánh luật được NCS sử dụng để tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt trong quy định của luật hình sự Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam (đã được phân tích tại Chương 2 của luận án) trên cơ sở năm tiêu chí so sánh: (i) về

[18] Hoàng Thị Kim Quế (2007), "Triết học pháp luật trong hệ thống các khoa học pháp lý", *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, 23, 49-56.

định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP; (ii) về hệ thống các BPHS phi HP; (iii) về chủ thể áp dụng các BPHS phi HP; (iv) về đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP; (v) về điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP. Luận án cũng chỉ ra nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt đó và đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về các BPHS phi HP, từ đó đưa ra những đề xuất hay bài học kinh nghiệm để giải quyết một số vấn đề mà luận án đặt ra.

Phương pháp phân tích: được sử dụng để luận giải, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận, thực trạng quy định của pháp luật hình sự về các BPHS phi HP, lập luận về các đề xuất nhằm hoàn thiện quy định của luật hình sự Việt Nam về các BPHS phi HP.

Phương pháp tổng hợp: được sử dụng để tập hợp hóa các quan điểm khác nhau về các BPHS phi HP, làm cơ sở cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp logic: được sử dụng để đảm bảo sự tương thích, thống nhất trong toàn bộ luận án. Cụ thể, tại Chương 1 của luận án, hệ thống các BPHS phi HP với tư cách là cái chung được nói trước, tiếp sau khái niệm biện pháp hình sự phi hình phạt, trước nói về các thành tố cơ bản của biện pháp này (chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP). Tại Chương 2 của luận án, các BPHS phi HP trong luật hình sự Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam lần lượt được phân tích theo một logic nhất quán, một trật tự thống nhất đó là: định nghĩa pháp lý, hệ thống các BPHS phi HP, chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP. Đây chính là tiền đề cho việc so sánh quy định luật hình sự của các quốc gia nói trên về các BPHS phi HP tại Chương 3 của luận án. Theo đó, những đề xuất hoàn thiện luật hình sự Việt Nam cũng được thể hiện theo logic nói trên với những lập luận có cơ sở lý luận và thực tiễn lập pháp.

Phương pháp hệ thống: được sử dụng để xâu chuỗi các thông tin liên quan đến từng nội dung thuộc phạm vi nghiên cứu của luận án trong một chỉnh thể thống nhất. Từ đó, luận án bảo đảm sự thống nhất giữa các vấn đề lý luận và thực trạng pháp luật, giữa những hạn chế và những đề xuất hoàn thiện quy định của luật hình sự Việt Nam về các BPHS phi HP.

Phương pháp lịch sử: được sử dụng để nghiên cứu một số học thuyết, triết lý và quan điểm của các nhà khoa học luật hình sự liên quan đến các BPHS phi HP theo tiến trình ra đời và phát triển trong lịch sử; nghiên cứu sự thay đổi trong chính sách

hình sự và sự phát triển quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự của năm quốc gia được lựa chọn so sánh.

5. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

Để có thể nghiên cứu một cách toàn diện nhất về các BPHS phi HP dưới góc độ so sánh luật, luận án tập trung giải quyết các câu hỏi nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, hệ thống lý luận về các BPHS phi HP đã đầy đủ, hoàn thiện và thống nhất hay chưa? Quan điểm của các học giả về các BPHS phi HP có gì giống và khác nhau?

Thứ hai, so sánh, đánh giá quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự của Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam, có thể thấy những điểm tương đồng, khác biệt và những ưu điểm, hạn chế gì? Nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt này là gì?

Thứ ba, cần phải có những đề xuất gì để hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam?

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

Với cách hiểu "*giả thuyết là nhận định, là câu trả lời sơ bộ cho câu hỏi nghiên cứu của đề tài, là kết luận giả định của nghiên cứu*", hoặc "*giả thuyết là luận điểm cần chứng minh*"[19]; NCS xác định giả thuyết nghiên cứu của luận án như sau:

Thứ nhất, hệ thống lý luận về các BPHS phi HP chưa đầy đủ, quan điểm của các nhà khoa học luật hình sự về các BPHS phi HP chưa thống nhất. Do đó, cần hoàn thiện hệ thống lý luận về các BPHS phi HP.

Thứ hai, quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự của Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam có những điểm tương đồng, khác biệt, ưu điểm và hạn chế nhất định về định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP, hệ thống các BPHS phi HP, chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP. Những điểm tương đồng và khác biệt này xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau liên quan đến quan điểm lập pháp, chính sách hình sự, điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa, sự phát triển về khoa học kỹ thuật - công nghệ của mỗi quốc gia được lựa chọn so sánh ở từng thời kỳ khác nhau.

---

[19] Vũ Cao Đàm (2008), "Giả thuyết và giả thiết trong nghiên cứu khoa học", *Tạp chí Hoạt động khoa học*, (585), dẫn theo https://phapluatdansu.edu.vn/2010/04/01/21/38/4725-3/, truy cập ngày 21/06/2021.

Thứ ba, cần đưa ra những đề xuất cụ thể hoàn thiện quy định về định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP, hệ thống các BPHS phi HP, chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án

Đây là một công trình khoa học đầu tiên tại Việt Nam ở cấp độ luận án tiến sĩ luật học tiếp cận một cách toàn diện và có hệ thống về các BPHS phi HP dưới góc độ so sánh luật. Công trình này khẳng định tính tất yếu của việc nghiên cứu dựa trên cơ sở tiếp cận luật hình sự so sánh, một trong những cách tiếp cận đa ngành, liên ngành đến luật hình sự. Do đó, kết quả nghiên cứu của luận án tạo ra tri thức mới, đóng góp cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành, thể việc ở việc tạo ra và khẳng định những hiểu biết đa ngành, liên ngành, mang tính hệ thống về các BPHS phi HP dưới góc độ so sánh luật, góp phần làm sâu sắc hơn lý luận luật hình sự nói chung, luật hình sự so sánh nói riêng. Cụ thể, luận án làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về các BPHS phi HP. Những nội dung này sẽ được hoàn thiện trên cơ sở nghiên cứu các học thuyết, triết lý và giải quyết các vấn đề hiện còn có nhiều quan điểm khác nhau của các nhà khoa học luật hình sự ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới về các BPHS phi HP. Vì vậy, luận án sẽ là một tài liệu tham khảo bổ ích, phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập của các nhà khoa học, các giảng viên luật và người học (thuộc chuyên ngành luật hình sự) tại các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam.

Mặt khác, trên cơ sở phân tích quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự của năm quốc gia Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam, NCS so sánh, đánh giá theo các tiêu chí: định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP; hệ thống các BPHS phi HP; chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP. Theo đó, luận án rút ra những bài học kinh nghiệm của các quốc gia được lựa chọn so sánh và chỉ ra những ưu điểm, hạn chế trong quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các BPHS phi HP cũng như nguyên nhân của những hạn chế, bất cập đó. Từ đó, luận án góp phần luận chứng những vấn đề cần hoàn thiện trên phương diện pháp luật hình sự thực định và cao hơn là hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự về chủ đề nghiên cứu bằng cách đưa ra những đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam gắn với yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp và bảo vệ quyền con người ở nước ta hiện nay. Như vậy, về ý nghĩa thực tiễn, các nhà lập pháp có thể tham khảo

những kết quả nghiên cứu của luận án để sửa đổi và bổ sung quy định pháp luật về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam. Đồng thời, luận án cũng có giá trị tham khảo đối với các cơ quan có thẩm quyền để áp dụng pháp luật về các BPHS phi HP một cách đúng đắn và hiệu quả hơn.

7. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu; phần tổng quan về vấn đề nghiên cứu; phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo; phần nội dung, kết quả nghiên cứu gồm ba chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về các biện pháp hình sự phi hình phạt

Chương 2. Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự một số quốc gia

Chương 3. So sánh các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự một số quốc gia và những đề xuất hoàn thiện luật hình sự Việt Nam

PHẦN TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. Tình hình nghiên cứu đề tài

1.1. Các công trình nghiên cứu khoa học trong nước

Có thể khẳng định rằng, khoa học luật hình sự ở Việt Nam chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống và chuyên sâu về các BPHS phi HP dưới góc độ so sánh luật, mà chủ yếu chỉ có các công trình nghiên cứu riêng về từng nhóm các biện pháp tư pháp và nhóm các biện pháp giám sát, giáo dục (áp dụng trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS) được quy định trong BLHS Việt Nam. Trên cơ sở tìm hiểu và phân tích, có thể thấy những nội dung liên quan đến các BPHS phi HP đã phần nào được các công trình trong nước nghiên cứu, đó là: (i) Những vấn đề lý luận về các BPHS phi HP; (ii) Những bình luận về thực trạng pháp luật liên quan đến các BPHS phi HP; (iii) Những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến các BPHS phi HP.

1.1.1. Những vấn đề lý luận về các biện pháp hình sự phi hình phạt trong các nghiên cứu trong nước

Những vấn đề lý luận về các BPHS phi HP mà các công trình trong nước nghiên cứu bao gồm: định nghĩa khoa học về BPHS phi HP; quan điểm về hệ thống các BPHS phi HP, về chủ thể áp dụng các BPHS phi HP, về đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP, về điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP.

Thứ nhất, ***định nghĩa khoa học về BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo và bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật, tiêu biểu như: Sách chuyên khảo *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2022 do tác giả Nguyễn Ngọc Hòa làm chủ biên; Bài viết "*Bàn về khái niệm biện pháp hình sự phi hình phạt trong mối quan hệ với hình phạt*", Tạp chí Kiểm sát, (11), 2022, của tác giả Hoàng Hải Yến. Đặc biệt, phải kể đến cuốn sách *Trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp hình sự khác*. Đây là cuốn sách duy nhất tại Việt Nam hiện nay quan tâm nghiên cứu và chỉ rõ bản chất, đặc trưng, mục đích phòng ngừa trực tiếp của các BPHS phi HP; qua đó xác định định nghĩa về BPHS phi HP. Đáng chú ý, trong mục 1.6. Hệ thống BPHS (thuộc Chương 1. Trách nhiệm hình sự dưới góc độ lý luận) của cuốn sách, tác giả Nguyễn Ngọc Hòa đã đề cập đến triết lý "phúc lợi" trong xử lý hành vi phạm tội gắn với các biện pháp pháp luật hình sự khác (các BPHS phi HP)

và một số vấn đề lý luận khác về các BPHS phi HP, phân biệt các BPHS phi HP với HP cũng như bình luận về mối quan hệ giữa các BPHS phi HP và HP. Vì vậy, công trình này đóng vai trò vô cùng quan trọng và là kim chỉ nam để NCS thực hiện đề tài luận án.

Thứ hai, những quan điểm về ***hệ thống các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo, luận án tiến sĩ, cụ thể như: Sách chuyên khảo *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 1994 của Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật do tác giả Đào Trí Úc làm chủ biên; Luận án "*Các hình phạt bổ sung trong Luật hình sự Việt Nam*", của tác giả Trịnh Quốc Toản, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội, 2010. Trong số đó, Luận án "*Các hình phạt bổ sung trong Luật hình sự Việt Nam*" đã sử dụng thuật ngữ "các biện pháp cưỡng chế hình sự khác" để chỉ các BPHS phi HP và phân tích hệ thống các biện pháp cưỡng chế hình sự khác bằng cách phân loại các biện pháp này thành ba nhóm như sau: (i) các biện pháp cưỡng chế hình sự khác được áp dụng đối với những người có hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không cấu thành tội phạm, ví dụ như biện pháp điều trị cho người nghiện rượu, ma túy trong trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi mà không phải do lỗi của mình gây ra…; (ii) các biện pháp cưỡng chế hình sự khác được áp dụng đối với những người phạm tội nhưng họ không phải chịu HP, ví dụ như những biện pháp giáo dục đối với người chưa thành niên (NCTN) phạm tội…; (iii) các biện pháp cưỡng chế hình sự khác được áp dụng đối với những người phạm tội phải chịu TNHS, ví dụ như: thu hồi cấp phép lái xe. Với nội dung nêu trên, công trình này chính là nguồn tham khảo hữu ích để NCS tiếp tục nghiên cứu trong luận án.

Thứ ba, những quan điểm về ***chủ thể áp dụng các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng giáo trình về luật hình sự được sử dụng giảng dạy tại các cơ sở đào tạo luật ở nước ta, đề tài nghiên cứu khoa học. Nổi bật là Giáo trình sau đại học "*Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật Hình sự (Phần chung)*", của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2019 do tác giả Lê Văn Cảm làm chủ biên; Đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước "*Cải cách các cơ quan tư pháp, hoàn thiện hệ thống các thủ tục tư pháp, nâng cao hiệu quả và*

hiệu lực xét xử của Toà án trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân", Hà Nội, 2006, do tác giả Uông Chu Lưu làm chủ nhiệm đề tài. Trong đó, Đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước "*Cải cách các cơ quan tư pháp, hoàn thiện hệ thống các thủ tục tư pháp, nâng cao hiệu quả và hiệu lực xét xử của Toà án trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân*" đã phân tích một số quan điểm khác nhau trong việc xác định hệ thống các cơ quan tư pháp hình sự. Cụ thể, có quan điểm khẳng định rằng quyền tư pháp hình sự là quyền xét xử; do đó, Tòa án là cơ quan tư pháp hình sự duy nhất – đây là quan điểm quyền lực tư pháp nhất nguyên; hay có quan điểm khác lại nhận định rằng quyền tư pháp hình sự bao gồm quyền xét xử và quyền công tố (một số nước có thêm quyền kiểm sát); vì vậy, cơ quan tư pháp hình sự bao gồm Toà án và cơ quan công tố (hoặc VKS ở một số quốc gia) - đây là quan điểm quyền lực tư pháp nhị nguyên. Mặc dù công trình này không đề cập trực tiếp đến chủ thể áp dụng các BPHS phi HP; tuy nhiên, những quan điểm về quyền tư pháp hình sự được các tác giả phân tích đã giải thích nguyên nhân dẫn tới sự khác biệt trong các quan điểm về chủ thể áp dụng các BPHS phi hình giữa các nhà khoa học luật hình sự của từng quốc gia nhất định. Do đó, đây sẽ là nguồn tài liệu tham khảo có liên quan chặt chẽ tới đề tài luận án.

Thứ tư, trong khoa học luật hình sự Việt Nam, những quan điểm về ***đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật và đề tài nghiên cứu khoa học như: Bài viết "*Các học thuyết về cơ sở trách nhiệm hình sự của pháp nhân"*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 6/2011, của tác giả Trần Văn Độ; Bài viết "*Các triết lí phổ biến trong xử lí người chưa thành niên phạm tội trên thế giới – Kinh nghiệm của Anh, xứ Wales và gợi ý cho Việt Nam*", Tạp chí Luật học, (2), 2021, của tác giả Hoàng Xuân Châu; Đề tài khoa học cấp cơ sở "*Triết lý xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật và sự thể hiện trong thực tiễn lập pháp của một số quốc gia trên thế giới*", Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, 2022 do tác giả Đào Lệ Thu làm chủ nhiệm đề tài. Trong đó, Bài viết "*Các học thuyết về cơ sở trách nhiệm hình sự của pháp nhân"* đã chỉ rõ và phân tích những học thuyết làm nền tảng cơ sở lí luận cho việc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân - một trong những đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP mà Luận án sẽ nghiên cứu. Bên cạnh đó, Đề tài khoa học "*Triết lý xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật và sự thể hiện trong thực*

tiễn lập pháp của một số quốc gia trên thế giới" đã đưa ra những nghiên cứu khái niệm NCTN trong pháp luật hình sự của các quốc gia trên thế giới và các triết lí phổ biến trong việc xử lí NCTN phạm tội; trong đó, triết lý "phúc lợi", triết lý "phục hồi" và triết lý "cộng đồng" chính là những cơ sở lý luận quan trọng của việc quy định về các BPHS phi HP. Như vậy, với những nội dung nói trên, đây là những nguồn tài liệu tham khảo có giá trị và liên quan chặt chẽ tới đề tài luận án.

Thứ năm, những quan điểm về ***điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo, luận án tiến sĩ luật học, bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật hay chuyên đề trong đề tài nghiên cứu khoa học như: Sách chuyên khảo *Quyền con người: Tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010 của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam do tác giả Võ Khánh Vinh làm chủ biên; Luận án "*Chế định biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*", của tác giả Hà Lệ Thuỷ, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2020; Bài viết "*Áp dụng biện pháp tư pháp*", Tạp chí Toà án nhân dân, kỳ II số 18 tháng 9, 2015, của tác giả Mai Bộ; Bài viết "*Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật hình sự trong tiến trình nội luật hóa Công ước chống tra tấn và trừng phạt hoặc đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo làm mất phẩm giá khác*", Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, Số 4, 2017, của tác giả Lê Lan Chi. Trong số đó, Luận án "*Chế định biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn"* đã phân biệt các BPHS phi HP với HP; qua đó phân tích điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP dưới góc độ lý luận. Vì vậy, công trình này có giá trị tham khảo cao để NCS có thể phát triển hơn nữa luận án của mình.

1.1.2. Những bình luận về thực trạng pháp luật liên quan đến các biện pháp hình sự phi hình phạt trong các nghiên cứu trong nước

Những bình luận về thực trạng pháp luật liên quan đến các BPHS phi HP mà các công trình trong nước nghiên cứu bao gồm: những bình luận về quy định pháp luật liên quan đến chủ thể áp dụng các BPHS phi HP, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP.

Thứ nhất, những bình luận về quy định pháp luật liên quan đến ***chủ thể áp dụng các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo và bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật.

Đáng chú ý là Sách chuyên khảo *Tìm hiểu Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (phần chung)*, NXB Lao động, Hà Nội, 2002 do tác giả Trần Minh Hưởng làm chủ biên và Bài viết "*Giáo dục bắt buộc áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự Liên bang Nga và gợi mở cho Việt Nam*", Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, 09(433), 2021, của tác giả Mai Thị Thủy. Trong đó, Bài viết "*Giáo dục bắt buộc áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự Liên bang Nga và gợi mở cho Việt Nam*" đã phân tích quy định về chủ thể có thẩm quyền áp dụng các biện pháp hình sự khác nói chung và các biện pháp giám sát, giáo dục đối với người chưa thành niên phạm tội nói riêng theo BLHS Nga và BLHS Việt Nam hiện hành. Vì Nga là một trong năm quốc gia được lựa chọn so sánh nên công trình này là nguồn tài liệu có giá trị để NCS tham khảo.

Thứ hai, những bình luận về quy định pháp luật liên quan đến ***đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo và luận văn thạc sĩ luật học, cụ thể như: Sách chuyên khảo *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2017 do tác giả Nguyễn Thị Phương Hoa và Phan Anh Tuấn đồng chủ biên; Sách chuyên khảo *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự hiện hành (Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017) Tập 1 - Những quy định chung*, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2019 do tác giả Nguyễn Minh Khuê làm chủ biên; Luận văn "*Biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh trong luật hình sự Việt Nam – Trên cơ sở các số liệu địa bàn TP Hồ Chí Minh*", của tác giả Ngô Thanh Sơn, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội, 2013. Đặc biệt, trong Luận văn "*Biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh trong luật hình sự Việt Nam – Trên cơ sở các số liệu địa bàn TP Hồ Chí Minh*", tác giả đã thể hiện quan điểm riêng về TNHS của người thực hiện tội phạm trong tình trạng say hoặc nghiện do dùng rượu hoặc do những chất kích thích mạnh khác. Cụ thể, việc buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự về việc thực hiện tội phạm trong tình trạng say hoặc nghiện do dùng rượu hoặc do những chất kích thích mạnh khác là sự quy kết tội phạm khách quan hợp pháp, có ý nghĩa tác động giáo dục mạnh mẽ không chỉ đối với người phạm tội mà còn có tác dụng phòng ngừa chung đối với cộng đồng trong việc quá lạm dụng rượu, bia đồng thời thể hiện thái độ nghiêm khắc,

sự lên án đối với hiện tượng tiêu cực này của Nhà nước và xã hội. Do đó, tác giả đã phân tích các quy định về việc áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại cai nghiện đối với các đối tượng này theo BLHS Đức. Mặc dù vậy, BLHS Việt Nam hiện hành vẫn chưa quy định việc áp dụng biện pháp tương tự nào khác đối với những người phạm tội trong trường hợp có năng lực lỗi mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi có thể bị mất tạm thời do sử dụng chất kích thích (như ma túy, rượu…). Do vậy, công trình này sẽ là nguồn tham khảo có giá trị để NCS tiếp tục nghiên cứu trong luận án.

Thứ ba, những bình luận về quy định pháp luật liên quan đến ***điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo, luận văn thạc sĩ luật học và bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật, nổi bật là: Sách chuyên khảo *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015*, NXB Lao động, Hà Nội, 2016 do tác giả Cao Thị Oanh và Lê Đăng Doanh làm chủ biên; Luận văn "*Biện pháp tư pháp giáo dục đối với người chưa thành niên phạm tội trong Luật hình sự Việt Nam*", của tác giả Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội, 2016; Bài viết "*Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015*", Tạp chí Toà án nhân dân, (3), 2019, của tác giả Phùng Văn Hoàn. Trong đó, bài viết "*Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015*" đã tập trung phân tích các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS theo quy định tại Mục 2 Chương XII và biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Mục 3 Chương XII của BLHS Việt Nam hiện hành và chỉ ra một điểm hạn chế trong các quy định này đó là có thể trên thực tế, một số gia đình đã giám sát, giáo dục con của mình chưa tốt, nên mới xảy ra việc phạm tội của những người dưới 18 tuổi, "*nay lại tiếp tục giao người dưới 18 tuổi cho gia đình họ, liệu rằng có thể đảm bảo gia đình người phạm tội sẽ không để tình trạng này tiếp*

diễn?"[20]. Có thể thấy, với nguồn tài liệu này, NCS có thể tham khảo và tiếp tục nghiên cứu trong luận án.

1.1.3. Những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến các biện pháp hình sự phi hình phạt trong các nghiên cứu trong nước

Những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến các BPHS phi HP trong các nghiên cứu trong nước bao gồm: những đề xuất bổ sung quy định pháp luật liên quan đến hệ thống các BPHS phi HP; những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến chủ thể áp dụng các BPHS phi HP; những đề xuất bổ sung quy định pháp luật liên quan đến đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP.

Thứ nhất, ***những đề xuất bổ sung quy định pháp luật liên quan đến hệ thống các BPHS phi HP*** trong các công trình được công bố dưới dạng bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật và bài tham luận trong hội thảo khoa học như: Bài viết "*Thực trạng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về hệ thống hình phạt và phương hướng hoàn thiện*", Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật, 24, 2008, của nhóm tác giả Lê Văn Cảm và Trịnh Tiến Việt; Tham luận "*Học thuyết về hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự - nền tảng lý luận của chiến lược phát triển pháp luật hình sự*", Hội thảo khoa học cấp Quốc gia "Cải cách tư pháp trong lĩnh vực tư pháp hình sự", 2021, của tác giả Lê Cảm. Trong đó, Bài viết "*Thực trạng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về hệ thống hình phạt và phương hướng hoàn thiện*" đã chỉ ra phương hướng hoàn thiện đối với các quy phạm về hệ thống HP, hệ thống biện pháp tư pháp và kiến nghị bổ sung điều luật mới về hệ thống các biện pháp tư pháp tại chương riêng về biện pháp tư pháp trong BLHS năm 1999**,** cụ thể như sau: "*Ngoài các biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Điều ___ (tức Điều 70 BLHS năm 1999), các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều này bao gồm: a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; c) Bắt buộc chữa bệnh "... ""*[21]**.** Mặc dù đề xuất này được đưa ra để

---

[20] Phùng Văn Hoàn (2019), "Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (3), 26-31, tr. 31.

[21] Lê Văn Cảm và Trịnh Tiến Việt (2008), "Thực trạng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về hệ thống hình phạt và phương hướng hoàn thiện", *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật*, 24, 206-217, tr. 214.

hoàn thiện BLHS Việt Nam năm 1999; tuy nhiên, NCS vẫn nhận thấy những giá trị khoa học trong việc xây dựng một mô hình cụ thể để xác định rõ hệ thống các BPHS phi HP, để phân biệt các BPHS phi HP với HP và các biện pháp cưỡng chế có liên quan đến tội phạm. Vì vậy, công trình nói trên sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích liên quan đến việc đề xuất hoàn thiện BLHS Việt Nam hiện hành về các BPHS phi HP trong luận án.

Thứ hai, ***những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến chủ thể áp dụng các BPHS phi HP*** trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo và bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật như: Sách chuyên khảo *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần chung)*, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2017 do tác giả Nguyễn Ngọc Hòa làm chủ biên và Bài viết "*Hình phạt và biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam*", Tạp chí Dân chủ và Pháp Luật, (8), 2000, của tác giả Lê Cảm. Trong đó, Sách chuyên khảo *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần chung)* đã đánh giá một số quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về chủ thể áp dụng các BPHS phi HP và gợi mở cho NCS một số đề xuất về vấn đề này. Cụ thể, tác giả phân tích theo Điều 92 BLHS Việt Nam hiện hành, thẩm quyền xem xét miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc cả ba cơ quan: CQĐT, VKS, Tòa án. Tuy nhiên, theo Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam thì chỉ có Tòa án mới là cơ quan có thẩm quyền tuyên bố một người có tội hay không nên việc quy định thẩm quyền miễn TNHS cho các cơ quan khác không phải là Tòa án là không phù hợp. Có thể nói, đây là một trong những đánh giá quan trọng để NCS tham khảo trong quá trình đưa ra đề xuất sửa đổi quy định về chủ thể áp dụng các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam.

Thứ ba, ***những đề xuất bổ sung quy định pháp luật liên quan đến đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP*** trong các công trình được công bố dưới dạng bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật và đề tài nghiên cứu khoa học, đáng chú ý là Bài viết "*Hoàn thiện quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015*", Tạp chí Luật học, Số đặc biệt về Bộ luật hình sự năm 2015, 2016, của tác giả Nguyễn Thị Phương Hoa; Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường "*Các biện pháp tư pháp và giám sát, giáo dục theo pháp luật hình sự Việt Nam, qua thực tiễn thực hiện tại Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng*",

Trường Đại học Luật – Đại học Huế, 2019, do tác giả Hà Lệ Thủy làm chủ nhiệm đề tài. Trong đó, Bài viết "*Hoàn thiện quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015*" đã phân tích một số điểm hạn chế liên quan đến TNHS của pháp nhân thương mại phạm tội (pháp nhân thương mại phải chịu TNHS)[22] trong BLHS Việt Nam năm 2015 và đưa ra các kiến nghị cụ thể để khắc phục những hạn chế đó. Trong đó, tác giả đã kiến nghị sửa Điều 76 về phạm vi phải chịu TNHS của pháp nhân thương mại theo hướng mở rộng phạm vi TNHS của pháp nhân đối với tội rửa tiền quy định tại Điều 324 BLHS năm 2015. Việc mở rộng phạm vi phải chịu TNHS của pháp nhân thương mại theo đề xuất nói trên cũng chính là đề xuất liên quan đến đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP. Do vậy, công trình này cũng mang lại giá trị nhất định để NCS tiếp tục nghiên cứu trong luận án.

Thứ tư, ***những đề xuất bổ sung quy định pháp luật liên quan đến điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP*** trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo, bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật như: Sách chuyên khảo *Sửa đổi Bộ luật Hình sự - Những nhận thức cần thay đổi?,* NXB Tư pháp, Hà Nội, 2015, do tác giả Nguyễn Ngọc Hòa làm chủ biên; Bài viết "*Thực trạng quy định của pháp luật hình sự về các biện pháp tư pháp: Thực tiễn áp dụng và một số đề xuất*", Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số tháng 2, 2010, của tác giả Trương Quang Vinh. Trong đó, Bài viết "*Thực trạng quy định của pháp luật hình sự về các biện pháp tư pháp: Thực tiễn áp dụng và một số đề xuất*" đã có những phần riêng để phân tích điều kiện áp dụng và nội dung của một số biện pháp tư pháp mang tính chất của các BPHS phi HP và đưa ra các đề xuất khắc phục những hạn chế cũng như hoàn thiện quy định pháp luật về các BPHS phi HP theo luật hình sự Việt Nam. Cụ thể, đối với biện pháp bắt buộc chữa bệnh, tác giả chỉ ra việc quản lý, điều trị cho những đối tượng bị áp dụng biện pháp này trong cùng một cơ sở chuyên khoa y tế với những người bị tâm thần khác không phải là một giải pháp hợp lý và đề xuất những đối tượng đó cần phải được chữa trị ở những nơi riêng biệt, đồng thời pháp luật cần quy định rõ quy trình, thủ tục giao nhận, quản lý và điều trị người bị bắt buộc chữa bệnh, cũng như quyền và nghĩa vụ của cơ sở chuyên khoa y tế này khi thi hành

[22] Sau đây trong luận án này, NCS quy ước sử dụng thuật ngữ pháp nhân thương mại phạm tội để chỉ đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP là pháp nhân thương mại phải chịu TNHS tại Việt Nam để phù hợp với quy định của BLHS Việt Nam hiện hành.

biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh. Như vậy, các tài liệu nói trên sẽ là nguồn tham khảo rất hữu ích để NCS tiếp tục nghiên cứu trong quá trình đưa ra những đề xuất hoàn thiện pháp luật Việt Nam về các BPHS phi HP.

1.2. Các công trình nghiên cứu khoa học ngoài nước

Trên thế giới, khi nhận thức rằng cần có một biện pháp hữu hiệu được áp dụng độc lập hoặc thay thế hay kèm theo HP, các nghiên cứu liên quan đến các BPHS phi HP ngày càng được phát triển. Bên cạnh đó, các nghiên cứu còn rất đa dạng về thể loại và nội dung, phạm vi nghiên cứu. Điều này tạo nên một hệ thống các công trình nghiên cứu khoa học ngoài nước phong phú hơn, tiếp cận dưới nhiều quan điểm hơn so với các công trình nghiên cứu trong nước về vấn đề này. Có thể thấy những nội dung liên quan đến các BPHS phi HP đã được các công trình ngoài nước nghiên cứu, đó là: (i) Những vấn đề lý luận về các BPHS phi HP; (ii) Những bình luận về thực trạng pháp luật liên quan đến các BPHS phi HP; (iii) Những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến các BPHS phi HP.

1.2.1. Những vấn đề lý luận về các biện pháp hình sự phi hình phạt trong các nghiên cứu ngoài nước

Những vấn đề lý luận về các BPHS phi HP mà các công trình ngoài nước nghiên cứu bao gồm: định nghĩa khoa học về BPHS phi HP; quan điểm về hệ thống các BPHS phi HP, về chủ thể áp dụng các BPHS phi HP, về đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP, về điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP.

Thứ nhất, ***định nghĩa khoa học về BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo và bài viết đăng tải trên các tạp chí nghiên cứu chuyên ngành luật, tiêu biểu như: Chương 28 Phần 4 "A Non-Punitive Alternative to Retributive Punishment (Biện pháp hình sự phi hình phạt thay thế cho hình phạt)", *Handbook of Philosophy and Science of Punishment (Cẩm nang Triết lý và Khoa học về Hình phạt)*, NXB Routledge, Anh quốc, 2022, của tác giả Gregg D. Caruso và Derk Pereboom, đã sử dụng thuật ngữ các BPHS phi HP (non-punitive alternative to retributive punishment hoặc non-punitive measures) và Bài viết "*Punishment and other penal measures (Hình phạt và các biện pháp hình sự khác)*", European Scientific Journal, 8(2), 2012, của tác giả Maizer Chankseliani, đã sử dụng thuật ngữ các BPHS khác (other penal measures) hoặc các biện pháp bảo đảm an toàn (security measures) để đưa ra định nghĩa về BPHS phi HP. Đồng thời, các công trình

này cũng đã phân tích và so sánh các BPHS khác với HP trên nhiều phương diện cụ thể. Có thể nói, đây là các công trình nghiên cứu vô cùng quý giá khi đưa ra các quan điểm thể hiện định nghĩa về BPHS phi HP và sẽ là nguồn tham khảo hữu ích để NCS tiếp tục khai thác trong luận án của mình.

Thứ hai, những quan điểm về ***hệ thống các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo, luận văn thạc sĩ, nổi bật là: Sách chuyên khảo *Alternatives to prison sentences: Experiences and developments (Các biện pháp thay thế hình phạt tù: Kinh nghiệm và sự phát triển)*, NXB Kugler Publications, New York, 1994, của tác giả Josine Junger-tas; Luận văn "*Alternative Sanctions through Rehabilitation of Offenders (Các biện pháp hình sự thay thế thông qua cải tạo người phạm tội)*", của tác giả Monsicha Bunnag, Trường Đại học Dhurakif Pundit, Thái Lan, 2012. Trong đó, Sách chuyên khảo *Alternatives to prison sentences: Experiences and developments (Các biện pháp thay thế hình phạt tù: Kinh nghiệm và sự phát triển)* đã đề cập đến hệ thống các BPHS phi HP (*non-punitive criminal measures system*) dưới dạng: hệ thống các BPHS thay thế *(alternative sanctions system)*, hệ thống các BPHS trung gian *(intermediate sanctions system)*, hệ thống các BPHS có tính cộng đồng *(community sanctions system)* hay hệ thống các BPHS mang tính chất nhiệm vụ *(task-sanctions system)*. Hệ thống các biện pháp nói trên được nhiều nhà khoa học luật hình sự của một số quốc gia phương Tây đề cập đến và xây dựng từ thế kỷ XX với mục đích chủ yếu của các BPHS phi HP là nhằm giám sát và phòng ngừa khả năng đối tượng bị áp dụng các biện pháp này thực hiện hành vi phạm tội trong tương lai. Có thể nhận định rằng, công trình nghiên cứu này sẽ mang lại những giá trị tham khảo lớn cho luận án.

Thứ ba, những quan điểm về ***chủ thể áp dụng các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng bài viết đăng tải trên các tạp chí nghiên cứu chuyên ngành luật, bài tham luận trong hội thảo khoa học như: Bài viết "*Alternative Sanctions: Myth and Reality (Các biện pháp hình sự thay thế: lý thuyết và thực tế)*", European Journal on Criminal Policy and Research, 2(1), 1994, của tác giả Josine Junger-tas; Tham luận "*The concept and content of criminal law measures (Khái niệm và nội dung của các biện pháp hình sự)*", State and Law at the Turn of the Century: Criminology, Criminal Law, Judicial Law: Proceedings of the All-Russian Conference (Kỷ yếu Hội thảo: Nhà nước và pháp luật vào thời điểm chuyển

giao thế kỷ: Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tư pháp), 2001, của tác giả Zemlyukov S.V. Đáng chú ý, trong Tham luận "*The concept and content of criminal law measures (Khái niệm và nội dung của các biện pháp hình sự)*" đã nhận định rằng bên cạnh Tòa án, chủ thể áp dụng các biện pháp pháp luật hình sự khác còn có thể là cơ quan điều tra. Với nội dung này, công trình nói trên sẽ là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị đối với luận án.

Thứ tư, những quan điểm về ***đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo, bài viết đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành luật và báo cáo khoa học. Tiêu biểu là Chương "Alternatives to Punishment (Các biện pháp thay thế hình phạt)", *The Oxford Handbook of Philosophy of Criminal Law" (Cẩm nang Oxford về Triết lý luật hình sự),* NXB Oxford University Press, Oxford, 2011, của tác giả Stephen P. Garvey; Bài viết "*Criminal sanctions for corporate illegality (Các biện pháp hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự)*", The Journal of Criminal Law & Criminology, 69(1), 1978, của tác giả Stephen A. Yoder; "*Survey of in-state Community Based Programs (Khảo sát các Chương trình Hỗ trợ Cộng đồng của các tiểu bang)*", Report on juvenile offenders (Báo cáo về người chưa thành niên phạm tội), Kansas Criminal Justice Coordinating Council, 1994, của tác giả Philip D. Knapp. Đặc biệt, trong báo cáo "*Survey of in-state Community Based Programs (Khảo sát các Chương trình Hỗ trợ Cộng đồng của các tiểu bang)*", tác giả chú trọng nghiên cứu các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội. Theo đó, tác giả phân tích những đặc điểm riêng về khả năng nhận thức pháp luật của NCTN phạm tội và nhấn mạnh rằng việc áp dụng các biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP là vô cùng cần thiết trong hệ thống xử lý NCTN phạm tội bởi các biện pháp này tạo cơ hội cho NCTN phạm tội nâng cao nhận thức về việc tuân thủ pháp luật, thay đổi hành vi của mình và có một lối sống tích cực hơn. Vì vậy, các công trình nghiên cứu nêu trên có liên quan chặt chẽ tới đề tài luận án.

Thứ năm, những quan điểm về ***điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo hay bài viết đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành luật như: Sách chuyên khảo *Alternative Sentencing, Intermediate Sanctions and Probation (Quyết định áp dụng các biện pháp hình sự thay thế, các biện pháp hình sự trung gian và quản chế),* NXB

Anderson Publishing Co., Cincinnati, Ohio, 1997, của tác giả Andrew R. Klein; Bài viết "*On the Conception of the Causes of Crime in Socialist Society (Về quan niệm nguyên nhân tội phạm trong xã hội xã hội chủ nghĩa)*", Soviet Law and Government, 15(4), 1977, của tác giả Sakharov, A. B.; Bài viết "*Crime and Punishment as Historical Problem (Tội phạm và Hình phạt - Một vấn đề lịch sử)*", Journal of Social History, 11(4), 1978, của tác giả Patricia O'Brien; Bài viết "*Rehabilitation Theory (Triết lý cải tạo phúc lợi)*", SAGE Publications, Inc., 2005, của tác giả Mary Bosworth. Trong số đó, Bài viết "*Rehabilitation Theory (Triết lý cải tạo phúc lợi)*" đã phân tích một cơ sở lý luận quan trọng của các BPHS phi HP đó là triết lí "phúc lợi"; theo đó, hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là một "căn bệnh" và đối tượng của việc "chữa trị" và "cải tạo" chính là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hay pháp nhân phải chịu TNHS. Do đó, điều kiện áp dụng cơ bản của các BPHS phi HP đó là: để có thể áp dụng các BPHS phi HP, chủ thể có thẩm quyền còn phải căn cứ vào những yếu tố có thể ngăn ngừa hành vi nguy hiểm cho xã hội thay vì tập trung vào những yếu tố xã hội tác động đến một người khiến họ thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Có thể nói, đây chính là nguồn tài liệu có liên quan chặt chẽ tới đề tài luận án.

1.2.2. Những bình luận về thực trạng pháp luật liên quan đến các biện pháp hình sự phi hình phạt trong các nghiên cứu ngoài nước

Những bình luận về thực trạng pháp luật liên quan đến các BPHS phi HP mà các công trình ngoài nước nghiên cứu bao gồm: những phân tích liên quan đến định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP; những bình luận về quy định pháp luật liên quan đến hệ thống các BPHS phi HP, chủ thể áp dụng các BPHS phi HP, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP.

Thứ nhất, những phân tích liên quan đến ***định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng luận văn thạc sĩ luật học và bài viết đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành luật như: Luận văn "*Application of Safety Measures in Criminal Cases (Áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn trong các vụ án hình sự)*", của tác giả Cattleya Wisesrat, Trường Đại học Dhurakif Pundit, Thái Lan, 2006; Bài viết "*The mismeasure of punishment - Alternative measures of punitiveness and their (substantial) consequences (Hạn chế của hình phạt - Các biện pháp hình sự thay thế và kết quả (trọng yếu) của các biện pháp này*)", Punishment &

Society Journal, 10(3), 2008, của tác giả Natasha A. Frost. Trong đó, tại Luận văn "*Application of Safety Measures in Criminal Cases (Áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn trong các vụ án hình sự)*", tác giả đã phân tích định nghĩa các biện pháp bảo đảm an toàn (*measures for safety*) trong luật hình sự Thái Lan. Theo đó, mặc dù BLHS Thái Lan không quy định cụ thể về định nghĩa pháp lý về các biện pháp này nhưng dựa trên những đặc điểm thể hiện qua quy định về từng biện pháp cụ thể, các biện pháp bảo đảm an toàn được hiểu là các BPHS thay thế cho HP, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng đối với người phạm tội để bảo vệ quyền và lợi ích cho các cá nhân, tổ chức khác, phòng ngừa tội phạm và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Vì Thái Lan là một trong năm quốc gia được lựa chọn so sánh nên công trình này là nguồn tài liệu có giá trị để NCS tham khảo.

Thứ hai, những bình luận về quy định pháp luật liên quan đến ***hệ thống các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo và bài viết đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành luật như: Sách chuyên khảo *Alternative Penal Sanctions (Các biện pháp hình sự thay thế hình phạt)*, NXB Faculty Publications, William và Mary Law School, 1994, của tác giả Marcus Paul; Bài viết "*Security Measures in Russia and Germany: Comparative Legal Analysis (Các biện pháp bảo đảm an toàn ở Nga và Đức: Phân tích dưới góc độ so sánh luật)*", Mediterranean Journal of Social Sciences, MCSER Publishing, Rome-Italy, 2015, của tác giả T. F. Miniazeva và A. V. Serebrennikova. Trong đó, bài viết "*Security Measures in Russia and Germany: Comparative Legal Analysis" (Các biện pháp bảo đảm an toàn ở Nga và Đức: Phân tích dưới góc độ so sánh luật)* đã chỉ ra rằng hệ thống các BPHS phi HP được một số quốc gia châu Âu sử dụng với nhiều thuật ngữ chỉ tên gọi riêng như: hệ thống các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn (Đức); hệ thống các biện pháp bảo đảm an toàn (Ý, Tây Ban Nha và Somalia); hệ thống các biện pháp pháp luật hình sự khác (Nga); hay hệ thống các biện pháp phòng ngừa (Áo). Bên cạnh đó, hai nhà nghiên cứu này cũng phân tích và đánh giá chuyên sâu về từng biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP theo BLHS Đức và Nga ở các khía cạnh bao gồm: hệ thống các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn (Đức) và hệ thống các biện pháp pháp luật hình sự khác (Nga); đối tượng bị áp dụng và chủ thể áp dụng các biện pháp này. Vì Đức và Nga là hai trong số năm

quốc gia được NCS lựa chọn so sánh nên công trình này chính là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị và liên quan chặt chẽ tới luận án.

Thứ ba, những bình luận về quy định pháp luật liên quan đến ***chủ thể áp dụng các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng luận văn thạc sĩ luật học và bài viết đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành luật; tiêu biểu đó là: Luận văn "*Juvenile Justice in the Russian Federation (Tư pháp người chưa thành niên ở Liên bang Nga)*", của tác giả Una Kirstine Hakvåg, Trường Đại học Oslo, Na Uy, 2009; Bài viết "*Incapacitation (Các biện pháp hình sự phi hình phạt có tước tự do)*", Encyclopedia of Criminology and Criminal Justice, Springer, New York, 2014, của tác giả Shawn D. Bushway. Theo đó, trong Luận văn "*Juvenile Justice in the Russian Federation (Tư pháp người chưa thành niên ở Liên bang Nga)*", tác giả đã phân tích quy định của luật hình sự Nga về các chủ thể áp dụng các biện pháp pháp luật hình sự khác áp dụng đối với NCTN phạm tội. Cụ thể, trước đây, Nga đã có một hệ thống "xử lý kép" đối với các vụ án liên quan tới NCTN phạm tội. Bên cạnh Tòa án, các Ủy ban địa phương về quyền và các vấn đề liên quan tới NCTN cũng có thẩm quyền trong việc xem xét miễn TNHS và quyết định áp dụng một trong số các BPHS đối với NCTN phạm tội. Tuy nhiên, một số học giả luật hình sự tại Nga cho rằng thẩm quyền xem xét miễn TNHS cho NCTN phạm tội của Ủy ban nói trên là vi hiến vì Khoản 1 Điều 118 Hiến pháp Liên bang Nga quy định chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền tuyên bố một người có tội hay không. Có thể nói, vì Nga cũng là một trong số năm quốc gia được lựa chọn so sánh nên công trình này cũng là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho NCS.

Thứ tư, những bình luận về quy định pháp luật liên quan đến ***đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo và bài viết đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành luật, đáng chú ý là: Sách chuyên khảo *Combining Substance Abuse Treatment with Intermediate Sanctions for Adults in the Criminal Justice System (Kết hợp các biện pháp hình sự trung gian trong hệ thống tư pháp hình sự và điều trị cho người thành niên lạm dụng chất gây nghiện),* Trung tâm trị liệu cho người nghiện, lạm dụng chất gây nghiện thuộc Bộ Y tế và Dịch vụ nhân sinh Hoa Kỳ, 1994, của tác giả Robert B. Aukerman và M.S.W. Peggy McGarry; Bài viết "*Sentencing Options against Corporations (Các lựa chọn kết án đối với pháp nhân thương mại)*", Criminal Law Forum, 1990, của tác

giả Brent Fisse. Đặc biệt, trong Bài viết "*Sentencing Options against Corporations (Các lựa chọn kết án đối với pháp nhân thương mại)*", tác giả đã phân tích một số hạn chế nhất định của HP tiền (trong luật hình sự Hoa Kỳ) khi áp dụng đối với pháp nhân thương mại bởi đối tượng này thường sẵn sàng đánh đổi việc phải chấp hành án phạt tiền để có được một lợi ích kinh tế lớn hơn; qua đó cho thấy sự cần thiết trong việc tăng cường quy định các BPHS phi HP áp dụng đối với pháp nhân phải chịu TNHS tại quốc gia này để đạt hiệu quả phòng ngừa tội phạm cao hơn. Có thể thấy, Hoa Kỳ là một trong số năm quốc gia được lựa chọn so sánh; do đó, công trình này có liên quan chặt chẽ tới đề tài luận án.

Thứ năm, những bình luận về quy định pháp luật liên quan đến ***điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP*** được thể hiện trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo như: Sách chuyên khảo *Community-Based Corrections (Các biện pháp xử lý dựa vào cộng đồng)*, Cengage Learning, Boston, 2015, của tác giả Leanne Fiftal Alarid; Sách chuyên khảo *The Treatment and Rehabilitation of Offenders (Biện pháp trị liệu bắt buộc và cải tạo dành cho người phạm tội),* Sage Publishing London, United Kingdom, 2001, của tác giả Iain Crow. Trong đó, Sách chuyên khảo *Community-Based Corrections (Các biện pháp xử lý dựa vào cộng đồng* đã phân tích chi tiết về điều kiện áp dụng và nội dung của từng BPHS trung gian áp dụng đối với người thành niên phạm tội và các biện pháp phòng ngừa hành vi phạm tội của NCTN theo luật hình sự của các tiểu bang khác nhau tại Hoa Kỳ, dựa trên bối cảnh lịch sử - xã hội tại quốc gia này. Bởi lẽ, Hoa Kỳ cũng là một trong số năm quốc gia được NCS lựa chọn so sánh; do vậy, cuốn sách này có giá trị tham khảo lớn đối với đề tài luận án.

1.2.3. Những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến các biện pháp hình sự phi hình phạt trong các nghiên cứu ngoài nước

Những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến các BPHS phi HP trong các nghiên cứu ngoài nước bao gồm: những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP; những đề xuất bổ sung quy định pháp luật liên quan đến hệ thống các BPHS phi HP; những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến chủ thể áp dụng các BPHS phi HP; những đề xuất bổ sung quy định pháp luật liên quan đến đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP.

Thứ nhất, ***những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP*** trong các công trình được công bố dưới dạng bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật. Trong đó, đáng kể đến là: Bài viết "*What Do Alternative Sanctions Mean? (Tìm hiểu về các biện pháp hình sự thay thế hình phạt)*", The University of Chicago Law Review, Chicago, 1996, của tác giả Dan M. Kahan; Bài viết "*Institute of Substitution of Punishment and Other Measures in Criminal Law of Russian Federation and Foreign Countries (Khái quát các biện pháp hình sự thay thế hình phạt và các biện pháp khác trong luật hình sự Liên bang Nga và các quốc gia trên thế giới)*", Advances in Economics, Business and Management Research, 131, Atlantis Press, 2019, của tác giả Svetlana Zakharova, Lyudmila Budanova, Sergey Rihanov, Ulyana Gromova và Andrei Shcherbakov. Đặc biệt, trong Bài viết "*Institute of Substitution of Punishment and Other Measures in Criminal Law of Russian Federation and Foreign Countries (Khái quát các biện pháp hình sự thay thế hình phạt và các biện pháp khác trong luật hình sự Liên bang Nga và các quốc gia trên thế giới)*", các tác giả đã thảo luận và làm rõ chính sách hình sự về việc quy định các biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP trong luật hình sự Nga và một số quốc gia khác như Mexico, New Zealand, Thụy Sĩ, Singapore... và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện BLHS Nga, đặc biệt là đề xuất bổ sung định nghĩa pháp lý về các biện pháp pháp luật hình sự khác. Với những nội dung nói trên, công trình này chính là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho luận án.

Thứ hai, ***những đề xuất bổ sung quy định pháp luật liên quan đến hệ thống các BPHS phi HP*** trong các công trình được công bố dưới dạng bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật, tiêu biểu là: Bài viết "*Alternative Sanctions in Germany: An Overview of Germany's Sentencing Practices (Các biện pháp hình sự thay thế hình phạt: Tổng quan về thực tiễn tuyên án tại Đức)*". *National Institute of Justice Research Preview*, US Department of Justice, 2, 1996, của Jeremy Travis. Theo đó, tác giả đã phân tích những lý do Đức cần phát triển hệ thống các BPHS phi HP, đặc biệt là các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội. Cụ thể, từ kết quả của cuộc điều tra thực tế cho thấy việc những người trẻ tuổi được áp dụng BPHS phi HP mang tính chất giáo dục hay cải thiện có xu hướng tái hòa nhập cộng đồng nhanh hơn và ít tái phạm tội hơn những đối tượng bị áp dụng HP, đặc biệt là HP tù. Do đó, việc xây dựng một hệ thống các BPHS phi HP chuyên biệt đối với NCTN tại quốc

gia này là hoàn toàn phù hợp và phát huy hiệu quả phòng ngừa tội phạm. Có thể nhận định rằng, công trình này là nguồn tài liệu hữu ích để NCS tham khảo và tiếp tục nghiên cứu.

Thứ ba, ***những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến chủ thể áp dụng các BPHS phi HP*** trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo và bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật, tiêu biểu như: Sách chuyên khảo *Intermediate Sanctions in Corrections (Các biện pháp hình sự trung gian trong xử lý tội phạm)*, NXB University of North Texas Press, Texas, 2004, của tác giả Gail A. Caputo; Bài viết "*Secure Preventive Detention in Germany: Incapacitation or Treatment Intervention? (Biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn ở Đức: Hạn chế quyền tự do hay sự can thiệp điều trị?)*", Behavioral Sciences and the Law, 2013, của tác giả Kirstin Drenkhahn. Trong đó, tại sách chuyên khảo *Intermediate Sanctions in Corrections (Các biện pháp hình sự trung gian trong xử lý tội phạm)*, tác giả đã đề cao sự phối hợp linh hoạt của các cơ quan trong việc áp dụng các BPHS trung gian tại Hoa Kỳ và kiến nghị cần tiếp tục phát huy mô hình này trong việc phòng ngừa và kiểm soát tội phạm. Cụ thể, bên cạnh Tòa án có vai trò quyết định áp dụng các BPHS, các cơ quan cải huấn thực hiện các BPHS trung gian thông qua kiểm soát, giam giữ và giám sát người phạm tội để tối ưu hóa hiệu quả áp dụng các biện pháp này trên thực tế. Như vậy, có thể thấy rằng công trình nói trên là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị để NCS thực hiện đề tài luận án.

Thứ tư, ***những đề xuất bổ sung quy định pháp luật liên quan đến đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP*** trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo và báo cáo khoa học, cụ thể là: Sách chuyên khảo *Kriminaltherapie heute: Forschungsberichte zur Behandlung von Delinquenten und Drogengeschädigten (Điều trị pháp lý hiện nay: báo cáo nghiên cứu về điều trị pháp lý đối với người phạm tội và nạn nhân liên quan tới tội phạm về ma túy)*, NXB Walter de Gruyter GmbH & Co KG, Berlin, 2019, của tác giả Müller-Dietz, H.; Báo cáo khoa học "*Comparative analysis of criminal law, procedures and practice concerning liability of entrepreneurs (Phân tích so sánh luật hình sự, tố tụng hình sự và thực tiễn về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại)*", Protection of the Rights of Entrepreneurs in the Russian Federation from Corrupt Practices Project (Dự án bảo vệ quyền của các pháp nhân thương mại ở Liên bang Nga và thực tiễn phòng

chống tham nhũng), 2015, của tác giả Francesco Clementucci. Trong đó, tại Báo cáo khoa học "*Comparative analysis of criminal law, procedures and practice concerning liability of entrepreneurs (Phân tích so sánh luật hình sự, tố tụng hình sự và thực tiễn về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại)*", tác giả đã phân tích và so sánh cơ chế thực thi các BPHS đối với pháp nhân thương mại phải chịu TNHS tại một số quốc gia thành viên Liên minh châu Âu và cho rằng các quốc gia này cần mở rộng phạm vi phải chịu TNHS của pháp nhân thương mại đối với những tội phạm về kinh tế. Theo đó, việc áp dụng các BPHS phi HP đối với pháp nhân thương mại phải chịu TNHS cần được quan tâm và thúc đẩy thực hiện trong hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm về kinh tế. Có thể thấy, với những nội dung này, công trình nói trên có liên quan chặt chẽ tới luận án.

Thứ năm, ***những đề xuất bổ sung quy định pháp luật liên quan đến điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP*** trong các công trình được công bố dưới dạng sách chuyên khảo và bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành luật, cụ thể là: Sách chuyên khảo *Handbook of basic principles and promising practices on Alternatives to Imprisonment (Cẩm nang về những nguyên tắc cơ bản và tính khả thi của các biện pháp hình sự thay thế hình phạt tù)"*, United Nations publication, New York, 2007, của tác giả Dirk van Zyl Smit; Bài viết "*Why we don't always punish: Preferences for non-punitive responses to moral violations (Tại sao không phải lúc nào cũng áp dụng hình phạt: Việc ưu tiên áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt đối với hành vi xâm phạm nhân phẩm)*", Scientific Reports Journal, 2019, của nhóm tác giả Joseph Heffner và Oriel Feldman Hall. Trong đó, Sách chuyên khảo *Handbook of basic principles and promising practices on Alternatives to Imprisonment (Cẩm nang về những nguyên tắc cơ bản và tính khả thi của các biện pháp hình sự thay thế hình phạt tù)* đã nhấn mạnh hiệu quả của việc áp dụng các BPHS phi HP bên cạnh HP. Cụ thể, việc áp dụng các BPHS phi HP ít tốn kém chi phí hơn, giải quyết được vấn nạn quá tải cơ sở giam giữ và bảo đảm tốt hơn quyền con người – một khía cạnh pháp lý nhạy cảm đang được nhiều quốc gia quan tâm. Mặc dù vậy, với tư cách là một tổ chức quốc tế, Liên hợp quốc (LHQ) khuyến nghị rằng các quốc gia cần quy định chi tiết về điều kiện và nội dung áp dụng của từng BPHS phi HP để đảm bảo được khả năng phòng ngừa tội phạm của biện pháp đó.

Những nội dung này sẽ được NCS tiếp tục nghiên cứu để đưa ra những đề xuất hoàn thiện quy định của luật hình sự Việt Nam về các BPHS phi HP.

2. Đánh giá tình hình nghiên cứu đề tài và những vấn đề luận án kế thừa, bổ sung và phát triển

2.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu đề tài và những vấn đề luận án kế thừa

Các nghiên cứu trong nước và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án đều mang những giá trị khoa học nhất định. Trong đó, những **nội dung quan trọng đã được các nghiên cứu thống nhất** và là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích **mà NCS có thể học hỏi, kế thừa**; từ đó hoàn thiện luận án một cách thuận lợi hơn, đó là:

Thứ nhất, liên quan đến lý luận về các BPHS phi HP, dựa trên các học thuyết về phòng ngừa xã hội, học thuyết về nguyên nhân tội phạm cũng như các triết lý của khoa học luật hình sự, đặc biệt là triết lý "phúc lợi", triết lý "phục hồi" và triết lý "cộng đồng" trong xử lý hành vi phạm tội, phần lớn các nhà nghiên cứu luật hình sự trên thế giới và tại Việt Nam đã nhận định rằng các BPHS phi HP có mục đích cuối cùng là phòng ngừa hành vi phạm tội. Bên cạnh đó, các học giả chỉ rõ ý nghĩa của các BPHS phi HP đối với đối tượng bị áp dụng các biện pháp này, đối với xã hội cũng như nền tư pháp hình sự. Việc áp dụng các BPHS phi HP có thể giáo dục, cải thiện đối tượng bị áp dụng các biện pháp này, ngăn chặn những thiệt hại mà hành vi phạm tội gây ra cũng như bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu của nền tư pháp hình sự. Thêm vào đó, hầu hết các nhà khoa học luật hình sự cũng đã khẳng định mối quan hệ mật thiết giữa HP và các BPHS phi HP đó là: trong một số trường hợp, các BPHS phi HP được áp dụng thay thế hoặc kèm theo HP. Có thể thấy, đây là những khía cạnh cơ bản nhất khi nghiên cứu lý luận về các BPHS phi HP, trở thành kim chỉ nam để NCS có thể hoàn thiện nội dung của một số Mục tại Chương 1 "*Những vấn đề lý luận về các biện pháp hình sự phi hình phạt*" của luận án này, đó là: 1.2. Hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt; 1.4. Ý nghĩa của các biện pháp hình sự phi hình phạt; 1.5. Phân biệt các biện pháp hình sự phi hình phạt với hình phạt; 1.6. Cơ sở của việc quy định các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự.

Thứ hai, liên quan đến thực trạng pháp luật về các BPHS phi HP, các nghiên cứu tại Việt Nam hay các quốc gia khác trên thế giới đều đã phân tích và đánh giá chuyên sâu những quy định trong luật hình sự của một hoặc một số nước về các BPHS phi HP; đồng thời, một số công trình cũng đã giải thích quan điểm lập pháp ở các quốc

gia đó về những biện pháp này (trong đó có năm quốc gia được NCS lựa chọn so sánh là Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam). Ngoài ra, bên cạnh việc tìm hiểu về quy định pháp luật hiện hành, có những công trình đã khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của những quy định liên quan đến các BPHS phi HP trong luật hình sự một số nước qua các thời kỳ. Chính vì vậy, đây đều là những nội dung vô cùng cần thiết để NCS có thể tiếp thu và tham khảo trong quá trình xây dựng Chương 2 "*Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự một số quốc gia*" và Mục 3.1. So sánh các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự một số quốc gia tại Chương 3 "*So sánh các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự một số quốc gia và những đề xuất hoàn thiện luật hình sự Việt Nam*" của luận án này.

Thứ ba, liên quan đến đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về các BPHS phi HP, thông thường, vấn đề này chỉ là một phần nội dung nằm trong những công trình lớn của các nhà khoa học luật hình sự trong và ngoài nước; trong đó, phần lớn các nghiên cứu đã khuyến khích tăng cường việc quy định và áp dụng các BPHS phi HP do tính nhân văn và hiệu quả phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội của các biện pháp này, đặc biệt là sự đổi mới trong tư duy về việc áp dụng các BPHS phi HP khi ban hành chính sách hình sự quốc gia rất quan trọng. Đáng chú ý, trong khoa học luật hình sự Việt Nam, một số nhà nghiên cứu đã xác định những định hướng và nguyên tắc cơ bản trong việc hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam. Có thể nói, chỉ khi vận dụng đúng theo những định hướng và nguyên tắc đó, việc quy định, phát triển và áp dụng các BPHS phi HP mới đạt được hiệu quả cao trên thực tế. Vì vậy, những nội dung này sẽ là nguồn tài liệu tham khảo vô cùng hữu ích để NCS phân tích những nguyên tắc định hướng việc đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam tại Tiểu Mục 3.2.1 trong Chương 3 của luận án này. Hơn nữa, có những học giả đã chỉ ra một số điểm hạn chế trong quy định của BLHS Việt Nam hiện hành (năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017) về các biện pháp tư pháp mang tính chất của các BPHS phi HP và đưa ra các đề xuất nhằm khắc phục những hạn chế này. Đây cũng chính là những nguồn tài liệu tham khảo có giá trị để NCS học hỏi để đưa ra những đề xuất cụ thể hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam tại Tiểu Mục 3.2.2. trong Chương 3 của luận án này.

Bên cạnh những nội dung liên quan đến các BPHS phi HP đã được các công trình trong nước và ngoài nước nghiên cứu tương đối thống nhất, còn có một số **nội dung chưa được thống nhất** như sau:

Thứ nhất, liên quan đến lý luận về các BPHS phi HP, các nhà khoa học luật hình sự trong nước và ngoài nước đã thể hiện các quan điểm khác nhau liên quan đến khái niệm BPHS phi HP (chủ yếu liên quan đến mục đích của các BPHS phi HP); hệ thống các BPHS phi HP; chủ thể áp dụng và đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP. Cụ thể, có quan điểm cho rằng các BPHS phi HP có mục đích giáo dục, cải thiện đối tượng bị áp dụng và phòng ngừa hành vi phạm tội; trái lại, có quan điểm khẳng định các BPHS phi HP chỉ có mục đích "thiên về hướng" phòng ngừa hành vi phạm tội một cách trực tiếp. Thêm vào đó, một số học giả nhận định rằng Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền áp dụng các BPHS phi HP, trong khi một số học giả khác xác định ngoài Tòa án, một số cơ quan tư pháp hình sự khác cũng có thẩm quyền này. Ngoài ra, ở một số nghiên cứu, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP chỉ là người phạm tội; còn ở các nghiên cứu khác, bên cạnh người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS, pháp nhân phải chịu TNHS cũng là đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP.

Thứ hai, liên quan đến thực trạng pháp luật về các BPHS phi HP, các công trình trong và ngoài nước đã nghiên cứu những nội dung liên quan đến chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP trong luật hình sự của một hoặc một số quốc gia. Tuy nhiên, nếu như một số học giả ngoài nước đã đưa ra phân tích liên quan đến định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP và bình luận về quy định pháp luật liên quan đến hệ thống các BPHS phi HP, thì các nhà khoa học luật hình sự tại Việt Nam chưa quan tâm nghiên cứu về hai nội dung này.

Thứ ba, liên quan đến đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về các BPHS phi HP; có thể thấy, những đề xuất bổ sung quy định pháp luật liên quan đến hệ thống các BPHS phi HP; đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng, nội dung của các BPHS phi HP và đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến chủ thể áp dụng đã được thể hiện trong các nghiên cứu trong và ngoài nước. Tuy nhiên, trong khi các nghiên cứu ngoài nước đã đưa ra các đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP, thì các công trình tại Việt Nam cũng chưa quan tâm nghiên cứu tới nội dung này.

2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục bổ sung, phát triển

Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước và ngoài nước, luận án xác định những nội dung cần tiếp tục nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, liên quan đến lý luận về các BPHS phi HP, trên cơ sở tiếp cận và tìm hiểu về quan điểm của các nhà nghiên cứu luật hình sự đến từ nhiều quốc gia khác nhau, có thể khẳng định rằng mặc dù BPHS phi HP là khái niệm đã xuất hiện từ cuối thế kỉ XIX; tuy nhiên, những quan điểm về các BPHS phi HP vẫn chưa có sự thống nhất trong khoa học luật hình sự trên thế giới. Thêm vào đó, khái niệm BPHS phi HP cũng ít được đề cập trong khoa học luật hình sự Việt Nam; thậm chí ở nước ta cũng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống về các BPHS phi HP. Do đó, NCS sẽ so sánh các quan điểm chưa được thống nhất và chọn ra những "hạt nhân" hợp lý liên quan đến khái niệm BPHS phi HP (chủ yếu liên quan đến mục đích của các BPHS phi HP); hệ thống các BPHS phi HP; chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP. Trên cơ sở đó, tại một số Mục trong Chương 1 của luận án này, đó là: 1.1. Khái niệm biện pháp hình sự và các biện pháp hình sự phi hình phạt; 1.2. Hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt; 1.3. So sánh quan điểm về các thành tố cơ bản của các biện pháp hình sự phi hình phạt; 1.5. Phân biệt các biện pháp hình sự phi hình phạt với hình phạt, NCS đưa ra những bình luận mang tính phản biện và chọn lọc những quan điểm khoa học có tính thuyết phục và phù hợp nhất về vấn đề này.

Thứ hai, liên quan đến quy định pháp luật về các BPHS phi HP, đa phần các nghiên cứu trong nước và ngoài nước liên quan đến quy định pháp luật về định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP, hệ thống các BPHS phi HP, chủ thể áp dụng các BPHS phi HP, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP chỉ phân tích các quy định pháp luật liên quan tới các BPHS phi HP cụ thể ở từng quốc gia được lựa chọn nghiên cứu mà chưa khái quát hóa, chưa hệ thống hóa cũng như chưa nghiên cứu so sánh chuyên sâu những quy định pháp luật đó giữa các quốc gia với nhau, đặc biệt là nghiên cứu so sánh giữa Việt Nam và các quốc gia khác. Do đó, NCS mong muốn mở rộng hơn đối tượng cũng như phạm vi nghiên cứu (không chỉ tập trung nghiên cứu quy định pháp luật của một quốc gia mà sẽ nghiên cứu so sánh quy định pháp luật về các BPHS phi HP trong luật hình sự của năm quốc gia Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam), được thể hiện cụ thể tại Chương 2 và

Mục 3.1. So sánh các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự một số quốc gia tại Chương 3 của luận án này. Các tiêu chí so sánh cụ thể bao gồm: định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP; hệ thống các BPHS phi HP; chủ thể áp dụng các BPHS phi HP; đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP; điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP. Thêm vào đó, bên cạnh việc phân tích quy định pháp luật về các BPHS phi HP trong luật hình sự của các quốc gia nêu trên, NCS sẽ đánh giá so sánh quy định về các biện pháp này để chỉ ra những sự tương đồng, khác biệt, tìm ra nguyên nhân của những tương đồng, khác biệt và từ đó, soi chiếu lại với cơ sở lý luận đã xây dựng để đánh giá xem quốc gia nào có các quy định về các BPHS phi HP tương ứng và phù hợp nhất với cơ sở lý luận để Việt Nam có thể học hỏi và tiếp thu có chọn lọc trong quá trình hoàn thiện quy định pháp luật hình sự về các BPHS phi HP.

Thứ ba, liên quan đến đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về các BPHS phi HP, trên cơ sở kế thừa những nghiên cứu khoa học trước đó, NCS sẽ chỉ rõ được điểm hạn chế của các quy định trong luật hình sự Việt Nam hiện hành năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về các BPHS phi HP. Bên cạnh đó, luận án nghiên cứu những nguyên tắc định hướng cho việc đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam; từ đó, đưa ra những đề xuất cụ thể nhằm hoàn thiện quy định trong BLHS hiện hành của nước ta về: định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP; hệ thống các BPHS phi HP; chủ thể áp dụng các BPHS phi HP; đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP; điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP tại Tiểu Mục 3.2.2. trong Chương 3 của luận án này.

Kết luận phần Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Tóm lại, trong số những nghiên cứu trong nước và ngoài nước dưới dạng sách chuyên khảo; giáo trình sau đại học và đại học; các luận án, luận văn; đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; các bài viết đăng tải trên những tạp chí khoa học chuyên ngành luật; tham luận trong hội thảo khoa học các cấp; báo cáo khoa học… nêu trên, có rất nhiều nội dung quan trọng sẽ được NCS tập trung bàn luận sâu hơn trong phần sau của luận án và là những nguồn tri thức, tài liệu tham khảo vô cùng giá trị và hữu ích liên quan đến định nghĩa về BPHS phi HP; hệ thống các BPHS phi HP; chủ thể áp dụng; đối tượng bị áp dụng; điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP để NCS tìm hiểu, học hỏi trong quá trình thực hiện Luận án của mình. Tuy nhiên, đa phần các công trình này chỉ nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan tới các BPHS

phi HP dưới góc độ cụ thể ở từng quốc gia được lựa chọn nghiên cứu mà chưa khái quát hóa, chưa hệ thống hóa cũng như chưa nghiên cứu so sánh chuyên sâu những quy định pháp luật đó giữa các quốc gia với nhau, đặc biệt là nghiên cứu so sánh giữa Việt Nam và các quốc gia khác. Do đó, NCS mong muốn mở rộng hơn đối tượng cũng như phạm vi nghiên cứu, với tham vọng góp phần phát triển hệ thống lý luận và đánh giá so sánh quy định pháp luật về các BPHS phi HP ở một số quốc gia trên thế giới nhằm đưa ra những đề xuất cụ thể để hoàn thiện quy định của luật hình sự Việt Nam về các BPHS phi HP.

PHẦN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC BIỆN PHÁP HÌNH SỰ PHI HÌNH PHẠT

1.1. Khái niệm biện pháp hình sự và biện pháp hình sự phi hình phạt

1.1.1. Khái niệm biện pháp hình sự

Trước hết, để tạo cơ sở cho sự nhận thức đúng đắn và thống nhất về các BPHS phi HP, cần bắt đầu từ khái niệm BPHS, là khái niệm "gốc" và là một trong các khái niệm cơ bản của khoa học luật hình sự. Các BPHS, HP và các BPHS phi HP, nhìn dưới góc độ triết học có mối quan hệ nội tại, tương tác với nhau. Đây là mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, trong đó HP và các BPHS phi HP là những cái riêng, còn các BPHS là cái chung[23]. Chính vì lý do đó, NCS cho rằng, muốn hiểu được khái niệm BPHS phi HP thì nhất thiết phải nhận thức được khái niệm chung về BPHS. Sau đây luận án **so sánh các quan điểm khác nhau về khái niệm BPHS:**

Trên thế giới, có một số quan điểm đưa ra định nghĩa khái niệm BPHS ở phạm vi hẹp tương tự với HP, ví dụ như giáo sư luật JJ. Prescott của Trường Đại học Michigan (Hoa Kỳ) cho rằng xét về mặt nội dung, các BPHS được hiểu là sự trừng phạt đối với người phạm tội, ví dụ: HP tù (imprisonment), phạt tiền (fines), trừng phạt thân thể (infliction of pain) hoặc tử hình (death) do nhà nước áp dụng đối với các cá nhân hoặc pháp nhân theo quy định của pháp luật hình sự nhằm đạt được mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung[24]. Phó giáo sư Jacob Öberg của Trường Đại học Lund (Thụy Điển) cũng khẳng định rằng các BPHS được áp dụng sau khi phát hiện tội phạm; có tính chất răn đe và trừng trị để phòng ngừa hành vi phạm tội; thể hiện sự lên án của nhà nước về mặt đạo đức đối với người phạm tội[25]. Nguyên nhân của cách tiếp cận về các BPHS theo phạm vi hẹp nói trên là bởi vì HP là biện pháp cưỡng chế hình sự chính và có tính đặc trưng của ngành luật hình sự[26].

---

[23] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2005), *Giáo trình triết học Mác - Lênin - Chủ nghĩa duy vật biện chứng*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, tr. 119 dẫn theo Trịnh Quốc Toản (2010), *Các hình phạt bổ sung trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 8.

[24] JJ. Prescott (2016), "Criminal Sanction and Deterrence (Biện pháp hình sự và tính răn đe)", *Encyclopedia of Law and Economics*, Springer Science+Business Media, New York, tr. 1.

[25] Jacob Öberg (2014), "The definition of criminal sanctions in the EU (Định nghĩa về biện pháp hình sự ở Liên minh châu Âu)", *European Criminal Law Review*, Vol. 3, No. 3, 273-299, tr. 286.

[26] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 11.

Mặt khác, bên cạnh các nội dung tương tự quan điểm của các nhà khoa học luật hình sự nói trên, giáo sư Franklin E.Zimring của Trường Đại học Chicago và giáo sư Francis A. Allen của Trường Đại học Florida (Hoa Kỳ) lại nhấn mạnh rằng hệ thống các BPHS cũng gắn liền với triết lý "phục hồi"[27]. Với triết lý này, các BPHS phải được nhà nước sử dụng để đạt được những thay đổi cơ bản trong nhân cách và thái độ của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, không chỉ vì mục đích phòng ngừa và bảo đảm an toàn của xã hội, mà còn vì lợi ích của bản thân người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội[28]. Đặc biệt, riêng các BPHS áp dụng đối với NCTN phạm tội, nhà nghiên cứu Pablo Alberto De Rosa của Trường Đại học Salesiana (Argentina) có quan điểm cho rằng các biện pháp này còn phải tuân theo nguyên tắc và mục đích giáo dục để phòng ngừa hành vi phạm tội[29].

Có thể thấy, cách tiếp cận của các học giả Franklin E.Zimring, Francis A. Allen và Pablo Alberto De Rosa khi nghiên cứu về các BPHS, xét trong tương quan so sánh với quan điểm của các nhà khoa học luật hình sự JJ. Prescott và Jacob Öberg có phần rộng mở hơn khi các BPHS không còn bị bó hẹp trong cách hiểu tương tự với HP. Theo đó, các BPHS là các biện pháp cưỡng chế của nhà nước được quy định trong luật hình sự, do nhà nước quyết định áp dụng với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và/ hoặc pháp nhân phải chịu TNHS, nhằm mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội.

Tại Việt Nam, các nhà khoa học luật hình sự cũng đưa ra một số quan điểm khác nhau về khái niệm BPHS. Cụ thể, có quan điểm khẳng định rằng không phải tất cả các biện pháp cưỡng chế nhà nước được quy định trong nguồn luật hình sự của một quốc gia đều được coi là BPHS, mà BPHS chỉ bao gồm hai nhóm là HP và các BPHS khác (thường được gọi là BPHS phi HP[30] - gắn với triết lý "phúc lợi"), cùng có mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội để bảo vệ các đối tượng cần được bảo vệ

---

[27] Franklin E. Zimring (1993), "Drug Treatment as a Criminal Sanction (Biện pháp hình sự về trị liệu cai nghiện)", *University of Colorado Law Review*, *64*(3), 809-825, tr. 813.

[28] Francis A. Allen (1978), "The Decline of the Rehabilitative Ideal in American Criminal Justice (Giai đoạn suy yếu của triết lý cải tạo phúc lợi trong tư pháp hình sự Hoa Kỳ", *Cleveland State Law Review*, 27(2), 147-158, tr. 148.

[29] Pablo Alberto De Rosa (2018), "Psychoeducational Approach of Vygotsky and its Relationship with the Symbolic Interactionism: Application to the Juvenile Criminal Responsibility and Educational Processes (Phương pháp tiếp cận tâm lý giáo dục của Vygotsky và mối quan hệ với học thuyết tương tác tượng trưng: Áp dụng phương pháp này với trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên và các quá trình giáo dục)", *Propósitos y Representaciones*, 6(2), 631-669, tr. 662.

[30] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 10.

bằng pháp luật hình sự. Ngoài ra, trong pháp luật hình sự, bên cạnh hai nhóm các BPHS nói trên, có thể còn có một số biện pháp cưỡng chế khác, không có tính gây thiệt hại/ bất lợi của HP và cũng không có mục đích phòng ngừa trực tiếp như các BPHS phi HP, ví dụ như biện pháp tịch thu để tiêu hủy công cụ phạm tội hay biện pháp bồi thường thiệt hại ("BTTH"), v.v. Quan điểm này cho rằng các biện pháp cưỡng chế có liên quan đến tội phạm không phải là BPHS vì về bản chất, đây là các biện pháp cưỡng chế thuộc các ngành luật khác nhưng được pháp luật hình sự ghi nhận để tăng tính cưỡng chế và để có cơ sở cho việc giải quyết kết hợp các phát sinh liên quan trong cùng vụ án hình sự[31]. Trái lại, có quan điểm khác lại xác định các BPHS bao gồm HP và tất cả các biện pháp khác ngoài HP[32]; nói cách khác, theo quan điểm này, tất cả những biện pháp cưỡng chế nhà nước được quy định trong nguồn luật hình sự của một quốc gia đều được coi là BPHS.

Như vậy, có thể nhận định rằng, mặc dù mỗi quan điểm về khái niệm BPHS đều có những hạt nhân hợp lý nhất định; tuy nhiên, về mặt hệ thống các BPHS được thể hiện qua hai quan điểm khác nhau trong khoa học luật hình sự Việt Nam nêu trên, NCS đồng tình với quan điểm thứ nhất vì đây là một quan điểm thuyết phục khi chỉ rõ mục đích của các BPHS là phòng ngừa hành vi phạm tội và phân biệt các BPHS được pháp luật hình sự quy định với các biện pháp cưỡng chế thuộc các ngành luật khác nhưng được pháp luật hình sự ghi nhận. Từ các quan điểm trên, có thể khẳng định rằng *các BPHS là các biện pháp cưỡng chế của nhà nước được quy định trong luật hình sự, do cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền áp dụng đối với người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS và/ hoặc pháp nhân phải chịu TNHS, nhằm mục đích cuối cùng là phòng ngừa hành vi phạm tội.*

Qua việc phân tích định nghĩa về BPHS; có thể thấy, các BPHS có những **đặc điểm** cụ thể như sau:

Thứ nhất, các BPHS có tính cưỡng chế hình sự và nghiêm khắc hơn so với các BPHS phi HP (ví dụ như các biện pháp cưỡng chế hành chính, biện pháp kỷ luật). Bởi lẽ, thông thường, trong quá trình xử lý tội phạm, Nhà nước có thẩm quyền áp

[31] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 8, tr. 36-38 và tr. 101

[32] Hoàng Hải Yến (2022), "Bàn về khái niệm biện pháp hình sự phi hình phạt trong mối quan hệ với hình phạt", *Tạp chí Kiểm sát*, (11), 46-52, tr. 50.

dụng các BPHS đối với một cá nhân hay pháp nhân phải chịu TNHS dựa trên mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội cũng như hậu quả của hành vi phạm tội đó. Nói cách khác, họ chính là những chủ thể của TNHS[33] và đây là hậu quả pháp lý mà họ phải gánh chịu trước Nhà nước. Tính chất cưỡng chế nhà nước của các BPHS được thể hiện thông qua chủ thể áp dụng là cơ quan có thẩm quyền nhân danh quyền lực nhà nước áp dụng lên chủ thể của TNHS đối với hành vi gây nguy hiểm cho xã hội mà họ gây ra. Theo đó, Nhà nước có quyền đơn phương sử dụng quyền lực để áp đặt ý chí buộc các đối tượng bị áp dụng các BPHS phải tuân thủ thực hiện. Như vậy, đặc điểm trên thể hiện rõ tính chất "áp đặt" về mặt quyền lực của Nhà nước khi sử dụng BPHS đối với đối tượng bị áp dụng.

Thứ hai, các BPHS được pháp luật hình sự quy định. Đặc điểm này nhằm phân biệt các BPHS với các BPHS phi HP được các ngành luật khác quy định (ví dụ như các biện pháp dân sự được luật dân sự quy định). Về vấn đề này, khoa học luật hình sự hiện nay tồn tại hai quan điểm tương đối khác nhau. Đối với quan điểm thứ nhất, về nguyên tắc, ở các quốc gia có BLHS, hệ thống các BPHS phải được quy định tập trung trong BLHS. Trái lại, đối với quan điểm thứ hai ở các quốc gia không có BLHS thì các BPHS được quy định trong các đạo luật khác nhau hoặc có BLHS nhưng nội dung này được quy định bởi cả BLHS và các nguồn luật khác như các đạo luật liên quan và các án lệ. Quan điểm này mở rộng phạm vi, cho rằng bên cạnh BLHS, các nguồn luật khác như các văn bản luật chuyên ngành, các văn bản dưới luật hoặc các án lệ ở một số quốc gia (Anh, Úc, Hoa Kỳ…) đều là nguồn của luật hình sự nói chung và là nguồn quy định về các BPHS nói riêng. Cả hai quan điểm trên tồn tại song song và tùy thuộc vào chính sách hình sự và điều kiện thực tế mà mỗi quốc gia sẽ có cách quy định khác nhau về vấn đề này. Tuy nhiên, thông thường, nếu nhìn nhận BPHS được quy định trong luật hình sự (tức là bao gồm BLHS và các văn bản khác chứa đựng quy phạm pháp luật hình sự) thì sẽ khái quát hơn và quan điểm này cũng được nhiều quốc gia công nhận.

Thứ ba, quan điểm về mục đích của các BPHS phụ thuộc vào chính sách hình sự của từng quốc gia tại các thời điểm khác nhau; tuy nhiên, tựu chung lại thì *các*

[33] Xem: Leeykina N. X. (1968) "Nhân thân người phạm tội và trách nhiệm hình sự", NXB Trường ĐHTH Leeningad, tr.31 (tiếng Nga); bagri-Sakhamatov. L.V. (1976) "Trách nhiệm hình sự và hình phạt", NXB Đại học, Minsk, tr.31 (tiếng Nga); dẫn theo Phạm Mạnh Hùng (2002), "Khái niệm trách nhiệm hình sự", *Tạp chí Luật học*, (1), 22-28.

BPHS có mục đích cuối cùng là phòng ngừa hành vi phạm tội. Cụ thể, có quan điểm khẳng định rằng các BPHS có mục đích trừng trị người phạm tội, có quan điểm lại xác định mục đích của các BPHS là giáo dục người phạm tội và những người khác trong xã hội. Thêm vào đó, cũng có quan điểm cho rằng các BPHS vừa có mục đích trừng trị, vừa có mục đích giáo dục. Các quan điểm này đều có những hạt nhân hợp lý nhất định ở mỗi góc độ khác nhau; tuy nhiên, dù là mục đích trừng trị hay giáo dục, tựu chung lại thì mục đích sau cùng của các BPHS đó là nhằm phòng ngừa hành vi phạm tội. Mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội được thể hiện thông qua phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung. Trong đó, mục đích phòng ngừa riêng của các BPHS là nhằm ngăn ngừa việc các chủ thể của TNHS tiếp tục thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bằng cách tác động tới chính những chủ thể này. Để tối ưu hóa mục đích phòng ngừa riêng của các BPHS, bên cạnh một số BPHS có tính trừng phạt hay gây bất lợi cho đối tượng bị áp dụng các biện pháp này, thì một số BPHS lại có tính cải thiện, giáo dục họ. Bởi lẽ, cùng với việc giáo dục nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật của những đối tượng này hay cải thiện để bản thân họ trở nên tốt hơn thì mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội cũng đã đạt được. Trong khi đó, mục đích phòng ngừa chung của các BPHS đó là giáo dục người hay pháp nhân khác trong xã hội. Cụ thể, các BPHS khi được áp dụng không chỉ tác động trực tiếp đến người, pháp nhân bị kết án mà còn ảnh hưởng đến những người, pháp nhân khác trong xã hội, có tác dụng kiềm chế, ngăn ngừa họ phạm tội. Bởi khi những người, pháp nhân đó thấy trước được sự lên án của Nhà nước và xã hội đối với tội phạm, họ sẽ được nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật cũng như hiểu biết pháp luật; tránh việc thực hiện những hành vi phạm tội. Thêm vào đó, việc áp dụng các BPHS còn củng cố lòng tin của người dân vào sự nghiêm minh của pháp luật, qua đó động viên, tập hợp họ tích cực tham gia chống và phòng ngừa hành vi phạm tội. Có thể nói, mục đích phòng ngừa riêng và mục đích phòng ngừa chung của các BPHS có mối quan hệ qua lại, không tách rời nhau trong mục đích chung của các BPHS. Bởi lẽ, mục đích phòng ngừa chung sẽ không khả thi nếu mục đích phòng ngừa riêng không đạt được; đồng thời, nếu mục đích phòng ngừa chung bị hạn chế thì mục đích phòng ngừa riêng không có được hiệu quả như mong muốn[34]. Như vậy, với cả hai mục đích phòng ngừa riêng và

[34] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần chung)*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 167.

phòng ngừa chung nêu trên, các BPHS có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với đối tượng bị áp dụng các biện pháp này, với xã hội và với nền tư pháp hình sự.

1.1.2. Khái niệm biện pháp hình sự phi hình phạt

Vào khoảng cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, khoa học luật hình sự có những chuyển biến quan trọng trong quan niệm về nguyên nhân tội phạm và phòng ngừa xã hội; từ đó dẫn đến sự thay đổi mạnh mẽ trong cách tiếp cận về hệ thống các biện pháp phòng ngừa và xử lý tội phạm[35]. Với xu hướng phát triển mạnh mẽ của học thuyết phòng ngừa xã hội, trên thế giới đã xuất hiện nhiều nghiên cứu về các biện pháp có tên gọi khác nhau phản ánh khái niệm BPHS phi HP, các tên gọi đó phần nào thể hiện quan điểm của các tác giả đối với các BPHS phi HP. Để làm rõ khái niệm BPHS phi HP, luận án sẽ hệ thống hóa và **so sánh các quan điểm khác nhau** trong khoa học luật hình sự trên thế giới và tại Việt Nam về vấn đề này.

Trên cơ sở tìm hiểu và nghiên cứu, trước hết, có thể khái quát một số quan điểm của các học giả trên thế giới thể hiện ở những định nghĩa về BPHS phi HP cùng với nhiều thuật ngữ chỉ tên gọi khác nhau như sau:

Quan điểm thứ nhất xác định các biện pháp pháp luật hình sự khác (other criminal law measures) là "*các BPHS bên cạnh HP, có thể được áp dụng đối với một người đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng không nhằm trừng phạt mà nhằm giáo dục người đó và phòng ngừa hành vi phạm tội*"[36]. Trong cách định nghĩa về BPHS phi HP của mình, trước hết, học giả này đã sử dụng thuật ngữ các biện pháp pháp luật hình sự khác và khẳng định được mối quan hệ giữa các biện pháp pháp luật hình sự khác với HP khi đều là các BPHS; bên cạnh đó, học giả này cũng chỉ rõ được đối tượng bị áp dụng các biện pháp pháp luật hình sự khác là người phạm tội và khẳng định mục đích giáo dục và phòng ngừa của các biện pháp này.

Quan điểm thứ hai cho rằng các biện pháp pháp luật hình sự khác "*là các biện pháp được quy định trong luật hình sự do Tòa án hoặc cơ quan điều tra áp dụng đối với người thực hiện hành vi phạm tội, được áp dụng độc lập hoặc thay thế hay kèm*

[35] Patricia O'Brien (1978), "Crime and Punishment as Historical Problem (Tội phạm và Hình phạt - Một vấn đề lịch sử)", *Journal of Social History*, 11(4), 508–520.

[36] Skobelin S. Yu (2009), "The essence and content of criminal law measures, alternative to punishment (Bản chất và nội dung của các biện pháp pháp luật hình sự thay thế cho hình phạt)", *Yuridicheskaya nauka i pravookhranitel'naya praktika*, *4*(10), 57–62, tr. 61.

theo hình phạt, nhằm cải thiện và ngăn ngừa họ phạm tội mới"[37]. Có thể thấy, quan điểm này nhấn mạnh hình thức pháp lý hay phạm vi ngành luật quy định[38] các biện pháp pháp luật hình sự khác là luật hình sự - nhằm phân biệt với các BPHS phi HP. Thêm vào đó, nhà nghiên cứu này cũng nhận định rằng bên cạnh Tòa án, chủ thể áp dụng các biện pháp pháp luật hình sự khác còn có thể là cơ quan điều tra. Tuy nhiên, quan điểm này cũng vẫn xác định đối tượng bị áp dụng các biện pháp pháp luật hình sự khác ở phạm vi hẹp là người phạm tội và chỉ rõ mục đích cải thiện người phạm tội và phòng ngừa hành vi phạm tội của các biện pháp pháp luật hình sự khác. Ngoài ra, nhà nghiên cứu này còn khẳng định bên cạnh việc áp dụng thay thế hoặc kèm theo HP, trong một số trường hợp, các biện pháp pháp luật hình sự khác được áp dụng hoàn toàn độc lập với HP. Khẳng định này đã thể hiện rõ vị trí của các biện pháp pháp luật hình sự khác trong hệ thống các BPHS.

Quan điểm thứ ba đưa ra định nghĩa như sau: các BPHS khác (other penal measures) hay các biện pháp bảo đảm an toàn (security measures) "*là biện pháp cưỡng chế của nhà nước, được áp dụng dựa trên phán quyết của Tòa án đối với người phạm tội hay người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS, nhằm giáo dục, cải thiện những đối tượng này và phòng ngừa hành vi phạm tội một cách trực tiếp*"[39]. Về cơ bản, trong cách định nghĩa này, nhà nghiên cứu đã làm rõ tính cưỡng chế của các BPHS khác và khẳng định chủ thể áp dụng các biện pháp này là Tòa án. Đáng chú ý, quan điểm này đã chỉ ra hai nhóm đối tượng bị áp dụng các BPHS khác đó là người phạm tội và người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS; đồng thời nêu bật được cả hai mục đích giáo dục, cải thiện đối tượng bị áp dụng các BPHS khác cũng như mục đích phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội của các biện pháp này.

Nhìn chung, điểm tương đồng lớn nhất giữa các quan điểm trên là đều khẳng định mục đích của các BPHS phi HP là nhằm phòng ngừa hành vi phạm tội. Tuy

---

[37] Zemlyukov S.V. (2001), "The concept and content of criminal law measures (Khái niệm và nội dung của các biện pháp hình sự)", *State and Law at the Turn of the Century: Criminology, Criminal Law, Judicial Law: Proceedings of the All-Russian Conference (Kỷ yếu Hội thảo: Nhà nước và pháp luật vào thời điểm chuyển giao thế kỷ: Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tư pháp)*, 29–36, tr. 32.

[38] Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Lí luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 336.

[39] Maizer Chankseliani (2012), "Punishment and other penal measures (Hình phạt và các biện pháp hình sự khác)", *European Scientific Journal*, 8(2), 98-108.

nhiên, mỗi quan điểm lại khai thác khái niệm BPHS phi HP từ những khía cạnh khác nhau, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về hình thức pháp lý hay phạm vi ngành luật quy định các BPHS phi HP, khác với hai quan điểm còn lại không đề cập đến khía cạnh này, quan điểm thứ hai của nhà khoa học luật hình sự Zemlyukov S.V. đã chỉ rõ rằng các BPHS phi HP *được luật hình sự quy định*. Có thể nói, hình thức pháp lý là một trong những khía cạnh quan trọng nhằm phân biệt các BPHS phi HP với các BPHS phi HP như các biện pháp dân sự (được quy định trong luật dân sự) hay các biện pháp hành chính (được quy định trong luật hành chính). Vì vậy, việc thể hiện rõ nội dung này trong định nghĩa của Zemlyukov S.V. là hoàn toàn phù hợp.

Thứ hai, về bản chất pháp lý của các BPHS phi HP, trong khi hai học giả còn lại chưa thể hiện rõ nội dung này trong quan điểm của mình thì nhà nghiên cứu Maizer Chankseliani đã khẳng định rằng các BPHS phi HP *là biện pháp cưỡng chế nhà nước*. Điều này chính là điểm khác biệt cơ bản giữa các BPHS phi HP với các biện pháp khác được áp dụng dựa trên nguyên tắc bình đẳng - thỏa thuận như các biện pháp dân sự, thương mại.

Thứ ba, về mối quan hệ giữa các BPHS phi HP và HP, nếu như quan điểm thứ ba chưa đề cập tới khía cạnh này thì quan điểm thứ nhất của học giả Skobelin S.Yu đã xác định rằng các BPHS phi HP và HP *đều là các BPHS*; và quan điểm thứ hai của nhà khoa học luật hình sự Zemlyukov S.V. cũng đã khẳng định vai trò của các BPHS phi HP là các biện pháp được áp dụng *thay thế hoặc kèm theo HP*. Đồng thời, tác giả Zemlyukov S.V. đã khẳng định các BPHS phi HP cũng được áp dụng độc lập với HP. Việc lồng ghép nội dung về mối quan hệ giữa các BPHS phi HP và HP trong cách định nghĩa của hai học giả nêu trên một mặt thể hiện được điểm chung giữa các BPHS phi HP và HP; mặt khác chứng minh tính độc lập tương đối của các BPHS phi HP so với HP qua đó nhấn mạnh tầm quan trọng cũng như vị trí của các BPHS phi HP trong hệ thống các BPHS nói riêng và trong luật hình sự nói chung.

Thứ tư, về mục đích của các BPHS phi HP, trước hết, để đạt đến mục đích cuối cùng là *phòng ngừa* hành vi phạm tội, nếu như học giả Zemlyukov S.V. cho rằng các BPHS phi HP nhằm *cải thiện* người phạm tội, thì học giả Skobelin S.Yu lại nhấn mạnh rằng các BPHS phi HP nhằm *giáo dục* người phạm tội mà không có mục đích trừng phạt họ. Trong khi đó, quan điểm thứ ba của nhà nghiên cứu Maizer

Chankseliani xác định rằng các BPHS phi HP có tính *giáo dục* hoặc *cải thiện* người phạm tội hay người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội để hạn chế nguyên nhân của hành vi phạm tội, từ đó *phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội*. Có thể thấy, mỗi nhà khoa học luật hình sự đều đã chỉ ra được mục đích cơ bản của các BPHS phi HP nhưng quan điểm thứ ba của học giả Maizer Chankseliani là thuyết phục nhất và thể hiện đầy đủ nhất mục đích, bản chất, đặc trưng riêng của các BPHS phi HP, giúp phân biệt các BPHS phi HP với HP.

Ở Việt Nam, khái niệm BPHS phi HP lần đầu tiên được đề cập đến trong một số nghiên cứu của Giáo sư Nguyễn Ngọc Hòa[40] và sau đó cũng được đưa ra trong một số công trình khoa học luật hình sự khác. Theo đó, khái niệm BPHS phi HP được thể hiện trong một số quan điểm khác nhau như sau:

Quan điểm thứ nhất[41] cho rằng: các BPHS phi HP hay các BPHS khác là các biện pháp tác động của Nhà nước được pháp luật hình sự quy định, mang tính cưỡng chế nhưng không gây hại/ bất lợi cho quyền, lợi ích của đối tượng bị áp dụng các biện pháp này, có mục đích thiên về hướng phòng ngừa qua tác động trực tiếp đến các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội để triệt tiêu, hạn chế các yếu tố có thể góp phần tạo ra nguyên nhân tái diễn hành vi phạm tội. Trên cơ sở đó, học giả này đã khẳng định rằng không phải tất cả các biện pháp cưỡng chế nhà nước khác ngoài HP được pháp luật hình sự ghi nhận đều được coi là các BPHS phi HP.

Có thể thấy, trong cách định nghĩa của mình, học giả này đã xác định tính cưỡng chế của các BPHS phi HP và phạm vi ngành luật quy định các BPHS phi HP là luật hình sự; đồng thời, khẳng định các BPHS phi HP được coi là các biện pháp hỗ trợ hoặc thay thế cho HP. Tuy nhiên, quan điểm này lại nhận định rằng các BPHS phi HP không gây hại/ bất lợi, không nhằm "răn đe" và "cảnh báo có tính răn đe" đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP. Ví dụ, theo nhà nghiên cứu này, biện pháp cấm hành nghề không nhằm răn đe người bị áp dụng mà chỉ là biện pháp tách người phải chịu TNHS khỏi môi trường có thể làm phát sinh hành vi phạm tội như đã xảy ra để đề phòng nguy cơ phạm tội lại. Nói cách khác, biện pháp cấm hành nghề chỉ để giúp

---

[40] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam Tập 1*, NXB CAND, Hà Nội, tr. 11 và Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 29.

[41] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 37.

người bị áp dụng biện pháp này tránh lặp lại hành vi phạm tội. Đáng chú ý, quan điểm này nhấn mạnh mục đích "thiên về hướng" phòng ngừa hành vi phạm tội một cách trực tiếp của các BPHS phi HP và cho rằng đây chính là đặc điểm cơ bản để nhận biết các BPHS phi HP cũng như để phân biệt các BPHS phi HP với HP bởi theo học giả này, HP có mục đích "thiên về hướng" phòng ngừa hành vi phạm tội một cách không trực tiếp thông qua tác động "răn đe", "cảnh báo có tính răn đe". Mặt khác, theo quan điểm này, ngoài HP, không phải tất cả các biện pháp cưỡng chế nhà nước khác được quy định trong nguồn luật hình sự của một quốc gia đều được coi là các BPHS phi HP, mà còn có một số biện pháp cưỡng chế thuộc các ngành luật khác nhưng được pháp luật hình sự ghi nhận để tăng tính cưỡng chế và để có cơ sở cho việc giải quyết kết hợp các phát sinh liên quan trong cùng vụ án hình sự vì nhà nghiên cứu này cho rằng các biện pháp cưỡng chế này không có mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội[42]; trong khi đó, một trong những đặc điểm cơ bản của các BPHS đó là mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội.

Quan điểm thứ hai[43] xác định BPHS phi HP là những biện pháp xử lý hình sự được quy định trong BLHS, có tính cưỡng chế ít nghiêm khắc hơn HP, do các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đối với người phạm tội nhằm thay thế hoặc hỗ trợ cho HP, có mục đích phòng ngừa riêng, phòng ngừa chung nhưng không có yếu tố răn đe (trừng trị) người phạm tội mà chủ yếu nhằm giáo dục, cải tạo, phục hồi chức năng đối với họ hoặc hạn chế/ loại bỏ những điều kiện để họ có thể tiếp tục phạm tội lại; mục đích hỗ trợ cho việc thực hiện TNHS; mục đích khắc phục hậu quả của tội phạm và mục đích bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại. Vì vậy, theo học giả này, tất cả các biện pháp cưỡng chế khác ngoài HP được quy định trong luật hình sự đều là BPHS phi HP.

Có thể thấy, quan điểm này khẳng định các BPHS phi HP chỉ được quy định trong BLHS và bản chất pháp lý của các BPHS phi HP là có tính cưỡng chế ít nghiêm khắc hơn HP, với vai trò chủ yếu là hỗ trợ hoặc thay thế cho HP. Theo đó, học giả này cho rằng tất cả các biện pháp cưỡng chế khác không phải HP được quy định trong luật hình sự đều là BPHS phi HP. Không chỉ vậy, quan điểm này xác định chủ thể áp

---

[42] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 8, tr. 28-29, tr. 36-37.

[43] Hoàng Hải Yến (2022), "Bàn về khái niệm biện pháp hình sự phi hình phạt trong mối quan hệ với HP", *Tạp chí Kiểm sát*, (11), 46-52, tr. 51, 52.

dụng các BPHS phi HP là cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, học giả này lại khẳng định đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP chỉ là người phạm tội. Ngoài ra, bên cạnh mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung, quan điểm này còn chỉ ra những mục đích khác của các BPHS phi HP như giáo dục, cải tạo, phục hồi…

Trên đây là một số ít các quan điểm đề cập đến thuật ngữ các BPHS phi HP và nghiên cứu chung về các biện pháp này tại Việt Nam; trong khi đó, đa số các nghiên cứu còn lại trong nước đều tiếp cận và tìm hiểu về các biện pháp này dưới góc độ là từng nhóm biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP với tên gọi là các biện pháp tư pháp và các biện pháp giám sát, giáo dục[44], cụ thể như:

Quan điểm thứ ba định nghĩa biện pháp tư pháp "*là biện pháp cưỡng chế về hình sự của Nhà nước ít nghiêm khắc hơn HP do pháp luật hình sự quy định và được cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền căn cứ vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cụ thể áp dụng đối với người phạm tội để hạn chế quyền tự do của người đó hoặc hỗ trợ hay thay thế cho HP*"[45]. Quan điểm này chỉ ra rằng chủ thể áp dụng các biện pháp tư pháp là cơ quan tư pháp hình sự; theo đó, thẩm quyền này sẽ được căn cứ vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cụ thể. Bên cạnh đó, quan điểm này cho rằng đối tượng bị áp dụng các biện pháp tư pháp là người phạm tội và nhận định rằng trong số các biện pháp tư pháp, một số biện pháp là để hạn chế quyền tự do của người phạm tội; một số biện pháp là để hỗ trợ hay thay thế cho HP. Ngoài ra, nhà khoa học này cũng nhấn mạnh tính cưỡng chế về hình sự của các biện pháp tư pháp và khẳng định các biện pháp tư pháp ít nghiêm khắc hơn so với HP. Về vấn đề này, có ý kiến khác cho rằng việc các biện pháp tư pháp ít nghiêm khắc hơn HP chỉ mang tính tương đối vì nếu so sánh riêng lẻ giữa một số biện pháp tư pháp nhất định với HP, có thể thấy rằng mức độ nghiêm khắc của một số biện pháp tư pháp còn cao hơn HP. Mặc dù vậy, trong khoa học luật hình sự Việt Nam, có nhiều ý kiến ủng hộ quan điểm cho rằng các biện pháp tư pháp ít nghiêm khắc hơn so với HP (là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất[46]) vì HP là hình thức thể hiện cơ bản và quan trọng nhất của TNHS

---

[44] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 10.

[45] Lê Văn Cảm (2000), "Hình phạt và biện pháp tư pháp trong Luật Hình sự Việt Nam", *Tạp chí Dân chủ & Pháp Luật*, (8), 11-13.

[46] Trương Quang Vinh (2010), "Thực trạng quy định của pháp luật hình sự về các biện pháp tư pháp: Thực tiễn áp dụng và một số đề xuất", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (02), 63-67.; và Trịnh Tiến Việt (2010), "Những khía cạnh pháp lý hình sự về các hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội (Kỳ II)", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (14), 2-23.

nên tính chất cưỡng chế nghiêm khắc (để tương xứng với tính nguy hiểm của hành vi phạm tội) chủ yếu được thể hiện trong HP[47]. Còn các biện pháp tư pháp chỉ mang tính hỗ trợ hoặc thay thế HP. Thêm vào đó, việc áp dụng các biện pháp tư pháp không để lại án tích như HP[48]. Mặt khác, quan điểm này cũng xác định luật hình sự là ngành luật quy định các biện pháp tư pháp. Nói cách khác, nhà nghiên cứu này nhận định rằng các biện pháp cưỡng chế về hình sự của Nhà nước ngoài HP, do pháp luật hình sự quy định, đều có thể được coi là các biện pháp tư pháp.

Quan điểm thứ tư khẳng định: "*Biện pháp tư pháp là biện pháp cưỡng chế của nhà nước được các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đối với người phạm tội hoặc người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhằm ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội hoặc gây nguy hiểm cho xã hội và giáo dục họ trở thành những công dân có ích cho xã hội*"[49]. Có thể thấy, quan điểm này đã khẳng định tính cưỡng chế của các biện pháp tư pháp; đồng thời chỉ ra chủ thể áp dụng các biện pháp tư pháp là các cơ quan tiến hành tố tụng. Đáng chú ý, quan điểm này đã xác định đối tượng bị áp dụng các biện pháp tư pháp không chỉ là người phạm tội mà còn có thể là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Thêm vào đó, nhà nghiên cứu này cũng nhấn mạnh hai mục đích chính của các biện pháp tư pháp đó là ngăn ngừa đối tượng bị áp dụng các biện pháp tư pháp tiếp tục phạm tội (mục đích phòng ngừa riêng) và mục đích giáo dục đối tượng bị áp dụng các biện pháp tư pháp.

Bên cạnh nhóm các biện pháp tư pháp thì theo quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu tại Việt Nam, nhóm các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS cũng thuộc hệ thống các BPHS phi HP[50]. Theo đó, có nhà khoa học cho rằng các biện pháp giám sát, giáo dục là các biện pháp mang tính giáo dục, phòng ngừa xã hội được áp dụng khi người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS theo quy định của BLHS, buộc người đó phải chịu sự giám sát, giáo dục tại địa phương trong một thời gian nhất định nhằm mục đích giúp

---

[47] Nguyễn Thị Ánh Hồng (2012), "Biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam và vấn đề bảo vệ quyền con người", *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (3), 24-30.

[48] Về vấn đề này, xem: Trần Đình Thắng (2020), "Biện pháp tư pháp – Thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, 09 (409), 11-14. và Hà Lệ Thủy (2020), *Chế định biện pháp tư pháp trong Luật Hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 51.

[49] Trần Minh Hưởng (2002), *Tìm hiểu Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam (phần chung)*, Nxb Lao động, Hà Nội, tr.198; dẫn theo Nguyễn Thị Ánh Hồng (2012), "Biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam và vấn đề bảo vệ quyền con người", *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (3), 24-30.

[50] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 10.

cho người phạm tội nhận rõ được lỗi lầm, ăn năn hối cải, khắc phục sai phạm[51]. Liên quan đến mục đích giáo dục của các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS, có ý kiến đồng tình với quan điểm trên khi cho rằng từ chính sách hình sự lấy giáo dục là chính trong truy cứu TNHS NCTN, hiện nay luật hình sự có xu hướng mở rộng các BPHS phi HP đối với NCTN phạm tội. Đó là các biện pháp phòng ngừa có tính giáo dục có thể thay thế HP trong những trường hợp phù hợp[52].

Nhìn chung, trong quá trình tiếp cận và tìm hiểu về khái niệm BPHS phi HP, các nhà khoa học luật hình sự Việt Nam đều xác định được bản chất pháp lý của các BPHS phi HP là có tính cưỡng chế Nhà nước. Bên cạnh đó, quan điểm của các học giả trong nước nêu trên thể hiện khái niệm BPHS phi HP với một số khía cạnh khác nhau, cụ thể:

Thứ nhất, về hình thức pháp lý hay phạm vi ngành luật quy định các BPHS phi HP, nếu như quan điểm thứ tư chưa thể hiện được nội dung này, thì ba quan điểm còn lại đã xác định các BPHS phi HP là *do pháp luật hình sự quy định.* Có thể nói, cách tiếp cận về phạm vi ngành luật quy định các BPHS phi HP được thể hiện trong ba quan điểm đầu là hoàn toàn phù hợp. Bởi lẽ, điều này giúp phân biệt các BPHS phi HP với các BPHS phi HP như các biện pháp hành chính hay các biện pháp dân sự.

Thứ hai, về bản chất pháp lý của các BPHS phi HP, trước hết, trong số bốn quan điểm nói trên, cách tiếp cận thể hiện ở quan điểm thứ ba về tính cưỡng chế của các BPHS phi HP là rõ ràng nhất khi khẳng định rằng các BPHS phi HP là các biện pháp *cưỡng chế về "hình sự"*. Bởi lẽ, trong số các biện pháp cưỡng chế Nhà nước, bên cạnh các biện pháp cưỡng chế về hình sự còn có các biện pháp cưỡng chế thuộc ngành luật khác (ví dụ như các biện pháp cưỡng chế hành chính). Do vậy, việc thể hiện rõ tính cưỡng chế hình sự của các BPHS phi HP trong quan điểm thứ ba là hoàn toàn phù hợp. Mặt khác, trong khi quan điểm thứ nhất nhấn mạnh đặc trưng cơ bản của các BPHS phi HP đó là không có tính gây hại/ bất lợi đối với những đối tượng bị áp dụng các biện pháp này, thì quan điểm thứ ba lại khẳng định rằng các BPHS phi

[51] Nguyễn Quý Khuyến (2019), "Một số vấn đề về biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự năm 2015", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (1), 13-21.

[52] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 37.

HP được áp dụng để hạn chế quyền tự do của người phạm tội và do vậy cũng có tính gây bất lợi cho đối tượng bị áp dụng các biện pháp này. Như vậy, có thể thấy rằng, trong khoa học luật hình sự hiện nay có nhiều quan điểm chưa thống nhất liên quan đến nội dung về bản chất pháp lý của các BPHS phi HP.

Thứ ba, về mối quan hệ giữa các BPHS phi HP và HP, trong khi quan điểm thứ tư chưa thể hiện rõ khía cạnh này, thì ba quan điểm còn lại đã xác định vai trò của các BPHS phi HP là *hỗ trợ hoặc thay thế cho HP*. Có thể nói, bên cạnh việc phân biệt các BPHS phi HP với HP, việc chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa hai nhóm BPHS này cũng rất quan trọng để làm rõ khái niệm, mục đích, ý nghĩa của các BPHS phi HP, tạo điều kiện thuận lợi cho thực tiễn áp dụng.

Thứ tư, về mục đích của các BPHS phi HP, nếu như quan điểm thứ ba chưa xác định cụ thể nội dung này thì trong ba quan điểm còn lại, các học giả đã chỉ ra những mục đích khác nhau của các BPHS phi HP. Cụ thể, quan điểm thứ tư xác định mục đích của các BPHS phi HP là nhằm *ngăn ngừa* người phạm tội hoặc người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội tiếp tục phạm tội hoặc gây nguy hiểm cho xã hội và *giáo dục* những đối tượng này trở thành công dân có ích cho xã hội. Trong khi đó, quan điểm đầu tiên và quan điểm thứ hai đều khẳng định rằng các BPHS phi HP không có mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội bằng cách "răn đe" những đối tượng bị áp dụng các biện pháp này. Tuy nhiên, trong khi quan điểm thứ nhất nhấn mạnh rằng các BPHS phi HP nhằm "thiên về hướng" phòng ngừa qua tác động trực tiếp đến các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội để triệt tiêu, hạn chế các yếu tố có thể góp phần tạo ra nguyên nhân tái diễn hành vi phạm tội, thì quan điểm thứ hai lại chỉ ra bốn mục đích khác nhau của các BPHS phi HP đó là *phòng ngừa riêng, phòng ngừa chung*; hỗ trợ cho việc thực hiện TNHS; khắc phục hậu quả của tội phạm và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại. Có thể thấy, quan điểm thứ nhất, quan điểm thứ hai và quan điểm thứ tư đều xác định được mục đích phòng ngừa của các BPHS phi HP. Trong số đó, bằng việc xác định mục đích của các BPHS phi HP là *"thiên về hướng" phòng ngừa hành vi phạm tội một cách trực tiếp*, quan điểm thứ nhất đã xác định rõ bản chất và đặc trưng riêng của các BPHS phi HP, qua đó không chỉ giúp phân biệt các BPHS phi HP với HP mà còn phân biệt các BPHS phi HP với các biện pháp cưỡng chế có liên quan khác được pháp luật hình sự ghi nhận.

Thứ năm, về hệ thống các BPHS phi HP, cùng với việc tiếp cận mục đích của các BPHS phi HP trong phạm vi là "thiên về hướng" phòng ngừa hành vi phạm tội một cách trực tiếp, việc xác định hệ thống các BPHS phi HP được thể hiện trong quan điểm thứ nhất cũng có sự khác biệt so với quan điểm thứ hai và quan điểm thứ ba. Cụ thể, nếu như quan điểm thứ nhất chỉ ra rằng *không phải tất cả các biện pháp cưỡng chế nhà nước khác ngoài HP được pháp luật hình sự ghi nhận đều được coi là các BPHS phi HP*, thì quan điểm thứ hai và quan điểm thứ ba nhận định tất cả các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước ngoài HP, do luật hình sự quy định, đều có thể được coi là các BPHS phi HP.

Khái quát hóa những quan điểm của các học giả trong và ngoài nước về khái niệm BPHS phi HP, có thể thấy hai góc độ tiếp cận khái niệm này như sau: (i) Hướng thứ nhất tiếp cận khái niệm BPHS phi HP để chỉ ra những đặc điểm của các BPHS phi HP; (ii) Hướng thứ hai tiếp cận khái niệm BPHS phi HP để chỉ ra phạm vi phản ánh nội hàm của khái niệm này. Trong đó, phạm vi phản ánh rộng tiếp cận khái niệm này để chỉ tất cả các biện pháp cưỡng chế ngoài HP được quy định trong luật hình sự; còn phạm vi phản ánh hẹp tiếp cận khái niệm này để chỉ các BPHS có mục đích phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội. Ngoài ra, cũng có những nghiên cứu về từng nhóm nằm trong nội hàm của BPHS phi HP. Nhìn chung, *so sánh quan điểm của các nhà nghiên cứu luật hình sự trong nước và ngoài nước liên quan đến các BPHS phi HP*, có thể thấy những điểm tương đồng, khác biệt nhất định, thể hiện những khía cạnh khác nhau của các BPHS phi HP. Cụ thể, một số quan điểm đã nhận định rằng các BPHS phi HP có tính cưỡng chế nhà nước và được luật hình sự quy định, từ đó phân biệt các BPHS phi HP với các BPHS phi HP như các biện pháp hành chính hay dân sự. Bên cạnh những điểm tương đồng, các nhà khoa học luật hình sự trong nước và ngoài nước cũng đưa ra những quan điểm khác nhau. Cụ thể, trong khi phần lớn các nhà nghiên cứu trong nước đều chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa các BPHS phi HP và HP, đó là các BPHS phi HP có vai trò hỗ trợ hoặc thay thế cho HP, thì nhà nghiên cứu ngoài nước đã khẳng định rõ hơn vị trí cũng như tầm quan trọng của các BPHS phi HP khi cho rằng bên cạnh việc được áp dụng thay thế hoặc kèm theo HP, trong một số trường hợp, các BPHS phi HP được áp dụng hoàn toàn độc lập với HP. Thêm vào đó, mỗi quan điểm của các nhà khoa học luật hình sự lại có những khác biệt nhất định theo từng nội dung như mục đích của các BPHS phi HP, hệ thống các

BPHS phi HP, chủ thể áp dụng và đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP và mỗi quan điểm đều chứa đựng những hạt nhân hợp lý nhất định. Tuy nhiên, quan điểm khẳng định mục đích của các BPHS phi HP là "thiên về hướng" phòng ngừa hành vi phạm tội một cách trực tiếp là quan điểm có tính thuyết phục, phù hợp với quan điểm trong khoa học luật hình sự thế giới khi xác định rõ bản chất, đặc trưng riêng, ngoại diên và nội hàm của các BPHS phi HP; từ đó phân biệt được các BPHS phi HP với HP cũng như phân biệt các BPHS phi HP với các biện pháp cưỡng chế có liên quan khác được pháp luật hình sự ghi nhận.

Trên cơ sở phân tích và bình luận những quan điểm của một số học giả trong nước và ngoài nước, có thể đưa ra một định nghĩa đầy đủ và chi tiết nhất về các BPHS phi HP như sau: *Các BPHS phi HP là các biện pháp cưỡng chế hình sự của nhà nước được quy định trong luật hình sự, do cơ quan tư pháp có thẩm quyền căn cứ vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cụ thể quyết định áp dụng với người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS và/ hoặc pháp nhân phải chịu TNHS, được áp dụng độc lập với HP, hoặc thay thế hay kèm theo HP, nhằm ngăn chặn hoặc phục hồi hoặc cải thiện hay giáo dục với mục đích cuối cùng là phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội.*

Từ định nghĩa về BPHS phi HP nói trên; có thể nhận định rằng, các BPHS phi HP có những đặc điểm chung của các BPHS đó là: có tính cưỡng chế hình sự; được luật hình sự quy định[53] và có mục đích cuối cùng là phòng ngừa tội phạm (để phân biệt với các BPHS phi HP như biện pháp dân sự, biện pháp hành chính, hay biện pháp kỷ luật). Bên cạnh đó, các BPHS phi HP cũng có **đặc trưng riêng thể hiện bản chất của các biện pháp này** như sau:

Thứ nhất, ngoài mục đích cuối cùng là thiên về hướng phòng ngừa hành vi phạm tội một cách trực tiếp (bao gồm cả mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung), mỗi BPHS phi HP đều có vai trò, chức năng, ý nghĩa riêng, được quy định để áp dụng với từng đối tượng tương ứng, mang tính cá nhân hóa cao. Trước hết, mục đích ngăn chặn của các BPHS phi HP được thể hiện ở chỗ khi chấp hành một số

[53] NCS sử dụng thuật ngữ "luật hình sự" vì như đã phân tích, có quan điểm của một số nhà khoa học luật hình sự trên thế giới cho rằng các BPHS có thể được quy định bởi cả BLHS và các nguồn luật khác như các đạo luật liên quan và các án lệ. Xem Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2015), *Sửa đổi Bộ luật Hình sự - Những nhận thức cần thay đổi?*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 28. Ngoài ra, tại Chương 3 của luận án này, NCS có đề xuất về việc xây dựng Luật Tư pháp người chưa thành niên, trong đó quy định riêng về các BPHS phi HP áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

BPHS phi HP nhất định, các đối tượng bị áp dụng sẽ phải thực hiện những công việc để trực tiếp ngăn ngừa hậu quả của hành vi phạm tội tiếp tục xảy ra. Bên cạnh đó, một số biện pháp cũng được áp dụng để ngăn chặn người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội[54] tiếp cận các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội, ví dụ như một địa điểm, khu vực nhất định mà những nơi đó có thể tạo cho họ cơ hội hoặc sự kích thích cho các tội phạm tiếp theo; hay một số người nhất định xúi giục họ thực hiện hành vi phạm tội… Thêm vào đó, một số BPHS phi HP có mục đích phục hồi là vì các biện pháp này giúp đối tượng bị áp dụng có thể nhận thức được rõ bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật mà họ đã thực hiện và tránh lặp lại hành vi đó thông qua việc chấp hành các nghĩa vụ nhất định để phục hồi lại những mối quan hệ trước khi tội phạm xảy ra. Hơn nữa, trong một số trường hợp nhất định, việc áp dụng các BPHS phi HP chính là phương pháp giúp cải thiện bản thân người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, ví dụ như chữa bệnh hoặc cai nghiện rượu, ma túy hay các chất gây nghiện khác… mà các yếu tố này chính là yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội; từ đó, giúp những đối tượng này có thể tái hòa nhập với cộng đồng cũng như ngăn ngừa họ tiếp tục thực hiện tội phạm trong tương lai. Ngoài ra, giáo dục cũng là một trong những mục đích quan trọng hướng tới mục đích cuối cùng là thiên về hướng phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội của các BPHS phi HP. Bởi lẽ, việc nhận thức không đúng hoặc không đầy đủ về pháp luật và tính nguy hiểm của hành vi phạm tội chính là những yếu tố cơ bản thuộc nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội, đặc biệt đối với đối tượng là NCTN phạm tội bởi kinh nghiệm cuộc sống của những đối tượng này còn chưa có hoặc có rất ít, đặc biệt là khả năng nhận biết và hiểu các chuẩn mực xã hội, đạo đức và pháp luật còn nhiều hạn chế[55]. Theo đó, một số BPHS phi HP không chỉ có tác dụng thay đổi hay nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật của những đối tượng bị áp dụng các biện pháp này để triệt tiêu, hạn chế các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội, mà còn tác động tới những cá nhân, tổ chức khác trong xã hội để hướng tới mục đích phòng ngừa chung của các BPHS như đã phân tích. Nhìn chung, các BPHS phi HP rất đa dạng về thể loại, trong đó có biện pháp thể hiện mục

[54] Trong trường hợp này, NCS sử dụng thuật ngữ "người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội" để chỉ hai nhóm: người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội phải chịu TNHS (người phạm tội) và người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS.

[55] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Tư pháp đối với người chưa thành niên*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 85.

đích ngăn ngừa rất rõ ràng (ví dụ như biện pháp quản chế), có biện pháp thể hiện mục đích phục hồi rất rõ ràng (ví dụ như biện pháp hòa giải tại cộng đồng áp dụng đối với NCTN phạm tội hay người dưới 18 tuổi phạm tội khi người đó có nghĩa vụ xin lỗi người bị hại và bồi thường thiệt hại), có biện pháp thể hiện mục đích cải thiện rất rõ ràng (ví dụ như biện pháp chữa bệnh bắt buộc), có biện pháp thể hiện mục đích giáo dục rất rõ ràng (ví dụ như biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng). Mặc dù mỗi BPHS phi HP thể hiện những mục đích riêng, được quy định để áp dụng phù hợp với từng đối tượng tương ứng, nhưng tựu chung lại thì các biện pháp này đều có mục đích chung cuối cùng là thiên về hướng phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội được thể hiện thông qua phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung.

Thứ hai, trong một số trường hợp các BPHS phi HP áp dụng độc lập với HP, trong một số trường hợp các BPHS phi HP áp dụng thay thế HP và trong một số trường hợp các BPHS phi HP áp dụng kèm theo HP. Cụ thể, đối với người hoặc pháp nhân phải chịu TNHS về hành vi nguy hiểm cho xã hội, chủ thể có thẩm quyền có thể áp dụng các BPHS phi HP kèm theo HP. Khi đó, các BPHS phi HP có vai trò nâng cao hiệu quả xử lý các chủ thể của TNHS; đồng thời, tối ưu hóa mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của các BPHS. Còn trong một số trường hợp khác, đối với NCTN phạm tội được miễn TNHS, các BPHS phi HP lại được những chủ thể có thẩm quyền áp dụng để thay thế cho HP. Miễn TNHS chỉ áp dụng đối với người mà trong hành vi của họ đã thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể nhưng họ lại có những điều kiện nhất định để được miễn TNHS. Chủ thể có thẩm quyền miễn TNHS cho một người nếu việc truy cứu TNHS và áp dụng HP đối với người đó là không cần thiết mà vẫn bảo đảm yêu cầu phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội[56]. Vì vậy, việc áp dụng các BPHS phi HP trong trường hợp này nhằm thay thế HP cũng góp phần tối ưu hóa mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội. Mặt khác, đối với những đối tượng thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS (ví dụ người bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi do mắc bệnh trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; hoặc người bị mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của chất kích thích mà không

[56] Trịnh Tiến Việt (2008), "Khái niệm miễn trách nhiệm hình sự và phân loại các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự", *Tạp chí Luật học*, 6, 45-53, tr. 47, 48.

phải do lỗi của mình gây ra trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội), thì các BPHS phi HP được áp dụng hoàn toàn độc lập với HP.

Thứ ba, các BPHS phi HP có tính đa dạng về chủ thể áp dụng và đối tượng bị áp dụng trong tương quan so sánh với HP. Cụ thể, chủ thể áp dụng các BPHS phi HP là các cơ quan tư pháp hình sự ở các giai đoạn tố tụng khác nhau. Bên cạnh đó, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP có thể được chia thành bốn nhóm đó là: (i) người phạm tội; (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS; (iii) pháp nhân phải chịu TNHS; và (iv) NCTN phạm tội. Có thể khẳng định rằng, đặc điểm nói trên của các BPHS phi HP góp phần thể hiện rõ nguyên tắc phân hóa TNHS – một nguyên tắc cơ bản của pháp luật hình sự.

1.2. Hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt

1.2.1. Khái niệm hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt

Trước hết, để có thể đưa ra được định nghĩa về hệ thống các BPHS phi HP, khái niệm hệ thống cần được tìm hiểu và làm rõ. Theo đó, trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng, hiện nay đã có nhiều cách định nghĩa khác nhau về thuật ngữ này. Cụ thể, trong từ điển Black's Law, "hệ thống" được định nghĩa là "*sự kết hợp hoặc sự sắp xếp có trật tự, đặc biệt là theo một nguyên tắc hợp lý từ các chi tiết, bộ phận hoặc các yếu tố tạo thành một tổng thể.*"[57] Bên cạnh đó, tại Việt Nam, "hệ thống" được hiểu là một chỉnh thể thống nhất được tạo nên từ "*tập hợp nhiều yếu tố, đơn vị cùng loại hoặc cùng chức năng, có quan hệ hoặc liên hệ với nhau chặt chẽ*"[58], bao gồm những tư tưởng, những nguyên tắc liên kết có logic[59].

Căn cứ vào các cách định nghĩa về hệ thống nêu trên, kết hợp với định nghĩa về BPHS phi HP, có thể khẳng định rằng hệ thống các BPHS phi HP là một chỉnh thể thống nhất được sắp xếp theo những yêu cầu và nguyên tắc nhất định, bao gồm các biện pháp cưỡng chế hình sự của nhà nước được quy định trong luật hình sự, do cơ quan tư pháp có thẩm quyền căn cứ vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cụ thể quyết định áp dụng với người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS và/ hoặc pháp nhân phải chịu TNHS, được áp dụng

---

[57] Henry Campell Black, M.A. (1968), *Black's Law Dictionary*, West Publishing Co., Minnesota, tr.1621.
[58] Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr. 434.
[59] Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa thông tin, tr.797, dẫn theo Phaivanh Ounvilai (2015), *Hệ thống hình phạt - So sánh giữa pháp luật hình sự Lào và Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 20.

độc lập với HP, hoặc thay thế hay kèm theo HP, nhằm ngăn chặn hoặc phục hồi hoặc cải thiện hay giáo dục với mục đích cuối cùng là phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội.

1.2.2. Yêu cầu và nguyên tắc xây dựng hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt

Một hệ thống các BPHS phi HP hoàn chỉnh phải thoả mãn các yêu cầu và được xây dựng theo các nguyên tắc sau đây:

Thứ nhất, hệ thống các BPHS phi HP một mặt phải thể hiện được tính độc lập tương đối với hệ thống HP; mặt khác, phải bảo đảm mối quan hệ mật thiết với hệ thống HP – đó là trong một số trường hợp các BPHS phi HP áp dụng độc lập với HP, trong một số trường hợp các BPHS phi HP áp dụng thay thế HP và trong một số trường hợp các BPHS phi HP áp dụng kèm theo HP. Bởi lẽ, việc xây dựng một hệ thống các BPHS phi HP độc lập tương tối với HP chính là khẳng định vai trò, chức năng, vị trí, mục đích cũng như ý nghĩa riêng của các BPHS phi HP mà không phụ thuộc vào HP. Nói cách khác, các BPHS phi HP cùng với HP góp phần tối ưu hóa mục đích phòng ngừa của các BPHS. Tuy nhiên, một hệ thống các BPHS phi HP riêng rẽ, không thống nhất với hệ thống HP sẽ rất dễ khiến cho việc áp dụng các BPHS phi HP bị sai mục đích, gây nên những hậu quả không đáng có. Vì vậy, khi xây dựng hệ thống các BPHS phi HP, các nhà lập pháp cần phải xem xét một cách hợp lý trong mối tương quan với HP, từ đó tạo nên một hệ thống các BPHS toàn diện, thống nhất.

Thứ hai, hệ thống các BPHS phi HP được xây dựng phải xuất phát từ đặc điểm của người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS, pháp nhân phải chịu TNHS - các đối tượng bị áp dụng các biện pháp này. Một trong những điểm khác biệt cơ bản giữa HP và các BPHS phi HP đó là trong khi HP gắn với hành vi phạm tội thì các BPHS phi HP lại gắn với các yếu tố của "nguy cơ tái diễn" hành vi phạm tội xuất phát từ đặc điểm của đối tượng bị áp dụng các biện pháp này[60]. Theo đó, các BPHS phi HP phải được xây dựng với nội dung rõ ràng là phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội bằng cách ngăn chặn hành vi phạm tội tiếp tục xảy ra hay cải thiện hay giáo dục để phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng

[60] Điểm khác biệt giữa HP và các BPHS phi HP nêu trên sẽ được NCS phân tích cụ thể hơn tại Mục 1.5. Phân biệt các biện pháp hình sự phi hình phạt với hình phạt của luận án này.

bị áp dụng các BPHS phi HP. Từ đó, các BPHS phi HP có thể tối ưu hóa những mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của các BPHS. Ngoài ra, hệ thống các BPHS phi HP phải thể hiện tính nhân đạo, không có biện pháp nào có tính chất khủng bố, trả thù hay đầy đọa thể xác hoặc chà đạp nhân phẩm con người. Có như vậy, việc áp dụng các BPHS phi HP mới đạt được hiệu quả mong muốn.

Thứ ba, hệ thống các BPHS phi HP phải đảm bảo tính đa dạng, phù hợp với các đối tượng bị áp dụng và có thể áp dụng được ở các giai đoạn tố tụng khác nhau. Bởi lẽ, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP đa dạng hơn so với HP; bên cạnh người phạm tội và/ hoặc pháp nhân phải chịu TNHS, còn có người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS; NCTN phạm tội được miễn TNHS. Mặt khác, như đã phân tích, bên cạnh Tòa án, việc chủ thể khác cũng có thẩm quyền quyết định áp dụng các BPHS phi HP thể hiện được tính linh hoạt cũng như tính kịp thời của việc áp dụng các BPHS phi HP nhằm phục vụ tốt nhất cho quá trình tố tụng hình sự. Do đó, hệ thống các BPHS phi HP cần đa dạng về thể loại, linh hoạt về kết cấu và khả năng vận dụng, giúp cho các cơ quan tư pháp có thể lựa chọn áp dụng các BPHS phi HP đối với từng đối tượng bị áp dụng khác nhau và trong từng giai đoạn tố tụng khác nhau, tạo điều kiện tốt hơn để có được BPHS phi HP thích hợp nhất đối với từng trường hợp cụ thể, giúp cho các BPHS phi HP được áp dụng một cách hiệu quả.

1.2.3. So sánh quan điểm về phân loại các biện pháp hình sự phi hình phạt

Hiện nay, số lượng các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến hệ thống các BPHS phi HP, cụ thể hơn là các công trình phân loại các BPHS phi HP còn khá khiêm tốn. Đa phần trong những công trình có nghiên cứu về vấn đề này, các học giả chỉ xác định dựa theo quy định cụ thể của pháp luật quốc gia hoặc căn cứ theo một tiêu chí nhất định. Ví dụ, trong số các công trình nghiên cứu tại Việt Nam, có học giả đã phân loại các biện pháp cưỡng chế hình sự khác (mang tính chất của các BPHS phi HP) thành ba nhóm lớn, dựa trên đối tượng bị áp dụng các biện pháp này, đó là: (i) các biện pháp cưỡng chế hình sự khác được áp dụng đối với những người có hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không cấu thành tội phạm, ví dụ như biện pháp điều trị cho người nghiện rượu, ma túy trong trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi mà không phải do lỗi của mình gây ra; biện pháp bắt buộc chữa bệnh áp dụng đối với người bị mất năng lực lỗi do mắc bệnh (dẫn đến bị

mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi) trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội…; (ii) các biện pháp cưỡng chế hình sự khác được áp dụng đối với những người phạm tội nhưng họ không phải chịu HP, ví dụ như những biện pháp giáo dục đối với NCTN phạm tội; đưa vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh đối với người bị mắc bệnh tâm thần sau khi phạm tội…; (iii) các biện pháp cưỡng chế hình sự khác được áp dụng đối với những người phạm tội phải chịu TNHS, ví dụ như: thu hồi cấp phép lái xe.[61]

Trên cơ sở so sánh quan điểm của các nhà khoa học luật hình sự, có thể thấy, căn cứ vào các tiêu chí khác nhau, có thể phân loại các BPHS phi HP thành các nhóm khác nhau như sau:

Một là, căn cứ vào đối tượng bị áp dụng[62], các BPHS phi HP có thể được chia thành bốn nhóm sau: (1) các BPHS phi HP áp dụng đối với người phạm tội (bao gồm người đã thực hiện hành vi phạm tội thuộc một trong ba trường hợp sau: trường hợp có đầy đủ năng lực TNHS; trường hợp có năng lực lỗi mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi có thể bị mất tạm thời do sử dụng chất kích thích; trường hợp năng lực lỗi hạn chế do mắc bệnh (trường hợp này được giảm nhẹ TNHS)); (2) các BPHS phi HP áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do thuộc một trong hai trường hợp sau: trường hợp mất năng lực lỗi do mắc bệnh (dẫn đến bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi) trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hoặc trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của chất kích thích mà không phải do lỗi của mình gây ra trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; (3) các BPHS phi HP áp dụng đối với pháp nhân phải chịu TNHS; (4) các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội. Trong đó, nhóm thứ nhất tập hợp nhiều BPHS phi HP nhất và cũng được áp dụng phổ biến nhất. Tuy nhiên, việc căn cứ vào đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP để phân loại các BPHS phi HP chỉ mang tính tương đối bởi có một số biện pháp sẽ xuất hiện ở nhiều nhóm khác nhau. Ví dụ, biện pháp chữa bệnh bắt buộc vừa có thể được áp dụng đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải

[61] Trịnh Quốc Toản (2015), *Nghiên cứu hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam dưới góc độ bảo vệ quyền con người*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.58.
[62] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 14-17.

chịu TNHS, vừa có thể được áp dụng đối với người phạm tội trong khi có đầy đủ năng lực TNHS nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; hay người đang chấp hành HP tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Hai là, căn cứ vào cách tiếp cận để đạt được mục đích cuối cùng là thiên về hướng phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội[63], có thể chia các BPHS phi HP thành bốn nhóm: (1) các BPHS phi HP có mục đích ngăn chặn để phòng ngừa; (2) các BPHS phi HP có mục đích phục hồi để phòng ngừa; (3) các BPHS phi HP có mục đích cải thiện để phòng ngừa; (4) các BPHS phi HP có mục đích giáo dục để phòng ngừa. Theo đó, nhóm thứ nhất bao gồm: các BPHS phi HP có mục đích ngăn chặn bằng cách buộc đối tượng bị áp dụng sẽ phải thực hiện những công việc để trực tiếp ngăn ngừa hành vi phạm tội tiếp tục xảy ra (ví dụ như: buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả hay buộc thực hiện một số biện pháp nhằm ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra...); và các BPHS phi HP có mục đích ngăn chặn bằng cách tách những đối tượng bị áp dụng khỏi các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội như một địa điểm, khu vực hay một người nhất định…(ví dụ như biện pháp quản chế). Nhóm thứ hai bao gồm các BPHS phi HP có mục đích phục hồi những mối quan hệ bị tội phạm xâm hại, giúp đối tượng bị áp dụng nhận thức rõ về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện (ví dụ như: biện pháp buộc NCTN phạm tội phải khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội bằng tất cả khả năng của mình hay xin lỗi người bị hại…). Nhóm thứ ba bao gồm các BPHS phi HP có mục đích cải thiện đối tượng bị áp dụng các biện pháp này (ví dụ như: biện pháp chữa bệnh bắt buộc, biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại cai nghiện...). Nhóm thứ tư bao gồm các BPHS phi HP có mục đích giáo dục đối tượng bị áp dụng các biện pháp này (ví dụ như: biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng; biện pháp giám sát, giáo dục…). Có thể thấy, việc căn cứ vào cách tiếp cận để đạt được mục đích cuối cùng là thiên về hướng phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội để phân loại các BPHS phi HP cũng không mang tính tuyệt đối bởi có một số biện pháp sẽ xuất hiện ở nhiều nhóm khác nhau. Ví dụ, biện pháp quản chế có thể vừa có mục đích ngăn chặn để phòng ngừa

[63] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 26-30.

(khi buộc các đối tượng bị áp dụng biện pháp này không được đến một địa điểm hoặc địa phương nhất định mà những nơi đó có thể tạo cơ hội cho NCTN phạm tội hay không được giao tiếp với bất kỳ người nào xúi giục NCTN phạm tội), nhưng cũng có thể nhằm cải thiện, giáo dục (khi được áp dụng cùng với các lệnh yêu cầu người bị kết án học tập hay tham gia các khóa đào tạo, tư vấn, điều trị phục hồi, hoặc thực hiện công việc nhất định, hoặc tham gia các chương trình rèn luyện đạo đức để trở thành một công dân tốt).

Ba là, căn cứ vào mối quan hệ với HP[64], có thể chia các BPHS phi HP thành ba nhóm: (1) các BPHS phi HP được áp dụng độc lập với HP có thể kể đến như các biện pháp chữa bệnh bắt buộc áp dụng đối với người bị mất năng lực lỗi do mắc bệnh (dẫn đến bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi) trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội…; (2) các BPHS phi HP được áp dụng kèm theo HP nổi bật như biện pháp thu hồi cấp phép lái xe hay biện pháp buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả hay biện pháp buộc thực hiện một số biện pháp nhằm ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra… và (3) các BPHS phi HP được áp dụng thay thế HP, ví dụ như: biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với NCTN phạm tội được miễn TNHS…. Ngoài ra, có những BPHS phi HP trong một số trường hợp được áp dụng độc lập với HP, nhưng trong một số trường hợp khác lại được áp dụng kèm theo HP. Ví dụ, khi biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại cai nghiện được áp dụng đối với người phạm tội trong trường hợp có năng lực lỗi, mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi có thể bị mất tạm thời vì bị nghiện do sử dụng quá mức đồ uống có cồn hoặc các chất gây say khác thì biện pháp này được áp dụng kèm theo HP. Khi biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại cai nghiện được áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do thuộc trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của chất kích thích mà không phải do lỗi của mình gây ra thì biện pháp này được áp dụng hoàn toàn độc lập với HP vì người đã thực hiện hành vi trái pháp luật trong tình trạng không có năng lực lỗi thì sẽ không phải chịu TNHS.

[64] Hoàng Hải Yến (2022), "Bàn về khái niệm biện pháp hình sự phi hình phạt trong mối quan hệ với hình phạt", *Tạp chí Kiểm sát*, (11), 46-52, tr. 51.

Nhìn chung, việc phân loại các BPHS phi HP theo từng tiêu chí cụ thể nêu trên chỉ mang tính chất tương đối bởi mỗi BPHS phi HP sẽ có tính chất riêng cũng như được những chủ thể áp dụng một cách linh hoạt tùy vào từng trường hợp; do đó, sẽ rất khó để xác định chính xác từng BPHS phi HP thuộc một nhóm nhất định nào.

1.3. So sánh quan điểm về các thành tố cơ bản của các biện pháp hình sự phi hình phạt

1.3.1. So sánh quan điểm về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Trên cơ sở tìm hiểu và so sánh những quan điểm khác nhau về các BPHS phi HP trong khoa học luật hình sự trên thế giới và tại Việt Nam, có thể thấy, *điểm tương đồng* giữa các quan điểm đó là đa số các học giả đều xác định Tòa án là chủ thể áp dụng các BPHS phi HP. Tuy nhiên, *điểm khác biệt* là trong số những quan điểm này, có quan điểm xác định Toà án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền áp dụng các BPHS phi HP, ví dụ như quan điểm của học giả Maizer Chankseliani của Trường Đại học Grigol Robakidze, Gruzia[65]. Bởi lẽ, học giả này cho rằng Tòa án là cơ quan nhân danh quyền lực Nhà nước, là nơi biểu hiện tập trung nhất của quyền tư pháp, hoạt động xét xử của Tòa án thể hiện chất lượng và uy tín của hệ thống cơ quan tư pháp và toàn thể bộ máy nhà nước; nói cách khác, Toà án là thiết chế trung tâm của quyền tư pháp, có vị trí và vai trò đặc biệt trong việc bảo vệ pháp luật và là cơ quan thực hiện hoạt động áp dụng pháp luật[66]. Trái lại, có quan điểm khác lại cho rằng bên cạnh Tòa án, các cơ quan tư pháp khác cũng có thẩm quyền áp dụng các BPHS phi HP tùy thuộc vào từng giai đoạn tố tụng, ví dụ như quan điểm của nhà nghiên cứu luật hình sự Zemlyukov S.V. của Trường Đại học bang Altai, Liên bang Nga và một số học giả tại Việt Nam[67] vì việc áp dụng các biện pháp này phải có căn cứ và diễn ra theo

---

[65] Maizer Chankseliani (2012), "Punishment and other penal measures (Hình phạt và các biện pháp hình sự khác)", *European Scientific Journal*, 8(2), 98-108.

[66] Nguyễn Huyền Ly (2012), *Vai trò của Toà án trong nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội, tr. 1, 9.

[67] Zemlyukov S.V. (2001), "The concept and content of criminal law measures (Khái niệm và nội dung của các biện pháp hình sự)", *State and Law at the Turn of the Century: Criminology, Criminal Law, Judicial Law: Proceedings of the All-Russian Conference (Kỷ yếu Hội thảo: Nhà nước và pháp luật vào thời điểm chuyển giao thế kỷ: Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tư pháp)*, 29–36, tr. 32.; Lê Văn Cảm (2000), "Hình phạt và biện pháp tư pháp trong Luật Hình sự Việt Nam", *Tạp chí Dân chủ & Pháp Luật*, (8), 11-13.; Trần Minh Hưởng (2002), *Tìm hiểu Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam (phần chung)*, Nxb Lao động, Hà Nội, tr.198; dẫn theo Nguyễn Thị Ánh Hồng (2012), "Biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam và vấn đề bảo vệ quyền con người", *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (3), 24-30.

trình tự, thủ tục nhất định. Ví dụ, một số BPHS phi HP do cơ quan điều tra quyết định áp dụng tại giai đoạn điều tra; một số biện pháp được Tòa án quyết định áp dụng độc lập với HP hay thay thế hoặc kèm theo HP tại giai đoạn xét xử… Sự khác biệt giữa các quan điểm về chủ thể áp dụng các BPHS phi HP là do sự không thống nhất giữa các nhà khoa học luật hình sự của từng quốc gia nhất định khi xác định hệ thống cơ quan tư pháp hình sự. Cụ thể, có quan điểm khẳng định rằng quyền tư pháp hình sự là quyền xét xử; do đó, Tòa án là cơ quan tư pháp hình sự duy nhất – đây là quan điểm quyền lực tư pháp nhất nguyên; hay có quan điểm khác lại nhận định rằng quyền tư pháp hình sự bao gồm quyền xét xử và quyền công tố (một số nước có thêm quyền kiểm sát); vì vậy, cơ quan tư pháp hình sự bao gồm Toà án và cơ quan công tố (hoặc VKS ở một số quốc gia) - đây là quan điểm quyền lực tư pháp nhị nguyên[68]. Trong khi đó, theo quan điểm quyền lực (tư pháp) đa nguyên thì cơ quan tư pháp hình sự được hiểu rất rộng bao gồm cơ quan điều tra, cơ quan công tố (hoặc VKS ở một số quốc gia) và Tòa án. Nhìn chung, có thể nhận định rằng chủ thể áp dụng các BPHS phi HP là cơ quan tư pháp có thẩm quyền.

1.3.2. So sánh quan điểm về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Từ việc nghiên cứu so sánh các quan điểm về BPHS phi HP trong khoa học luật hình sự trên thế giới và tại Việt Nam, có thể *thấy điểm tương đồng* là đa số các nghiên cứu đều xác định người phạm tội là đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP. Tuy nhiên, *điểm khác biệt* là có quan điểm khẳng định người phạm tội là đối tượng duy nhất bị áp dụng các BPHS phi HP (bao gồm cả người thành niên và NCTN phạm tội), ví dụ như quan điểm của học giả Skobelin S. Yu ở Liên bang Nga và một số nhà khoa học luật hình sự Việt Nam[69]; trong khi đó, có quan điểm lại nhận định rằng bên cạnh người phạm tội, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP cũng có thể là những người thực hiện

---

[68] Uông Chu Lưu (2006), *Cải cách các cơ quan tư pháp, hoàn thiện hệ thống các thủ tục tư pháp, nâng cao hiệu quả và hiệu lực xét xử của Toà án trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân*, Đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước, Hà Nội, tr.29.

[69] Skobelin S. Yu (2009), "The essence and content of criminal law measures, alternative to punishment (Bản chất và nội dung của các biện pháp pháp luật hình sự thay thế cho hình phạt)", *Yuridicheskaya nauka i pravookhranitel'naya praktika*, *4*(10), 57–62, tr. 61.; Zemlyukov S.V. (2001), "The concept and content of criminal law measures (Khái niệm và nội dung của các biện pháp hình sự)", *State and Law at the Turn of the Century: Criminology, Criminal Law, Judicial Law: Proceedings of the All-Russian Conference (Kỷ yếu Hội thảo: Nhà nước và pháp luật vào thời điểm chuyển giao thế kỷ: Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tư pháp)*, 29–36, tr. 32.; Lê Văn Cảm (2000), "Hình phạt và biện pháp tư pháp trong Luật Hình sự Việt Nam", *Tạp chí Dân chủ & Pháp Luật*, (8), 11-13.; Hoàng Hải Yến (2022), "Bàn về khái niệm biện pháp hình sự phi hình phạt trong mối quan hệ với hình phạt", *Tạp chí Kiểm sát*, (11), 46-52, tr. 51, 52.

hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS, ví dụ như quan điểm của học giả Maizer Chankseliani của Trường Đại học Grigol Robakidze, Gruzia và một số học giả ở Việt Nam[70]. Có thể nói, xét trong tương quan so sánh với quan điểm thứ nhất, quan điểm thứ hai có cách tiếp cận rộng hơn về các đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP. Cách xác định đối tượng bị áp dụng như vậy sẽ bao quát hơn và tương thích với quan điểm chung về các BPHS phi HP. Bởi lẽ, bên cạnh người thực hiện hành vi phạm tội phải chịu TNHS, còn có những đối tượng là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS cũng có thể bị áp dụng các BPHS phi HP (ví dụ như người bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi do mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội). Tuy nhiên, cả hai quan điểm nêu trên đều chưa xác định đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP là pháp nhân phải chịu TNHS. Về vấn đề này, trong khoa học luật hình sự, có một số quan điểm cho rằng việc quy định TNHS của pháp nhân được coi là xu thế tất yếu trong sự phát triển của luật hình sự thế giới[71]. Nói cách khác, pháp nhân cũng là một chủ thể quan trọng của TNHS và việc chỉ áp dụng HP đối với chủ thể này không phải lúc nào cũng đạt được hiệu quả triệt để[72]; thay vào đó, cần phải áp dụng các BPHS ngoài HP, nhằm phát huy tối đa mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội. Do đó, việc xác định pháp nhân phải chịu TNHS cũng là một trong những đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP là rất cần thiết.

Có thể nhận định rằng, các quan điểm về đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP nêu trên đều có những hạt nhân hợp lý và thể hiện rõ đặc trưng của các BPHS phi HP. Do vậy, về cơ bản, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP bao gồm: (i) người phạm tội (gồm người đã thực hiện hành vi phạm tội thuộc một trong ba trường hợp sau: trường hợp có đầy đủ năng lực TNHS; trường hợp có năng lực lỗi mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi có thể bị mất tạm thời do sử dụng chất kích thích; trường hợp năng lực lỗi hạn chế do mắc bệnh (trường hợp này được giảm

---

[70] Maizer Chankseliani (2012), "Punishment and other penal measures (Hình phạt và các biện pháp hình sự khác)", *European Scientific Journal*, 8(2), 98-108.; Trần Minh Hưởng (2002), *Tìm hiểu Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam (phần chung)*, Nxb Lao động, Hà Nội, tr.198; dẫn theo Nguyễn Thị Ánh Hồng (2012), "Biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam và vấn đề bảo vệ quyền con người", *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (3), 24-30.

[71] Cao Thị Oanh (2013), "Hoàn thiện Bộ luật Hình sự Việt Nam theo hướng quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân", *Tạp chí Luật học*, (5), 23-29, tr. 23.

[72] Brent Fisse (1990), "Sentencing Options against Corporations (Các lựa chọn kết án đối với pháp nhân thương mại)", *Criminal Law Forum*, 1, 211–258, tr. 215-216.

nhẹ TNHS)); (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do thuộc một trong hai trường hợp sau đây: trường hợp mất năng lực lỗi do mắc bệnh (dẫn đến bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi) trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; hoặc trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của chất kích thích mà không phải do lỗi của mình gây ra trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội[73]; (iii) pháp nhân phải chịu TNHS; và (iv) NCTN phạm tội.

Trước hết, bên cạnh đối tượng là người phạm tội, việc áp dụng các BPHS phi HP có tính cải thiện để phòng ngừa hành vi phạm tội là rất cần thiết đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi do mắc bệnh, bởi họ không thể tiếp thu được những nội dung mang tính giáo dục của việc áp dụng HP hay nhận thấy được sự lên án của Nhà nước và xã hội đối với hành vi nguy hiểm mà họ đã thực hiện. Bên cạnh đó, việc áp dụng các BPHS phi HP đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi bị mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của chất kích thích mà không phải do lỗi của mình gây ra cũng hoàn toàn phù hợp, bởi hành vi nguy hiểm cho xã hội đó không phải là sự lựa chọn của họ; nói cách khác, họ không bị coi là có lỗi trong trường hợp này. Vì vậy, việc thay thế HP bằng các BPHS phi HP – trị liệu bắt buộc sẽ giúp họ cải thiện lại trạng thái nhận thức, sức khỏe ổn định, từ đó ngăn ngừa khả năng họ tiếp tục thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong tương lai. Mặt khác, đối với đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP là pháp nhân phải chịu TNHS; hiện nay, trong khoa học luật hình sự của các quốc gia khác nhau có những quan điểm khác nhau về pháp nhân phải chịu TNHS. Ví dụ, trong khoa học luật hình sự của quốc gia này, đối tượng này được xác định là tất cả các pháp nhân phải chịu TNHS nhưng trong khoa học luật hình sự của quốc gia khác, đối tượng này lại được hiểu là với phạm vi hẹp hơn chỉ là pháp nhân thương mại phải chịu TNHS. Bởi lẽ, về nguyên tắc tất cả các loại hình phi thể nhân (pháp nhân) có thể là chủ thể của TNHS, trừ các cơ quan nhà nước khi thực hiện công quyền. Tuy nhiên, tùy tình hình thực tế, các quốc gia có quyền xác lập phạm vi các

[73] Về trường hợp này, sau đây luận án sẽ viết tắt là: "trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của chất kích thích mà không phải do lỗi của mình gây ra"

loại hình pháp nhân có thể là chủ thể của TNHS[74]. Ngoài ra, đối với NCTN phạm tội, việc áp dụng HP, đặc biệt là HP tước tự do thường gây ra những bất lợi cho quá trình tái hòa nhập với cộng đồng cũng như sự phát triển bình thường của họ[75]. Do đó, việc áp dụng các BPHS phi HP có tính giáo dục hay cải thiện là rất quan trọng để thay đổi những yếu tố về tâm – sinh lí hay nhận thức của NCTN phạm tội theo hướng tích cực hơn, từ đó giúp họ nâng cao hiểu biết và tôn trọng pháp luật, tránh lặp lại những hành vi gây thiệt hại cho cộng đồng, xã hội.

1.3.3. So sánh quan điểm về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt

Trên cơ sở nghiên cứu so sánh các quan điểm trong khoa học luật hình sự trên thế giới và tại Việt Nam về điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP; có thể thấy, *điểm tương đồng* giữa các quan điểm này là đều cho rằng cần quy định trong luật hình sự về điều kiện áp dụng và nội dung tương ứng của mỗi BPHS phi HP. Bởi lẽ, như đã phân tích, các BPHS phi HP có tính đa dạng về chủ thể áp dụng và đối tượng bị áp dụng trong tương quan so sánh với HP. Bên cạnh đó, mỗi BPHS phi HP thể hiện những tính chất khác nhau; cụ thể, một số biện pháp có tính chất ngăn chặn để phòng ngừa; một số biện pháp có tính chất phục hồi để phòng ngừa; một số biện pháp có tính cải thiện hay giáo dục để phòng ngừa. Do đó, hệ thống các BPHS phi HP rất đa dạng về thể loại, phong phú về mức độ đối với mỗi đối tượng bị áp dụng khác nhau và trong từng giai đoạn tố tụng khác nhau. Có thể nói, việc quy định về điều kiện áp dụng và nội dung tương ứng với từng BPHS phi HP trong luật hình sự đáp ứng yêu cầu của nguyên tắc pháp chế trong việc quy định về các BPHS phi HP. Cụ thể, trong lĩnh vực luật hình sự, nguyên tắc pháp chế được vận dụng xuyên suốt toàn bộ hoạt động lập pháp hình sự, là tư tưởng chủ đạo cho quá trình xây dựng pháp luật hình sự. Một trong những yêu cầu quan trọng của nguyên tắc pháp chế trong việc áp dụng pháp luật nói chung và những quy định về các BPHS phi HP nói riêng trong thực tiễn đó là: việc phát hiện người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hay pháp nhân phải chịu TNHS cần phải được tiến hành kịp thời, chính xác, khách quan, đồng

[74] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2020), *Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại – Nhận thức cần thống nhất?*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 28.
[75] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 402.

thời bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người dân được đầy đủ[76]. Vì vậy, để có thể quyết định áp dụng các BPHS phi HP, các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền phải căn cứ vào hoàn cảnh, đặc điểm nhân thân của đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP, hướng tới giáo dục hay cải thiện họ để phòng ngừa hành vi phạm tội. Do đó, việc quy định điều kiện áp dụng và nội dung tương ứng với mỗi BPHS phi HP là rất quan trọng nhằm đảm bảo sự công bằng, khách quan, tránh việc áp dụng các BPHS phi HP một cách không thống nhất, không hiệu quả. Thêm vào đó, việc quy định về điều kiện áp dụng và nội dung của từng BPHS phi HP trong luật hình sự cũng đảm bảo tính đa dạng của các BPHS phi HP, phù hợp với nguyên tắc phân hóa TNHS. Bởi lẽ, một hệ thống các BPHS phi HP càng phong phú thì càng thể hiện được rõ nguyên tắc phân hóa TNHS.

Bên cạnh điểm tương đồng nói trên, các quan điểm về điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP cũng thể hiện những *điểm khác biệt* nhất định. Cụ thể, tùy thuộc vào chính sách hình sự, điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa, sự phát triển về khoa học kỹ thuật - công nghệ của mỗi quốc gia trong từng thời điểm nhất định, các quan điểm trong khoa học luật hình sự về điều kiện áp dụng và nội dung của từng BPHS phi HP cũng rất khác nhau. Ví dụ, hai nhà nghiên cứu luật hình sự Schaefer, Nicole J. và Stefancic, Ana tại Hoa Kỳ[77] cho rằng các BPHS phi HP có tính cải thiện để phòng ngừa chỉ được áp dụng đối với người mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất hoặc hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi trong khi hoặc sau khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Trong khi đó, nhà khoa học luật hình sự Müller-Dietz tại Đức[78] và học giả người Anh Iain Crow[79] lại cho rằng cùng với sự phát triển của hệ thống các BPHS, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP có tính chất cải thiện để phòng ngừa cũng thay đổi. Do vậy, theo quan điểm này, các BPHS phi HP có tính chất cải thiện để phòng ngừa có thể được áp dụng

---

[76] Đoàn Ngọc Xuân (2014), *Nguyên tắc pháp chế trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 31.

[77] Schaefer, Nicole J., Stefancic, Ana (2003), "*Alternative to Prison Programs for the Mentally ill Offender (Biện pháp thay thế hình phạt tù dành cho người phạm tội mắc bệnh tâm thần)*", Journal of Offender Rehabilitation, 38(2), 41-55.

[78] Müller-Dietz, H. (2019), *Kriminaltherapie heute: Forschungsberichte zur Behandlung von Delinquenten und Drogengeschädigten (Điều trị pháp lý hiện nay: báo cáo nghiên cứu về điều trị pháp lý đối với người phạm tội và nạn nhân liên quan tới tội phạm về ma túy)*, NXB Walter de Gruyter GmbH & Co KG, Berlin, tr. 13.

[79] Iain Crow (2001), *The Treatment and Rehabilitation of Offenders (Biện pháp trị liệu bắt buộc và cải tạo dành cho người phạm tội),* Sage Publishing London, United Kingdom, tr. 23.

trong cả hai trường hợp: (i) người mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất hoặc hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi trong khi hoặc sau khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; (ii) người nghiện ma túy hoặc các chất kích thích khác làm mất tạm thời khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi trong khi hoặc sau khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Hay một ví dụ khác liên quan đến các BPHS phi HP có tính giáo dục để phòng ngừa áp dụng đối với NCTN phạm tội đó là trong khoa học luật hình sự, có quan điểm cho rằng hiệu quả của các biện pháp mang tính giám sát, giáo dục chủ yếu dựa vào sự tự giác chấp hành của chính bản thân NCTN phạm tội; do vậy, điều kiện về sự đồng ý của NCTN phạm tội đó phải có tính quyết định trong việc áp dụng các biện pháp mang tính giám sát, giáo dục, ví dụ như quan điểm của nhà nghiên cứu Pablo Alberto De Rosa của Trường Đại học Salesiana (Argentina) và một số học giả tại Việt Nam[80]. Trái lại, có quan điểm khác lại cho rằng, tất cả các BPHS phi HP đều có tính chất cưỡng chế hình sự nên việc áp dụng các BPHS phi HP (trong đó có các biện pháp mang tính giáo dục) không cần phải có sự đồng ý của đối tượng bị áp dụng là NCTN phạm tội, ví dụ như quan điểm của một số nhà khoa học luật hình sự Doris Layton MacKenzie, Angela R. Gover, Gaylene Styve Armstrong và Ojmarrh Mitchell tại Hoa Kỳ[81].

1.4. Ý nghĩa của các biện pháp hình sự phi hình phạt

Các BPHS phi HP ra đời có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hay pháp nhân phải chịu TNHS, mà còn nhằm mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội để bảo vệ những đối tượng cần được bảo vệ cũng như bảo đảm trật tự an toàn cho xã hội. Ngoài ra, việc quy định song song hai nhóm BPHS (HP và các BPHS phi HP) là sự biểu hiện tổng hợp sức mạnh cưỡng chế

---

[80] Pablo Alberto De Rosa (2018), "*Psychoeducational Approach of Vygotsky and its Relationship with the Symbolic Interactionism: Application to the Juvenile Criminal Responsibility and Educational Processes (Phương pháp tiếp cận tâm lý giáo dục của Vygotsky và mối quan hệ với học thuyết tương tác tượng trưng: Áp dụng phương pháp này với trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên và các quá trình giáo dục)*", Propósitos y Representaciones, 6(2), 631-669. và Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần chung)*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 394, 395.

[81] Doris Layton MacKenzie, Angela R. Gover, Gaylene Styve Armstrong, Ojmarrh Mitchell (2001), "*A National Study Comparing the Environments of Boot Camps With Traditional Facilities for Juvenile Offenders (Một nghiên cứu quốc gia so sánh môi trường của các cơ sở huấn luyện đặc biệt với các cơ sở truyền thống dành cho người chưa thành niên phạm tội)*", National Institute of Justice Research in Brief, US Department of Justice, USA, tr. 6.

Nhà nước trong công cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm[82]. Theo đó, các BPHS phi HP cũng có những đóng góp đáng kể vào nền tư pháp hình sự quốc gia. Trên cơ sở phân tích khái niệm BPHS phi HP và hệ thống các BPHS phi HP, có thể rút ra một số ý nghĩa quan trọng của các BPHS phi HP như sau:

1.4.1. Ý nghĩa đối với đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Thứ nhất, một số BPHS phi HP giáo dục người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội[83] và pháp nhân phải chịu TNHS, để những đối tượng này được nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật. Trước hết, yếu tố giáo dục thuộc một trong những tính chất quan trọng của các BPHS phi HP, nhằm tối ưu hóa mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của các BPHS. Việc áp dụng các BPHS phi HP có ý nghĩa rất lớn đối với những đối tượng bị áp dụng các biện pháp này là bởi vì một số BPHS phi HP có tác dụng hoàn thiện nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật của những đối tượng này. Đặc biệt, đối với đối tượng là NCTN phạm tội, việc áp dụng các BPHS phi HP có tính giáo dục thể hiện ý nghĩa sâu sắc nhất. Bởi lẽ, NCTN là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm – sinh lý, chưa có khả năng nhận thức đầy đủ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện. Nếu để NCTN tiếp xúc với môi trường xấu và không được giáo dục đầy đủ, họ sẽ dễ bị ảnh hưởng bởi những thói hư tật xấu, dẫn tới hành vi phạm tội[84]. Vì vậy, việc áp dụng các BPHS phi HP không tước tự do và có tính giáo dục cao, một mặt sẽ giúp NCTN phạm tội tách khỏi môi trường xấu đó, mặt khác hỗ trợ họ nhanh chóng tái hòa nhập với cộng đồng. Để phát huy tối đa hiệu quả của việc áp dụng các BPHS phi HP, việc giáo dục cho NCTN phạm tội yêu cầu sự kết hợp hài hòa, linh hoạt giữa Nhà nước, xã hội và những người thân xung quanh họ.

Thứ hai, một số BPHS phi HP có tác dụng cải thiện cho những đối tượng bị áp dụng các biện pháp này. Ví dụ, đối với trường hợp người thực hiện hành vi nguy

---

[82] Trịnh Quốc Toản (2010), *Các hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam, Luận án tiến sĩ luật học*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội, tr. 56; và Hà Lệ Thủy (2020), *Chế định biện pháp tư pháp trong Luật Hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 43.

[83] Trong trường hợp này, NCS sử dụng thuật ngữ "người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội" để chỉ hai nhóm: người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội phải chịu TNHS (người phạm tội) và người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS.

[84] Trịnh Tiến Việt (2010), "Những khía cạnh pháp lý hình sự về các hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội (Kỳ I)", *Tạp chí Tòa án nhân dân,* (1), 9-24.

hiểm cho xã hội trong khi bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi do mắc bệnh hoặc trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của chất kích thích mà không phải do lỗi của mình gây ra, thì việc áp dụng các BPHS phi HP đóng vai trò thiết yếu trong xử lý, phòng ngừa hành vi phạm tội bởi về nguyên tắc, HP không được áp dụng đối với những đối tượng này. Do đó, các BPHS phi HP có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc trị liệu để cải thiện những đối tượng nói trên, nhằm phòng ngừa khả năng họ tiếp tục thực hiện những hành vi nguy hiểm cho xã hội trong tương lai. Bên cạnh đó, với tính chất cải thiện người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, các BPHS phi HP còn có ý nghĩa trong việc tạo điều kiện cho những đối tượng này mau chóng tái hòa nhập với cộng đồng.

1.4.2. Ý nghĩa đối với xã hội

Có thể khẳng định rằng, các BPHS phi HP có ý nghĩa phòng ngừa xã hội bằng cách ngăn chặn đối tượng bị áp dụng các biện pháp này tiếp tục gây nguy hiểm cho xã hội. Nói cách khác, các BPHS phi HP được áp dụng để bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong xã hội và có ý nghĩa to lớn trong việc phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật, từ đó bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Cụ thể, các BPHS phi HP được áp dụng nhằm tối ưu hóa mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của các BPHS. Theo đó, các BPHS phi HP có ý nghĩa đáng kể trong việc phòng ngừa việc người, pháp nhân bị kết án tiếp tục thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bằng cách ngăn ngừa hoặc cải thiện hay giáo dục họ. Đồng thời, các BPHS phi HP cũng có tác dụng kiềm chế, ngăn ngừa người hay pháp nhân khác trong xã hội thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, việc áp dụng hiệu quả các BPHS phi HP có thể củng cố lòng tin của nhân dân vào sự nghiêm minh của pháp luật; từ đó tạo động lực, phát huy tinh thần đoàn kết của toàn xã hội trong công cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.

1.4.3. Ý nghĩa đối với nền tư pháp hình sự

Thứ nhất, các BPHS phi HP góp phần đa dạng hóa các BPHS của Nhà nước. Bên cạnh sự đa dạng của hệ thống HP, các BPHS phi HP cũng làm phong phú thêm hệ thống các BPHS để thực hiện tốt hơn mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung. Bởi lẽ, BPHS phi HP không chỉ được áp dụng độc lập với HP mà trong một số trường hợp nhất định, các biện pháp này còn được áp dụng để thay thế hoặc kèm

theo HP; vì vậy, các BPHS phi HP không chỉ gia tăng hiệu quả áp dụng của HP mà còn khắc phục những hạn chế của HP. Bên cạnh đó, việc quy định đa dạng các BPHS phi HP còn hỗ trợ các cơ quan tư pháp chủ động và linh hoạt hơn khi quyết định áp dụng các BPHS trong nhiều tình huống thực tiễn khác nhau; từ đó tăng hiệu quả của chính sách hình sự của Nhà nước.

Thứ hai, các BPHS phi HP góp phần phân hóa TNHS. Trước hết, một trong những biểu hiện của nguyên tắc phân hóa TNHS đó là sự phân hóa các BPHS để có hệ thống HP cũng như hệ thống các BPHS phi HP phong phú. Nói cách khác, một hệ thống các BPHS phi HP càng đa dạng thì càng thể hiện được rõ nguyên tắc phân hóa TNHS. Bên cạnh đó, một biểu hiện khác của nguyên tắc phân hóa TNHS có thể thấy là các quy định đặc thù về TNHS của NCTN phạm tội theo hướng TNHS được giảm nhẹ đặc biệt cho đối tượng này để phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của người ở độ tuổi này. Những quy định đặc biệt này có thể tạo thành một phần của BLHS hoặc có thể là một luật riêng biệt[85]. Do đó, một hệ thống các BPHS phi HP đầy đủ, trong đó có các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội, sẽ góp phần xây dựng những quy định áp dụng đối với NCTN phạm tội một cách toàn diện. Như vậy, việc hoàn thiện hệ thống các BPHS phi HP có ý nghĩa quan trọng đối với sự phân hóa TNHS.

Thứ ba, các BPHS phi HP thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước. Một trong những nguyên tắc cơ bản của luật hình sự là nguyên tắc nhân đạo. Theo đó, Nhà nước cần phải thấy ở người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và pháp nhân phải chịu TNHS hai đặc điểm độc lập, một mặt là những chủ thể gây thiệt hại cho người, pháp nhân khác, cho xã hội và cho Nhà nước; mặt khác chính là công dân, là "một phần tử sống của Nhà nước".[86] Nội dung của nguyên tắc nhân đạo thể hiện qua mục đích của các BPHS phi HP đó là không nhằm trừng trị hay trả thù mà hướng tới phòng ngừa chủ yếu bằng cách giáo dục, cải thiện người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và pháp nhân phải chịu TNHS, đặc biệt là hai nhóm chủ thể - NCTN phạm tội và người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS, giúp họ trở thành những công dân có ích cho xã hội và Nhà nước.

---

[85] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 32.

[86] Các Mác – Ăngghen, toàn tập, tập 1, NXB Sự thật, Hà Nội, tr. 179; dẫn theo Phạm Thị Hồng (1997), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 21.

1.5. Phân biệt các biện pháp hình sự phi hình phạt với hình phạt

Vì đều là BPHS nên bên cạnh những điểm tương đồng với HP như: (i) đều là các biện pháp cưỡng chế hình sự; (ii) do luật hình sự quy định; (iii) có mục đích cuối cùng là phòng ngừa hành vi phạm tội, các BPHS phi HP còn có những điểm khác biệt nhất định so với HP, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về cơ sở pháp lý của HP và các BPHS phi HP, trong khi HP là hậu quả pháp lý của hành vi phạm tội thì các BPHS phi HP xuất phát từ đặc điểm của người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS, pháp nhân phải chịu TNHS. Trước hết, có thể khẳng định rằng, không có hành vi phạm tội thì không thể có HP. Nói cách khác, giữa hành vi phạm tội và HP có mối quan hệ chặt chẽ, đó chính là mối quan hệ nhân - quả[87]. Việc áp dụng HP phụ thuộc vào tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, tương xứng với lỗi của chủ thể phải chịu TNHS[88]. Hình phạt chính là thước đo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm càng cao thì hình phạt quy định áp dụng càng nghiêm khắc. Trái lại, việc áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt không phụ thuộc vào tính nguy hiểm của hành vi phạm tội mà tập trung vào các yếu tố hợp thành nguyên nhân của tội phạm - yếu tố của "nguy cơ tái diễn" hành vi phạm tội[89]. Các yếu tố này xuất phát từ chính những đặc điểm của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hay pháp nhân phải chịu TNHS. Điều này có thể được hiểu là, việc áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt phải được lựa chọn một cách phù hợp với từng đối tượng nhằm mục đích phòng ngừa tội phạm một cách trực tiếp.

Thứ hai, về thuật ngữ chỉ tên gọi, nếu như HP có tên gọi thống nhất ở nhiều quốc gia trên thế giới thì các BPHS phi HP lại được thể hiện bởi một hệ thống rất phong phú về tên gọi và thể loại. Trải qua quá trình biến đổi lâu dài của lịch sử, các nhà khoa học luật hình sự ngày càng chú trọng, quan tâm nghiên cứu về các BPHS phi HP. Tuy nhiên, các BPHS phi HP lại được đề cập trong các nghiên cứu của một số quốc gia trên thế giới với các thuật ngữ chỉ tên gọi rất khác nhau. Cụ thể, các học

---

[87] Trịnh Quốc Toản (2010), Các hình phạt bổ sung trong Luật hình sự Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 25, 113.

[88] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 36.

[89] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr.37.

giả người Đức sử dụng thuật ngữ các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn (*Measures of reform and security*[90]*)*; trong khi các chuyên gia luật hình sự người Nga gọi là các biện pháp pháp luật hình sự khác (*Other Measures of a Criminal-Law Nature*)[91]; hay các nhà nghiên cứu tại Hoa Kỳ cho rằng đó là các BPHS phi HP (*Non-punitive Measures*)[92] hoặc các BPHS trung gian thay thế hỗ trợ (*Intermediate and Alternative Sanctions*)[93]; giới khoa học luật hình sự Thái Lan gọi là các biện pháp bảo đảm an toàn (*Measures of Safety*)[94]; còn tại Việt Nam, phần lớn các công trình nghiên cứu luật hình sự tiếp cận khái niệm BPHS phi HP trong phạm vi phản ánh từng nhóm biện pháp nằm trong nội hàm của BPHS phi HP như nhóm các biện pháp tư pháp có tính chất là các BPHS khác[95] hay nhóm các biện pháp giám sát, giáo dục[96].

Thứ ba, về tính chất, khác với HP có tính răn đe và gây hại/ bất lợi đối với chủ thể của TNHS thì hầu hết các BPHS phi HP không có tính chất này. Bởi lẽ, dựa trên cơ sở triết lý "công lý" trong xử lý hành vi phạm tội, HP được áp dụng theo nguyên tắc ngang bằng. Điều này có nghĩa là HP được tuyên phải luôn tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và yếu tố "lỗi" của chủ thể của TNHS. Do đó, HP đều có tính gây hại/ bất lợi đối với chủ thể của TNHS. Trái lại, các BPHS phi HP lại dựa trên cơ sở triết lý "phúc lợi", triết lý "phục hồi" và triết lý "cộng đồng" trong xử lý hành vi phạm tội[97], không hoàn toàn được áp dụng tương

---

[90] Luisa Hartmann và Johannes Munzert (2022), "The Criminal Liability of Corrections Officers in German Prisons: The Landmark Decision of the Federal Court of Justice from November 28, 2019 (2 StR 557/18) (Trách nhiệm hình sự của quản giáo trong các nhà tù ở Đức: Quyết định mang tính bước ngoặt của Tòa án Tư pháp Liên bang Đức ngày 28 tháng 11 năm 2019 (2 StR 557/18))", *German Law Journal*, 23, 625-636.

[91] Tatiana V. Nepomnyashchaya (2017), "Other measures of a criminal-law nature: Definition, Legal nature, System (Định nghĩa, Bản chất pháp lý, và Hệ thống các biện pháp pháp luật hình sự khác), *Law Enforcement Review*, 1(1), 114-121.

[92] Joseph Heffner & Oriel Feldman Hall (2019), "Why we don't always punish: Preferences for non-punitive responses to moral violations (Tại sao không phải lúc nào cũng áp dụng hình phạt: Việc ưu tiên áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt đối với hành vi xâm phạm nhân phẩm)", *Scientific Report,* 9, 13219, 1-13.

[93] Voncile B. Gowdy (1992), *Intermediate Sanctions (Biện pháp hình sự trung gian)*, U.S. Department of Justice, Office of Justice Programs, National Institute of Justice, USA; và Paul Marcus (1994), "Alternative Penal Sanctions (Biện pháp hình sự thay thế)", *American Journal of Comparative Law Supplement*, 1137, 703–715.

[94] Alessandro Stasi (2021), *General Principles of Thai Criminal Law (Những nguyên tắc chung của luật hình sự Thái Lan)*, Springer, Singapore, tr. 17.

[95] Trương Quang Vinh (2010), *"Thực trạng quy định của pháp luật hình sự về các biện pháp tư pháp: Thực tiễn áp dụng và một số đề xuất"*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (02), 63-67; Mai Bộ (2015), "Áp dụng biện pháp tư pháp", *Tạp chí Toà án nhân dân* kỳ II (18), 19-27. và Lê Văn Cảm (2000), "Hình phạt và biện pháp tư pháp trong Luật Hình sự Việt Nam", *Tạp chí Dân chủ & Pháp Luật*, (8), 11-13.

[96] Nguyễn Quý Khuyến (2019), "Một số vấn đề về biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự năm 2015", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (1), 13-21.

[97] Về các triết lý này, xem: Hoàng Xuân Châu (2021), "Các triết lí phổ biến trong xử lí người chưa thành niên phạm tội trên thế giới – Kinh nghiệm của Anh, xứ Wales và gợi ý cho Việt Nam", *Tạp chí Luật học*, (2), 3-15.

xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi nguy hiểm cho xã hội. Thay vào đó, trong từng trường hợp nhất định, các BPHS phi HP thể hiện tính giáo dục hay cải thiện đối tượng bị áp dụng các biện pháp này. Điều này được thể hiện rất rõ qua biện pháp chữa bệnh bắt buộc áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do mắc bệnh (dẫn đến bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi) trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; hay các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với NCTN phạm tội được miễn TNHS.

Thứ tư, về mục đích, trong khi HP có mục đích "thiên về hướng" phòng ngừa hành vi phạm tội một cách không trực tiếp thì các BPHS phi HP có mục đích "thiên về hướng" phòng ngừa qua tác động trực tiếp đến các yếu tố hợp thành nguyên nhân của hành vi phạm tội. Có thể thấy, đây là điểm khác biệt cơ bản nhất giữa HP và các BPHS phi HP. Theo đó, về cơ bản, HP có mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội một cách không trực tiếp thông qua tác động "răn đe" đối tượng là cá nhân đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và pháp nhân phải chịu TNHS về hành vi phạm tội đã xảy ra. Đồng thời, HP cũng có tác động "cảnh báo có tính răn đe" các đối tượng khác trong xã hội để giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật của họ. Với hai tác động nói trên, HP góp phần điều chỉnh hành vi của con người để phòng ngừa hành vi phạm tội. Trong khi đó, các BPHS phi HP tác động trực tiếp đến các yếu tố hợp thành nguyên nhân của hành vi phạm tội để triệt tiêu, hạn chế các yếu tố có thể góp phần tạo ra nguyên nhân tái diễn hành vi phạm tội[98]; từ đó, các BPHS phi HP cũng có mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung.

Thứ năm, chủ thể áp dụng các BPHS phi HP đa dạng hơn so với chủ thể áp dụng HP. Cụ thể, Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền áp dụng HP; trong khi đó, ở một số quốc gia, bên cạnh Tòa án, các cơ quan tư pháp khác cũng có thẩm quyền áp dụng các BPHS phi HP tùy thuộc vào từng giai đoạn tố tụng. Nguyên nhân của sự khác biệt này đó là sự không thống nhất giữa các quan điểm khoa học luật hình sự cũng như các quan điểm lập pháp khi xác định hệ thống cơ quan tư pháp hình sự ở các quốc gia khác nhau như đã phân tích tại Mục 1.2 của luận án này.

[98] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 27, 28.

Thứ sáu, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP cũng đa dạng hơn so với đối tượng bị áp dụng HP. Cụ thể, nếu như HP chỉ được tuyên đối với chủ thể của TNHS (người phạm tội và pháp nhân phải chịu TNHS), thì đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP lại rất đa dạng, bao gồm cả chủ thể của TNHS và chủ thể không phải chịu TNHS (người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do thuộc một trong hai trường hợp sau đây: trường hợp mất năng lực lỗi do mắc bệnh (dẫn đến bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi) trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; hoặc trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của chất kích thích mà không phải do lỗi của mình gây ra và NCTN phạm tội được miễn TNHS.

Thứ bảy, về hậu quả pháp lý của HP và các BPHS phi HP, trong khi HP để lại án tích cho người, pháp nhân bị kết án thì các BPHS phi HP không để lại án tích cho đối tượng bị áp dụng các biện pháp này. Theo đó, sau khi người, pháp nhân bị kết án - chủ thể của TNHS (đối tượng bị áp dụng HP) chấp hành xong HP thì TNHS vẫn chưa kết thúc trong trường hợp có án tích. Trong khi đó, thời gian có án tích không áp dụng đối với những đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP. Án tích được hiểu là đặc điểm xấu (hậu quả) về nhân thân của người đã bị kết án và bị áp dụng HP đã được ghi và lưu lại trong lý lịch tư pháp trong thời gian luật định[99], từ đó đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi được coi là tội phạm đối với xã hội trong thời gian người có hành vi đó mang án tích[100]. Do đó, việc quy định thời gian có án tích cũng có tính gây bất lợi cho những chủ thể của TNHS bị áp dụng HP. Trong khi đó, thời gian có án tích không áp dụng đối với những đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP. Vì vậy, đây cũng được xem là một trong những khác biệt giữa các BPHS phi HP và HP.

Có thể nói, trong khoa học luật hình sự trước đây, việc phân chia hệ thống các BPHS đã dẫn đến những quan điểm khác biệt giữa các học giả xem trọng HP với mục đích trừng trị tương xứng đối với người phạm tội và những nhà nghiên cứu ủng hộ

---

[99] Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển luật học*, NXB Từ điển bách khoa và NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 14; dẫn theo Lê Việt Cường (2021), *Xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 7.

[100] Trịnh Quốc Toản (2010), *Các hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam, Luận án tiến sĩ luật học*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội, tr. 19.

mục đích phòng ngừa bằng cách cải thiện, giáo dục đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP[101]. Tuy nhiên, hiện nay, xu hướng phát triển mối quan hệ mật thiết giữa các BPHS phi HP và HP lại được phần lớn các nhà khoa học luật hình sự ủng hộ. Theo đó, bên cạnh việc được áp dụng một cách độc lập với HP, các BPHS phi HP đã và đang thể hiện rất tốt vai trò hỗ trợ khi được áp dụng kèm theo HP hoặc thay thế cho HP trong những trường hợp HP không thể áp dụng được hoặc có thể áp dụng nhưng không hiệu quả trên thực tế[102]; từ đó cũng góp phần giúp cho hệ thống các BPHS nói chung có ý nghĩa thực tiễn hơn, đóng góp vào sự phát triển của chính sách hình sự quốc gia.

1.6. Cơ sở của việc quy định các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự

1.6.1. Cơ sở lý luận

Thứ nhất, học thuyết phòng ngừa xã hội và học thuyết về nguyên nhân tội phạm là cơ sở lý luận của việc hình thành và phát triển quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự. Từ khoảng giữa thế kỷ XVIII cho đến cuối thế kỷ XIX, các quốc gia châu Âu đã chứng kiến sự gia tăng về tội phạm với tốc độ chưa từng thấy. Tái phạm tội thường xuyên xảy ra đã tạo nên một bằng chứng không thể bác bỏ về sự thất bại của hệ thống hình sự tại các quốc gia châu Âu trong thời điểm này. Quan niệm liên quan đến tái phạm tội đã thay đổi một cách đáng kể, tạo nền tảng cho một học thuyết hoàn toàn mới về phòng ngừa xã hội. Cụ thể, khi nỗi lo về tội phạm và nguy cơ tái phạm tội gia tăng, các nhà nghiên cứu luật hình sự theo trường phái "Xã hội" (Social School)[103] đã bắt đầu nhận thức được tầm quan trọng trong việc đối xử nhân đạo hơn với người phạm tội thay vì trừng phạt họ để phòng ngừa tội phạm. Các nhà khoa học này đã so sánh hai trường hợp để mô tả sự khác biệt giữa việc áp dụng HP ở thế kỷ XVIII và các BPHS khác mang tính nhân đạo hơn ở thế kỷ XIX. Theo

---

[101] Kirstin Drenkhahn (2013), "Secure Preventive Detention in Germany: Incapacitation or Treatment Intervention? (Biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn ở Đức: Hạn chế quyền tự do hay sự can thiệp điều trị?)", *Behavioral Sciences & the Law*, *31*(3), 312–327, tr. 313; và Müller-Dietz, H. (2019), *Kriminaltherapie heute: Forschungsberichte zur Behandlung von Delinquenten und Drogengeschädigten*, Walter de Gruyter GmbH & Co KG, Berlin, tr. 56.

[102] Michael Pösl, Andreas Dürr (2012), "Germany's System of Preventive Detention Considered Through the European Court of Human Rights and the German Federal Constitutional Court (Hệ thống các biện pháp phòng ngừa có tước tự do của Đức dưới góc nhìn của Tòa án Nhân quyền Châu Âu và Tòa án Hiến pháp Liên bang Đức)", *European Criminal Law Review, 2,* 158-181.

[103] Maizer Chankseliani (2012), "Punishment and other penal measures (Hình phạt và các biện pháp hình sự khác)", *European Scientific Journal*, 8(2), 98-108.

đó, một vụ việc liên quan đến người bị kết án vì giết cha mẹ vào năm 1757 đã được đưa ra. Người này đã bị tra tấn trước công chúng, bị đổ dầu nóng và bị bốn con ngựa kéo xác. Với ví dụ này, các nhà khoa học đã khẳng định rằng mục đích rõ ràng của hình phạt là trừng phạt mà không phải là cải thiện người phạm tội. Trái lại, các nhà nghiên cứu đã mô tả một ví dụ khác về các biện pháp xử lý NCTN phạm tội vào năm 1838. Cụ thể, các biện pháp này lấy giáo dục và lao động là trung tâm của quá trình phục hồi NCTN phạm tội. Đây là một hệ thống kiểm soát chặt chẽ, thay thế hình thức tra tấn thể xác và trừng phạt công khai, đồng thời vẫn ngăn ngừa khả năng người bị kết án tái phạm tội trong tương lai. Từ sự so sánh này, các nhà khoa học cho rằng các BPHS trong thế kỷ XIX thể hiện rõ tư tưởng tiến bộ so với thời kỳ trước đó. Qua đó, một quan điểm về hệ thống các BPHS nhân đạo hơn đã phát triển, cùng với sự công nhận về tính hiệu quả của các biện pháp mang tính cải thiện con người. Đặc biệt, mục tiêu về "sự tự giác" đã được nhấn mạnh nhiều lần trong lý luận của các nhà cải cách thế kỷ XIX. Các nhà nghiên cứu lập luận rằng mục tiêu của việc áp dụng các BPHS không còn là sự trừng phạt thể xác đối với người bị kết án mà ở một thời điểm lịch sử nhất định, mục tiêu đó đã chuyển đổi thành sự tác động đến nhận thức cũng như tinh thần của người bị kết án hay nói cách khác là những yếu tố thuộc về nguyên nhân của tội phạm xuất phát từ đặc điểm của người đó để ngăn ngừa khả năng những người này tái phạm tội[104]. Liên quan đến các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội, vào khoảng đầu và giữa thế kỷ XX, các nhà khoa học luật hình sự trên thế giới đã đưa ra nhiều quan điểm khác nhau và qua đó hình thành nên học thuyết chung về nguyên nhân tội phạm. Cụ thể, bên cạnh một số yếu tố thuộc về môi trường xã hội như nghèo đói, thiếu cơ hội tiếp cận giáo dục hay thất nghiệp… luôn được xem là những nguyên nhân tiềm ẩn dẫn đến hành vi phạm tội, các học giả đã mở rộng quan điểm và nghiên cứu sâu hơn về mối liên hệ giữa tính cách, đặc tính tâm sinh lý của một cá nhân với hành vi phạm tội của họ. Theo đó, các nhà nghiên cứu nhận định rằng tính cách và đặc điểm tâm sinh lý của một cá nhân có thể đóng vai trò là yếu tố then chốt khiến họ thực hiện hành vi phạm tội. Những đặc điểm này không tồn tại tách biệt với những yếu tố thuộc môi trường xã hội xung quanh một cá nhân mà có mối liên hệ mật thiết với các yếu tố đó. Học thuyết về nguyên nhân tội phạm cho rằng

[104] Patricia O'Brien (1978), "Crime and Punishment as Historical Problem (Tội phạm và Hình phạt - Một vấn đề lịch sử)", *Journal of Social History*, 11(4), 508–520.

vấn đề tội phạm nằm ở điểm giao thoa giữa xã hội học và sinh học và nhấn mạnh sự cần thiết phải xem xét cả các yếu tố môi trường xã hội và đặc điểm của từng cá nhân khi xác định nguyên nhân của hành vi tội phạm[105]. Do đó, để tối ưu hóa mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội, việc tác động đến các yếu tố thuộc về nguyên nhân của tội phạm xuất phát từ đặc điểm của người phạm tội là vô cùng cần thiết. Như vậy, những thay đổi quan trọng về nguyên nhân tội phạm và phòng ngừa xã hội trong những năm của thế kỷ XIX và XX được giải thích thông qua sự phát triển của hệ thống các BPHS tiến bộ, nhân văn hơn cũng như sự thay đổi trong cách tiếp cận và xử lý tội phạm[106]. Với xu hướng phát triển mạnh mẽ của học thuyết về phòng ngừa xã hội, khái niệm BPHS phi HP đã xuất hiện dưới tên gọi "*security measures*" (các biện pháp bảo đảm an toàn) hay "*non-punitive measures*" (các BPHS phi HP) ở một số quốc gia châu Âu[107]. Trải qua quá trình biến đổi lâu dài của lịch sử với sự ảnh hưởng từ Trường phái Xã hội và ý tưởng đề cao việc bảo vệ trật tự an toàn xã hội và giúp cho người phạm tội tái hòa nhập cộng đồng[108], các nhà khoa học luật hình sự trên khắp thế giới ngày càng chú trọng nghiên cứu về các BPHS phi HP vì các biện pháp này có ý nghĩa quan trọng đối với đối tượng bị áp dụng các biện pháp này, đối với xã hội cũng như nền tư pháp hình sự. Các nhà nghiên cứu cũng nhận ra rằng HP không còn là BPHS duy nhất, thay vào đó cần đẩy mạnh nghiên cứu về các BPHS phi HP áp dụng phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau vì các biện pháp này có mục đích thiên về hướng tác động trực tiếp nhằm "triệt tiêu, hạn chế các yếu tố có thể góp phần tạo ra nguyên nhân tái diễn hành vi phạm tội"[109].

Thứ hai, sự ra đời và phát triển của triết lý "phúc lợi", triết lý "phục hồi" và triết lý "cộng đồng" trong xử lý hành vi phạm tội cũng là cơ sở lý luận quan trọng của việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự. Trước hết, triết lý "phúc lợi" không gắn liền với công bằng theo cách truyền thống (chủ yếu căn cứ vào tính chất

[105] Sakharov, A. B. (1977), "On the Conception of the Causes of Crime in Socialist Society (Về quan niệm nguyên nhân tội phạm trong xã hội xã hội chủ nghĩa)", *Soviet Law and Government,* 15(4), 37–54.
[106] Patricia O'Brien (1978), "Crime and Punishment as Historical Problem (Tội phạm và Hình phạt - Một vấn đề lịch sử)", *Journal of Social History,* 11(4), 508–520.
[107] Joseph Heffner & Oriel Feldman Hall (2019), "Why we don't always punish: Preferences for non-punitive responses to moral violations (Tại sao không phải lúc nào cũng áp dụng hình phạt: Việc ưu tiên áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt đối với hành vi xâm phạm nhân phẩm)", *Scientific Report,* 9, 13219, 1-13.
[108] Horst Schroder (1965), "German Criminal Law and Its Reform (Quá trình cải cách luật hình sự Đức)", *Duquesne Law Review,* 4(1), 97-113.
[109] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 28.

và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội), mà nhấn mạnh tầm quan trọng của việc quan tâm đến những nhu cầu của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội để đảm bảo những vấn đề của họ được giải quyết và như vậy sẽ không có tái phạm[110]. Việc xử lý hành vi phạm tội giúp một người tái hòa nhập với xã hội hoặc khôi phục, cải thiện để họ trở lại trạng thái ban đầu. Về vấn đề này, có quan điểm cho rằng, hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là một "căn bệnh" và đối tượng của việc "chữa trị" chính là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội[111]. Thay vì tập trung vào những yếu tố xã hội tác động đến một người khiến họ thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, triết lý "phúc lợi" hướng tới những yếu tố có thể ngăn ngừa người đó tiếp tục thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội[112]. Triết lý này hướng đến một xã hội ổn định của những cá nhân trưởng thành và phát triển toàn diện. Để xây dựng được xã hội như vậy, con người cần được quan tâm hơn là hành vi của họ. Hành vi cụ thể của con người chính là sự biểu hiện của những vấn đề liên quan đến con người đó. Do vậy, hành vi nguy hiểm cho xã hội vì là biểu hiện nên không quan trọng bằng trạng thái của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Mục đích của hệ thống tư pháp hình sự theo đó không phải nhằm "truy cứu" đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xảy ra[113]; thay vào đó là đề cao việc thay đổi khả năng điều khiển cuộc sống phù hợp với pháp luật của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Thêm vào đó, có quan điểm cho rằng, trong hệ thống các biện pháp cưỡng chế về hình sự, HP chính là mối nguy hại khi gây ra những bất lợi nhất định đối với chủ thể của TNHS, và theo triết lý phúc lợi, HP chỉ nên được thừa nhận để phòng ngừa một số tội phạm nghiêm trọng. Bởi lẽ, việc áp dụng HP đối với một số trường hợp (như người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong trường hợp mất năng lực lỗi do mắc bệnh (dẫn đến bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi); hoặc trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của chất kích thích mà không phải do lỗi của mình gây ra trong khi

---

[110] Đào Lệ Thu (Chủ nhiệm đề tài) (2022), *Triết lý xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật và sự thể hiện trong thực tiễn lập pháp của một số quốc gia trên thế giới*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 33.

[111] Mary Bosworth (2005), "Rehabilitation Theory (Triết lý cải tạo phúc lợi)", *SAGE Publications, Inc.*, 1-2, 831-834.

[112] John Tecuceanu, *Theories of rehabilitation (Triết lý cải tạo phúc lợi)*, Changing Inside, https://changinginside.co.uk/offender-management-rehabilitation/, truy cập ngày 23/12/2022.

[113] Hoàng Xuân Châu (2021), "Các triết lí phổ biến trong xử lí người chưa thành niên phạm tội trên thế giới – Kinh nghiệm của Anh, xứ Wales và gợi ý cho Việt Nam", *Tạp chí Luật học*, (2), 3-15.

thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội) sẽ không mang lại bất kỳ hiệu quả nào, bởi họ không có năng lực lỗi (không thể nhận thức được mức độ gây thiệt hại của hành vi bị coi là tội phạm mà họ đã thực hiện[114]). Như vậy, dựa trên cơ sở lý luận là triết lý "phúc lợi", việc áp dụng các BPHS phi HP chính là để tìm kiếm một "kế hoạch" có thể đáp ứng những yếu tố mà người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội còn thiếu để họ ý thức được tính nguy hiểm của hành vi mà họ thực hiện và giáo dục họ trở thành những chủ thể toàn diện hơn. Bên cạnh đó, một cơ sở lý luận quan trọng khác của các BPHS phi HP đó là triết lí "phục hồi". Ở đây, phục hồi được hiểu là sự hàn gắn lại những mối quan hệ bị tội phạm xâm hại. Theo quan điểm tư pháp phục hồi, tội phạm không chỉ xâm hại các lợi ích của nạn nhân mà còn gây tổn hại tới cộng đồng. Chính vì vậy, triết lý "phục hồi" thúc đẩy sự tham gia của các nạn nhân, người phạm tội và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi tội phạm trong việc tìm ra những giải pháp phục hồi lại mối quan hệ trước khi tội phạm xảy ra[115]. Căn cứ theo cơ sở này, có thể thấy rằng, trong quá trình xử lý hành vi phạm tội, việc áp dụng các BPHS phi HP không chỉ giúp cải thiện chính những đối tượng bị áp dụng các biện pháp này, mà còn phải hướng tới phục hồi những mối quan hệ bị tội phạm xâm hại. Ngoài ra, một triết lý quan trọng khác của việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự đó là triết lý "cộng đồng". Triết lý "cộng đồng" có tư tưởng chủ đạo là toàn xã hội phải chịu trách nhiệm trong việc hợp tác để phòng ngừa tội phạm. Triết lý này nhấn mạnh tầm quan trọng của cộng đồng lớn trong việc quan tâm tới các thành viên của cộng đồng và giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của tội phạm. Triết lý này luận giải nguyên nhân của tội phạm là các yếu tố tiêu cực của đời sống xã hội và hành vi phạm tội được quyết định bởi những yếu tố này. Mục đích cuối cùng của triết lý "cộng đồng" là sự thay đổi các điều kiện xã hội là những yếu tố dẫn đến hành vi phạm tội[116]. Chính vì vậy, việc xây dựng pháp luật hình sự theo hướng tăng cường quy định về các BPHS phi HP có mục đích cuối cùng là phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội là hoàn toàn phù hợp với triết lý "cộng đồng".

---

[114] University of California Press (2004), *Punishment Theory and Practice (Học thuyết và thực tiễn của việc áp dụng HP)*, UC Press E-Books Collection, tr. 71.

[115] Đào Lệ Thu (Chủ nhiệm đề tài) (2022), *Triết lý xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật và sự thể hiện trong thực tiễn lập pháp của một số quốc gia trên thế giới*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 38.

[116] Đào Lệ Thu (Chủ nhiệm đề tài) (2022), *Triết lý xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật và sự thể hiện trong thực tiễn lập pháp của một số quốc gia trên thế giới*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 36.

Như vậy, trên thế giới, sự ra đời của học thuyết phòng ngừa xã hội và học thuyết về nguyên nhân tội phạm; cùng với sự phát triển của triết lý "phúc lợi", triết lý "phục hồi" và triết lý "cộng đồng" trong xử lý hành vi phạm tội là những cơ sở lý luận quan trọng của việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự. Hơn nữa, xét trong bối cảnh của Việt Nam, dân tộc ta luôn đề cao "triết lý" nhân văn, nhân đạo, tinh thần "tương thân tương ái", lòng khoan dung đối với người mắc lỗi; "đánh kẻ chạy đi chứ không đánh người chạy lại", "giơ cao đánh khẽ"... với mục đích giáo dục, dìu dắt... làm cho người khác, đặc biệt là người phạm tội "tỉnh ngộ" để sửa chữa lỗi lầm, hòa nhập cộng đồng. Do đó, các học thuyết và triết lý nói trên đều là cơ sở lý luận của việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam.

1.6.2. Cơ sở pháp lý

Thứ nhất, cơ sở pháp lý của các BPHS phi HP là các yếu tố hợp thành nguyên nhân của tội phạm - yếu tố của "nguy cơ tái diễn" hành vi phạm tội, xuất phát từ đặc điểm của người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS, pháp nhân phải chịu TNHS. Để có thể quy định đầy đủ và áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt một cách hiệu quả, chủ thể có thẩm quyền phải xác định được nguyên nhân gây nên hành vi nguy hiểm cho xã hội là gì, các nguyên nhân đó được thể hiện qua những đặc điểm của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hay pháp nhân phải chịu TNHS ra sao mà không phải phụ thuộc vào yếu tố "lỗi" của các đối tượng đó và BPHS phi HP được áp dụng sẽ triệt tiêu hay hạn chế các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi nguy hiểm cho xã hội như thế nào. Ví dụ, đối với NCTN phạm tội, điểm đặc thù của nhóm đối tượng này là họ đang trong giai đoạn phát triển cả về thể chất và trí tuệ, họ có ít kinh nghiệm trong cuộc sống, đặc biệt là khả năng nhận thức và quan niệm về pháp luật của NCTN phạm tội chưa hình thành đầy đủ hoặc bị lệch lạc[117]. Điều này là các yếu tố chính tạo nên tội phạm liên quan đến NCTN. Vì vậy, việc áp dụng các BPHS phi HP để giáo dục, nâng cao ý thức, nhận thức về pháp luật đối với NCTN phạm tội chính là tác động đến các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội mà NCTN đó thực hiện. Theo đó, một số biện pháp như biện pháp giám sát, giáo dục đặc biệt, hoặc giám sát tại nhà có thể giúp họ phát triển những kiến thức, kỹ năng cần thiết để tái hòa nhập cộng đồng xã hội

[117] Đặng Thanh Nga (2008), "Một số đặc điểm tâm lí của NCTN phạm tội", *Tạp chí Luật học*, 1, 39-44.

cũng như ngăn ngừa khả năng họ tái phạm tội trong tương lai. Hay một ví dụ khác, đối với những người mắc bệnh tâm thần hoặc nghiện chất kích thích dẫn đến mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, việc áp dụng các BPHS phi HP mang tính trị liệu bắt buộc chính là để cải thiện những đặc điểm liên quan đến sức khỏe tâm thần của họ, nhằm phòng ngừa sự tái diễn hành vi phạm tội do những đặc điểm đó gây nên. Như vậy, có thể nhận định rằng, mỗi BPHS phi HP được quy định đều có vai trò, chức năng, mục đích, ý nghĩa riêng xuất phát từ yêu cầu trong việc giải quyết đặc điểm của từng đối tượng bị áp dụng biện pháp đó. Chính sự linh hoạt cũng như tính cá nhân hóa trong việc quy định và áp dụng các BPHS phi HP nhằm phòng ngừa tội phạm một cách trực tiếp đã, đang và sẽ góp phần xây dựng một hệ thống pháp luật hình sự hiệu quả hơn.

Thứ hai, chuẩn mực pháp lý quốc tế về bảo vệ quyền con người là cơ sở pháp lý quan trọng của việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự quốc gia. Theo định nghĩa của Văn phòng Cao ủy Liên Hợp quốc (LHQ), quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm và những tự do cơ bản của con người[118]. Trên cơ sở đó, những văn kiện quốc tế về quyền con người nói chung và liên quan đến các BPHS phi HP nói riêng được xây dựng khá đa dạng với nhiều cấp độ khác nhau.

Trước hết, đối với quyền con người nói chung, Hiến chương LHQ năm 1945 và Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948 là hai văn kiện quốc tế quan trọng đầu tiên về quyền con người. Trong đó, Hiến chương LHQ đã dành nhiều đoạn, mục khẳng định mục tiêu, quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của LHQ trong việc bảo vệ và thúc đẩy tôn trọng các quyền cơ bản của con người. Còn đối với Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948, LHQ cũng đã đưa ra được những quyền cơ bản nhất của con người như quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân, quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo,… Bản Tuyên ngôn nhân quyền được đánh giá là một trong những thành tựu lớn lao về quyền con người của LHQ và có ý nghĩa lịch sử vì đã đưa ra được những chuẩn mực chung cho tất cả các nước và dân tộc về các quyền con

[118] United Nations (2006), *Frequently Asked Question on a Human Rights-Based approach to development cooperation (Câu hỏi thường gặp về cách tiếp cận dựa trên quyền con người đối với sự hợp tác phát triển của các quốc gia)*, New York and Geneva, p.1.

người. Nói cách khác, đây chính là văn kiện quan trọng có ý nghĩa tiến bộ lịch sử và giá trị to lớn về mặt đạo đức, chính trị và pháp lý[119]. Trên cơ sở hai văn kiện quốc tế này, quyền con người cũng đã được ghi nhận trong một loạt Công ước quốc tế. Trong đó, có thể kể tới hai văn kiện tiêu biểu là Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966. Hai Công ước này quy định quyền con người trên các phương diện kinh tế, văn hóa, xã hội, dân sự, chính trị và khẳng định quyền con người cần được tôn trọng và bảo vệ một cách toàn diện trên tất cả các khía cạnh. Đồng thời, Công ước cũng khuyến nghị các quốc gia thành viên thực hiện nội luật hóa các quy định trong Công ước vào pháp luật quốc gia mình hoặc cam kết thực hiện từng bước, phù hợp với trình tự lập pháp của quốc gia. Như vậy, các văn kiện quốc tế về quyền con người nói chung đóng vai trò làm "kim chỉ nam" cho sự ra đời của một số văn kiện quốc tế khác có nội dung và đối tượng cụ thể hơn. Các văn kiện đó có thể kể tới như Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm được Đại hội đồng LHQ thông qua năm 1984[120]; Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của LHQ về những biện pháp không giam giữ (hay còn gọi là Quy tắc Tokyo) năm 1990; Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của LHQ về hoạt động tư pháp đối với NCTN (Quy tắc Bắc Kinh) năm 1985; Hướng dẫn về phòng ngừa phạm pháp ở NCTN (Hướng dẫn Ri-át) năm 1990[121];… Quan điểm nhất quán mà những văn kiện quốc tế này đưa ra thể hiện rất rõ vai trò quan trọng của các BPHS phi HP trong việc bảo đảm tốt hơn các quyền con người và như vậy, các BPHS phi HP đã thực sự trở thành một chế định không thể thiếu trong chính sách hình sự của mỗi quốc gia. Bởi đây là sự thể hiện

---

[119] Nguyễn Đức Thùy (2008), *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người với Việt Nam*, Tạp chí Nhân dân điện tử, https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/tuyen-ngon-the-gioi-ve-quyen-con-nguoi-voi-viet-nam-602896/, truy cập ngày 06/10/2021.

[120] Liên Hợp quốc, Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm, https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/convention-against-torture-and-other-cruel-inhuman-or-degrading, truy cập ngày 25/3/2023 và Lê Lan Chi (2017), "Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật hình sự trong tiến trình nội luật hóa Công ước chống tra tấn và trừng phạt hoặc đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo làm mất phẩm giá khác", *Tạp chí Dân chủ & Pháp luật*, (4), 3-8.

[121] Liên Hợp quốc, Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của LHQ về những biện pháp không giam giữ (hay còn gọi là Quy tắc Tokyo) năm 1990, https://www.ohchr.org/sites/default/files/Documents/ProfessionalInterest/tokyorules.pdf; Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của LHQ về hoạt động tư pháp đối với NCTN (Quy tắc Bắc Kinh) năm 1985, https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/united-nations-standard-minimum-rules-administration-juvenile; Hướng dẫn về phòng ngừa phạm pháp ở NCTN (Hướng dẫn Ri-át) năm 1990, https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/united-nations-guidelines-prevention-juvenile-delinquency-riyadh truy cập ngày 25/3/2023.

chính sách pháp luật nhân đạo, nhân văn thông qua cách quy định về BPHS phi HP trong pháp luật quốc gia mình.

Bên cạnh LHQ, các quốc gia châu Âu cũng ban hành nhiều quy định khung cho các BPHS phi HP để bảo đảm các quốc gia thành viên có thể thực thi các biện pháp này một cách đồng bộ, thống nhất trong khu vực nhằm bảo đảm tốt nhất các quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Chẳng hạn, Khuyến nghị số (99)22 năm 1999 của Ủy hội châu Âu (Council of Europe) và Ủy ban Bộ trưởng (Committee of Ministers) đưa ra tuyên bố rằng: *"Việc tước đoạt quyền tự do nên được coi như một biện pháp trừng phạt hoặc biện pháp cuối cùng mà dựa trên mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, không một biện pháp nào khác có thể thay thế"*[122]. Như vậy, tương đồng với một số văn kiện quốc tế liên quan đến các biện pháp phi HP nhìn từ góc độ bảo vệ quyền con người, EU cũng cho rằng, việc tước quyền tự do của con người chỉ phải sử dụng khi bất kì những biện pháp khác không đủ tác dụng trừng phạt và giáo dục người phạm tội. Nói cách khác, EU đưa ra khuyến nghị rằng cần tăng cường tối đa những BPHS phi HP để có thể bảo đảm tốt hơn quyền con người. Việc sử dụng phổ biến các BPHS phi HP thay thế cho HP phản ánh sự thay đổi cơ bản trong quan điểm lập pháp của EU[123].

Tại ASEAN, mặc dù không xây dựng được khung pháp lý chung của khối về khía cạnh này nhưng ASEAN cũng rất nỗ lực trong việc quy định lồng ghép những nội dung liên quan đến các BPHS phi HP vào các văn kiện về quyền con người. Cụ thể, Tuyên bố nhân quyền ASEAN năm 2012 là văn kiện quan trọng, cơ bản về quyền con người. Điều 14 của Tuyên bố quy định: "*Không ai bị tra tấn, bị đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay bị hạ nhục*". Như vậy, cách quy định này của ASEAN tương tự với cách quy định trong Tuyên ngôn nhân quyền của LHQ khi đã làm nổi bật được yêu cầu của việc hạn chế trừng trị tàn bạo, vô nhân đạo, xâm phạm nghiêm trọng đến các quyền cơ bản của con người. Từ đó, quy định về các BPHS phi HP

---

[122] Council of Europe, Committee of Ministers, *Recommendation No. R(99) 22 concerning prison overcrowding and prison population inflation (Khuyến nghị số R(99) 22 liên quan đến tình trạng quá tải nhà tù và "lạm phát" số lượng người bị kết án phạt tù)*, https://rm.coe.int/168070c8ad, truy cập ngày 06/10/2021.
[123] Stefani Giorgia, Kronberga Ilona, Sile Sanita, Bisi Roberta, Sette Raffaella, Gregori Emilio, Distaso Marta, Freeman Ruth (2016), *Alternatives to imprisonment in Europe: increasing understanding and promoting implementation: Guidance (Các biện pháp thay thế hình phạt tù ở Châu Âu: Hướng dẫn nâng cao hiểu biết và thúc đẩy áp dụng)*, Comunità Papa Giovanni XXIII, Italy, tr. 7.

trong tương lai sẽ có thể phát triển hơn nữa tại khu vực và hi vọng rằng các quốc gia ASEAN sẽ sớm xây dựng được khung pháp luật như EU.

Như vậy, từ việc phân tích chuẩn mực pháp lý quốc tế về bảo vệ quyền con người, có thể khẳng định rằng cộng đồng quốc tế đều đồng tình rằng các BPHS phi HP đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo đảm tốt hơn các quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Từ đó, có thể thấy, xu hướng áp dụng các BPHS phi HP trong mối quan hệ mật thiết với HP đang ngày càng phát triển và tối ưu hóa mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội. Vì là một trong những thành viên của LHQ và ASEAN nên Việt Nam không nên nằm ngoài xu hướng này.

1.6.3. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự là dựa trên bối cảnh khi chỉ áp dụng HP đã tạo ra gánh nặng cho hệ thống tư pháp; do đó, việc áp dụng các BPHS phi HP độc lập với HP, hoặc thay thế hay kèm theo HP sẽ tối ưu hóa mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội và phù hợp với nguyên tắc phân hóa TNHS của luật hình sự. Ở Việt Nam nói riêng và một số quốc gia trên thế giới nói chung, gánh nặng của hệ thống tư pháp (hình thành trong bối cảnh HP là BPHS duy nhất để xử lý hành vi phạm tội) biểu hiện qua nhiều khía cạnh khác nhau, đặc biệt là trong quá trình áp dụng HP tù (là một trong những HP cơ bản và phổ biến nhất của hệ thống HP). Cụ thể, chi phí được sử dụng trong quá trình áp dụng HP tù chính là gánh nặng lớn đối với hệ thống tư pháp, bao gồm chi phí xây dựng và duy trì cơ sở giam giữ, bố trí nguồn nhân lực để quản giáo, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người bị kết án phạt tù, v.v. Thêm vào đó, tình trạng quá tải trong các nhà tù, trại giam có thể tạo ra một môi trường thiếu lành mạnh cho người bị kết án phạt tù và cán bộ quản giáo, cũng như hạn chế khả năng tiếp cận các chương trình giáo dục và phục hồi chức năng, dẫn tới những vấn đề tiêu cực như bạo lực, bệnh tật... Hơn nữa, HP tù còn tác động lâu dài đối với cá nhân người bị kết án và gia đình họ, ví dụ như người chấp hành án phạt tù có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm, nhà ở và các nguồn lực khác cho cuộc sống sau khi họ được trả tự do. Ngoài ra, trong một số trường hợp nhất định, việc chỉ áp dụng HP tiền nhưng không tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, cũng như không phù hợp với khả năng tài chính của chủ thể thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ như việc chỉ áp dụng HP tiền đối với

pháp nhân phải chịu TNHS nhưng có tiềm lực tài chính cao), cũng có thể góp phần làm tăng tỷ lệ tội phạm, liên tục tạo gánh nặng lên hệ thống tư pháp.

Trong bối cảnh thực tiễn nói trên, việc quy định về các BPHS phi HP với vai trò là biện pháp được áp dụng độc lập với HP hoặc thay thế hay kèm theo HP trong một số trường hợp nhất định sẽ tối ưu hóa mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội cũng như thể hiện rõ nguyên tắc phân hóa TNHS của luật hình sự; từ đó giảm gánh nặng cho hệ thống tư pháp. Bởi lẽ, như đã phân tích, để đạt được mục đích cuối cùng là thiên về hướng phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội, trong số các BPHS phi HP, một số biện pháp có tính chất ngăn chặn để phòng ngừa; một số biện pháp có tính chất phục hồi để phòng ngừa; một số biện pháp có tính chất cải thiện hay giáo dục để phòng ngừa. Do đó, việc quy định một hệ thống các BPHS phi HP càng đa dạng thì càng thể hiện được rõ nguyên tắc phân hóa TNHS. Như vậy, với cơ sở thực tiễn dựa trên bối cảnh nếu chỉ áp dụng HP sẽ tạo ra gánh nặng cho hệ thống tư pháp, việc quy định các BPHS phi HP bên cạnh HP trong việc xử lý hành vi phạm tội sẽ gia tăng hiệu quả của việc áp dụng HP, nhằm tối ưu hóa mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội của các BPHS và phù hợp với nguyên tắc phân hóa TNHS của luật hình sự; từ đó giảm bớt gánh nặng cho hệ thống tư pháp hình sự.

Tóm lại, cơ sở lý luận là sự ra đời của học thuyết phòng ngừa xã hội cùng với sự phát triển của triết lý "phúc lợi", triết lý "phục hồi" và triết lý "cộng đồng" trong xử lý hành vi phạm tội; cơ sở pháp lý là các yếu tố hợp thành nguyên nhân của tội phạm - yếu tố của "nguy cơ tái diễn" hành vi phạm tội, xuất phát từ đặc điểm của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hay pháp nhân phải chịu TNHS và những chuẩn mực pháp lý quốc tế về bảo vệ quyền con người; cơ sở thực tiễn dựa trên bối cảnh nếu chỉ áp dụng HP sẽ tạo ra gánh nặng cho hệ thống tư pháp (nên việc áp dụng các BPHS phi HP độc lập với HP, hoặc thay thế hay kèm theo HP sẽ tối ưu hóa mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội và phù hợp với nguyên tắc phân hóa TNHS của luật hình sự) đều là những cơ sở vô cùng quan trọng của việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự; từ đó, xây dựng một hệ thống các BPHS phi HP thống nhất và toàn diện.

1.7. Các yếu tố tác động, chi phối việc xây dựng quy định về các biện pháp hình sự phi hình phạt

Sự phát triển của các BPHS phi HP trong luật hình chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố, trong đó có chính sách hình sự, điều kiện kỹ thuật, điều kiện văn hóa và điều kiện kinh tế, xã hội.

Thứ nhất, về chính sách hình sự, đây là một phần của chính sách xã hội nói chung thể hiện quan điểm, định hướng, tư tưởng của Đảng cầm quyền và Nhà nước về phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong từng thời kỳ phát triển của xã hội. Theo đó, chính sách hình sự góp phần xây dựng cơ sở chính trị - pháp lý vững chắc cho việc sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật hình sự, đồng thời soạn thảo và triển khai các biện pháp đấu tranh phòng và chống tội phạm trong đất nước[124]. Vì vậy, có thể nhận định rằng, chính sách hình sự đóng vai trò then chốt trong việc xác định vị trí của các BPHS phi HP trong hệ thống pháp luật hình sự nói chung, hệ thống các BPHS nói riêng. Trên thế giới, các quốc gia và khu vực pháp lý khác nhau có nhiều quan điểm khác nhau liên quan đến triết lý và mục tiêu của chính sách hình sự. Ví dụ, ở một số quốc gia trong các giai đoạn nhất định, có mục tiêu của chính sách hình sự là đấu tranh chống lại cái ác, trừng phạt cái ác và răn đe chủ thể của tội phạm cũng như để cho các đối tượng khác trong xã hội nhận thức được rõ sự lên án của Nhà nước đối với tội phạm nhằm ngăn ngừa tội phạm, sẽ tập trung xây dựng hệ thống HP, lấy HP là BPHS chủ yếu trong xử lý tội phạm. Ngược lại với cách tiếp cận này, một số quốc gia đề cao học thuyết phòng ngừa xã hội, các triết lý "phúc lợi", triết lý "phục hồi" và triết lý "cộng đồng" trong xử lý tội phạm trong mục tiêu chính sách hình sự quốc gia đó. Theo đó, bên cạnh HP, các chính sách hình sự tiến bộ này nhấn mạnh tầm quan trọng của các BPHS phi HP trong hệ thống các BPHS nhằm phòng ngừa tội phạm tại các quốc gia đó. Như vậy, có thể khẳng định rằng, những định hướng chính sách hình sự khác nhau ảnh hưởng đến việc lựa chọn và quy định các BPHS phi HP một cách phù hợp nhất ở mỗi quốc gia và khu vực.

Thứ hai, về điều kiện kinh tế - xã hội, các yếu tố này có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển và tính hiệu quả của việc áp dụng các BPHS phi HP trong mỗi quốc gia, khu vực. Những điều kiện này được thể hiện qua sự lớn mạnh của nền kinh tế trong

[124] Phạm Văn Lợi (Chủ nhiệm đề tài) (2006), *Một số vấn đề về chính sách hình sự trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp, Hà Nội, tr. 12.

một quốc gia, sự phát triển của hệ thống dịch vụ xã hội, mối liên kết cộng đồng xã hội và các vấn đề tiêu cực khác trong xã hội như nghèo đói, thất nghiệp... Ví dụ, ở những quốc gia, khu vực phải đối mặt với sự nghèo đói, thất nghiệp kèm theo một số hệ quả như tỉ lệ NCTN phạm tội hay người phạm tội do bị nghiện chất kích thích cao, nhà nước phải tìm ra những biện pháp để giải quyết nguồn gốc của hành vi tội phạm trong mối liên hệ sâu sắc với những yếu tố thuộc về kinh tế xã hội này. Bên cạnh đó, ở nhiều quốc gia, việc áp dụng các HP truyền thống như HP tù, đi kèm với chi phí cao để duy trì một hệ thống nhà tù lớn, bao gồm việc xây dựng và bảo trì các cơ sở giam giữ, nguồn nhân lực để giám sát hay các chi phí liên quan khác, đặt gánh nặng lớn về tài chính lên nhà nước. Trong thời điểm kinh tế khó khăn hoặc hạn chế về nguồn ngân sách, yếu tố này có thể thúc đẩy các nhà hoạch định chính sách xây dựng mục tiêu giảm số lượng tù nhân; giảm chi phí của việc áp dụng HP tù và giảm tình trạng tái phạm tội thông qua việc áp dụng các BPHS phi HP độc lập với HP tù. Các biện pháp này không chỉ giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước mà còn góp phần giúp người phạm tội tái hòa nhập xã hội, giúp họ có cơ hội học tập, làm việc và giảm nguy cơ tái phạm tội trong tương lai. Mặt khác, dưới góc độ xã hội học pháp luật, khi kinh tế phát triển, ổn định, bền vững sẽ là điều kiện thuận lợi cho hoạt động thực hiện pháp luật, tác động tích cực tới việc nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức pháp luật của các tầng lớp xã hội[125]. Do đó, các quốc gia với nguồn lực kinh tế - xã hội vững chắc sẽ có điều kiện tốt hơn để đầu tư vào các dịch vụ, chương trình cải thiện, giáo dục cho người phạm tội hay ngăn chặn người phạm tội tiếp xúc với các yếu tố dẫn tới hành vi phạm tội…; từ đó, nâng cao tính khả thi và hiệu quả trong việc áp dụng các BPHS phi HP. Hơn nữa, đối với một số BPHS phi HP nhất định, mối liên kết cộng đồng xã hội cũng trở thành một yếu tố góp phần tạo nên sự thành công trong việc áp dụng các biện pháp này. Ví dụ, một số BPHS phi HP mang tính giám sát, giáo dục NCTN phạm tội yêu cầu sự tham gia, phối hợp của gia đình hay các thành viên khác cộng đồng xã hội. Khi đó, ý thức và trách nhiệm tham gia, phối hợp của các thành phần nói trên sẽ mang tính quyết định về hiệu quả của các biện pháp này.

Thứ ba, về văn hoá, một số yếu tố thuộc về văn hóa như đạo đức, phong tục, tập quán hay tín ngưỡng, tôn giáo…có ảnh hưởng sâu sắc đến việc hình thành và áp dụng

[125] Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Xã hội học pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 291.

hiệu quả các BPHS phi HP trong một quốc gia, khu vực nhất định. Bởi lẽ, hiện nay, các nền văn hóa trên thế giới tồn tại rất nhiều quan điểm khác nhau liên quan đến tội phạm cũng như vai trò của nhà nước trong việc phòng ngừa, đấu tranh và xử lý tội phạm. Theo đó, những quan điểm văn hóa khác nhau sẽ tác động đến việc xây dựng và áp dụng các BPHS phi HP. Trước hết, trong quá trình xây dựng và thực hiện pháp luật, giai cấp cầm quyền phải tính đến chuẩn mực đạo đức nhằm tạo cho pháp luật một khả năng thích ứng, khiến cho nó dường như thể hiện ý chí chung của mọi tầng lớp xã hội. Trong đó, chuẩn mực đạo đức xác lập những quan điểm, quan niệm chung về công bằng và bất công, về cái thiện và cái ác[126]. Ở mỗi quốc gia, khu vực khác nhau, tương ứng với từng giai đoạn lịch sử nhất định, Nhà nước sẽ ban hành các đạo luật ghi nhận đầy đủ đặc điểm phát triển, chứa đựng những quan điểm đạo đức khác nhau, làm cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Nhà nước[127]. Theo đó, một số xã hội có chuẩn mực đạo đức nhấn mạnh việc răn đe, trừng phạt cái ác; trái lại, các nền văn hóa khác lại ưu tiên việc cải thiện con người, coi người phạm tội là những cá nhân có thể cải tạo và tái hòa nhập xã hội. Những quan điểm, quan niệm này ảnh hưởng đến việc xây dựng các quy định của luật hình sự về HP cũng như các BPHS phi HP ở mỗi quốc gia. Bên cạnh đó, tôn giáo cũng là một trong những yếu tố tác động, chi phối đến việc xây dựng pháp luật nói chung, xây dựng quy định của luật hình sự về các BPHS phi HP nói riêng. Cụ thể, hầu hết các tôn giáo đều có các giáo lý, giáo điều luôn khuyên răn con người làm việc thiện, góp phần xây dựng tình đoàn kết nội bộ, giải quyết linh hoạt, kịp thời, có tình, có lý các mâu thuẫn trong cộng đồng, điều này hỗ trợ cho việc hoàn thiện pháp luật[128]. Những quy tắc, yêu cầu của chuẩn mực tôn giáo phù hợp với thuần phong, mĩ tục của dân tộc, với các giá trị đạo đức, pháp luật hiện hành có tác dụng tích cực đối với việc thực hiện pháp luật của các cá nhân. Mặt khác, chuẩn mực phong tục, tập quán là sự thể hiện ý chí chung của cộng đồng xã hội, được các thành viên trong xã hội thừa nhận, tuân thủ và thực hiện một cách tự nguyện. Đây là một trong những nhân tố tạo nên sự đồng thuận xã hội. Với ý nghĩa đó, chuẩn mực phong tục tập quán góp phần

---

[126] Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Xã hội học pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 208, 212.
[127] Nguyễn Cao Siêng (2021), "Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về việc kết hợp giữa đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Cộng sản*, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/823346/van-dung-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-viec-ket-hop-giua-dao-duc-va-phap-luat-trong-quan-ly-xa-hoi-viet-nam-hien-nay.aspx, truy cập ngày 07/10/2023.
[128] Nguyễn Thị Tố Uyên (2021), " Một số vấn đề về mối quan hệ giữa pháp luật và tôn giáo ở Việt nam hiện nay", *Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam* 1(86), 53 - 60.

quan trọng trong việc xây dựng cũng như đưa pháp luật vào đời sống cộng đồng xã hội một cách thuận lợi[129], đặc biệt là việc xây dựng quy định về các BPHS phi HP trong xử lý tội phạm. Như vậy, những cân nhắc liên quan đến các yếu tố thuộc về văn hóa của một quốc gia, khu vực trong khi xây dựng và áp dụng các BPHS phi HP là không thể thiếu trong công cuộc phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm một cách toàn diện và công bằng hơn, đồng thời tôn trọng văn hóa của quốc gia, khu vực đó.

Thứ tư, về sự phát triển về khoa học kỹ thuật - công nghệ, sự phát triển của các BPHS phi HP gắn liền với các điều kiện kỹ thuật trong phạm vi quốc gia, khu vực nhất định. Trước hết, những điều kiện kỹ thuật này được thể hiện qua một tập hợp các yếu tố bao gồm toàn bộ cơ sở hạ tầng và nguồn lực cần thiết để tạo ra môi trường thuận lợi cho việc quy định và áp dụng các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh và xử lý tội phạm nói chung, các BPHS phi HP nói riêng phát triển. Những thành phần chính của điều kiện kỹ thuật bao gồm nhưng không giới hạn sự sẵn có của các cơ sở, chương trình nhằm xử lý, giải quyết các yếu tố được cho là nguyên nhân của tội phạm xuất phát từ đặc điểm của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hay pháp nhân phải chịu TNHS. Ví dụ như các dịch vụ trị liệu tâm thần, cai nghiện dễ tiếp cận, các cơ hội giáo dục, đào tạo nghề hay các hệ thống hỗ trợ tái hòa nhập... Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ và to lớn của khoa học và công nghệ trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang đặt ra hàng loạt vấn đề pháp lý về đổi mới tư duy, thay đổi trong việc quy định các BPHS phi HP. Ví dụ, với khả năng kết nối bao trùm của Internet toàn cầu, các nhà lập pháp của các quốc gia có thể tiếp cận nhanh chóng, thuận tiện, khai thác có hiệu quả một khối lượng khổng lồ dữ liệu số liên quan đến xu hướng, kinh nghiệm lập pháp hình sự tiến bộ, hữu ích từ khắp nơi trên thế giới, cũng như nhanh chóng nhận được phản hồi đa chiều từ nhiều tầng lớp dân cư trong xã hội đối với chính sách, pháp luật hình sự đã hoặc dự kiến sẽ được Nhà nước ban hành. Từ đó, việc ban hành quyết định, thực hiện các hoạt động phòng ngừa, điều tra, xử lý tội phạm... được nhanh chóng, hiệu quả hơn. Theo đó, các BPHS nói chung, các BPHS phi HP nói riêng trong pháp luật hình sự cũng cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp[130]. Hơn nữa, sự kết hợp giữa điều kiện kỹ thuật và các BPHS phi HP

---

[129] Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Xã hội học pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 217, 218.
[130] Trịnh Tiến Việt (2020), "Chính sách hình sự Việt Nam trước thách thức cách mạng công nghiệp 4.0", *Kỷ yếu Hội thảo: Những vấn đề lý luận hiện đại về nhà nước và pháp luật*, Hà Nội, 345-367, tr. 352, 353.

đảm bảo rằng các đối tượng bị áp dụng các biện pháp này có thể tiếp cận các nguồn lực và hệ thống hỗ trợ cần thiết để giải quyết nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của họ, từ đó giúp họ nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng xã hội. Khi công nghệ phát triển, phạm vi áp dụng các BPHS phi HP cũng được thay đổi một cách đáng kể. Cụ thể, sự ra đời của giám sát điện tử, kỹ thuật phân tích dữ liệu phức tạp và công nghệ truyền thông đã mở rộng đáng kể phạm vi và hiệu quả của các BPHS phi HP. Ví dụ, giám sát điện tử cho phép theo dõi người phạm tội chính xác và chi tiết hơn, đảm bảo tuân thủ điều kiện, nội dung của các BPHS phi HP. Các công cụ phân tích dữ liệu cho phép hiểu sâu hơn về các yếu tố phức tạp góp phần hình thành hành vi phạm tội, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các BPHS phi HP phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Công nghệ giao tiếp hiện đại sẽ thúc đẩy sự hợp tác và chia sẻ thông tin giữa các bên liên quan trong hệ thống tư pháp hình sự, tạo ra cách tiếp cận toàn diện để hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp này. Bằng cách này, công nghệ đóng vai trò như một yếu tố hỗ trợ, nâng cao tính chính xác và hiệu quả của các BPHS phi HP, góp phần vào sự thành công của các biện pháp này trong việc cải thiện, tái hòa nhập của những đối tượng bị áp dụng các biện pháp này và phòng ngừa hành vi phạm tội trong tương lai. Như vậy, với những tác động mạnh mẽ của các điều kiện kỹ thuật đối với các BPHS phi HP nêu trên, ở những khu vực, quốc gia thiết lập tốt các điều kiện kỹ thuật, việc quy định và áp dụng các BPHS phi HP sẽ đa dạng và đạt hiệu quả cao hơn.

Tóm lại, việc xây dựng quy định về các BPHS phi HP chịu sự chi phối của nhiều yếu tố khác nhau bao gồm: chính sách hình sự, điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa, sự phát triển về khoa học kỹ thuật - công nghệ. Do vậy, việc nhận thức rõ và có sự điều chỉnh hợp lý đối với các yếu tố này là rất cần thiết để đảm bảo rằng những quy định về các BPHS phi HP được xây dựng một cách đúng đắn, phù hợp trong luật hình sự của mỗi quốc gia.

Kết luận Chương 1

Từ việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về các BPHS phi HP, có thể rút ra một số kết luận sau đây:

Thứ nhất, về khái niệm BPHS phi HP, khái quát hóa những quan điểm của các học giả trong và ngoài nước, có thể thấy hai góc độ tiếp cận khái niệm này như sau: (i) Hướng thứ nhất tiếp cận khái niệm BPHS phi HP để chỉ ra những đặc điểm của

các BPHS phi HP; (ii) Hướng thứ hai tiếp cận khái niệm BPHS phi HP để chỉ ra phạm vi phản ánh nội hàm của khái niệm này. Trong đó, phạm vi phản ánh rộng tiếp cận khái niệm này để chỉ tất cả các biện pháp cưỡng chế ngoài HP được quy định trong luật hình sự; còn phạm vi phản ánh hẹp tiếp cận khái niệm này để chỉ các BPHS có mục đích phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội. So sánh quan điểm về các BPHS phi HP, có thể thấy bên cạnh những điểm tương đồng, mỗi quan điểm của các nhà khoa học luật hình sự lại có những khác biệt nhất định theo từng nội dung như mục đích của các BPHS phi HP, hệ thống các BPHS phi HP, chủ thể áp dụng và đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP và mỗi quan điểm đều chứa đựng những hạt nhân hợp lý nhất định. Từ đó, có thể đưa ra một định nghĩa đầy đủ và chi tiết nhất về các BPHS phi HP như sau: *Các BPHS phi HP là các biện pháp cưỡng chế hình sự của nhà nước được quy định trong luật hình sự, do cơ quan tư pháp có thẩm quyền căn cứ vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cụ thể quyết định áp dụng với người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS và/ hoặc pháp nhân phải chịu TNHS, được áp dụng độc lập với HP, hoặc thay thế hay kèm theo HP, nhằm ngăn chặn hoặc phục hồi hoặc cải thiện hay giáo dục với mục đích cuối cùng là phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội.*

Thứ hai, một hệ thống các BPHS phi HP hoàn chỉnh phải thoả mãn các yêu cầu và được xây dựng theo các nguyên tắc sau đây: (i) một mặt phải thể hiện tính độc lập tương đối của các biện pháp này so với HP; mặt khác phải bảo đảm mối quan hệ mật thiết với hệ thống HP – đó là các BPHS phi HP được áp dụng thay thế hoặc kèm theo HP nhằm tối ưu hóa mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội; (ii) phải xuất phát từ đặc điểm của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hay pháp nhân phải chịu TNHS - các đối tượng bị áp dụng các biện pháp này; (iii) phải đảm bảo tính đa dạng, phù hợp với các đối tượng bị áp dụng và có thể áp dụng được ở các giai đoạn tố tụng khác nhau. Bên cạnh đó, so sánh các quan điểm của các nhà khoa học luật hình sự, có thể thấy, căn cứ vào các tiêu chí khác nhau, có thể phân loại các BPHS phi HP thành các nhóm khác nhau như sau: *Căn cứ vào đối tượng bị áp dụng,* các BPHS phi HP có thể được chia thành bốn nhóm sau: (1) các BPHS phi HP áp dụng đối với người phạm tội; (2) các BPHS phi HP áp dụng đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS; (3) các BPHS phi HP áp dụng đối với pháp nhân phải chịu TNHS; (4) các BPHS phi HP áp dụng đối với

NCTN phạm tội. *Căn cứ vào cách tiếp cận để đạt được mục đích cuối cùng là thiên về hướng phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội*, có thể chia các BPHS phi HP thành: (1) các BPHS phi HP có mục đích ngăn chặn để phòng ngừa; (2) các BPHS phi HP có mục đích phục hồi để phòng ngừa; (3) các BPHS phi HP có mục đích cải thiện để phòng ngừa; (4) các BPHS phi HP có mục đích giáo dục để phòng ngừa. *Căn cứ vào mối quan hệ với HP*, có thể chia các BPHS phi HP thành ba nhóm: (1) các BPHS phi HP được áp dụng độc lập với HP; (2) các BPHS phi HP được áp dụng kèm theo HP và (3) các BPHS phi HP được áp dụng thay thế HP.

Thứ ba, so sánh quan điểm về chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP; có thể khẳng định rằng, chủ thể áp dụng các BPHS phi HP là cơ quan tư pháp có thẩm quyền căn cứ vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cụ thể. Bên cạnh đó, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP bao gồm: (i) người phạm tội (gồm người đã thực hiện hành vi phạm tội thuộc một trong ba trường hợp sau: trường hợp có đầy đủ năng lực TNHS; trường hợp có năng lực lỗi mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi có thể bị mất tạm thời do sử dụng chất kích thích; trường hợp năng lực lỗi hạn chế do mắc bệnh (trường hợp này được giảm nhẹ TNHS)); (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do thuộc một trong hai trường hợp sau: trường hợp mất năng lực lỗi do mắc bệnh (dẫn đến bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi) trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; hoặc trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của chất kích thích mà không phải do lỗi của mình gây ra trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; (iii) pháp nhân phải chịu TNHS; và (iv) NCTN phạm tội. Ngoài ra, mỗi BPHS phi HP đều được quy định về điều kiện áp dụng và nội dung tương ứng trong luật hình sự.

Thứ tư, các BPHS phi HP có ý nghĩa quan trọng đối với đối tượng bị áp dụng các biện pháp này (giáo dục, cải thiện); đối với xã hội (bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong xã hội; phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật, từ đó bảo đảm trật tự an toàn xã hội); đối với nền tư pháp hình sự (góp phần đa dạng hóa các BPHS của Nhà nước và phân hóa TNHS, thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước).

Thứ năm, bên cạnh những điểm tương đồng với HP (như đều là các biện pháp cưỡng chế hình sự, do luật hình sự quy định và có mục đích cuối cùng là phòng ngừa hành vi phạm tội), các BPHS phi HP còn thể hiện những điểm khác biệt nhất định so với HP, cụ thể như sau: (i) về cơ sở pháp lý của HP và các BPHS phi HP, trong khi HP là hậu quả pháp lý của hành vi phạm tội thì các BPHS phi HP xuất phát từ đặc điểm của người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS, pháp nhân phải chịu TNHS; (ii) về thuật ngữ chỉ tên gọi, nếu như HP có tên gọi thống nhất ở nhiều quốc gia trên thế giới thì các BPHS phi HP lại được thể hiện bởi một hệ thống rất phong phú về tên gọi và thể loại; (iii) về tính chất, khác với HP có tính răn đe và gây hại/ bất lợi đối với chủ thể của TNHS thì hầu hết các BPHS phi HP không có tính chất này; (iv) về mục đích, trong khi HP có mục đích "thiên về hướng" phòng ngừa hành vi phạm tội một cách không trực tiếp thì các BPHS phi HP có mục đích "thiên về hướng" phòng ngừa hành vi phạm tội một cách trực tiếp; (v) chủ thể áp dụng các BPHS phi HP đa dạng hơn so với chủ thể áp dụng HP; (vi) đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP đa dạng hơn so với đối tượng bị áp dụng HP; (vii) về hậu quả pháp lý của HP và các BPHS phi HP, trong khi HP để lại án tích cho người, pháp nhân bị kết án thì các BPHS phi HP không để lại án tích cho đối tượng bị áp dụng các biện pháp này.

Thứ sáu, trên thế giới, sự ra đời của học thuyết phòng ngừa xã hội và học thuyết về nguyên nhân tội phạm; cùng với sự phát triển của triết lý "phúc lợi", triết lý "phục hồi" và triết lý "cộng đồng" trong xử lý hành vi phạm tội là những *cơ sở lý luận* quan trọng của việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự. Hơn nữa, xét trong bối cảnh của Việt Nam, dân tộc ta luôn đề cao "triết lý" nhân văn, nhân đạo, tinh thần "tương thân tương ái", lòng khoan dung đối với người mắc lỗi; "đánh kẻ chạy đi chứ không đánh người chạy lại", "giơ cao đánh khẽ"... với mục đích giáo dục, dìu dắt... làm cho người khác, đặc biệt là người phạm tội "tỉnh ngộ" để sửa chữa lỗi lầm, hòa nhập cộng đồng. Do đó, các học thuyết và triết lý nói trên đều là cơ sở lý luận của việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam. Bên cạnh đó, các yếu tố hợp thành nguyên nhân của tội phạm - yếu tố của "nguy cơ tái diễn" hành vi phạm tội, xuất phát từ đặc điểm của người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS, pháp nhân phải chịu TNHS và chuẩn mực pháp lý quốc tế về bảo vệ quyền con người là *cơ sở pháp lý* quan trọng của việc

quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự quốc gia. Ngoài ra, *cơ sở thực tiễn* của việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự là dựa trên bối cảnh khi chỉ áp dụng HP đã tạo ra gánh nặng cho hệ thống tư pháp; do đó, việc áp dụng các BPHS phi HP độc lập với HP, hoặc thay thế hay kèm theo HP sẽ tối ưu hóa mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội và phù hợp với nguyên tắc phân hóa TNHS của luật hình sự.

Thứ bảy, việc xây dựng quy định về các BPHS phi HP chịu sự chi phối của nhiều yếu tố khác nhau bao gồm: chính sách hình sự, điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa, sự phát triển về khoa học kỹ thuật - công nghệ.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, với những kết luận nói trên, Chương 1 chính là nền tảng lý luận quan trọng để NCS tiếp tục phát triển và hoàn thiện các nội dung tiếp theo của Luận án.

CHƯƠNG 2. CÁC BIỆN PHÁP HÌNH SỰ PHI HÌNH PHẠT TRONG LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ QUỐC GIA

2.1. Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Đức

Vào cuối thế kỷ 19, BLHS Đức năm 1871 chỉ quy định HP là BPHS duy nhất trong xử lý tội phạm; tuy nhiên, với sự ảnh hưởng từ Trường phái Xã hội và ý tưởng đề cao việc bảo vệ trật tự an toàn xã hội và giúp cho người phạm tội tái hòa nhập cộng đồng, xuất phát từ triết lý "phục hồi" trong xử lý hành vi phạm tội, các nhà lập pháp của Đức đã bổ sung quy định về các BPHS phi HP trong những lần sửa đổi BLHS vào các thập kỷ sau đó[131]. Đồng thời, trong suốt quá trình sửa đổi đạo luật chuyên biệt về tư pháp NCTN (Luật Tòa thanh thiếu niên - Youth Courts Act của Đức năm 1923, năm 1943 và năm 1953) các nhà làm luật tại Đức cũng đã nhất quán ủng hộ việc thực hiện nguyên tắc giáo dục thông qua áp dụng các BPHS phi HP để thay thế HP hay hỗ trợ trong khi áp dụng kèm theo HP đối với NCTN phạm tội. Theo đó, hiện nay, các BPHS phi HP ở quốc gia này được quy định chi tiết tại Điều 45 Mục I và Mục VI Chương III BLHS Đức hiện hành năm 1998, sửa đổi, bổ sung năm 2022 ("BLHS Đức") và các điều 5, 7 Chương I, các điều 9 đến 12 Chương II, các điều 13 đến 16, 16a Chương III Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức năm 1953, sửa đổi, bổ sung năm 2021[132] ("Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức") với những nội dung sau đây:

2.1.1. Định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt

Trước hết, BLHS Đức không đưa ra định nghĩa pháp lý mô tả về các BPHS phi HP mà chỉ đưa ra định nghĩa liệt kê về nhóm các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn[133] – là các biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP. Bên cạnh đó, Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức nhấn mạnh rằng việc áp dụng các BPHS phi HP đối với NCTN phạm tội chủ yếu phải mang tính giáo dục và có mục đích chung là phòng ngừa hành vi phạm tội của NCTN[134]. Mặc dù đã quy định cụ thể những đặc điểm quan trọng (tính chất, mục đích) của các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội; tuy nhiên, luật hình sự Đức không đưa ra định nghĩa pháp lý mô tả một

---

[131] Horst Schroder (1965), "German Criminal Law and Its Reform (Quá trình cải cách luật hình sự Đức)", *Duquesne Law Review*, 4(1), 97-113.

[132] Luận án sử dụng bản tiếng Anh điện tử của Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức truy cập tại https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_jgg/englisch_jgg.html#p0057, ngày 24/12/2022.

[133] Xem Điều 61 BLHS Đức

[134] Xem Điều 2 Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức

cách đầy đủ mà chỉ quy định về định nghĩa liệt kê của từng BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội[135].

2.1.2. Về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt

Trong luật hình sự Đức, bên cạnh hình phạt, Điều 11 Khoản (1).8 BLHS Đức còn quy định về các biện pháp khác bao gồm nhóm các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn (gồm: biện pháp lưu trú bắt buộc trong bệnh viện tâm thần; biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại cai nghiện; biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn; biện pháp quản chế; biện pháp thu hồi cấp phép lái xe; biện pháp cấm hành nghề) và nhóm các biện pháp thu lại, tịch thu và biện pháp làm mất khả năng sử dụng. Thêm vào đó, BLHS Đức còn quy định các hậu quả pháp lý kèm theo hình phạt[136] (nhưng không phải hình phạt). Hậu quả pháp lý kèm theo bao gồm: bị mất khả năng đảm nhiệm chức trách, khả năng được bầu cử và quyền biểu quyết[137]. Mặt khác, đối với NCTN phạm tội, bên cạnh các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn (ngoại trừ biện pháp cấm hành nghề) được quy định trong BLHS Đức, các điều 5, 9 và 13 Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức còn quy định hai nhóm biện pháp hình sự phi hình phạt đó là: (i) nhóm các biện pháp giám sát (bao gồm biện pháp bắt buộc tuân thủ các lệnh và biện pháp hỗ trợ giám sát); (ii) nhóm các biện pháp kỷ luật (bao gồm biện pháp khiển trách, biện pháp bắt buộc phải đáp ứng các điều kiện, biện pháp lưu trú bắt buộc trong trung tâm đặc biệt dành cho thanh thiếu niên phạm tội).

Tuy nhiên, về mặt bản chất, các BPHS phi HP là các biện pháp cưỡng chế hình sự không có tính chất của HP, không gắn với hành vi phạm tội mà được quy định và áp dụng phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng bị áp dụng các biện pháp này, nhằm mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội một cách trực tiếp. Vì vậy, các BPHS phi HP được quy định trong BLHS Đức bao gồm: (i) nhóm các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn (có mục đích cải thiện tình trạng của người bị áp dụng cũng như bảo đảm an toàn cho xã hội)[138]; (ii) hậu quả pháp lý kèm theo là bị mất khả năng

---

[135] Xem các điều 7, 9 và 13 Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức

[136] Về vấn đề này, tác giả Nguyễn Ngọc Hòa có nhận định: "Hậu quả pháp lý mà chủ thể phải gánh chịu được nói trong trách nhiệm hình sự là các biện pháp hình sự được pháp luật hình sự quy định và được Tòa án tuyên qua bản án." (Nguyễn Ngọc Hòa (2022), tlđd, tr. 8.). Do vậy, mặc dù BLHS Đức không quy định trực tiếp hậu quả pháp lý kèm theo là một loại "biện pháp" trong luật hình sự; tuy nhiên, về mặt lý luận, có thể hiểu hậu quả pháp lý kèm theo trong pháp luật hình sự quốc gia này cũng là một loại biện pháp hình sự.

[137] Corda, A. và Kaspar, J. (2022), tlđd, tr. 407; Lê Thị Sơn (2022), tlđd, tr. 257, tr. 259 và tr. 264.

[138] Xem Điều 11 Khoản (1).8, Điều 45 và Điều 61 BLHS Đức và Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 259.

đảm nhiệm chức trách[139]. Bên cạnh đó, các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội bao gồm: (i) các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn; (iii) các biện pháp giám sát; (ii) các biện pháp kỷ luật. Có thể nhận định rằng, mặc dù các nhóm biện pháp nói trên đều có những nội dung khác nhau nhưng đều mang tính giáo dục và có mục đích chung là phòng ngừa hành vi phạm tội của NCTN thông qua tác động trực tiếp đến các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội và do vậy, các biện pháp này cũng mang tính chất của các BPHS phi HP.

2.1.3. Về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Theo Điều 45 và các điều tại Mục VI BLHS Đức, Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn và hậu quả pháp lý kèm theo là bị mất khả năng đảm nhiệm chức trách đối với đối tượng bị áp dụng các biện pháp này. Đồng thời, Điều 33 Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức cũng quy định rõ rằng Tòa thanh thiếu niên (thuộc nhánh Tòa án Tư pháp cấp bang và cấp liên bang trong hệ thống Tòa án Đức)[140] có thẩm quyền xét xử và quyết định áp dụng HP cũng như các biện pháp giám sát; các biện pháp kỷ luật và các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn đối với NCTN phạm tội. Điều này là hoàn toàn phù hợp với Hiến pháp của Cộng hòa Liên bang Đức và các Hiệp định, Quyết định, Chỉ thị và Quy định[141] của Liên minh châu Âu ("EU") vì Đức là một trong các quốc gia thành viên của EU. Đáng chú ý, BLHS Đức quy định Tòa án có thể ra lệnh độc lập về lưu trú bắt buộc trong một bệnh viện tâm thần hoặc một trại cai nghiện; thu hồi cấp phép lái xe; cấm hành nghề nếu quá trình xét xử không thể tiến hành được vì lý do người thực hiện tội phạm không có năng lực lỗi hoặc không có khả năng tham gia phiên tòa[142]. Có thể nhận định rằng quy định này đã tạo điều kiện cho thực tiễn áp dụng các BPHS phi HP ở Đức được linh hoạt, nhanh chóng và thuận lợi.

2.1.4. Về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Dựa trên các quy định tại BLHS Đức và Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức, có thể thấy rằng đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP tại quốc gia này được phân

---

[139] Xem Điều 45 BLHS Đức

[140] Xem Khoản 6 Điều 10 Luật Tổ chức tòa án của Đức năm 1975, sửa đổi, bổ sung năm 2017; và Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Luật so sánh*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 391.

[141] Werner Schroeder (2020), *Limits to European Harmonisation of Criminal Law (Những hạn chế trong hài hòa hóa pháp luật hình sự châu Âu)*, Associations for European Criminal Law, 144-148.

[142] Xem Điều 71 BLHS Đức

loại thành ba nhóm: (i) người phạm tội (bao gồm người đã thực hiện hành vi phạm tội thuộc một trong ba trường hợp sau: trường hợp có đầy đủ năng lực TNHS; trường hợp có năng lực lỗi mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi có thể bị mất tạm thời vì bị nghiện do sử dụng quá mức đồ uống có cồn hoặc các chất gây say khác[143]; trường hợp năng lực lỗi hạn chế do mắc bệnh[144] (trường hợp này được giảm nhẹ TNHS)); (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do thuộc một trong hai trường hợp sau đây: trường hợp mất năng lực lỗi do mắc bệnh (dẫn đến bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi) trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội[145]; hoặc trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của đồ uống có cồn hoặc các chất gây say khác mà không phải do lỗi của mình gây ra trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội[146]; (iii) NCTN phạm tội. Tại Đức, NCTN phạm tội là người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 18 tuổi tại thời điểm họ thực hiện hành vi phạm tội. Họ phải chịu TNHS nếu vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, người đó có đầy đủ năng lực lỗi, hay nói cách khác người đó đã phát triển đầy đủ về mặt trí tuệ để nhận thức được sự sai trái của hành vi phạm tội do mình thực hiện[147].

Như vậy, ở Đức pháp nhân không phải là một trong các đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP nói riêng và các BPHS nói chung vì Đức không quy định pháp nhân phải chịu TNHS (mà chỉ quy định pháp nhân phải chịu trách nhiệm hành chính hoặc trách nhiệm dân sự[148]). Mặc dù vào năm 2013, Đức đã có Dự thảo Luật áp dụng TNHS đối với doanh nghiệp và các đơn vị khác. Tiếp đó, vào cuối năm 2019 đầu năm 2020, Dự thảo BLHS mới trong đó bổ sung quy định về pháp nhân thương mại phải chịu TNHS đã được trình lên Nghị viện Cộng hòa Liên bang Đức nhưng vì một số lí do, đặc biệt là do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nên Dự luật này vẫn chưa được thông qua[149]. Ví dụ, trong Dự thảo Luật áp dụng TNHS đối với doanh nghiệp

---

[143] Xem Điều 64 BLHS Đức
[144] Xem Điều 21 và Điều 63 BLHS Đức
[145] Xem Điều 20 và Điều 63 BLHS Đức
[146] Xem Điều 64 BLHS Đức
[147] Xem Khoản (2) Điều 1 và Điều 3 Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức
[148] Theo quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính của Đức năm 1987, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (Act on Regulatory Offenses – Ordnungswidrigkeitengesetz or OWiG)
[149] Norton Rose FulBright (2020), *Germany takes next step to establish a corporate criminal liability regime (Những bước tiếp theo trong hoạt động thiết lập trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại ở Đức)*,

và các đơn vị khác có quy định: các tổ chức có thể là chủ thể của TNHS bao gồm pháp nhân, hiệp hội không có tư cách pháp nhân và công ty đối nhân có tư cách pháp nhân theo luật tư và luật công[150].

2.1.5. Về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt

Trước hết, luật hình sự Đức quy định cụ thể về điều kiện áp dụng và nội dung của từng biện pháp trong nhóm các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn như sau:

Thứ nhất, đối với *biện pháp lưu trú bắt buộc trong bệnh viện tâm thần*, theo Điều 63 BLHS Đức, điều kiện để áp dụng biện pháp này đó là: Nếu người nào đó đã thực hiện hành vi trái pháp luật trong tình trạng không có năng lực lỗi hoặc năng lực lỗi hạn chế thì Tòa án ra lệnh lưu trú bắt buộc trong một bệnh viện tâm thần nếu sự đánh giá toàn diện người này và hành vi của họ cho thấy, các hành vi trái pháp luật đáng kể mà người này sẽ thực hiện do tình trạng của mình là được dự liệu và do vậy họ là nguy hiểm cho cộng đồng. Như vậy, theo BLHS Đức, biện pháp lưu trú bắt buộc trong một bệnh viện tâm thần được áp dụng đối với cả trường hợp người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong tình trạng không có năng lực lỗi (thì biện pháp này được áp dụng độc lập với HP vì người đã thực hiện hành vi trái pháp luật trong tình trạng không có năng lực lỗi thì sẽ không phải chịu TNHS) và trường hợp người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong tình trạng năng lực lỗi hạn chế (thì biện pháp này được áp dụng kèm theo HP). Trong đó, theo Điều 20 BLHS Đức, không có năng lực lỗi do các rối loạn tâm thần là trường hợp một người khi thực hiện hành vi mà không có năng lực nhận thức sự không hợp pháp của hành vi hoặc không có năng lực thực hiện hành vi theo nhận thức này do rối loạn tâm thần bệnh lý, rối loạn ý thức nặng, hoặc do thiểu năng, hoặc do các bất bình thường nặng khác về tâm thần. Còn trường hợp năng lực lỗi hạn chế là trường hợp khả năng nhận thức sự không hợp pháp của hành vi hoặc khả năng thực hiện hành vi theo nhận thức này của người thực hiện tội phạm bị giảm một cách đáng kể vì một trong những nguyên nhân được mô tả trong Điều 20 thì HP có thể được giảm nhẹ theo khoản (1) Điều 49

---

https://www.nortonrosefulbright.com/en/knowledge/publications/9d3d5764/germany-takes-next-step-to-establish-a-corporate-criminal-liability-regime, truy cập ngày 23/01/2022.

[150] Đề nghị Dự thảo luật của bang Bắc sông Ranh, Cộng hòa Liên bang Đức, dẫn theo Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2015), *Sửa đổi Bộ luật Hình sự - Những nhận thức cần thay đổi?*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 82, 83.

BLHS Đức. Tuy nhiên, BLHS Đức chưa quy định về trường hợp áp dụng biện pháp này đối với người phạm tội trong khi có năng lực TNHS nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; và người đang chấp hành HP tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Thứ hai, đối với *biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại cai nghiện*, Điều 64 BLHS Đức quy định về điều kiện áp dụng biện pháp này cụ thể là: nếu một người nghiện sử dụng quá mức đồ uống có cồn hoặc các chất gây say khác và đã bị kết án về một hành vi trái pháp luật đã được thực hiện trong tình trạng say hoặc bắt nguồn từ việc nghiện đó hoặc không bị kết án chỉ do không có năng lực lỗi đã được chứng minh hoặc không thể loại trừ thì Tòa án cần ra lệnh lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện khi có nguy cơ là họ sẽ thực hiện các hành vi trái pháp luật đáng kể do việc nghiện đó của mình. Lệnh này chỉ được đưa ra khi có triển vọng đủ cụ thể là có thể chữa trị được cho họ qua điều trị trong một trại cai nghiện hoặc với thời gian dài sẽ tránh tái nghiện và ngăn ngừa họ thực hiện hành vi trái pháp luật do việc nghiện đưa lại. Như vậy, theo BLHS Đức, biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại cai nghiện được áp dụng đối với cả người phạm tội trong trường hợp có năng lực lỗi mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi có thể bị mất tạm thời vì bị nghiện do sử dụng quá mức đồ uống có cồn hoặc các chất gây say khác (thì biện pháp này được áp dụng kèm theo HP) và người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do thuộc trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của đồ uống có cồn hoặc các chất gây say khác mà không phải do lỗi của mình gây ra (thì biện pháp này được áp dụng độc lập với HP vì người đã thực hiện hành vi trái pháp luật trong tình trạng không có năng lực lỗi thì sẽ không phải chịu TNHS). Tuy nhiên, BLHS Đức chưa quy định về trường hợp áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại cai nghiện đối với người phạm tội trong trường hợp có năng lực lỗi mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi có thể bị mất tạm thời vì bị nghiện do sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích tương tự khác.

Đối với các biện pháp nêu trên là biện pháp lưu trú bắt buộc trong bệnh viện tâm thần và biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại cai nghiện, Điều 67 BLHS Đức quy định cụ thể thứ tự chấp hành các biện pháp này. Theo đó, nếu các biện pháp này được

áp dụng kèm theo HP tù thì phải được áp dụng trước khi chấp hành HP tù. Tuy nhiên, Tòa án vẫn được xác định HP tù hoặc một phần HP tù được chấp hành trước khi áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc trong bệnh viện tâm thần hay biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại cai nghiện nếu qua đó mục đích của các biện pháp này đạt được dễ dàng hơn. Nếu áp dụng toàn bộ hoặc một phần biện pháp lưu trú bắt buộc trong bệnh viện tâm thần hay biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại cai nghiện trước khi chấp hành HP, thì thời gian áp dụng các biện pháp này được trừ vào thời gian chấp hành HP nhưng không được trừ quá 1/3 (một phần ba) thời hạn chấp hành HP. Bên cạnh đó, các điều 67b, 67g còn quy định cụ thể về các trường hợp Tòa án cho dừng ngay sau khi ra lệnh lưu trú bắt buộc trong bệnh viện tâm thần hoặc trại cai nghiện hay các trường hợp Tòa án thu hồi quyết định cho dừng đó.

Thứ ba, đối với *biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn*, Điều 66 BLHS Đức quy định biện pháp này được áp dụng kèm theo HP tước tự do[151] đối với các trường hợp tái phạm hoặc phạm nhiều tội sau: *Trường hợp thứ nhất* là trường hợp phạm một tội cố ý bị kết án với HP tước tự do thấp nhất là 02 năm khi thỏa mãn cả 03 điều kiện sau: Đã 02 lần bị kết án về tội cố ý đã thực hiện trước đó (tội phạm mới) mà đều với HP tước tự do thấp nhất là 01 năm; Đã chấp hành ít nhất là 02 năm HP tước tự do hoặc biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn có tước tự do vì một hoặc một số tội phạm đã thực hiện trước đó; Việc đánh giá toàn diện người phạm tội và hành vi của họ cho thấy họ là người nguy hiểm cho cộng đồng vì tình trạng nghiện của họ có thể đưa đến các tội đáng kể, trước hết là các tội gây cho nạn nhân thiệt hại nặng nề về tinh thần hoặc thể xác hoặc là các tội gây thiệt hại nặng về kinh tế. *Trường hợp thứ hai* là trường hợp phạm ba tội cố ý đều được quy định phải chịu HP tước tự do ít nhất là 01 năm mà về một hoặc nhiều tội đó, họ đã bị kết án thấp nhất là 03 năm và có thêm điều kiện thứ ba nêu trên của trường hợp thứ nhất. *Trường hợp thứ ba* là trường hợp người phạm tội bị kết án với HP tước tự do ít nhất là 02 năm vì một tội

[151] Về vấn đề này, có nhà nghiên cứu cho rằng: "*Trong BLHS Đức, tên của 02 HP chính được gắn với đối tượng bị HP hướng vào. Do vậy, với đối tượng là tiền có HP tiền, với đối tượng là sự tự do có HP tự do. Trong khi đó, ở Việt Nam, với đối tượng tiền có HP tiền nhưng với đối tượng sự tự do thì tên HP lại là HP tước tự do (thêm chữ tước).*" (xem: Lê Thị Sơn (2022), "Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác theo pháp luật hình sự Đức", trong Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, 243-317, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 255). Tuy nhiên, NCS cho rằng đây chỉ là sự khác biệt trong cách dịch thuật và thuật ngữ "HP tước tự do" thể hiện đúng bản chất, ý nghĩa của HP này.

phạm nghiêm trọng[152] hoặc một trong số các tội sau: các tội xâm phạm sự tự quyết về tình dục; các tội xâm phạm thân thể; tội cố ý hoặc vô ý đưa bản thân vào tình trạng say[153], mà hành vi được thực hiện trong tình trạng say là một tội nghiêm trọng hoặc là một trong các hành vi trái pháp luật được kể trên với các điều kiện sau: người phạm tội đã một lần bị kết án với HP tước tự do thấp nhất là 03 năm về một hoặc một số tội phạm nêu trên đã được thực hiện trước đó; điều kiện tương tự với điều kiện thứ hai của trường hợp thứ nhất; điều kiện tương tự với điều kiện thứ ba của trường hợp thứ nhất. *Trường hợp thứ tư* là trường hợp đã phạm hai tội thuộc loại tội phạm được mô tả trong trường hợp thứ ba và trong đó mỗi tội đều phải chịu HP tước tự do ở mức thấp nhất là 02 năm và đã bị kết án vì một hoặc một số tội đó với HP tước tự do thấp nhất là 03 năm khi có thêm điều kiện thứ ba của trường hợp thứ nhất. Bên cạnh đó, các điều 66a và 66b còn quy định cụ thể về việc treo lệnh lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn và lệnh bổ sung sau về lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn. Như vậy, có thể khẳng định rằng biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn luôn luôn có vai trò hỗ trợ HP bởi BLHS Đức quy định một trong những điều kiện áp dụng biện pháp này là được áp dụng kèm theo HP tước tự do. Thêm vào đó, biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn cũng thể hiện được mục đích phòng ngừa trực tiếp nguyên nhân của hành vi phạm tội vì có điều kiện áp dụng là việc đánh giá toàn diện người phạm tội và hành vi của họ cho thấy họ là người nguy hiểm cho cộng đồng vì tình trạng nghiện (do sử dụng quá mức đồ uống có cồn hoặc các chất gây say khác) của họ có thể đưa đến các tội phạm nguy hiểm đáng kể; từ đó, việc áp dụng biện pháp này đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhằm cải thiện tình trạng nghiện của người đó và phòng ngừa hành vi phạm tội trong tương lai. Tuy nhiên, BLHS Đức chưa quy định về trường hợp áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn đối với người phạm tội trong trường hợp có năng lực lỗi mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi có thể bị mất tạm thời vì bị nghiện do sử dụng ma túy hoặc các chất kích thích tương tự khác. Mặc dù biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn theo BLHS Đức có mục đích phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội như đã phân tích ở trên nhưng có ý

---

[152] Điều 12 BLHS Đức quy định: "*Tội phạm nghiêm trọng là các hành vi trái pháp luật bị đe dọa ở mức thấp nhất với HP tước tự do 01 năm hoặc cao hơn*".

[153] Về các tội này, xem các điều từ 174 đến 174c, Điều 176, khoản (1) đến (4) Điều 179 , các điều 180, 182, 224, khoản (1) hoặc (2) Điều 225 hoặc theo Điều 323a

kiến cho rằng, trong một số trường hợp, việc áp dụng biện pháp này có thể được xem là nặng hơn hình phạt, vi phạm các nguyên tắc về quyền con người. Ví dụ, trong án lệ M. v. Germany được xét xử bởi Tòa án Nhân quyền Châu Âu, M. đã bị kết án về tội giết người và cướp tài sản vào năm 1986 và phải chấp hành hình phạt tù với thời hạn 05 năm kèm theo biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn do có tiền sử phạm tội bạo lực và tòa sơ thẩm nhận thấy mối nguy hiểm mà M. gây ra cho xã hội. Theo đó, M. chấp hành xong án phạt tù vào năm 1991 và tiếp tục chấp hành biện pháp lưu trú trong trại bảo đảm an toàn. Tuy nhiên, vào tháng 4 năm 2001, Tòa phúc thẩm đã quyết định gia hạn thời gian lưu trú trong trại bảo đảm an toàn của M. vượt quá thời hạn 10 năm được quy định ban đầu, với lý do là BLHS Đức được sửa đổi vào năm 1998 cho phép việc áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn vô thời hạn. Tiếp đó, Tòa án Hiến pháp Liên bang Đức cũng cho rằng gia tăng thời hạn áp dụng biện pháp nêu trên là phù hợp với Hiến pháp của quốc gia này. Tuy nhiên, sau khi M. khởi kiện tại Tòa án Nhân quyền Châu Âu, Tòa án đã đánh giá và nhận thấy rằng việc tiếp tục áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn đối với M. với lý do người đó có thể phạm tội nghiêm trọng hơn là không đủ cụ thể và do đó vi phạm Điều 5.1a của Công ước Châu Âu về Quyền con người. Hơn nữa, tòa án xác định rằng hình thức phòng ngừa này nên bị coi là một "hình phạt" theo Điều 7.1 của Công ước Châu Âu về Quyền con người vì biện pháp này giống như hình phạt tù, gắn với việc tước đoạt tự do của đối tượng bị áp dụng. Mặc dù có những thay đổi nhỏ trong chế độ giam giữ khi áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn so với chế độ giam giữ của một tù nhân bình thường đang thụ án, bao gồm các đặc quyền như quyền của người bị giam giữ được mặc quần áo riêng và được trang bị thêm phòng giam thoải mái hơn; tuy nhiên, Tòa án Nhân quyền Châu Âu vẫn khẳng định rằng không có sự khác biệt đáng kể giữa việc thi hành án phạt tù và việc áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn[154]. Sau vụ kiện M. v. Germany và đoán trước phán quyết sắp tới của Tòa án Nhân quyền Châu Âu, Cơ quan Lập pháp Liên bang Đức đã ban hành một đạo luật mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 sửa đổi các quy định về biện pháp lưu trú bắt buộc

[154] European Court of Human Rights, Information Note on the Court's case-law No. 125 December 2009, M. v. Germany - 19359/04, Judgment 17.12.2009 [Section V], https://hudoc.echr.coe.int/fre#{%22itemid%22:[%22002-1190%22]}, truy cập ngày 15/10/2023.

trong trại bảo đảm an toàn trong BLHS và các luật liên quan. Đạo luật này nghiêm cấm việc áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn hồi tố đối với các tù nhân bị kết án trước năm 2011 nhưng vẫn cho phép áp dụng biện pháp này đối với những tù nhân bị kết án trước ngày đó hoặc những người được chuyển từ bệnh viện tâm thần nếu họ tiếp tục gây nguy hiểm cho cộng đồng sau khi khỏi bệnh tâm thần. Cùng với đó, cơ quan lập pháp của quốc gia này cũng ban hành Đạo luật Điều chỉnh trị liệu có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 cho phép kiểm tra trạng thái tinh thần của những người chấp hành xong án phạt tù nhưng vẫn có khả năng phải lưu trú trong các cơ sở tâm thần dài hạn nếu họ bị xem là mối nguy hiểm cho cộng đồng. Tuy nhiên, cả hai đạo luật được cơ quan lập pháp của Đức ban hành sau vụ kiện M. v. Germany đã không đáp ứng các tiêu chuẩn của Tòa án Nhân quyền Châu Âu[155]. Có thể nói, vụ việc nói trên đã thể hiện một quan điểm hoàn toàn khác về mục đích của biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn trong BLHS Đức; đồng thời, nêu bật sự mối quan hệ giữa biện pháp này với việc bảo vệ quyền con người và việc áp dụng luật hồi tố trong hệ thống tư pháp hình sự.

Thứ tư, đối với *biện pháp quản chế*, Điều 68 BLHS Đức quy định nếu một người nào đó vì một tội phạm được Luật dự liệu riêng biệt biện pháp quản chế mà phải chịu HP tước tự do thấp nhất là sáu tháng thì kèm theo HP, Tòa án có thể quyết định áp dụng biện pháp quản chế nếu có nguy cơ là người đó tiếp tục thực hiện các tội phạm tiếp theo. Theo quy định của khoản (1) Điều 68c BLHS Đức, thời hạn của quản chế được quy định cho các trường hợp thông thường ít nhất là 02 năm và nhiều nhất là 05 năm. Tòa án có thể ra lệnh quản chế không thời hạn vượt quá mức 05 năm nếu người bị kết án thuộc một trong hai trường hợp quy định tại khoản (2) Điều 68c BLHS Đức như sau: *Trường hợp thứ nhất:* không chấp thuận lệnh buộc điều trị mà việc điều trị này gắn với sự can thiệp vào cơ thể hoặc buộc tham gia một đợt cai nghiện (theo Điều 56c khoản (3) số 1 BLHS Đức) và có sự lo ngại về mối nguy hiểm cho cộng đồng qua việc tiếp tục phạm các tội đáng kể. *Trường hợp thứ hai*: không chấp hành lệnh điều trị hoặc cai nghiện hoặc lệnh trị liệu và có sự lo ngại về mối nguy hiểm cho cộng đồng qua việc tiếp tục phạm các tội đáng kể. Ngoài ra, Tòa án có thể

[155] Grischa Merkel (2011), "Case Note - Retrospective Preventive Detention in Germany: A Comment on the ECHR Decision Haidn v. Germany of 13 January 2011 (Tóm tắt và phân tích án lệ - Áp dụng hồi tố biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn tại Đức: Bình luận về Quyết định của ECHR trong vụ việc Haidn v. Đức ngày 13 tháng 1 năm 2011", *German Law Journal*, 12(3), 968-977, tr. 974, 975.

kéo dài thời hạn quản chế vượt thời hạn 05 năm mà không có giới hạn nếu thuộc một trong hai trường hợp tại khoản (3) Điều 68c BLHS Đức như sau: *Trường hợp thứ nhất*: trong các trường hợp được cho dừng lưu trú bắt buộc trong một bệnh viện tâm thần theo khoản (2) Điều 67d mà từ những tình tiết nhất định có cơ sở cho thấy nếu không làm khác thì người bị kết án sẽ lâm vào tình trạng không có năng lực lỗi hoặc năng lực lỗi hạn chế do các rối loạn tâm thần (theo Điều 20 và 21 BLHS Đức), từ đó có sự lo ngại về mối nguy hiểm cho cộng đồng qua việc tiếp tục phạm tội đáng kể. *Trường hợp thứ hai*: người bị kết án bị tuyên HP tước tự do từ trên hai năm vì các tội phạm thuộc loại sau đây: các tội về lạm dụng tình dục; các tội về cưỡng dâm và hiếp dâm; tội hỗ trợ cho những hành vi tình dục của NCTN; tội bảo kê mại dâm[156] hoặc bị ra lệnh lưu trú bắt buộc trong một bệnh viện tâm thần hoặc một trại cai nghiện và từ sự vi phạm các lệnh theo Điều 68b khoản (1) hoặc khoản (2) hoặc từ những tình tiết nhất định cụ thể khác có cơ sở cho thấy sự lo ngại về một mối nguy hiểm cho cộng đồng do việc tiếp tục phạm các tội phạm đáng kể. Trên cơ sở phân tích điều kiện áp dụng biện pháp quản chế trong BLHS Đức, có thể thấy biện pháp này luôn luôn được áp dụng kèm theo HP và có mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội qua tác động trực tiếp đến các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội. Điều này được thể hiện rõ trong những quy định của BLHS Đức, ví dụ như: theo quy định tại Điều 68b, Tòa án có thể ra lệnh cho người bị kết án trong thời hạn bị quản chế hoặc trong thời gian ngắn hơn (i) không được rời nơi ở hoặc nơi lưu trú hoặc một phạm vi nhất định khi không có cấp phép của cơ quan quản chế; (ii) không được lưu lại ở những địa điểm nhất định mà những nơi đó có thể tạo cho họ cơ hội hoặc sự kích thích cho các tội phạm tiếp theo; (iii) không được thiết lập quan hệ, giao tiếp, cho làm việc, đào tạo hoặc cho ở cùng người đã bị xâm phạm, những người nhất định khác hoặc người của các nhóm nhất định mà những người này có thể tạo cho họ cơ hội hoặc sự kích thích cho các tội phạm tiếp theo; (iv) không được tiến hành những công việc nhất định nếu những công việc này theo các tình huống có thể bị họ lợi dụng để phạm tội; (v) không được sở hữu, mang theo hoặc bảo quản đồ vật nhất định mà nó có thể tạo cho họ cơ hội hoặc sự kích thích cho các tội phạm tiếp theo; (vi) không được là chủ hoặc điều khiển xe cơ giới hoặc các xe khác mà các xe này có thể bị họ lợi dụng theo các tình

[156] Xem các điều 174 đến 174c, các điều 176 đến 176b, Điều 179 và Điều 182, Điều 177 và Điều 178, Điều 180, Điều 181a, Điều 181b BLHS Đức

huống để phạm tội; (vii) trình báo vào thời gian nhất định với cơ quan quản chế, một cơ quan công vụ nhất định hoặc người nữ hoặc nam trợ giúp thử thách; (viii) trình báo kịp thời cho cơ quan quản chế khi thay đổi chỗ ở hoặc chỗ làm việc; (ix) phải đăng ký với phòng lao động có thẩm quyền hoặc với một cơ sở môi giới việc làm được phép khác trong trường hợp bị thất nghiệp; (x) không được dùng đồ uống có cồn hoặc các chất gây say khác nếu từ những tình tiết nhất định có cơ sở cho thấy việc dùng các chất này sẽ góp phần vào việc thực hiện các tội phạm tiếp theo và phải chấp nhận sự kiểm tra các chất có cồn hoặc gây nghiện mà sự kiểm tra này không gắn với các can thiệp đến cơ thể; (xi) trình diện vào các thời gian nhất định hoặc theo định kỳ trước nữ hoặc nam bác sỹ, nữ hoặc nam điều trị tâm lý hoặc tại trạm điều trị ngoại trú về tư pháp; hoặc (xii) bị gắn các phương tiện kỹ thuật cần thiết luôn trong trạng thái hoạt động để thực hiện giám sát điện tử nơi ở của họ và họ không được có bất kỳ hành vi nào nhằm tắt hoặc làm suy giảm chức năng của phương tiện giám sát điện tử đó.

Thứ năm, đối với *biện pháp thu hồi cấp phép lái xe*, khoản (1) Điều 69 BLHS Đức quy định về điều kiện áp dụng biện pháp này là nếu một người nào đó vì một hành vi trái pháp luật đã được thực hiện trong khi hoặc liên quan đến điều khiển xe cơ giới hoặc do vi phạm nghĩa vụ của người lái xe cơ giới mà bị kết án hoặc không bị kết án chỉ vì không có năng lực lỗi đã được chứng minh hoặc không thể loại trừ thì Tòa án thu hồi cấp phép lái xe trong trường hợp từ hành vi cho thấy người này không thích hợp với việc điều khiển xe cơ giới. Có thể thấy, việc xác định một người là không thích hợp với việc điều khiển xe cơ giới về bản chất chính là xác định yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Do đó, việc thu hồi cấp phép lái xe chính là tác động trực tiếp tới các nguyên nhân này; từ đó triệt tiêu, hạn chế các yếu tố có thể góp phần tạo ra nguyên nhân tái diễn hành vi phạm tội. Như vậy, biện pháp thu hồi cấp phép lái xe theo quy định tại BLHS Đức thể hiện rõ ràng mục đích phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội, phù hợp với đặc điểm của các BPHS phi HP.

Thứ sáu, đối với *biện pháp cấm hành nghề*, Điều 70 BLHS Đức quy định điều kiện áp dụng của biện pháp này là nếu một người nào đó vì hành vi trái pháp luật được thực hiện với sự lạm dụng nghề hoặc hoạt động kinh doanh của mình hoặc với sự vi phạm nghĩa vụ cơ bản liên quan đến nghề, hoạt động kinh doanh mà bị kết án

hoặc không bị kết án chỉ vì không có năng lực lỗi đã được chứng minh hoặc không thể loại trừ thì Tòa án có thể cấm họ thực hiện nghề, một ngành nghề, hoạt động kinh doanh hoặc một ngành kinh doanh trong thời hạn từ 01 năm đến 05 năm nếu qua đánh giá toàn diện người thực hiện tội phạm và hành vi cho thấy nguy cơ họ sẽ thực hiện các hành vi trái pháp luật đáng kể thuộc loại đã được mô tả. Không chỉ vậy, cấm hành nghề cũng có thể được Tòa án ra lệnh vĩnh viễn nếu dự liệu thời hạn cao nhất là 05 năm cũng chưa đủ để phòng ngừa sự nguy hiểm bị đe dọa từ người thực hiện tội phạm. Từ quy định nói trên, có thể khẳng định rằng biện pháp cấm hành nghề có thể được áp dụng với cả trường hợp là được áp dụng kèm theo HP và được áp dụng độc lập với HP. Đối với trường hợp được áp dụng kèm theo HP thì thời gian người thực hiện tội phạm bị giam giữ không được trừ vào thời hạn cấm hành nghề (khoản (4) Điều 70 BLHS Đức). Còn trường hợp thay thế HP thì biện pháp cấm hành nghề được áp dụng trong trường hợp người nào đó vì hành vi trái pháp luật được thực hiện với sự lạm dụng nghề hoặc hoạt động kinh doanh của mình hoặc với sự vi phạm nghĩa vụ cơ bản liên quan đến nghề, hoạt động kinh doanh mà không bị kết án chỉ vì không có năng lực lỗi đã được chứng minh hoặc không thể loại trừ; bởi lẽ, người đã thực hiện hành vi trái pháp luật trong tình trạng không có năng lực lỗi thì sẽ không phải chịu TNHS. Bên cạnh các quy định trực tiếp về điều kiện áp dụng của biện pháp cấm hành nghề nêu trên, các điều 70a và 70b BLHS Đức còn quy định về dừng, thu hồi việc cho dừng và sự hoàn tất của cấm hành nghề.

Thêm vào đó, điều kiện chung để áp dụng các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn nói trên đó là phải tuân thủ nguyên tắc tương xứng được quy định tại Điều 62 BLHS Đức như sau: không được áp dụng một biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn nếu biện pháp đó không tương xứng với ý nghĩa của hành vi đã được thực hiện bởi người thực hiện tội phạm và của các hành vi được dự liệu cũng như với mức độ của sự nguy hiểm từ phía người thực hiện tội phạm.

Ngoài ra, BLHS Đức còn quy định chi tiết về mối quan hệ của các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn đó là: nếu các điều kiện của nhiều biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn cùng thoả mãn nhưng việc đạt được mục đích đặt ra chỉ qua biện pháp riêng biệt trong số đó thì biện pháp này được ra lệnh. Ở đây, Tòa án cần ưu tiên các biện pháp xử lý ít nghiêm khắc nhất đối với người thực hiện tội phạm trong số nhiều biện pháp thích hợp. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định

nếu luật không quy định khác, các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn được ra lệnh cùng với nhau. Nếu nhiều biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn có tước tự do được ra lệnh thì Toà án xác định thứ tự chấp hành. Trước khi việc chấp hành một biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn kết thúc, Toà án ra lệnh về việc chấp hành biện pháp tiếp theo nếu mục đích của nó vẫn đòi hỏi việc lưu trú bắt buộc. Thêm vào đó, nếu mục đích của biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn không đạt được nhưng có những tình tiết đặc biệt biện hộ cho việc dự liệu là mục đích vẫn đạt được qua việc cho dừng thì Tòa án cho dừng chấp hành lưu trú bắt buộc để thử thách; quản chế có hiệu lực cùng với việc dừng. Khi mục đích của biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn đã đạt được thì Tòa án tuyên bố biện pháp này đã hoàn tất[157]. Có thể nói, những quy định trong BLHS Đức nêu trên góp phần phát huy tối đa hiệu quả của việc áp dụng các BPHS phi HP đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Đối với *hậu quả pháp lý kèm theo là bị mất khả năng đảm nhiệm chức trách*, Điều 45 BLHS Đức quy định đối với trường hợp phạm tội nghiêm trọng và bị phạt HP tự do có mức thấp nhất là 01 năm thì hậu quả pháp lý kèm theo bắt buộc là: Người phạm tội bị mất các khả năng đảm nhiệm chức trách công trong thời hạn 05 năm. Đồng thời, đối với trường hợp phạm tội khác, Tòa án có thể tước của người bị kết án các khả năng nói trên trong thời hạn từ 02 đến 05 năm khi luật dự liệu đặc biệt như vậy. Với việc bị mất này, người bị kết án đồng thời cũng bị mất địa vị pháp lý và các quyền tương ứng đang có khi luật không quy định khác. Có thể thấy, ngay từ thuật ngữ chỉ tên gọi là một "hậu quả pháp lý kèm theo", biện pháp này cũng thể hiện được rõ vai trò là BPHS mang tính hỗ trợ khi được áp dụng kèm theo HP. Hơn nữa, điều kiện áp dụng biện pháp này đó là chủ thể áp dụng phải căn cứ vào các yếu tố thuộc nguyên nhân của từng loại tội phạm. Cụ thể, theo quy định tại các Điều 92a, 101 và 358 BLHS Đức, hậu quả pháp lý kèm theo nói trên chỉ có thể được Tòa án quyết định áp dụng đối với những tội phạm trong BLHS Đức mà phần lớn là do người có chức trách công nhất định mới có thể thực hiện hành vi phạm tội như: các tội phạm trong chức trách (bao gồm: tội phạm về nhận và đưa hối lộ; tội làm sai pháp luật; tội xâm phạm thân thể trong chức trách; tội cưỡng ép khai báo; tội truy cứu người không có

[157] Xem Điều 67c và Điều 72 BLHS Đức

tội; tội thi hành án đối với người không có tội; tội chứng thực sai trong chức trách; tội đòi phí; tội đòi khoản nộp, bớt khoản phân phát; tội làm mất tín nhiệm trong công vụ đối ngoại; tội vi phạm bí mật công vụ và nghĩa vụ giữ bí mật đặc biệt; tội vi phạm bí mật thuế; tội lôi kéo một người dưới quyền thực hiện một tội phạm[158]); các tội phạm về chống hòa bình, phản bội nhà nước và gây nguy hại cho nhà nước pháp quyền dân chủ - Chương thứ nhất, Phần Riêng BLHS Đức; hoặc các tội phạm về phản quốc và gây nguy hại cho an ninh đối ngoại - Chương thứ hai, Phần Riêng BLHS Đức. Việc tước bỏ khả năng đảm nhiệm chức trách công cũng chính là hạn chế, triệt tiêu đi yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội. Do vậy, hậu quả pháp lý kèm theo là bị mất khả năng đảm nhiệm chức trách trong BLHS Đức cũng có mục đích phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội - đặc trưng riêng của các BPHS phi HP.

Mặt khác, bên cạnh việc quy định điều kiện áp dụng và nội dung của một số biện pháp (bao gồm biện pháp lưu trú bắt buộc trong bệnh viện tâm thần, biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại cai nghiện, biện pháp quản chế, biện pháp thu hồi cấp phép lái xe) căn cứ theo BLHS Đức[159], Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức cũng quy định cụ thể về điều kiện áp dụng và nội dung của từng biện pháp giám sát và biện pháp kỷ luật áp dụng đối với NCTN phạm tội.

Nhóm các biện pháp giám sát được Tòa thanh thiếu niên quyết định áp dụng với những điều kiện như sau: Thứ nhất, Điều 10 Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức quy định: Tòa thanh thiếu niên quyết định áp dụng *biện pháp bắt buộc tuân thủ các lệnh* nếu xét thấy việc áp dụng các biện pháp này có thể điều chỉnh nhưng không gây bất lợi (đến mức bất công) đối với lối sống của NCTN phạm tội; đặc biệt, phải bảo đảm cũng như thúc đẩy việc học tập của NCTN phạm tội. Theo đó, NCTN phạm tội có thể phải chấp hành những lệnh sau: (i) tuân thủ các lệnh liên quan đến nơi cư trú; (ii) sinh sống với gia đình hoặc sinh sống tại nơi thường trú; (iii) học nghề hoặc làm việc nhất định; (iv) thực hiện các nhiệm vụ của công việc nhất định; (v) chịu sự giám sát của cán bộ giám sát; (vi) tham gia một khóa đào tạo kỹ năng xã hội; (vii) hòa giải với người bị hại; (viii) không được liên hệ với một số người nhất định hoặc không đến các tụ điểm nhà hàng, giải trí; hoặc (ix) tham gia khóa đào tạo về giao thông

[158] Về các tội này, xem Điều 332; Điều 335, Điều 339; Điều 340; Điều 343; Điều 344; khoản 1 và 3 Điều 345; Điều 348; Điều 352; Điều 353; Điều 353a; Điều 353b; Điều 355; Điều 357 BLHS Đức
[159] Khoản (1) Điều 7 Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức

đường bộ. Bên cạnh đó, Tòa thanh thiếu niên có thể ra lệnh buộc một NCTN phạm tội từ 16 tuổi trở xuống phải điều trị phục hồi đặc biệt hoặc trị liệu cai nghiện nếu có sự đồng ý của cha mẹ hoặc người giám hộ, người đại diện hợp pháp của NCTN đó. Đối với NCTN phạm tội trên 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, lệnh điều trị phục hồi đặc biệt hoặc trị liệu cai nghiện chỉ được áp dụng khi có sự đồng ý của chính NCTN phạm tội đó. Có thể nói, biện pháp bắt buộc tuân thủ các lệnh được áp dụng với vai trò chủ yếu là biện pháp thay thế cho HP; tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, Tòa thanh thiếu niên của Đức có thể áp dụng các biện pháp này kèm theo bản án tuyên HP đối với NCTN phạm tội[160]. Thứ hai, đối với *biện pháp hỗ trợ giám sát*, Điều 12 Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức quy định rằng sau khi xem xét kiến nghị của Văn phòng phúc lợi thanh thiếu niên của Đức[161], Tòa thanh thiếu niên của Đức có thể quyết định áp dụng một trong hai loại hình của biện pháp hỗ trợ giám sát theo các điều kiện được quy định tại Quyển Tám - phúc lợi của trẻ em và thanh thiếu niên của Bộ luật Xã hội[162] ("Quyển Tám Bộ luật Xã hội") như sau: (i) Hỗ trợ giám sát bởi cố vấn giáo dục: Tòa thanh thiếu niên quyết định áp dụng hình thức hỗ trợ giám sát này nếu xét thấy việc áp dụng có thể khắc phục những vấn đề liên quan đến sự phát triển (bao gồm cả môi trường xung quanh) của NCTN phạm tội để thúc đẩy tính tự lập của họ; đồng thời duy trì mối quan hệ giữa NCTN phạm tội và gia đình[163]; (ii) Hỗ trợ giám sát tại chính gia đình của NCTN phạm tội hoặc một gia đình khác: Tòa thanh thiếu niên quyết định áp dụng loại hình hỗ trợ giám sát này nếu xét thấy việc áp dụng có thể thúc đẩy sự phát triển của NCTN phạm tội bằng cách kết hợp các hoạt động giáo dục và trị liệu với cuộc sống hàng ngày. Bên cạnh đó, biện pháp này phải phù hợp với độ tuổi và mức độ phát triển của NCTN phạm tội và khả năng cải thiện các điều kiện giáo dục trong gia đình[164]. Cả hai loại hình hỗ trợ giám sát nêu trên đều được Tòa thanh thiếu niên áp dụng độc lập với HP; nói cách khác, các biện pháp này luôn có vai trò là biện pháp thay thế cho HP áp dụng đối với NCTN phạm tội[165].

---

[160] Xem Khoản (2) Điều 8 Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức

[161] Văn phòng phúc lợi thanh thiếu niên của Đức là một cơ quan hành chính ở cấp địa phương thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến phúc lợi cho thanh thiếu niên – Xem Điều 70 Quyển Tám Bộ luật Xã hội về phúc lợi của trẻ em và thanh thiếu niên.

[162] Luận án sử dụng bản tiếng Anh điện tử của Quyển Tám Bộ luật Xã hội truy cập tại https://www.ilo.org/dyn/natlex/docs/ELECTRONIC/52677/98452/F1934841947/SGB%208.pdf, ngày 27/12/2022.

[163] Xem Điều 30 Quyển Tám Bộ luật Xã hội

[164] Xem Điều 34 Quyển Tám Bộ luật Xã hội

[165] Xem Điều 8 Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức

Đối với *nhóm các biện pháp kỷ luật*, Điều 5 và các điều từ 13 đến 16 Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức quy định điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp này đó là: Tòa thanh thiếu niên chỉ áp dụng biện pháp khiển trách, biện pháp bắt buộc phải đáp ứng các điều kiện, biện pháp lưu trú bắt buộc trong trung tâm đặc biệt dành cho thanh thiếu niên phạm tội nếu xét thấy không cần thiết phải áp dụng HP nhưng vẫn phải để NCTN phạm tội nhận thức được rằng họ phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Cụ thể, *biện pháp khiển trách* được áp dụng nhằm giúp NCTN phạm tội nhận thức rõ hành vi phạm tội và hậu quả gây ra với cộng đồng, xã hội. Bên cạnh đó, khi áp dụng *biện pháp bắt buộc phải đáp ứng các điều kiện,* Tòa thanh thiếu niên có thể yêu cầu NCTN phạm tội phải đáp ứng một số điều kiện nhất định nhưng không gây bất lợi (đến mức bất công) đối với NCTN phạm tội bao gồm: khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra trong khả năng tối đa của mình; đích thân xin lỗi người bị hại; hoặc thực hiện nhiệm vụ nhất định. Ngoài ra, Tòa thanh thiếu niên quyết định áp dụng *biện pháp lưu trú bắt buộc trong trung tâm đặc biệt dành cho thanh thiếu niên phạm tội* nếu xét thấy việc áp dụng đó là cần thiết để: NCTN hiểu rõ rằng họ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại đã gây ra và hậu quả của việc tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội; tách NCTN khỏi môi trường ảnh hưởng tiêu cực tới họ; và giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật của NCTN. Theo đó, các hình thức lưu trú bắt buộc trong trung tâm đặc biệt dành cho thanh thiếu niên phạm tội bao gồm: (i) lưu trú bắt buộc trong trung tâm đặc biệt dành cho thanh thiếu niên phạm tội trong thời gian nhàn rỗi hàng tuần (một hoặc hai khoảng thời gian nhàn rỗi); (ii) lưu trú bắt buộc trong trung tâm đặc biệt dành cho thanh thiếu niên phạm tội ngắn hạn (hai ngày tương đương với một khoảng thời gian nhàn rỗi); (iii) lưu trú bắt buộc trong trung tâm đặc biệt dành cho thanh thiếu niên phạm tội dài hạn (từ một tuần cho đến không quá bốn tuần). Như vậy, có thể khẳng định rằng các biện pháp kỷ luật theo luật hình sự Đức luôn có vai trò là biện pháp thay thế cho HP.

Nhìn chung, các biện pháp kỷ luật là các BPHS phi HP có mức độ nghiêm khắc nhất áp dụng đối với NCTN phạm tội theo luật hình sự Đức. Mặc dù theo Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức, các biện pháp này có mục đích "kỷ luật NCTN phạm tội"[166]; tuy nhiên, trên cơ sở phân tích điều kiện áp dụng và nội dung của các biện

[166] Xem Khoản (1) Điều 13 Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức

pháp kỷ luật, có thể khẳng định rằng các biện pháp này chủ yếu vẫn có tính giáo dục ý thức pháp luật của NCTN phạm tội và phục hồi lại mối quan hệ trước khi tội phạm xảy ra, phù hợp với mục đích của việc áp dụng các BPHS phi HP đã quy định tại Điều 2 Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức.

2.2. Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Nga

Ở Nga, việc xây dựng quy định về các BPHS phi HP cũng là một quá trình lâu dài và liên tục, thể hiện rõ chính sách hình sự của quốc gia này đối với việc phòng ngừa tội phạm. BLHS được ban hành năm 1996 của Liên bang Nga thay thế BLHS Liên Xô năm 1960. Với nhiệm vụ bảo vệ các quyền và tự do của con người và công dân, tài sản, trật tự và an toàn xã hội, duy trì hòa bình và an ninh của nhân loại, cũng như ngăn ngừa tội phạm, BLHS Nga năm 1996 đã xác định hành vi nào được công nhận là hành vi phạm tội, gây nguy hiểm cho con người, xã hội hoặc Nhà nước và quy định về HP cùng với các BPHS phi HP. Việc quy định về các BPHS phi HP thể hiện cách tiếp cận tổng thể và toàn diện, nhấn mạnh mục đích phòng ngừa tội phạm bằng cách cải thiện và giúp đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP tái hòa nhập cộng đồng. Đến nay, các BPHS phi HP ở Nga được quy định tập trung tại Chương 14 và 15 BLHS Nga hiện hành năm 1996, sửa đổi, bổ sung năm 2022 ("BLHS Nga"), trong đó có cả các biện pháp áp dụng đối với người thành niên và NCTN vì Nga chưa có một văn bản pháp luật riêng về tư pháp NCTN[167] như một số quốc gia khác.

2.2.1. Định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt

Căn cứ BLHS Nga, bên cạnh HP, luật hình sự quốc gia này còn quy định về các BPHS phi HP. Theo đó, các BPHS phi HP: (i) phải phù hợp với các hoàn cảnh thực hiện hành vi đó và nhân thân người phạm tội (nguyên tắc công bằng); và (ii) không được nhằm mục đích đầy đọa về thể chất, hạ thấp nhân phẩm con người (nguyên đắc nhân đạo)[168]. Có thể nhận định rằng, BLHS Nga đã thể hiện được một số đặc điểm quan trọng của các BPHS phi HP; tuy nhiên, BLHS của quốc gia này lại chưa đưa ra định nghĩa pháp lý mô tả cũng như định nghĩa pháp lý liệt kê các BPHS phi HP.

---

[167] Terre des homes (2021), *Access to justice for children Country fact sheet: Russia (Tờ thông tin quốc gia về tư pháp người chưa thành niên ở Nga)*, tr. 1, https://childhub.org/sites/default/files/library/attachments/14%20Russia%20Access%20to%20Justice%20for%20Children.pdf , truy cập ngày 26/01/2022.

[168] Xem Điều 6 và Điều 7 BLHS Nga

2.2.2. Về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt

Tại Nga, bên cạnh hình phạt, Mục VI BLHS Nga có quy định các biện pháp pháp luật hình sự khác bao gồm các biện pháp chữa bệnh bắt buộc (Chương 15), tịch thu tài sản (Chương 15-1) và phạt tiền tư pháp (Chương 15-2). Bên cạnh đó, Chương 14, Mục V, BLHS Nga có quy định riêng về TNHS đối với người chưa thành niên[169] và một số trường hợp đặc biệt đối với người phạm tội trong độ tuổi từ 18 đến 20 tuổi (Điều 96 BLHS Nga), ngoài hình phạt, có thể áp dụng các biện pháp giáo dục bắt buộc (Điều 90 BLHS Nga) và biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng riêng biệt thuộc loại hình khép kín của cơ quan quản lý giáo dục trong trường hợp được Tòa án miễn chấp hành hình phạt (Điều 92 BLHS Nga).

Tuy nhiên, có quan điểm cho rằng ngoại trừ việc áp dụng đối với người phạm tội được miễn TNHS, về mặt bản chất, biện pháp phạt tiền tư pháp tương tự với hình phạt tiền được quy định trong BLHS Nga[170]; nói cách khác, biện pháp phạt tiền tư pháp có tính chất của hình phạt. Bên cạnh đó, biện pháp tịch thu tài sản không mang bản chất của các biện pháp hình sự phi hình phạt mà chỉ là biện pháp cưỡng chế có liên quan khác được luật hình sự ghi nhận vì thực chất các biện pháp này không có mục đích phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội; bởi lẽ, các biện pháp này không tác động trực tiếp đến các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội để triệt tiêu, hạn chế các yếu tố đó[171]. Do vậy, các BPHS phi HP trong BLHS Nga bao gồm: các biện pháp chữa bệnh bắt buộc áp dụng đối với người phạm tội và người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS[172]; nhóm các biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội bao gồm các biện pháp giáo dục bắt buộc (như cảnh cáo; chuyển cho bố mẹ hoặc những người thay thế bố mẹ, hoặc cơ quan chức năng nhà nước giám sát; giao trách nhiệm sửa chữa, đền bù thiệt hại đã gây ra; hạn chế thời gian rảnh rỗi và đặt ra những yêu cầu riêng đối với hành vi của NCTN phạm tội) và biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

---

[169] Theo Điều 87 BLHS Nga, người chưa thành niên phạm tội là người mà vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội vừa đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi.

[170] Inna Podroykina, Marina Alekseeva (2023), "Judicial fine as a means of ensuring sustainable state development (Phạt tư pháp như một phương tiện đảm bảo sự phát triển bền vững của nhà nước)", *E3S Web of Conferences* 402, 13012, 1-6, tr. 6.

[171] Nguyễn Ngọc Hòa (2022), Trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp hình sự khác, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 28.

[172] Xem Điều 99 BLHS Nga

riêng biệt thuộc loại hình khép kín của cơ quan quản lý giáo dục trong trường hợp được Tòa án miễn chấp hành HP[173].

2.2.3. Về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Theo Điều 97 Chương 15 BLHS Nga, Tòa án là chủ thể áp dụng các biện pháp chữa bệnh bắt buộc. Bên cạnh đó, trước đây, từ năm 1968 cho đến năm 2001, Nga đã có một hệ thống "xử lý kép" đối với các vụ án liên quan tới NCTN phạm tội. Theo đó, bên cạnh Tòa án, các Ủy ban địa phương về quyền và các vấn đề liên quan tới NCTN cũng có thẩm quyền trong việc xem xét miễn TNHS và quyết định áp dụng một trong số các BPHS đối với NCTN phạm tội. Tuy nhiên, một số học giả luật hình sự tại Nga cho rằng thẩm quyền xem xét miễn TNHS cho NCTN phạm tội của Ủy ban địa phương về quyền và các vấn đề liên quan tới NCTN như đã đề cập ở trên là vi hiến vì Khoản 1 Điều 118 Hiến pháp Liên bang Nga quy định chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền tuyên bố một người có tội hay không có tội [174]. Do đó, hiện nay, các Ủy ban địa phương về quyền và các vấn đề liên quan tới NCTN không còn thẩm quyền này mà thay vào đó, chỉ có Tòa NCTN (thuộc nhánh Tòa án có thẩm quyền chung trong hệ thống Tòa án Nga) mới có thẩm quyền xem xét miễn TNHS và quyết định áp dụng một trong số các BPHS đối với NCTN phạm tội[175]. Như vậy, theo các Điều 87, 92 Chương 14 và Điều 97 Chương 15 BLHS Nga, Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền quyết định áp dụng các BPHS phi HP.

2.2.4. Về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Trên cơ sở quy định của Chương 14, Chương 15 BLHS Nga, có thể khẳng định rằng đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP có thể được phân loại thành ba nhóm: (i) người phạm tội thuộc một trong ba trường hợp sau: người phạm tội trong khi có đầy đủ năng lực TNHS nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh rối loạn thần kinh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; người đang chấp hành HP tù mà bị mắc bệnh rối loạn thần kinh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng

---

[173] Xem Điều 90 và Điều 92 BLHS Nga

[174] Una Kirstine Hakvåg (2009), *Juvenile Justice in the Russian Federation (Tư pháp người chưa thành niên ở Liên bang Nga)*, Master's Thesis, University of Oslo, tr. 32-33.

[175] Höjdestrand, T. (2016), "Social Welfare or Moral Warfare? Popular Resistance against Children's Rights and Juvenile Justice in Contemporary Russia (Phúc lợi xã hội hay Xung đột đạo đức? Những yếu tố phổ biến ảnh hưởng tới quyền trẻ em và tư pháp người chưa thành niên ở Nga hiện nay)", *International Journal of Children's Rights,* 24(4), 826–850; và Diana Madsen (2020), *Juvenile justice and the UN convention on the rights of the child. A qualitative content analysis on the example of the Russian federation (Tư pháp người chưa thành niên và Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em: Phân tích định tính về trường hợp của Liên bang Nga)*, Malmö University, tr. 4.

điều khiển hành vi của mình[176]; người phạm tội trong khi bị rối loạn thần kinh dẫn tới hạn chế khả năng nhận thức hoặc hạn chế khả năng điều khiển hành vi của mình[177]; (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do bị rối loạn thần kinh dẫn đến mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi[178] (trường hợp mất năng lực lỗi do mắc bệnh dẫn đến bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội); và (iii) NCTN phạm tội. Căn cứ Điều 87 BLHS Nga, NCTN phạm tội là người mà vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội vừa đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi. Theo đó, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP bao gồm cả NCTN phạm tội phải chịu TNHS và NCTN phạm tội được miễn TNHS. Cụ thể, người đủ 14 tuổi vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội phải chịu TNHS về một số tội được quy định tại Phần Riêng của BLHS Nga sau đây: tội giết người; các tội cố ý gây thương tích; tội bắt cóc; các tội về tình dục; các tội trộm xâm phạm tài sản của người khác; các tội về khủng bố; tội không tố giác tội phạm; tội bắt giữ con tin; tội tham gia tổ chức vũ trang bất hợp pháp; tội cướp phương tiện vận tải đường hàng không hoặc đường thủy hoặc đường sắt; tội tham gia bạo loạn đông người; tội mua, bán, tàng trữ, vận chuyển, mang trái phép chất nổ hoặc thiết bị nổ; tội chế tạo trái phép chất nổ hoặc thiết bị gây nổ; tội làm mất phương tiện liên lạc; tội tấn công người hoặc tổ chức được quốc tế bảo vệ[179]. Mặt khác, người đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, do chậm phát triển về mặt trí tuệ (nhưng không phải do mắc bệnh tâm thần) dẫn đến không có khả năng nhận thức hoặc không có khả năng điều khiển hành vi trong khi thực hiện hành vi phạm tội thì được miễn TNHS[180]. Như vậy, ở Nga, pháp nhân không phải là một trong các đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP nói riêng và các BPHS nói chung vì Nga không quy định pháp nhân phải chịu TNHS (mà chỉ quy định pháp nhân phải chịu trách nhiệm hành chính hoặc trách nhiệm dân sự[181]). Mặc dù vào ngày 07/4/2022, Dự thảo sửa đổi BLHS Nga, trong đó bổ sung quy định về pháp nhân

[176] Về hai trường hợp người phạm tội này, xem Điểm b Khoản 1 Điều 97 BLHS Nga
[177] Xem Điều 22 và Điểm c Khoản 1 Điều 97 BLHS Nga
[178] Xem Điều 21 và Điểm a Khoản 1 Điều 97 BLHS Nga
[179] Về các tội này, xem Điều 105, Điều 111, Điều 112, Điều 126, Điều 131, Điều 132, Điều 158, Điều 161, Điều 162, Điều 163, Điều 166, Khoản 2 Điều 167, Điều 205, Điều 205.3, Khoản 2 Điều 205.4, Khoản 2 Điều 205.5, Điều 205.6, Điều 206, Điều 207, Khoản 2 Điều 208, Điều 211, Khoản 2 Điều 212, Khoản 2 và 3 Điều 213, Điều 214, Khoản 1 Điều 222, Khoản 1 Điều 223, Điều 226, Điều 229, Điều 267, Điều 277, Điều 360, Điều 361 BLHS Nga
[180] Xem Điều 20 BLHS Nga
[181] Theo quy định tại Bộ luật xử lý vi phạm hành chính của Nga năm 2001 (Code of Administrative Offences of the Russian Federation).

thương mại phải chịu TNHS, đã được trình lên Quốc hội Nga nhưng vẫn đang trong quá trình xem xét và chưa được thông qua[182].

2.2.5. Về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt

BLHS Nga quy định cụ thể về điều kiện áp dụng và nội dung của từng biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP như sau:

Trước hết, đối với các *biện pháp chữa bệnh bắt buộc*, Điều 97 BLHS Nga quy định điều kiện chung để áp dụng cả bốn hình thức chữa bệnh bắt buộc đó là: Toà án quyết định áp dụng các biện pháp này đối với những người đã có những hành vi phạm tội được quy định tại Phần riêng của BLHS Nga và chỉ áp dụng trong những trường hợp khi những rối loạn thần kinh có thể gây ra cho những người đó một thiệt hại đáng kể hay nguy hiểm cho chính họ hoặc những người khác. Bên cạnh đó, căn cứ các điều từ 99 đến 101 BLHS Nga, điều kiện áp dụng từng biện pháp chữa bệnh bắt buộc sẽ phụ thuộc vào mức độ của tình trạng rối loạn tâm thần hay tình trạng bệnh lí tâm thần của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội cũng như mức độ nguy hiểm mà hành vi đó gây ra. Thứ nhất, *biện pháp chữa bệnh ngoại trú bắt buộc dưới sự theo dõi và điều trị của bác sĩ chuyên khoa tâm thần* có thể được áp dụng dựa trên những cơ sở đã được quy định tại Điều 97 BLHS Nga nếu như người bị áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc không cần phải đưa tới các bệnh viện tâm thần[183]. Thứ hai, *các biện pháp chữa bệnh bắt buộc trong các bệnh viện tâm thần công cộng; chữa bệnh bắt buộc trong các bệnh viện tâm thần chuyên biệt và chữa bệnh bắt buộc trong các bệnh viện tâm thần chuyên biệt có sự giám sát chặt chẽ* có thể được áp dụng dựa trên những cơ sở đã được quy định tại Điều 97 BLHS Nga nếu như những dấu hiệu rối loạn tâm thần của người đó đòi hỏi những điều kiện chữa bệnh, chăm sóc, tạm giữ và giám sát, mà những điều kiện này chỉ có thể tiến hành được tại bệnh viện. Trong đó, (i) biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại bệnh viện tâm thần dạng công cộng có thể được áp dụng đối với những người mà tình trạng bệnh lí tâm thần của họ cần phải được chữa trị tại bệnh viện có sự giám sát nhưng chưa đến mức độ phải giám sát chặt chẽ; (ii) biện pháp chữa

[182] Ann M. Simmons (2022), "Russia Looks to Impose Criminal Liability on Firms Complying With Sanctions (Nga xem xét áp dụng trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại)", *The Wall Street Journal*, https://www.wsj.com/livecoverage/russia-ukraine-latest-news-2022-04-07/card/russia-looks-to-impose-criminal-liability-on-firms-complying-with-sanctions-s52V9QICjKiou7ldVuAc, truy cập ngày 07/4/2022.
[183] Xem Điều 100 BLHS Nga

bệnh bắt buộc tại bệnh viện tâm thần dạng chuyên biệt có thể áp dụng đối với những người mà tình trạng bệnh lí tâm thần của họ đòi hỏi phải có sự giám sát thường xuyên; và (iii) biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại bệnh viện tâm thần dạng chuyên biệt có sự giám sát chặt chẽ có thể được áp dụng đối với những người mà tình trạng bệnh lí tâm thần của họ là đặc biệt nghiêm trọng đối với bản thân họ hoặc đối với những người khác, do đó cần phải có sự giám sát thường xuyên và nghiêm ngặt[184]. Như vậy, theo BLHS Nga, một mặt, có trường hợp các biện pháp chữa bệnh bắt buộc được áp dụng độc lập với HP; mặt khác, có trường hợp các biện pháp chữa bệnh bắt buộc được áp dụng kèm theo HP, cụ thể như sau: *Trường hợp thứ nhất* đó là các biện pháp chữa bệnh bắt buộc được áp dụng hoàn toàn độc lập với HP đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do bị rối loạn thần kinh dẫn đến mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi (vì người đã thực hiện hành vi trái pháp luật trong tình trạng không có năng lực lỗi thì sẽ không phải chịu TNHS). *Trường hợp thứ hai* đó là các biện pháp chữa bệnh bắt buộc được áp dụng kèm theo HP đối với người phạm tội thuộc một trong ba trường hợp sau: (i) người phạm tội trong khi có đầy đủ năng lực TNHS nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh rối loạn thần kinh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; (ii) người đang chấp hành HP tù mà bị mắc bệnh rối loạn thần kinh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; (iii) người phạm tội trong khi bị rối loạn thần kinh dẫn tới hạn chế khả năng nhận thức hoặc hạn chế khả năng điều khiển hành vi của mình. Điều 103 BLHS Nga quy định, nếu áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc kèm theo HP tước tự do đối với người phạm tội thuộc một trong ba trường hợp nêu trên, thì thời gian áp dụng biện pháp này được trừ vào thời gian chấp hành HP tước tự do theo nguyên tắc một ngày tại bệnh viện bằng một ngày chấp hành HP tước tự do. Ngoài ra, Điều 102 BLHS Nga còn quy định cụ thể về trình tự, thủ tục gia hạn, thay đổi và tạm dừng các biện pháp chữa bệnh bắt buộc.

Bên cạnh đó, liên quan đến *các biện pháp giáo dục bắt buộc* áp dụng đối với NCTN phạm tội, Điều 90 BLHS Nga quy định điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp này đó là: Tòa NCTN có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp

[184] Xem Điều 101 BLHS Nga

giáo dục bắt buộc khi NCTN phạm tội ít nghiêm trọng[185] hoặc tội nghiêm trọng[186] có thể được miễn TNHS nếu xác định được rằng việc giáo dục, cải tạo NCTN phạm tội có thể đạt hiệu quả thông qua áp dụng các biện pháp giáo dục bắt buộc thay thế cho HP. Theo đó, các biện pháp giáo dục bắt buộc áp dụng đối với NCTN phạm tội ở Nga bao gồm: (i) khiển trách (là giải thích cho NCTN phạm tội hiểu về thiệt hại do hành vi của mình gây ra và những hậu quả của việc tái phạm tội); (ii) chuyển cho cha mẹ hoặc người giám hộ, hoặc cơ quan có thẩm quyền giám sát (là giao trách nhiệm giáo dục, cải tạo NCTN phạm tội và trách nhiệm kiểm tra, giám sát hành vi của họ cho cha mẹ hoặc người giám hộ, hoặc cơ quan có thẩm quyền giám sát); (iii) giao trách nhiệm sửa chữa, BTTH (dựa trên hoàn cảnh kinh tế và những kĩ năng lao động đã có ở NCTN phạm tội); hạn chế thời gian rảnh rỗi và đặt ra những yêu cầu riêng đối với hành vi của NCTN phạm tội (có thể bao gồm cấm thăm viếng, qua lại những nơi đã quy định; cấm tham gia một số hoạt động giải trí nhất định, trong đó gồm cả việc cấm lái các phương tiện giao thông cơ giới; hạn chế đi tới các địa phương khác mà không được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền).

Ngoài ra, liên quan đến *biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng riêng biệt thuộc loại hình khép kín của cơ quan quản lý giáo dục* áp dụng đối với NCTN phạm tội, Điều 92 BLHS Nga quy định điều kiện áp dụng của biện pháp này đó là: Trong trường hợp NCTN phạm tội bị phạt tù do phạm tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng[187] (ngoại trừ các tội cố ý xâm phạm sức khỏe; tội nhục hình; tội cố ý làm lây truyền bệnh HIV; tội cưỡng dâm; các tội xâm phạm tài sản; các tội về khủng bố; tội bắt giữ con tin; tội thành lập và tham gia tổ chức vũ trang trái pháp luật; tội thành lập và tham gia các tổ chức phạm tội; tội cướp phương tiện vận tải đường hàng không hoặc đường thủy hoặc đường sắt; tội chế tạo vũ khí trái pháp luật; tội trộm cắp hoặc chiếm đoạt vũ khí, đạn dược, chất nổ và thiết bị gây nổ; tội sản xuất, tiêu thụ hoặc vận chuyển trái phép các chất ma túy, các chất hướng thần và các chất tương tự những chất

[185] Tội phạm ít nghiêm trọng được quy định trong BLHS Nga là những hành vi cố ý hoặc vô ý mà việc thực hiện những hành vi này phải chịu mức HP cao nhất là 03 năm tù. Xem Khoản 2 Điều 15 BLHS Nga

[186] Tội phạm nghiêm trọng được quy định trong BLHS Nga là những hành vi cố ý mà việc thực hiện những hành vi này phải chịu mức HP cao nhất là 05 năm tù; hoặc những hành vi vô ý mà việc thực hiện những hành vi này phải chịu mức HP cao nhất là 10 năm tù. Xem Khoản 3 Điều 15 BLHS Nga

[187] Tội phạm rất nghiêm trọng là hành vi cố ý mà việc thực hiện những hành vi này phải chịu mức HP cao nhất là mười năm tù và hành vi vô ý mà việc thực hiện những hành vi này phải chịu mức HP cao nhất là mười lăm năm tù. Xem Khoản 4 Điều 15 BLHS Nga.

này[188]), thì Tòa NCTN có thẩm quyền miễn HP và quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng riêng biệt thuộc loại hình khép kín của cơ quan quản lý giáo dục (trong thời hạn không quá 03 năm) nếu xét thấy biện pháp này phù hợp với mục đích giáo dục, cải tạo NCTN phạm tội đang cần những điều kiện giáo dục, dạy bảo đặc biệt và đòi hỏi phương pháp sư phạm chuyên biệt. Như vậy, có thể khẳng định rằng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng riêng biệt thuộc loại hình khép kín của cơ quan quản lý giáo dục ở Nga cũng có vai trò là biện pháp thay thế cho HP, nhằm giáo dục, cải tạo NCTN phạm tội, phù hợp với những nguyên tắc chung trong xử lý người phạm tội theo luật hình sự của quốc gia này.

2.3. Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Hoa Kỳ

Tại Hoa Kỳ, vào khoảng giữa và gần cuối thế kỷ 20, tình trạng quá tải các cơ sở giam giữ đã trở thành một vấn đề nghiêm trọng, khiến cho hệ thống tư pháp hình sự tại quốc gia này phải chịu một gánh nặng vô cùng lớn. Trước hết, có thể thấy rất rõ mức tăng về chi phí cho sự quá tải của các nhà tù và trại giam ở bất cứ đâu. Theo thống kê, số lượng tù nhân ở các cơ sở giam giữ liên bang đã vượt quá từ 50% đến 60% so với nguồn nhân lực và vật lực của các cơ sở đó. Thêm vào đó, những gánh nặng về hệ thống tư pháp của Hoa Kỳ vào thời điểm đó còn thể hiện qua những điều kiện khắc nghiệt và thiếu an toàn tại các cơ sở giam giữ với một môi trường đầy bạo lực. Vì vậy, chính sách hình sự của Hoa Kỳ đã đặt ra ba mục tiêu chính liên quan tới hệ thống tư pháp là *giảm số lượng tù nhân*; *giảm chi phí của việc áp dụng HP tù* và *giảm tình trạng tái phạm tội* thông qua việc áp dụng các BPHS phi HP độc lập với HP tù. Các nhà chức trách tại Hoa Kỳ nhận thấy rằng, việc áp dụng các BPHS phi HP không chỉ ngăn ngừa tội phạm mà còn giúp giảm gánh nặng cho hệ thống tư pháp hình sự bằng cách tăng cường giám sát và kiểm soát người phạm tội[189]. Trong những thập kỷ sau đó, các BPHS phi HP dần trở nên phổ biến tại quốc gia này, bao gồm các BPHS phi HP nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể của một số đối tượng nhất định như: người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị nghiện ma túy/ rượu hoặc bị mắc

[188] Về các tội này, Xem các Khoản 1 và 2 Điều 111, Khoản 2 Điều 117, Khoản 3 Điều 122, Khoản 3 Điều 132, Khoản 4 Điều 158, Khoản 2 Điều 161, các Khoản 1 và 2 Điều 162, Khoản 2 Điều 163, Khoản 1 Điều 205, Khoản 1 Điều 205-1, Khoản 1 Điều 206, Điều 208, Khoản 2 Điều 210, Khoản 1 Điều 211, các Khoản 2 và 3 Điều 223, các Khoản 1 và 2 Điều 226, Khoản 1 Điều 228-1, các Khoản 1 và 2 Điều 229 BLHS Nga.

[189] Marcus Paul (1994), *Alternative Penal Sanctions (Các biện pháp hình sự thay thế hình phạt)*, Faculty Publications, William & Mary Law School, tr. 707.

bệnh tâm thần dẫn tới bị mất/ hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội[190]; hay NCTN phạm tội.

Hoa Kỳ là một quốc gia tiêu biểu thuộc truyền thống Common Law; do đó, nguồn luật hình sự nói chung và nguồn luật quy định về các BPHS phi HP cũng có những điểm đặc thù khác biệt so với các quốc gia thuộc truyền thống Civil Law đã được phân tích ở trên. Cụ thể, các BPHS phi HP tại Hoa Kỳ được quy định rải rác tại một số nguồn luật đa dạng như sau: Tiêu mục 18 về Các tội phạm và tố tụng hình sự trong Bộ tổng luật của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ hay còn gọi là Bộ luật liên bang năm 1926, sửa đổi, bổ sung năm 2018[191] - the United States Code ("Tiêu mục 18 BLLB") có hiệu lực pháp lí trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia này[192]; Tiêu mục 28 về Quản lý Tư pháp trong Bộ Tổng hợp các quy định liên bang - Code of Federal Regulations[193] ("Tiêu mục 28 Bộ Tổng hợp các quy định liên bang") là văn bản dưới luật tổng hợp các quy định chung do các Bộ và Cơ quan liên bang thuộc Chính phủ Liên bang ban hành; Đạo luật Tư pháp và phòng ngừa tội phạm NCTN năm 1974 (Juvenile Justice and Delinquency Prevention Act of 1974), sửa đổi, bổ sung năm 2018[194] ("Đạo luật Tư pháp và phòng ngừa tội phạm NCTN"). Ngoài ra, hiện nay đã có khoảng hơn 50% số bang tại Hoa Kỳ[195] thông qua BLHS Mẫu Hoa Kỳ năm 1962[196] (Model Penal Code of 1962) sửa đổi, bổ sung năm 2021 ("BLHS Mẫu"); do đó, Bộ luật này sẽ có hiệu lực áp dụng tại các tiểu bang đó. Đồng thời, án lệ cũng là một trong những nguồn luật quan trọng quy định về các BPHS phi HP áp dụng đối với người thành niên, NCTN phạm tội và pháp nhân phải chịu TNHS ở Hoa Kỳ. Về vấn đề này, tác giả Peter W. Low đã có nhận định rằng: "*Hệ thống pháp luật hình sự Hoa Kỳ rất phức tạp. Luật hình sự Hoa Kỳ có nguồn gốc từ án lệ của Anh và được tiếp nhận vào đất nước này từ sau cách mạng Hoa Kỳ. Kể từ đó, án lệ được*

---

[190] Stephanie N. Whitehead (2017), "Intermediate Sanctions (Các biện pháp hình sự trung gian)", *The Encyclopedia of Corrections*, John Wiley & Sons, Inc., USA, tr. 1.

[191] Luận án sử dụng bản tiếng Anh điện tử của Bộ tổng luật của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, truy cập tại https://uscode.house.gov/browse/prelim@title%2018/, ngày 23/12/2022.

[192] Dương Tuyết Miên (2014), Chuyên đề 11 "So sánh các thuật ngữ luật hình sự trong Bộ Luật Hình sự Việt Nam và Luật Hình sự Hoa Kỳ" trong Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ nhiệm đề tài) (2014), *Xây dựng và chuẩn hoá các thuật ngữ luật hình sự phục vụ việc sửa đổi cơ bản, toàn diện Bộ luật Hình sự Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 323 và 324.

[193] Luận án sử dụng bản tiếng Anh điện tử của Bộ Tổng hợp các quy định liên bang, truy cập tại https://www.ecfr.gov/current/title-28/chapter-V/subchapter-D/part-570/subpart-B, ngày 24/12/2022.

[194] Luận án sử dụng bản tiếng Anh điện tử của Đạo luật Tư pháp và phòng ngừa tội phạm NCTN, truy cập tại https://ojjdp.ojp.gov/sites/g/files/xyckuh176/files/media/document/JJDPA-of-1974-as-Amended-12-21-18.pdf, ngày 25/12/2022.

[195] Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), *Giáo trình Luật so sánh*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 303.

[196] Luận án sử dụng bản tiếng Anh điện tử của Bộ luật Hình sự Mẫu Hoa Kỳ, truy cập tại https://ia600102.us.archive.org/29/items/ModelPenalCode.pdf, ngày 26/12/2022.

phát triển không ngừng bởi các Toà án và cơ quan lập pháp Hoa Kỳ. Luật hình sự Hoa Kỳ ngày nay là sự kết hợp giữa án lệ và Bộ luật hình sự mẫu…"[197]. Thêm vào đó, trước đây, Hướng dẫn kết án liên bang (Federal Sentencing Guidelines) của Ủy ban Tuyên án Hoa Kỳ là một trong những văn bản có hiệu lực pháp lý bắt buộc tại quốc gia này; tuy nhiên, từ Án lệ *United States v. Booker*, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã cho rằng điều này là vi phạm Tu chính án thứ sáu của Hiến pháp liên bang. Do đó, hiện nay, Hướng dẫn này chỉ được xem là văn bản mang tính chất tham khảo trong quá trình xét xử của Tòa án[198]. Mặc dù vậy, trên thực tế hiện nay, đa phần các thẩm phán tại Hoa Kỳ đều căn cứ vào các điều khoản chi tiết tại các Chương 5 và 8 Hướng dẫn kết án liên bang năm 2021 khi quyết định áp dụng các BPHS phi HP nói riêng và các vấn đề khác nói chung.

2.3.1. Định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt

Trên cơ sở nghiên cứu những quy định liên quan đến các BPHS phi HP tại Tiêu mục 18 BLLB, Tiêu mục 28 Bộ Tổng hợp các quy định liên bang, Đạo luật Tư pháp và phòng ngừa tội phạm NCTN của Hoa Kỳ, BLHS Mẫu, Hướng dẫn kết án liên bang năm 2021, hay các án lệ tại Hoa Kỳ; có thể khẳng định rằng, luật hình sự quốc gia này không đưa ra định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP. Tuy nhiên, riêng đối với NCTN phạm tội, Đạo luật Tư pháp và phòng ngừa tội phạm NCTN của Hoa Kỳ đã xác định mục đích chính của việc áp dụng các BPHS phi HP là nhằm: (i) xử lý NCTN phạm tội bằng các công nghệ kỹ thuật hiện đại, nghiên cứu, đào tạo, đánh giá và cập nhật thông tin liên quan để phòng chống tội phạm NCTN; và (ii) tạo điều kiện tốt để giải quyết một số nhu cầu nhất định liên quan đến sức khỏe của NCTN (điều trị tâm thần, điều trị lạm dụng chất gây nghiện) và dịch vụ gia đình của thanh thiếu niên, từ đó ngăn ngừa khả năng họ phạm tội trong tương lai[199].

2.3.2. Về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt

Tại Hoa Kỳ, bên cạnh hình phạt, luật hình sự quốc gia này còn quy định về các biện pháp khác áp dụng đối với người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy

---

[197] Peter W. Low (1990), *Criminal Law, Black Letter Series*, West Publishing Co, ST. Paul Minn, tr. 1; dẫn theo Dương Tuyết Miên (2014), Chuyên đề 11 "So sánh các thuật ngữ luật hình sự trong Bộ Luật Hình sự Việt Nam và Luật Hình sự Hoa Kỳ" trong Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ nhiệm đề tài) (2014), *Xây dựng và chuẩn hoá các thuật ngữ luật hình sự phục vụ việc sửa đổi cơ bản, toàn diện Bộ luật Hình sự Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 322.

[198] Ricardo H. Hinojosa (2006), *Final Report on the Impact of United States v. Booker On Federal Sentencing* (*Báo cáo về tác động của Án lệ United States v. Booker về kết án liên bang)*, United States Sentencing Commission, tr. 9.

[199] Xem Điều 102 Đạo luật Tư pháp và phòng ngừa tội phạm NCTN

hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS như sau: (i) các biện pháp giám sát (có tước tự do)[200] (bao gồm: biện pháp lưu trú bắt buộc tại các cơ sở cộng đồng về cai nghiện ma túy hoặc rượu; biện pháp lưu trú bắt buộc tại các cơ sở cộng đồng về chăm sóc sức khỏe tâm thần; biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt; biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn (được quy định ở một số tiểu bang nhất định)); (ii) biện pháp quản thúc tại gia; (iii) biện pháp buộc phải BTTH; (iv) biện pháp phục vụ cộng đồng; (v) biện pháp tịch thu tài sản trực tiếp liên quan đến hành vi phạm tội; (vi) biện pháp cấm thực hiện một số nghề nghiệp, công việc hoặc hoạt động kinh doanh; (vii) biện pháp cấm sở hữu súng, thiết bị phá hoại hoặc vũ khí nguy hiểm khác; (viii) lệnh buộc công khai xin lỗi và buộc thông báo tới nạn nhân về việc kết tội; (ix) biện pháp hạn chế các quyền lợi từ liên bang. Mặt khác, đối với người chưa thành niên phạm tội, bên cạnh biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt, luật hình sự Hoa Kỳ còn quy định về biện pháp quản thúc tại gia kết hợp giám sát điện tử; biện pháp đưa vào cơ sở giáo dưỡng; và biện pháp điều trị tâm thần hoặc cai nghiện ma túy và các chất gây nghiện khác. Thêm vào đó, đối với pháp nhân phải chịu TNHS, bên cạnh biện pháp phục vụ cộng đồng và biện pháp hạn chế các quyền lợi từ liên bang, luật hình sự quốc gia này còn quy định về chương trình tuân thủ và đạo đức hiệu quả và biện pháp buộc phải khắc phục hậu quả.

Tuy nhiên, trong số các biện pháp nói trên, chỉ có một số biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP trong luật hình sự Hoa Kỳ (có mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội một cách trực tiếp, mang tính cá nhân hóa cao, phụ thuộc vào đặc điểm của từng đối tượng bị áp dụng các biện pháp này) - thường được gọi là các biện pháp hình sự trung gian thay thế hỗ trợ hình phạt (*Intermediate and Alternative Sanctions*)[201]. Theo đó, hệ thống các BPHS phi HP trong luật hình sự Hoa Kỳ bao gồm: (i) nhóm các BPHS phi HP áp dụng đối với người phạm tội và người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS (gồm: các biện pháp giám sát có tước tự do như biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn (được quy định ở một số tiểu bang nhất định, ví dụ như Đạo luật phòng ngừa lạm

[200] Leanne Fiftal Alarid (2015), *Community-Based Corrections (Các biện pháp xử lý dựa vào cộng đồng)*, Cengage Learning, Boston, tr. 182.
[201] Voncile B. Gowdy (1992), *Intermediate Sanctions (Biện pháp hình sự trung gian)*, U.S. Department of Justice, Office of Justice Programs, National Institute of Justice, USA; và Paul Marcus (1994), "Alternative Penal Sanctions (Biện pháp hình sự thay thế)", *American Journal of Comparative Law Supplement*, 1137, 703–715.

dụng bạo lực tình dục năm 1994 của bang Kansas); biện pháp lưu trú bắt buộc tại các cơ sở cộng đồng về cai nghiện ma túy hoặc rượu và biện pháp lưu trú bắt buộc tại các cơ sở cộng đồng về chăm sóc sức khỏe tâm thần; các biện pháp cấm thực hiện một số nghề nghiệp, công việc hoặc hoạt động kinh doanh; các biện pháp cấm sở hữu súng, thiết bị phá hoại hoặc vũ khí nguy hiểm khác – các Điều 3553, 3563 Tiêu mục 18 BLLB); (ii) nhóm các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội (gồm: biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt; biện pháp quản thúc tại gia kết hợp giám sát điện tử; biện pháp đưa vào cơ sở giáo dưỡng; và biện pháp điều trị tâm thần hoặc cai nghiện ma túy và các chất gây nghiện khác – các Điều 91.2, 570.20 Tiêu mục 28 Bộ Tổng hợp các quy định liên bang; các Điều 223, 322 Đạo luật Tư pháp và phòng ngừa tội phạm NCTN); (iii) nhóm các BPHS phi HP áp dụng đối với pháp nhân phải chịu TNHS (gồm: biện pháp buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả và biện pháp buộc phải ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra – các Điều 8B1.2, 8B2.1 Chương 8 Hướng dẫn kết án liên bang năm 2021).

2.3.3. Về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Có thể khẳng định rằng, theo luật hình sự Hoa Kỳ, Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền quyết định áp dụng các BPHS phi HP. Ví dụ, tại Điều 3563(b) Tiêu mục 18 BLLB quy định cụ thể rằng Tòa án có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp cấm thực hiện một số nghề nghiệp, công việc hoặc hoạt động kinh doanh; các biện pháp cấm sở hữu súng, thiết bị phá hoại hoặc vũ khí nguy hiểm khác kèm theo HP quản chế. Mặt khác, riêng đối với NCTN phạm tội, Tòa án NCTN (là một Tòa án chuyên biệt nằm trong hệ thống Tòa án ở Hoa Kỳ và mỗi tiểu bang cũng có Tòa án NCTN riêng của bang mình)[202] có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp phòng ngừa hành vi phạm tội của NCTN[203].

2.3.4. Về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Căn cứ theo Tiêu mục 18 BLLB; BLHS Mẫu; Tiêu mục 28 Bộ Tổng hợp các quy định liên bang; Chương 5 và 8 Hướng dẫn kết án liên bang năm 2021, đối tượng

---

[202] Nguyễn Phương Thảo (2017), "Thủ tục xét xử vụ án hình sự đối với người dưới 18 tuổi tại Tòa án Gia đình và NCTN của một số quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (5), 50-57, tr. 54.

[203] Khoản (6) Điều 103 Đạo luật Tư pháp và phòng ngừa tội phạm NCTN; National Research Council - Institute of Medicine (2001), *Juvenile Crime – Juvenile Justice* , National Academy Press, Washington, DC; dẫn theo Hoàng Minh Khôi (2016), "Hoàn thiện hệ thống tư pháp cho NCTN ở một số nước và những nội dung có thể tham khảo", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, 11(215), 58-64.

bị áp dụng các BPHS phi HP ở Hoa Kỳ có thể được phân loại thành bốn nhóm sau: (i) người phạm tội bao gồm người đã thực hiện hành vi phạm tội thuộc một trong ba trường hợp sau: trường hợp có đầy đủ năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện; trường hợp bị hạn chế năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện do có khiếm khuyết về tâm thần hoặc mắc bệnh tâm thần[204]; trường hợp tự nguyện đặt mình vào tình trạng nghiện (*voluntary intoxication*) dẫn đến mất năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện trong tình trạng nghiện[205]); (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do thuộc một hai trường hợp sau: trường hợp mất năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện do có khiếm khuyết về tâm thần hoặc mắc bệnh tâm thần[206]; trường hợp không tự nguyện đặt mình vào tình trạng nghiện (*involuntary intoxication*) dẫn đến mất năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện trong tình trạng nghiện[207]; (iii) pháp nhân phải chịu TNHS[208]; và (iv) NCTN phạm tội[209]. Theo đó, NCTN phạm tội là người thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm chưa đủ 18 tuổi. Ngoài ra, ở Hoa Kỳ, có 28 tiểu bang không quy định độ tuổi bắt đầu phải chịu TNHS, có 20 tiểu bang quy định độ tuổi bắt đầu chịu TNHS rất khác nhau (trong khoảng từ 6 tuổi đến 11 tuổi), riêng bang Massachusetts và bang California quy định độ tuổi bắt đầu chịu TNHS là 12 tuổi (bang California còn có quy định ngoại lệ là không áp dụng độ tuổi bắt đầu chịu TNHS đối với một số tội phạm bạo lực)[210].

2.3.5. Về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt

Luật hình sự Hoa Kỳ quy định, hướng dẫn cụ thể về điều kiện áp dụng và nội dung của từng BPHS phi HP như sau:

---

[204] Xem Điều 4241(d) Tiêu mục 18 BLLB
[205] Xem Khoản (2) Điều 2.08 BLHS Mẫu
[206] Xem các Điều 17, 4241 và 4246 Tiêu mục 18 BLLB
[207] Xem Khoản (4) Điều 2.08 BLHS Mẫu
[208] Xem Điều 18, Tiêu mục 18 BLLB và Chương 8 Hướng dẫn kết án liên bang năm 2021
[209] Xem Điều 5031 Tiêu mục 18 BLLB và Đạo luật Tư pháp và phòng ngừa tội phạm NCTN
[210] Maryville University (2019), *Criminal Responsibility: Evaluation and Overview (Trách nhiệm hình sự: Đánh giá và Tổng quan)*, truy cập tại https://online.maryville.edu/blog/criminal-responsibility/, ngày 06/07/2022.

Thứ nhất, Điều 3553 Tiêu mục 18 BLLB quy định điều kiện chung để áp dụng *biện pháp lưu trú bắt buộc tại các cơ sở cộng đồng về chăm sóc sức khỏe tâm thần và biện pháp lưu trú bắt buộc tại các cơ sở cộng đồng về cai nghiện ma túy hoặc rượu* đó là: Tòa án có thẩm quyền ra quyết định áp dụng các biện pháp này nếu xét thấy cần thiết phải chăm sóc y tế hoặc trị liệu phục hồi đối với người bị kết án. Cụ thể hơn, căn cứ Điều 4.08 BLHS Mẫu, đối với người phạm tội trong khi bị hạn chế năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện do có khiếm khuyết về tâm thần hoặc mắc bệnh tâm thần; hoặc người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi bị mất năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện do có khiếm khuyết về tâm thần hoặc mắc bệnh tâm thần, Tòa án sẽ quyết định đưa người đó vào cơ sở cộng đồng về chăm sóc sức khỏe tâm thần thích hợp để điều trị. Thêm vào đó, Điều 3621 Tiêu mục 18 BLLB cũng quy định: căn cứ quyết định của Tòa án và tình trạng của các cơ sở cộng đồng về cai nghiện ma túy hoặc rượu, Cục Trại giam sẽ áp dụng biện pháp này đối với những người phạm tội trong hai trường hợp tự nguyện hoặc không tự nguyện đặt mình vào tình trạng nghiện dẫn đến mất năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện trong tình trạng nghiện. Riêng đối với NCTN phạm tội, Điều 223(a)(7)(A) và Điều 223(a)(7)(B) Đạo luật Tư pháp và phòng ngừa tội phạm NCTN của Hoa Kỳ quy định Tòa án NCTN có thẩm quyền quyết định cho phép NCTN phạm tội lần đầu điều trị tại nhà hoặc tại các cơ sở điều trị khác trong trường hợp NCTN đó cần phải được điều trị những vấn đề liên quan đến sức khỏe tâm thần và/ hoặc lạm dụng chất gây nghiện. Bên cạnh đó, để có thể quyết định áp dụng các biện pháp nói trên, Tòa án NCTN phải phân tích về hành vi phạm tội của NCTN và xem xét việc áp dụng các biện pháp này có đáp ứng các điều kiện để kiểm soát và ngăn ngừa hành vi phạm tội của NCTN (bao gồm cả điều kiện về giáo dục) hay không. Theo đó, các biện pháp điều trị tâm thần hoặc cai nghiện ma túy và các chất gây nghiện khác đóng vai trò là các biện pháp thay thế cho HP tù đối với NCTN phạm tội.

Thứ hai, đối với *biện pháp cấm thực hiện một số nghề nghiệp, công việc hoặc hoạt động kinh doanh*, Điều 3563(b)(5) Tiêu mục 18 BLLB và Điều 5F1.5 Hướng dẫn kết án liên bang năm 2021 quy định điều kiện áp dụng của biện pháp này đó là: Tòa án có thể áp đặt lệnh cấm thực hiện một số nghề nghiệp, công việc hoặc hoạt

động kinh doanh kèm theo HP quản chế trong trường hợp xét thấy có mối quan hệ trực tiếp giữa công việc, hoạt động kinh doanh hoặc nghề nghiệp của người bị kết án với hành vi phạm tội và có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện pháp này sẽ phòng ngừa khả năng người bị kết án tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trong tương lai. Theo đó, biện pháp cấm thực hiện một số nghề nghiệp, công việc hoặc hoạt động kinh doanh luôn luôn được áp dụng kèm theo HP. Thêm vào đó, Ủy ban Tư pháp Thượng viện Hoa Kỳ cũng giải thích trong Báo cáo về Đạo luật Kiểm soát Tội phạm Toàn diện rằng biện pháp cấm thực hiện một số nghề nghiệp, công việc hoặc hoạt động kinh doanh "*được sử dụng nhằm ngăn chặn trực tiếp việc tiếp tục hoặc tái diễn các hành vi trái pháp luật*"[211]. Như vậy, có thể khẳng định rằng biện pháp này có mục đích phòng ngừa qua tác động trực tiếp đến các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội để triệt tiêu, hạn chế các yếu tố đó – đây là một trong những đặc điểm quan trọng của các BPHS phi HP.

Thứ ba, đối với *biện pháp cấm sở hữu súng, thiết bị phá hoại hoặc vũ khí nguy hiểm khác*, căn cứ Khoản (b) Điều 3563 Tiêu mục 18 BLLB, Tòa án có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp này kèm theo HP quản chế trong phạm vi có liên quan hợp lý đến bản chất, hoàn cảnh thực hiện tội phạm và đặc điểm nhân thân của người phạm tội. Theo đó, người phạm tội không được sở hữu hoặc chiếm hữu hoặc tiếp cận súng, đạn dược, thiết bị hủy diệt hoặc vũ khí nguy hiểm (bao gồm bất kỳ vũ khí nào được thiết kế hoặc sửa chữa nhằm mục đích gây thương tích cho người khác hoặc giết người, chẳng hạn như côn nhị khúc hoặc súng điện)[212]. Có thể khẳng định rằng, khác với việc tịch thu để tiêu hủy công cụ phạm tội, việc áp dụng biện pháp cấm sở hữu súng, thiết bị phá hoại hoặc vũ khí nguy hiểm khác chính là tách người phạm tội khỏi các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội, ngăn ngừa khả năng họ tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trong tương lai – đây là một trong những đặc trưng của các BPHS phi HP.

Thứ tư, đối với biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn, tại một số tiểu bang ở Hoa Kỳ, luật hình sự quy định cụ thể về điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp này. Ví dụ, tại bang Kansas, các điều § 59-29a02(a) và 59- 29a03(a) Đạo luật phòng ngừa lạm dụng bạo lực tình dục năm 1994 quy định Tòa án có thẩm

[211] Xem Điều 5F1.5 Hướng dẫn kết án liên bang năm 2021 – Phần bình luận.
[212] Xem Điều 5B1.3(c)(10) Hướng dẫn kết án liên bang năm 2021.

quyền áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn kèm theo HP đối với người đã bị kết án về tội bạo lực tình dục và có "bất thường về tâm thần" hoặc rối loạn nhân cách khiến người đó có khả năng thực hiện các hành vi lạm dụng bạo lực tình dục. Có thể nói, mục đích phòng ngừa trực tiếp của biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn đã được khẳng định bởi Tòa án Tối cao Hoa Kỳ trong án lệ Kansas v. Hendricks. Theo đó, Hendricks cho rằng việc giam giữ để điều trị chứng ấu dâm - một "bất thường về tâm thần" cho anh ta sau khi chấp hành xong án phạt tù không khác gì HP tù mà anh ta vừa mãn hạn. Tuy nhiên, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã bác bỏ lập luận của Hendricks với lý do là việc giam giữ không cấu thành HP; nói cách khác, mục đích của việc áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn không phải là để trừng phạt mà hướng tới mục đích phòng ngừa khả năng người bị kết án tái phạm tội trong tương lai bằng cách điều trị tâm thần cho người đó[213]. Vì vậy, biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn trong luật hình sự của một số bang tại Hoa Kỳ thể hiện rõ đặc trưng của các BPHS phi HP.

Thứ năm, đối với *biện pháp buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả* áp dụng đối với pháp nhân phải chịu TNHS, Điều 8B2.1 Hướng dẫn kết án liên bang năm 2021 quy định bên cạnh việc áp dụng HP, pháp nhân phải chịu TNHS cần thực hiện trách nhiệm giải trình để ngăn ngừa và phát hiện hành vi phạm tội, đồng thời cần thúc đẩy văn hóa của pháp nhân, khuyến khích ứng xử đạo đức và cam kết tuân thủ pháp luật. Một chương trình đạo đức và tuân thủ như vậy phải được thiết kế hợp lý, quy định và thực thi nhằm đạt hiệu quả trong việc ngăn ngừa và phát hiện hành vi phạm tội. Trong quá trình chấp hành biện pháp này, pháp nhân phải chịu TNHS cần thực hiện một số công việc nhất định, phù hợp để truyền đạt thông tin một cách nghiêm túc, đảm bảo rằng chương trình đạo đức và tuân thủ: được theo dõi, kiểm tra, giám sát để phát hiện tội phạm; được đánh giá định kỳ về hiệu quả; phải có và công khai một hệ thống bao gồm các cơ chế ẩn danh hoặc bảo mật, theo đó các nhân viên và đơn vị của pháp nhân đó có thể báo cáo hoặc tìm kiếm chỉ dẫn về hành vi phạm tội tiềm ẩn hoặc thực tế mà không lo lắng bị trả thù. Ngoài ra, pháp nhân phải chịu TNHS cũng cần thực hiện một số công việc nhất định, phù hợp để ngăn

[213] Slobogin Christopher (2012), "Preventive Detention in Europe, the United States and Australia (Biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn ở châu Âu, Hoa Kỳ và Australia)", V*anderbilt Public Law Research Paper Working Paper*, 12, 1-19, tr. 8.

chặn hành vi phạm tội tương tự tiếp theo. Hơn nữa, pháp nhân phải chịu TNHS cần đánh giá định kỳ nguy cơ tội phạm và thực hiện các biện pháp để ngăn ngừa thiệt hại của các hành vi phạm tội.

Thứ sáu, đối với *biện pháp buộc phải ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra* áp dụng đối với pháp nhân phải chịu TNHS, Điều 8B1.2 Hướng dẫn kết án liên bang năm 2021 quy định Tòa án có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp này kèm theo HP quản chế đối với pháp nhân bị kết án. Theo đó, pháp nhân phải chịu TNHS được yêu cầu khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, loại bỏ hoặc giảm thiểu nguy cơ gây thiệt hại trong tương lai. Nếu mức độ nguy hại được dự liệu có thể ước tính một cách hợp lý, Tòa án có thể yêu cầu pháp nhân phải chịu TNHS thành lập một quỹ ủy thác để khắc phục thiệt hại được dự liệu. Có thể nói, biện pháp buộc phải ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra luôn luôn được áp dụng kèm theo HP, nhằm ngăn ngừa thiệt hại được dự liệu sẽ xảy ra trong tương lai.

Thứ bảy, đối với *biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt* áp dụng đối với NCTN phạm tội, Điều 3582(a) và Điều 3621(b)(4) Tiêu mục 18 BLLB và Điều 5F1.7 Hướng dẫn kết án liên bang năm 2021 quy định Tòa án có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt đối với NCTN bị kết án phạt tù có thời hạn từ trên 12 tháng và đến dưới 30 tháng đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4046 Tiêu mục 18 BLLB trong thời hạn không quá sáu tháng, trong đó phải tuân thủ một lịch trình tập trung cao độ kỷ luật nghiêm ngặt, huấn luyện thể lực, lao động nặng, diễn tập, huấn luyện quân sự cơ bản và tham gia vào các chương trình đào tạo giáo dục việc làm phù hợp (bao gồm cả chương trình xóa mù chữ) và cai nghiện ma túy, rượu và các chương trình cải huấn khác. Sau khi một người phạm tội đã hoàn thành tốt chương trình huấn luyện, trong trường hợp cần thiết, vẫn có thể bị Cục Trại giam yêu cầu quay trở lại trại giam với thời hạn bằng khoảng thời gian bị đưa vào cơ sở huấn luyện (nhưng không vượt quá thời hạn tù còn lại theo yêu cầu khác của luật mà người phạm tội phải chấp hành).[214] Đáng chú ý, để có thể quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện, Tòa án NCTN cũng cần phải đánh giá kế hoạch cải huấn toàn diện của các cơ sở huấn luyện đưa ra và xem xét cơ sở huấn luyện đó có tạo ra một không gian an toàn đối với NCTN phạm tội có tính chất

[214] Xem Điều 4046(a), Chương 303, Tiêu mục 18 BLLB.

bạo lực (không phải tội phạm nghiêm trọng) hay không. Trong đó, một kế hoạch cải huấn toàn diện chỉ rõ cách tiếp cận tổng hợp giữa việc quản lý, vận hành cơ sở và chương trình cải huấn kết hợp và các chương trình điều trị và giới thiệu kỹ năng việc làm, giáo dục dành cho NCTN phạm tội.[215] Ngoài ra, việc từ chối áp dụng biện pháp này chỉ trong trường hợp người bị kết án vì một tội phạm nghiêm trọng có tính chất bạo lực và phải phù hợp với các đạo luật liên bang khác cũng như luật pháp của từng tiểu bang.[216] Ví dụ, theo án lệ *Yeskey v. Pennsylvania Department of Corrections,* Yeskey đã được đề nghị đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt nhưng sau đó lại bị Sở Cải huấn bang Pennsylvania từ chối áp dụng biện pháp này vì tiền sử bệnh tăng huyết áp của Yeskey; vì vậy, Yeskey đã kiện Sở Cải huấn bang Pennsylvania. Cuối cùng, theo phán quyết Tòa án tối cao Hoa Kỳ, việc từ chối áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt của Sở Cải huấn bang Pennsylvania đối với Yeskey là không phù hợp với Đạo luật Bảo vệ người khuyết tật Hoa Kỳ năm 1990, quy định cấm một "tổ chức công" không được phân biệt đối xử với một cá nhân do có khuyết tật về cơ thể. Từ những phân tích này, có thể khẳng định rằng, để đưa ra một phán quyết áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt, Tòa án cần phải cân nhắc kỹ lưỡng cả về tính hợp lý và hợp pháp của việc áp dụng đó, không chỉ phải tuân thủ pháp luật liên bang mà còn phải phù hợp với pháp luật của từng tiểu bang.

Thứ tám, đối với *biện pháp đưa vào cơ sở giáo dưỡng* áp dụng đối với NCTN phạm tội, Điều 223(a)(9)(A)(ii) và Điều 322(a)(1) Đạo luật Tư pháp và phòng ngừa tội phạm NCTN quy định điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp này đó là: Tòa án NCTN có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dưỡng để thay thế cho HP tù đối với NCTN phạm tội trong tình trạng vô gia cư, nếu xét thấy NCTN phạm tội đó cần được sắp xếp nơi ở tại các cơ sở giáo dưỡng (đã được chứng minh bằng những đánh giá khách quan, độc lập và có giá trị khoa học) có thể cung cấp những thông tin và dịch vụ tư vấn về các kỹ năng sống cơ bản như kỹ năng quản lý tài chính, giáo dục kỹ năng chi tiêu; kỹ năng nuôi dạy con cái (nếu phù hợp); kỹ năng giao tiếp, học tập, tìm kiếm việc làm; và chăm sóc sức khỏe thể chất cũng như tinh thần cho NCTN phạm tội. Theo đó, NCTN vô gia cư phạm tội sẽ được học tập,

[215] Gina Penly Hall (2014), "Boot Camps for Juveniles (Biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội)", *Encyclopedia of Criminology and Criminal Justice*, Springer, USA, tr. 2.
[216] Xem Điều 91.2(h) Tiêu mục 28, Bộ Tổng hợp các quy định liên bang.

tham gia các khóa tư vấn về gia đình hay các hoạt động cộng đồng khác như các chuyến đi thực tế và được chỉ định cho một cố vấn cá nhân[217]. Đồng thời, để có thể quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dưỡng, Tòa án NCTN cũng phải xác định được rằng cơ sở giáo dưỡng có đủ số lượng cán bộ giám sát đối với tất cả NCTN phạm tội trong tình trạng vô gia cư được đưa vào đó và dự liệu được rằng việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dưỡng sẽ đạt hiệu quả khi được thực hiện theo đúng quy trình cũng như tác động tích cực đến việc ngăn ngừa hành vi phạm tội của NCTN vô gia cư. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra thực nghiệm hiệu quả của biện pháp đưa vào cơ sở giáo dưỡng, một số nghiên cứu đã chỉ ra hạn chế, bất cập trong việc áp dụng biện pháp này đó là NCTN phạm tội có xu hướng kết giao và cùng nhau thực hiện hành vi gây rối tại cơ sở giáo dưỡng. Vì vậy, để tăng hiệu quả áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dưỡng, cần bổ sung những phương pháp cần thiết để quản lý NCTN phạm tội, tránh những tác động có hại từ việc sắp xếp chưa hợp lý trong các cơ sở giáo dưỡng[218].

Thứ chín, đối với *biện pháp quản thúc tại gia kết hợp giám sát điện tử* áp dụng đối với NCTN phạm tội, Điều 570.20(b) Tiêu mục 28 Bộ Tổng hợp các quy định liên bang và Điều 5F1. 2 Hướng dẫn kết án liên bang năm 2021 quy định điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp này đó là: Tòa án có thể quyết định áp dụng biện pháp quản thúc tại gia kèm theo HP quản chế hoặc HP tù trong trường hợp NCTN phạm tội được tha tù trước hạn. Cụ thể, biện pháp quản thúc tại gia được áp dụng trong những tháng cuối cùng của thời hạn tù nhưng không được vượt quá sáu tháng hoặc khoảng thời gian bằng mười phần trăm (10%) thời hạn tù. Việc xác định thời hạn quản thúc tại gia phải phù hợp với hoàn cảnh cá nhân của NCTN phạm tội và khả năng người đó tái hòa nhập cộng đồng cao nhất. Trong quá trình chấp hành biện pháp quản thúc tại gia, NCTN phạm tội có thể bị áp dụng đồng thời biện pháp giám sát điện tử. Theo đó, nơi ở của NCTN bị quản thúc sẽ bị theo dõi thông qua thiết bị giám sát điện tử và các cuộc gọi điện thoại ngẫu nhiên. Để thay thế cho việc giam giữ, giám sát điện tử bao gồm một loạt các hệ thống và thành phần như thiết bị giám sát tại nhà, vòng đeo tay, vòng đeo cổ chân, thiết bị giám sát hiện trường, thiết bị kiểm tra rượu

[217] Leanne Fiftal Alarid (2015), *Community-Based Corrections (Các biện pháp xử lý dựa vào cộng đồng)*, Cengage Learning, Boston, tr. 319.
[218] Office of Juvenile Justice and Delinquency Prevention (2014), "Group Homes (Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dưỡng)", *Literature Review A Product of the Model Programs Guide*, tr. 2.

và ma túy, hệ thống xác minh bằng giọng nói và hệ thống định vị toàn cầu. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc quản thúc tại gia có thể được thực thi một cách hiệu quả mà không cần đến phương tiện giám sát điện tử. Theo đó, Tòa án cần căn cứ vào các tình tiết và hoàn cảnh của vụ án để tin tưởng vào sự phù hợp của một hình thức giám sát thay thế. Bên cạnh đó, Tòa án cũng có thể đưa ra các điều kiện thích hợp khác trong khi áp dụng biện pháp quản thúc tại gia, ví dụ như người bị kết án không được cung cấp dịch vụ "chuyển tiếp cuộc gọi" hoặc "cuộc gọi chờ", điện thoại không dây, máy trả lời tự động. Như vậy, biện pháp quản thúc tại gia kết hợp giám sát điện tử luôn luôn được áp dụng kèm theo HP nhằm ngăn ngừa hoặc hạn chế khả năng thực hiện hành vi phạm tội của NCTN cũng như bảo vệ trật tự an toàn xã hội[219]. Biện pháp này không chỉ giảm "gánh nặng" cho Nhà nước về chi phí liên quan đến các cơ sở giam giữ, mà còn giúp cho NCTN phạm tội có thể tiếp tục phát triển và học tập một cách tốt nhất.

2.4. Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Thái Lan

Vào khoảng đầu thế kỷ 20, BLHS đầu tiên của Thái Lan được ban hành năm 1908; tuy nhiên còn tồn tại một số hạn chế nhất định, đặc biệt là quan niệm cho rằng chỉ áp dụng HP nhằm "trừng phạt" người phạm tội đã tạo ra những sự "bất công" nhất định trong xử lý tội phạm và làm gia tăng tỷ lệ tái phạm tội. Vì vậy, với chính sách hình sự hiện đại là bảo vệ cộng đồng, tập trung "ngăn chặn" việc thực hiện hành vi phạm tội hơn là "trừng phạt" người phạm tội, các nhà lập pháp tại Thái Lan đã ban hành BLHS năm 1956[220], trong đó quy định về các biện pháp bảo đảm an toàn mang tính chất của các BPHS phi HP. Tương tự, chính sách hình sự hiện đại nói trên cũng được thể hiện trong hệ thống tư pháp hình sự NCTN qua Luật Tố tụng và Tòa án gia đình và NCTN (Juvenile and Family Court and Procedure Act) của Thái Lan năm 2010. Theo đó, hiện nay, các BPHS phi HP được quy định tại các điều 39 đến 45, 48 đến 50, 74, 75 BLHS Thái Lan hiện hành năm 1956, sửa đổi, bổ sung năm 2016[221] ("BLHS Thái Lan") và các điều 57, 58, 90, 138, 142 Luật Tố tụng và Tòa án gia đình

---

[219] Office of Juvenile Justice and Delinquency Prevention (2014), "Home Confinement and Electronic Monitoring (Biện pháp quản thúc tại gia và giám sát điện tử)", *Literature Review A Product of the Model Programs Guide*, tr. 4.

[220] Apirat Petchsiri (1986), "A short history of Thai criminal law since the nineteenth century (Tóm lược về lịch sử của luật hình sự Thái Lan từ thế kỷ 19", *Malaya Law Review*, 28(1), 134-150, tr. 148.

[221] Luận án sử dụng bản tiếng Anh điện tử của Bộ luật Hình sự Thái Lan, truy cập tại https://www.thailandlawonline.com/table-of-contents/criminal-law-translation-thailand-penal-code, ngày 26/12/2022.

và NCTN của Thái Lan năm 2010[222] ("Luật Tố tụng và Tòa án gia đình và NCTN của Thái Lan"), bao gồm các biện pháp áp dụng đối với người thành niên và NCTN phạm tội.

2.4.1. Định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt

Trước hết, Điều 39 BLHS Thái Lan không đưa ra định nghĩa mô tả mà chỉ quy định về định nghĩa liệt kê các biện pháp bảo đảm an toàn áp dụng đối với người thành niên thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội (trong đó có một số biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP). Bên cạnh đó, các quy định trong BLHS và Luật Tố tụng và Tòa án gia đình và NCTN của quốc gia này cũng không có bất kỳ điều khoản nào quy định về định nghĩa pháp lý mô tả hay định nghĩa pháp lý liệt kê các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội.

2.4.2. Về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt

Tại Phần 2 Chương 3, BLHS Thái Lan có quy định ngoài hình phạt còn có các biện pháp bảo đảm an toàn bao gồm: quản chế; cấm cư trú; lưu trú bắt buộc tại cơ sở điều trị; cấm hành nghề. Bên cạnh đó, Điều 74, Điều 75 BLHS Thái Lan và các chương 4, 7 và 12 Luật Tố tụng và Tòa án gia đình và NCTN của Thái Lan có quy định riêng về TNHS đối với NCTN phạm tội. Theo đó, ngoài hình phạt, các chủ thể có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục; biện pháp lưu trú bắt buộc trong trung tâm đào tạo và học nghề; biện pháp cải thiện; và biện pháp quản chế đối với người chưa thành niên phạm tội. Tuy nhiên, căn cứ vào mục đích phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội cũng như tính cá nhân hóa, sự phụ thuộc vào đặc điểm của từng đối tượng bị áp dụng, có thể nhận định rằng, các BPHS phi HP áp dụng đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS Thái Lan chỉ bao gồm hai biện pháp đó là biện pháp lưu trú bắt buộc tại cơ sở điều trị và biện pháp cấm hành nghề; đồng thời, các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội bao gồm: biện pháp quản chế; các biện pháp giám sát, giáo dục; biện pháp lưu trú bắt buộc trong trung tâm đào tạo và học nghề; biện pháp cải thiện.

2.4.3. Về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Điều 12 BLHS Thái Lan; Điều 10 Luật Tố tụng và Tòa án gia đình và NCTN của Thái Lan quy định Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền quyết định áp dụng

[222] Luận án sử dụng bản tiếng Anh điện tử của Luật Tố tụng và Tòa án gia đình và NCTN của Thái Lan, truy cập tại https://jla.coj.go.th/cms/s17.pdf, ngày 25/12/2022.

các BPHS phi HP tại quốc gia này. Cụ thể, nhóm các biện pháp bảo đảm an toàn mang tính chất của các BPHS phi HP theo BLHS Thái Lan chỉ được áp dụng đối với một người khi có quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm Tòa án ra quyết định. Bên cạnh đó, riêng đối với NCTN phạm tội thì Tòa án gia đình và NCTN (là hệ thống Tòa án chuyên biệt của Thái Lan được tổ chức từ cấp tỉnh đến cấp trung ương - Điều 10 Luật Tố tụng và Tòa án gia đình và NCTN của Thái Lan) có thẩm quyền xét xử và quyết định áp dụng HP hoặc các BPHS phi HP như biện pháp quản chế; các biện pháp giám sát, giáo dục; biện pháp lưu trú bắt buộc trong trung tâm đào tạo và học nghề; biện pháp cải thiện.

2.4.4. Về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Theo quy định của các điều 49, 65, 73 BLHS Thái Lan; Điều 4 và 5 Luật Tố tụng và Tòa án gia đình và NCTN của Thái Lan; đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP có thể được phân loại thành ba nhóm sau: (i) người phạm tội (bao gồm người đã thực hiện hành vi phạm tội thuộc một trong ba trường hợp sau: trường hợp có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi; trường hợp thực hiện hành vi phạm tội trong khi năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi bị hạn chế do bị thiểu năng hoặc do mắc các bệnh tâm thần (trường hợp này được giảm nhẹ TNHS); trường hợp người phạm tội đã bị kết án với lệnh không được sử dụng chất kích thích (rượu hoặc chất gây say khác hoặc ma túy) nhưng người đó không chấp hành lệnh này; (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do bị thiểu năng hoặc do mắc các bệnh tâm thần làm mất năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; (iii) NCTN phạm tội. Theo đó, NCTN phạm tội là người thực hiện hành vi phạm tội vào thời điểm người đó từ đủ 7 tuổi đến dưới 18 tuổi. Trong đó, luật hình sự quốc gia này phân biệt rõ hai nhóm đối tượng là: thiếu nhi phạm tội (từ đủ 7 tuổi đến dưới 15 tuổi) và thiếu niên phạm tội (từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi), sẽ bị áp dụng các BPHS phi HP với những điều kiện khác nhau.

Như vậy, ở Thái Lan không có BPHS phi HP áp dụng đối với pháp nhân vì BLHS Thái Lan không quy định pháp nhân phải chịu TNHS. Thêm vào đó, Luật sửa đổi các quy định pháp luật liên quan đến TNHS của người đại diện cho pháp nhân (Act on the Amendment to Legal Provisions Related to Criminal Liability of Representatives of Legal Entities) của Thái Lan năm 2017 cũng không quy định về

TNHS của pháp nhân; thay vào đó, người đại diện cho pháp nhân như: giám đốc, người quản lý hoặc người chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của pháp nhân sẽ phải chịu TNHS nếu hành vi phạm tội đó là do những người đó chỉ đạo hoặc thực hiện[223].

2.4.5. Về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt

BLHS Thái Lan, Luật Tố tụng và Tòa án gia đình và NCTN của Thái Lan quy định cụ thể về điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP như sau:

Thứ nhất, Điều 48 BLHS Thái Lan quy định Tòa án có thẩm quyền quyết định áp dụng *biện pháp lưu trú bắt buộc tại cơ sở trị liệu*, nếu xét thấy việc áp dụng đó bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do bị thiểu năng hoặc do mắc các bệnh tâm thần làm mất năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; hoặc người thực hiện hành vi phạm tội trong khi năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi bị hạn chế do bị thiểu năng hoặc do mắc các bệnh tâm thần (trường hợp này được giảm nhẹ TNHS). Bên cạnh đó, căn cứ Điều 49 BLHS Thái Lan, trong trường hợp Tòa án phán quyết áp dụng HP tù đối với một người hoặc phán quyết một người có tội nhưng việc quyết định HP hoặc chấp hành HP bị đình chỉ và người đó đã phạm tội do nghiện rượu (hoặc chất gây say khác) hoặc ma túy, thì Tòa án có thẩm quyền ra lệnh cho người đó không được sử dụng rượu (hoặc chất gây say khác) và/ hoặc ma túy trong thời hạn không quá hai năm kể từ ngày chấp hành xong HP, hoặc kể từ ngày đình chỉ việc quyết định HP hay chấp hành HP. Trong trường hợp người phạm tội đã bị kết án với lệnh không được sử dụng chất kích thích nói trên nhưng người đó không chấp hành lệnh này, Tòa án có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc tại cơ sở trị liệu trong thời gian không quá hai năm. Như vậy, theo BLHS Thái Lan, một mặt, có trường hợp biện pháp lưu trú bắt buộc tại cơ sở trị liệu được áp dụng độc lập với HP; mặt khác, có trường hợp biện pháp lưu trú bắt buộc tại cơ sở trị liệu được áp dụng kèm theo HP, cụ thể như sau: *Trường hợp thứ nhất* đó là biện pháp lưu trú bắt buộc tại cơ sở trị liệu

[223] JusLaws&Consult International Law Firm, *Criminal Liabilities Of A Legal Person (Trách nhiệm hình sự của pháp nhân)*, https://www.juslaws.com/criminal-litigation/criminal-liabilities-of-legal-person, truy cập ngày 17/06/2021.

áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do bị thiểu năng hoặc do mắc các bệnh tâm thần làm mất năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Khi đó, biện pháp này sẽ được áp dụng một cách độc lập với HP. *Trường hợp thứ hai* đó là biện pháp lưu trú bắt buộc tại cơ sở trị liệu áp dụng đối với người phạm tội trong khi năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi bị hạn chế do bị thiểu năng hoặc do mắc các bệnh tâm thần; hoặc trường hợp người phạm tội đã bị kết án phạt tù với lệnh không được sử dụng rượu (hoặc chất gây say khác) và/ hoặc ma túy nhưng người đó không chấp hành lệnh này. Khi đó, biện pháp này sẽ được áp dụng kèm theo HP.

Thứ hai, Điều 50 BLHS Thái Lan quy định điều kiện áp dụng *biện pháp cấm hành nghề* đó là: Nếu Tòa án cho rằng hành vi phạm tội của một người xuất phát từ việc lợi dụng nghề nghiệp của mình và nhận định người đó sẽ tái phạm trên cơ sở tiếp tục hành nghề, thì kèm theo HP, Tòa án có thể ra lệnh cấm hành nghề trong thời hạn không quá năm năm, kể từ ngày chấp hành xong HP đó. Những nghề nghiệp mà người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có thể lợi dụng để thực hiện tội phạm gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội bao gồm: bác sĩ khám chữa bệnh cho bệnh nhân, luật sư tư vấn pháp lý cho khách hàng, kiểm toán viên làm nhiệm vụ kiểm toán tài chính,… Điều này có nghĩa là những nghề nghiệp mà BLHS Thái Lan hướng tới và dự liệu để áp dụng biện pháp này là những nghề nghiệp có tính chất chuyên nghiệp, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng khác và việc lợi dụng nghề nghiệp của mình để phạm tội có thể dẫn tới những hậu quả xấu cho xã hội. Ví dụ, thủ quỹ lợi dụng nghề nghiệp của mình có thể thực hiện hành vi tham ô, biển thủ tài sản gây hậu quả nghiêm trọng cho tài chính của doanh nghiệp hoặc nhà nước. Do đó, bên cạnh việc áp dụng HP đối với những đối tượng nói trên thì luật hình sự Thái Lan còn đặt ra biện pháp cấm hành nghề để hạn chế và ngăn ngừa người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội tái phạm. Nói cách khác, biện pháp cấm hành nghề trong BLHS Thái Lan luôn luôn được áp dụng kèm theo HP.

Thứ ba, về *các biện pháp giám sát, giáo dục* áp dụng đối với NCTN phạm tội, Điều 74 và Điều 75 BLHS Thái Lan quy định điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp này đó là: Trong trường hợp thiếu nhi phạm tội, Tòa án gia đình và NCTN có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp sau đây để thay thế cho HP: (i)

Khiển trách: Tòa án gia đình và NCTN nhắc nhở thiếu nhi phạm tội để họ nhận thức rõ hậu quả của hành vi phạm tội; bên cạnh đó, nếu xét thấy phù hợp, Tòa án có thể triệu tập cha mẹ hoặc người giám hộ của thiếu nhi phạm tội hoặc người mà thiếu nhi phạm tội đang sống cùng để chứng kiến; (ii) Lệnh chuyển NCTN phạm tội cho cha mẹ hoặc người giám hộ, hoặc người, tổ chức phù hợp để giám sát: Tòa án gia đình và NCTN có thể giao trách nhiệm giáo dục, cải tạo thiếu nhi phạm tội và trách nhiệm kiểm tra, giám sát hành vi của họ cho cha mẹ hoặc người giám hộ, hoặc người, tổ chức khác phù hợp nếu việc đó không gây ra bất kỳ tổn hại nào cho thiếu nhi phạm tội trong một khoảng thời gian do Tòa án quy định (nhưng không được quá 03 năm), và ấn định một khoản tiền mà cha mẹ hoặc người giám hộ phải trả cho Tòa án nhưng không quá 1000 Baht. Trong trường hợp thiếu nhi phạm tội sống với một người không phải là cha mẹ hoặc người giám hộ của mình, nếu người đang chung sống cùng với thiếu nhi đó đồng ý thì Tòa án quyết định chuyển thiếu nhi phạm tội cho người đó giám sát theo quy định trên. Bên cạnh đó, nếu thiếu nhi phạm tội không có cha mẹ hoặc người giám hộ, hoặc Tòa án cho rằng cha mẹ hoặc người giám hộ không thể chăm sóc đứa trẻ đó; hoặc nếu thiếu nhi phạm tội sống với một người không phải là cha mẹ hoặc người giám hộ, và người đó từ chối chấp nhận giám sát thiếu nhi phạm tội, thì Tòa án có thể chuyển thiếu nhi phạm tội đó cho một người hay tổ chức khác mà Tòa án cho là phù hợp để giám sát và giáo dục nếu người hay tổ chức đó đồng ý. Mặt khác, riêng đối với thiếu niên phạm tội, để có thể áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục thì bên cạnh những điều kiện tương tự trong trường hợp áp dụng đối với thiếu nhi phạm tội nói trên, Tòa án gia đình và NCTN còn phải xem xét tinh thần trách nhiệm và những điều kiện khác liên quan đến thiếu niên phạm tội mà Tòa án cho rằng việc áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục là phù hợp.

Thứ tư, về *biện pháp lưu trú bắt buộc trong trung tâm đào tạo và học nghề* áp dụng đối với NCTN phạm tội, Điều 57 và Điều 58 Luật Tố tụng và Tòa án gia đình và NCTN của Thái Lan quy định điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp này đó là: Tòa án gia đình và NCTN có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc trong trung tâm đào tạo và học nghề để thay thế cho HP nếu xét thấy rằng việc đưa người thành niên phạm tội vào một trung tâm đào tạo và học nghề là phù hợp với lợi ích của NCTN phạm tội đó. Cụ thể, việc sắp xếp chương trình đào tạo đối với NCTN phạm tội phải phù hợp với tuổi tác, tình trạng thể chất và tâm lý, sự trưởng

thành và lợi ích mà NCTN sẽ nhận được trong tương lai. Theo đó, NCTN phạm tội bị áp dụng biện pháp này phải tuân thủ những nội quy, quy chế của trung tâm đào tạo và học nghề. Nếu trong quá trình chấp hành biện pháp lưu trú bắt buộc trong trung tâm đào tạo và học nghề, NCTN có thành tích xuất sắc hoặc có kết quả rèn luyện tiến bộ rõ rệt, thì được xem xét khen thưởng với một số đặc quyền sau: (i) tham gia các chương trình đào tạo có chất lượng cao hơn; (ii) về thăm nhà; (iii) được giảm số ngày tham gia đào tạo và học nghề.

Thứ năm, về *biện pháp quản chế* áp dụng đối với NCTN phạm tội, Khoản 2 Điều 142 quy định điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp này đó là: Tòa án gia đình và NCTN có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản chế đối với NCTN phạm tội kèm theo HP tiền trong trường hợp được giảm mức tiền phạt. Theo đó, nếu xét thấy phù hợp, Tòa án gia đình và NCTN có thể áp dụng biện pháp quản chế với một hoặc các điều kiện sau: (i) không được đến một địa điểm hoặc địa phương nhất định mà những nơi đó có thể tạo cơ hội cho NCTN phạm tội; (ii) không được rời khỏi nơi cư trú của mình vào ban đêm, trừ trường hợp cần thiết hoặc NCTN được cha, mẹ, người giám hộ hoặc bất kỳ người nào mà NCTN cư trú cùng cho phép; (iii) không được giao tiếp với bất kỳ người nào xúi giục NCTN phạm tội; (iv) không được thực hiện những hành vi có thể dẫn đến tội phạm; (v) có mặt theo yêu cầu của Tòa hoặc trình báo định kỳ với cán bộ quản chế hay nhân viên xã hội; (vi) yêu cầu NCTN phạm tội học tập hay tham gia các khóa đào tạo, tư vấn, điều trị phục hồi, hoặc thực hiện công việc nhất định, hoặc tham gia các chương trình rèn luyện đạo đức để trở thành một công dân tốt; (vii) yêu cầu cha, mẹ, hoặc người, tổ chức nơi NCTN cư trú, hoặc người, tổ chức trông coi, giám sát NCTN đó thực hiện hoặc không được thực hiện một số hành vi nhất định liên quan đến việc nuôi dưỡng NCTN theo quyết định của Tòa án; hoặc áp dụng các điều kiện khác để cải thiện hành vi của NCTN phạm tội. Như vậy, có thể khẳng định rằng biện pháp quản chế áp dụng đối với NCTN phạm tội theo luật hình sự Thái Lan thể hiện rõ mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội qua tác động trực tiếp đến các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội.

Thứ sáu, về *biện pháp cải thiện* áp dụng đối với NCTN phạm tội, Điều 90 Luật Tố tụng và Tòa án gia đình và NCTN của Thái Lan quy định điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp này đó là: Đối với NCTN phạm tội có thể bị phạt tù với thời hạn tối đa 20 năm mà chưa từng bị kết án tù trước đó, Tòa án gia đình và NCTN có thể ra

lệnh áp dụng biện pháp cải thiện để thay thế cho HP tù nếu có sự đồng ý của người bị hại; đồng thời, hành vi phạm tội của NCTN không gây nguy hại nghiêm trọng cho xã hội và Tòa án xét thấy NCTN đó đã nhận thức được sự sai trái của hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện và thể hiện sự ăn năn hối lỗi đối với hậu quả mà hành vi phạm tội đã gây ra. Theo đó, Tòa án sẽ căn cứ vào độ tuổi, trí tuệ, tình trạng sức khỏe và tâm thần, nghề nghiệp, khả năng tài chính và hoàn cảnh cũng như nguyên nhân khiến NCTN thực hiện hành vi phạm tội, nhằm điều chỉnh hành vi của người đó để họ phát triển tốt hơn hoặc khuyến khích người đó tái hòa nhập với gia đình và cộng đồng. Trong quá trình chấp hành biện pháp cải thiện, NCTN phạm tội có thể được tư vấn để điều chỉnh hành vi của mình một cách phù hợp, hoặc tham gia các hoạt động phục hồi chức năng hay các hoạt động tương tự với các chương trình tại trung tâm đào tạo và học nghề. Một số chương trình cải thiện tiêu biểu đã được tiến hành tại quốc gia này đó là: thực hiện các nghi lễ, các hoạt động đào tạo Phật giáo, các chiến dịch rèn luyện đạo đức… Trong đó, các cán bộ quản chế cũng yêu cầu và khuyến khích sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác như nhà tâm lí học, nhân viên phúc lợi xã hội, tổ chức tôn giáo… Ngoài ra, NCTN phạm tội còn được hỗ trợ về đào tạo nghề, giáo dục đại học, tìm kiếm việc làm hay các hỗ trợ khác có thể giúp đỡ họ mau chóng tái hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong biện pháp quản chế[224].

2.5. Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Việt Nam

Từ trước tới nay, chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn thể hiện được tính nhân đạo, khoan hồng trong xử lý tội phạm. Theo đó, Nhà nước ta xem người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và pháp nhân phải chịu TNHS là "một phần tử sống của Nhà nước"[225], đặc biệt là đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Với chính sách hình sự văn minh này, việc quy định về các BPHS phi HP (không nhằm trừng trị hay trả thù mà hướng tới phòng ngừa chủ yếu bằng cách giáo dục, cải thiện người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và pháp nhân phải chịu TNHS, từ đó phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội), là hoàn toàn phù hợp. Hiện nay, các BPHS phi HP ở Việt Nam được quy định tập

---

[224] Kittipong Kittayarak (2010), *Responding to prison overcrowding: Another attempt from Thailand (Giải pháp đối với tình trạng quá tải cơ sở giam giữ: Một nghiên cứu khác tại Thái Lan)*, Twelfth United Nations Congress on Crime Prevention and Criminal Justice, Brazil, 151-168, tr. 158.

[225] Các Mác – Ăngghen, toàn tập, tập 1, NXB Sự thật, Hà Nội, tr. 179; dẫn theo Phạm Thị Hồng (1997), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr. 21.

trung tại các Điều 46, 49 Chương VII, Điều 82 Chương XI và các Mục 1, 2, 3 Chương XII BLHS Việt Nam hiện hành, trong đó có cả các biện pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội[226], người thành niên và người dưới 18 tuổi phạm tội vì Việt Nam chưa có một văn bản pháp luật riêng về tư pháp NCTN như một số quốc gia khác.

2.5.1. Định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt

BLHS Việt Nam hiện hành không có định nghĩa pháp lý mô tả khái niệm BPHS phi HP nhưng Điều 46 BLHS Việt Nam hiện hành đã đưa ra định nghĩa liệt kê các biện pháp tư pháp đối với người phạm tội và pháp nhân thương mại phạm tội, trong đó có một số biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP. Riêng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Điều 91 BLHS Việt Nam hiện hành đã thể hiện rõ tính chất và mục đích của việc áp dụng các BPHS phi HP khi quy định cụ thể những nguyên tắc quan trọng trong xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đó là: (i) phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội; (ii) phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm; (iii) khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng HP đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục; hoặc việc áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa. Có thể nói, những nguyên tắc này thể hiện rõ tính chất và mục đích của việc áp dụng các BPHS phi HP áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên, các quy định tại BLHS Việt Nam hiện hành chưa đưa ra định nghĩa pháp lý về nhóm các biện pháp này.

2.5.2. Về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt

Hiện nay, bên cạnh hình phạt, BLHS Việt Nam hiện hành còn quy định về: (i) các biện pháp tư pháp áp dụng đối với người phạm tội bao gồm biện pháp tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; các biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc BTTH; biện pháp buộc công khai xin lỗi; và biện pháp bắt buộc chữa bệnh; (ii) các

[226] Liên quan tới thuật ngữ "pháp nhân thương mại phạm tội" được quy định trong BLHS Việt Nam hiện hành, hiện nay có hai quan điểm khác nhau như sau: (i) tồn tại hai chủ thể của tội phạm là cá nhân và pháp nhân thương mại; (ii) chỉ có một chủ thể của tội phạm là cá nhân và hai chủ thể của TNHS là cá nhân và pháp nhân thương mại. NCS đồng tình với quan điểm thứ hai bởi lẽ TNHS của pháp nhân thương mại được đặt ra khi cá nhân đại diện thực hiện hành vi phạm tội nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân và được pháp nhân chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận. Như vậy sẽ chỉ có một hành vi phạm tội nhưng có hai chủ thể phải chịu TNHS về hành vi phạm tội đó. Xem Lưu Hải Yến (2016), "Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015", *Tạp chí Luật học*, Số đặc biệt về BLHS năm 2015, 130-144.

biện pháp tư pháp pháp nhân thương mại phạm tội bao gồm biện pháp tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc BTTH; buộc công khai xin lỗi; biện pháp khôi phục lại tình trạng ban đầu; biện pháp thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra; (iii) các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong trường hợp được miễn TNHS và biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Tuy nhiên, về mặt lý luận, các biện pháp hình sự phi hình phạt có mục đích phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội; vì vậy, có quan điểm cho rằng các biện pháp như tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm hay bồi thường thiệt hại, v.v,.. không có tính chất của các biện pháp hình sự phi hình phạt mà chỉ là các biện pháp cưỡng chế có liên quan khác được luật hình sự ghi nhận[227]. Do đó, các biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP (có mục đích phòng ngừa qua tác động đến các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội, được quy định và áp dụng không phụ thuộc vào hành vi phạm tội mà dựa trên đặc điểm của từng đối tượng bị áp dụng các biện pháp này) trong BLHS Việt Nam hiện hành chỉ bao gồm: (i) biện pháp bắt buộc chữa bệnh[228]; (ii) nhóm các BPHS phi HP áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội gồm các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn TNHS và biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng[229]; và (iii) biện pháp tư pháp buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội[230].

Có thể nói, xuyên suốt các BLHS Việt Nam qua từng thời kỳ, các biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP dần dần đã được quy định và phát triển đa dạng hơn. Cụ thể, BLHS Việt Nam năm 1985 đã ghi nhận một số biện pháp tư pháp mang tính chất của BPHS phi HP bao gồm: biện pháp bắt buộc chữa bệnh[231] và các biện pháp tư pháp đối với NCTN phạm tội (buộc phải chịu thử thách; đưa vào trường giáo dưỡng)[232]. Tiếp sau đó, BLHS năm 1999 vẫn có quy định về một số biện pháp tư pháp

[227] Nguyễn Ngọc Hòa (2022), Trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp hình sự khác, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 38.
[228] Xem Điều 46 BLHS Việt Nam
[229] Xem Mục 2 và Mục 3 Chương XII BLHS Việt Nam hiện hành
[230] Xem Điều 46 BLHS Việt Nam
[231] Điều 35, BLHS Việt Nam năm 1985.
[232] Khoản 1, Điều 60, BLHS Việt Nam năm 1985.

mang tính chất của BPHS phi HP tương tự với BLHS năm 1985 như biện pháp bắt buộc chữa bệnh và biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng áp dụng đối với NCTN phạm tội[233]; tuy nhiên, biện pháp tư pháp buộc phải chịu thử thách áp dụng cho NCTN phạm tội đã được sửa đổi thành biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn[234]. Cho tới hiện nay, BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (hiện hành) vẫn tiếp tục quy định về biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh[235]. Bên cạnh đó, BLHS hiện hành đã sửa đổi biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng áp dụng đối với NCTN phạm tội thành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội[236] (đây cũng là một biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP). Đồng thời, BLHS hiện hành cũng bổ sung quy định hoàn toàn mới về các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS (bao gồm: khiển trách; hòa giải tại cộng đồng; giáo dục tại xã, phường, thị trấn)[237] và biện pháp tư pháp buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội[238]. Có thể nhận định rằng, các quy định nói trên đều được xem là những quy định tiến bộ trong lần pháp điển hóa lần thứ ba và là những điểm mới quan trọng của BLHS Việt Nam hiện hành, góp phần tạo nên một hệ thống các BPHS phi HP đầy đủ và toàn diện hơn.

2.5.3. Về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Chương VII, Chương XI và Chương XII BLHS Việt Nam quy định ngoài Tòa án, CQĐT hoặc VKS cũng có thẩm quyền quyết định áp dụng các BPHS phi HP trong một số trường hợp nhất định tùy thuộc vào giai đoạn của tố tụng hình sự. Theo đó, ở Việt Nam, trong giai đoạn xét xử và giai đoạn thi hành án hình sự, thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp này thuộc về Tòa án nhân dân; trong giai đoạn điều tra và giai đoạn truy tố, thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp đó lại thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng khác[239]. Có thể thấy, việc BLHS Việt Nam quy định đa

---

[233] Điều 43 và Khoản 1, Điều 70, BLHS năm 1999.
[234] Mặc dù được quy định với hai tên gọi khác nhau nhưng biện pháp buộc phải chịu thử thách được quy định tại BLHS năm 1985 và biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn BLHS năm 1999 đều có nội dung là người phải chịu thử thách/ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải chấp hành đầy đủ những nghĩa vụ về học tập, lao động, tuân theo pháp luật dưới sự giám sát, giáo dục.
[235] Khoản 1, Điều 46 trong mối liên hệ với Điều 49, BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
[236] Điều 96, BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
[237] Mục 2, Chương XII, BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
[238] Khoản 2, Điều 46 trong mối liên hệ với Điều 82, BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
[239] Trần Đình Thắng (2020), "Biện pháp tư pháp – Thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, 9(409), 11-14.

dạng các cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp mang bản chất của các BPHS phi HP thể hiện được tính linh hoạt, chủ động của việc áp dụng các BPHS phi HP nhằm phục vụ tốt nhất cho quá trình tố tụng được diễn ra nhanh chóng, kịp thời. Riêng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Tòa gia đình và NCTN (là Tòa chuyên trách thuộc Tòa án nhân dân)[240] có thẩm quyền quyết định áp dụng các BPHS phi HP. Đây là một quy định phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về tư pháp NCTN[241].

Tuy nhiên, việc quy định về chủ thể có thẩm quyền quyết định áp dụng các BPHS phi HP trong BLHS Việt Nam hiện hành vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Cụ thể, Điều 92 BLHS Việt Nam hiện hành quy định: bên cạnh Tòa án, CQĐT hoặc VKS cũng có thẩm quyền miễn TNHS và quyết định áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong một số trường hợp nhất định tùy thuộc vào giai đoạn của tố tụng hình sự. NCS đồng tình với quan điểm của một nhà nghiên cứu khi cho rằng Điều 92 BLHS Việt Nam hiện hành là vi hiến vì theo Khoản 1 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam, người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Theo đó, chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền tuyên bố một người có tội hay không[242].

2.5.4. Về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Trên cơ sở quy định của Chương VII, Chương XI và Chương XII BLHS Việt Nam, có thể khẳng định rằng đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP được phân loại thành bốn nhóm: (i) người phạm tội thuộc một trong hai trường hợp sau: người phạm tội trong khi có đầy đủ năng lực TNHS nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; hoặc người đang chấp hành HP tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã

---

[240] Theo các điều 30, 38, 45 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân Việt Nam năm 2014; Điều 423 Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015; Khoản 6 Điều 3 Thông tư số 01/2016/TT-CA của Tòa án nhân dân tối cao quy định việc tổ chức các Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương

[241] Quy tắc chuẩn tối thiểu của LHQ về quản lý tư pháp NCTN ngày 29/10/1985; Quy tắc chuẩn tối thiểu của LHQ về các biện pháp không giam giữ ngày 14/12/1990.

[242] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (phần chung),* NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 395.

hội[243]; (iii) pháp nhân thương mại phạm tội[244]; và (iv) người dưới 18 tuổi phạm tội[245]. Có thể nhận định rằng, BLHS Việt Nam hiện hành đã sử dụng thuật ngữ "người dưới 18 tuổi phạm tội" thay cho thuật ngữ "NCTN phạm tội" nhằm cụ thể hóa và thống nhất cách hiểu về độ tuổi của NCTN phạm tội. Theo đó, người dưới 18 tuổi phạm tội có thể bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Ngoài ra, theo pháp luật hình sự Việt Nam, trong một số trường hợp theo luật định, người dưới 18 tuổi phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả thì có thể được miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục. Các trường hợp đó là: (i) người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng (trừ tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; tội hiếp dâm; tội cướp giật tài sản; các tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hay chiếm đoạt chất ma túy[246]); (ii) người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng (bao gồm tội cưỡng dâm; tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; tội cưỡng đoạt tài sản; tội trộm cắp tài sản; tội tổ chức đua xe trái phép; tội đua xe trái phép; tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử; tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử; tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác; tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; tội khủng bố; tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia; tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự[247]); (iii) người dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

2.5.5. Về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt

BLHS Việt Nam hiện hành quy định cụ thể về điều kiện áp dụng và nội dung của từng biện pháp tư pháp mang tính chất của các BPHS phi HP và các biện pháp

[243] Về hai nhóm đối tượng này, xem Điều 21 và Điều 49 BLHS Việt Nam hiện hành
[244] Xem Điều 75 BLHS Việt Nam hiện hành
[245] Xem Điều 90 và Điều 91 BLHS Việt Nam hiện hành
[246] Về các tội này, xem các điều 134, 141, 171, 248, 249, 250, 251 và 252 của BLHS Việt Nam hiện hành
[247] Về các tội này, xem các điều 143, 169, 170, 173, 178, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 BLHS Việt Nam hiện hành

giám sát, giáo dục áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS như sau:

Thứ nhất, Điều 49 BLHS Việt Nam quy định cụ thể về điều kiện để áp dụng *biện pháp bắt buộc chữa bệnh* đối với từng trường hợp như sau: *Trường hợp thứ nhất* đó là đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình (Điều 21 BLHS Việt Nam hiện hành), VKS hoặc Tòa án căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh. *Trường hợp thứ hai* đó là đối với người phạm tội trong khi có năng lực TNHS nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, Tòa án có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, người đó có thể phải chịu trách nhiệm hình sự. *Trường hợp thứ ba* đó là đối với người đang chấp hành HP tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, Tòa án có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, nếu không có lý do khác để miễn chấp hành hình phạt, thì người đó phải tiếp tục chấp hành hình phạt. Tuy nhiên, thời gian bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù và người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được điều trị trong cùng một cơ sở điều trị chuyên khoa để điều trị với các bệnh nhân khác. Như vậy, theo BLHS Việt Nam hiện hành, biện pháp bắt buộc chữa bệnh được áp dụng một cách độc lập với HP trong trường hợp người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong tình trạng không có khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác. Bởi lẽ, người đã thực hiện hành vi trái pháp luật trong tình trạng không có năng lực lỗi thì sẽ không phải chịu TNHS, kể cả sau quá trình điều trị, nếu khỏi bệnh thì người này cũng không phải chịu TNHS vì hành vi của họ không cấu thành tội phạm[248]. Đồng thời, biện pháp bắt buộc chữa bệnh cũng được áp dụng kèm theo HP trong trường hợp người phạm tội trong khi có năng lực TNHS nhưng trước

[248] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (Phần chung)*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 244.

khi bị kết án đã mắc bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, hoặc người đang chấp hành HP tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình. Có thể nói, việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong những trường hợp nói trên không những thực hiện được mục đích phòng ngừa tội phạm mà còn thể hiện tính nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam[249].

Thứ hai, đối với *các biện pháp giám sát, giáo dục* áp dụng trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS, Điều 92 BLHS Việt Nam hiện hành quy định điều kiện chung để áp dụng các biện pháp này đó là: CQĐT, VKS hoặc Tòa án chỉ quyết định miễn TNHS và áp dụng biện pháp khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, nếu người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc người đại diện hợp pháp của họ đồng ý với việc áp dụng một trong các biện pháp này. Có thể nói, điều kiện về "sự đồng ý" nói trên góp phần nâng cao tính tự giác trong việc chấp hành các biện pháp giám sát, giáo dục cũng như hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp này đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và gia đình họ. Tuy nhiên, điều kiện này chưa được BLHS và các văn bản hướng dẫn quy định rõ ràng dẫn đến một số hạn chế nhất định trong việc áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục trên thực tế. Cụ thể, có một số quan điểm cho rằng vì pháp luật không xác định sự đồng ý của người dưới 18 tuổi phạm tội hay của người đại diện hợp pháp của họ có giá trị cao hơn để cơ quan tư pháp xem xét, quyết định; do đó, việc áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục có thể gặp vướng mắc trong trường hợp NCTN phạm tội đồng ý nhưng người đại diện hợp pháp không đồng ý hoặc ngược lại[250]. Về vấn đề này, cần lưu ý rằng nhà làm luật sử dụng từ "hoặc" mà không phải từ "và", tức là chỉ cần một trong hai chủ thể đồng ý là có thể áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục. Tuy nhiên, NCS đồng tình với quan điểm của một nhà khoa học khi cho rằng ý kiến của bản thân người dưới 18 tuổi phạm tội cần phải có tính quyết định và có giá trị hơn ý kiến của người đại diện hợp pháp của họ để đảm bảo tính tự nguyện cũng

---

[249] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (Phần chung)*, NXB Tư pháp, Hà Nội; tr. 243.

[250] Lưu Trung Huy (2020), "Một số vướng mắc trong việc áp dụng các biện pháp giảm sát, giáo dục trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, https://tapchitoaan.vn/mot-so-vuong-mac-cac-bien-phap-giam-sat-giao-duc-truong-hop-duoc-mien-trach-nhiem-hinh-su, truy cập ngày 20/8/2022.

như hiệu quả khi áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục này[251]. Bởi lẽ, khi người dưới 18 tuổi phạm tội không đồng ý thì rất khó buộc họ thật tâm xin lỗi; nói cách khác, trong trường hợp đó, các biện pháp giám sát, giáo dục sẽ không mang lại hiệu quả thiết thực vì việc áp dụng các biện pháp này chủ yếu dựa vào sự tự giác chấp hành của chính bản thân người dưới 18 tuổi phạm tội được giám sát, giáo dục. Bên cạnh đó, việc áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục phải được thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương, nhà trường, gia đình và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác[252]. Bên cạnh điều kiện chung nói trên, BLHS Việt Nam hiện hành còn quy định về điều kiện áp dụng riêng và nội dung của mỗi biện pháp giám sát, giáo dục tại các điều 93 đến 95 như sau: (i) Khiển trách: đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng được miễn TNHS; hoặc người dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án, CQĐT, VKS hoặc Tòa án có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp khiển trách khi xét thấy việc áp dụng sẽ giúp người dưới 18 tuổi phạm tội nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả gây ra đối với cộng đồng, xã hội và nghĩa vụ của họ. Việc khiển trách đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải có sự chứng kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người dưới 18 tuổi. Nếu bị áp dụng biện pháp khiển trách, người bị khiển trách phải thực hiện một số nghĩa vụ như sau: tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc; trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp. (ii) Hòa giải tại cộng đồng: đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng được miễn TNHS; hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng được miễn TNHS, CQĐT, VKS hoặc Tòa án phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc hòa giải tại cộng đồng khi người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại đã tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn TNHS. Theo đó, người được áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng phải thực hiện nghĩa vụ xin lỗi bị hại, BTTH và các nghĩa vụ tương tự của người bị khiển trách nêu trên. (iii) Giáo dục tại xã, phường, thị trấn: đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm

[251] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (Phần chung)*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 395.
[252] Xem Điều 6, các điều từ 27 đến 31 Nghị định 37/2018/NĐ-CP

trọng được miễn TNHS; hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng được miễn TNHS, CQĐT, VKS hoặc Tòa án có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ 01 năm đến 02 năm. Khi bị áp dụng biện pháp này, người dưới 18 tuổi phạm tội mặc dù được miễn TNHS nhưng vẫn phải chấp hành đầy đủ nghĩa vụ về học tập, lao động; chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình, xã, phường, thị trấn; không đi khỏi nơi cư trú khi không được phép và các nghĩa vụ tương tự như bị khiển trách.

Thứ ba, đối với *biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng* áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Điều 96 BLHS Việt Nam hiện hành quy định điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp này đó là: Người dưới 18 tuổi phạm tội có thể bị Tòa án tuyên áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng từ 01 năm đến 02 năm nếu xét thấy do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người đó mà cần đưa người đó vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ. Biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng là BPHS phi HP có vai trò là biện pháp thay thế cho HP. Theo đó, người dưới 18 tuổi phạm tội phải chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về học tập, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lí của nhà trường. Mục đích chính của biện pháp này nhằm giáo dục, định hướng và cải tạo cho NCTN phạm tội, hỗ trợ họ dễ dàng tái hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành bản án. Có thể thấy, xét trong tương quan so sánh với BLHS trước đây (năm 1999) của Việt Nam, BLHS hiện hành đã thay thế thuật ngữ "đưa vào trường giáo dưỡng" bằng thuật ngữ "giáo dục tại trường giáo dưỡng" để nhấn mạnh mục đích giáo dục và phù hợp hơn với nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo BLHS Việt Nam hiện hành, đồng thời phân biệt với biện pháp "đưa vào trường giáo dưỡng" theo Luật Xử lý vi phạm hành chính. Cụ thể, biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính của Việt Nam năm 2012 là biện pháp xử lý hành chính được áp dụng đối với người từ đủ 12 tuổi cho đến dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm. Bên cạnh đó, Điều 97 BLHS Việt Nam hiện hành quy định về việc chấm dứt trước thời hạn biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng như sau: Nếu người được giáo dục tại trường giáo dưỡng đã chấp hành một phần hai thời hạn, có nhiều tiến bộ, thì theo đề nghị của trường giáo dưỡng được giao trách nhiệm quản lý, giáo dục, Tòa án có thể quyết định chấm dứt thời hạn giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Thứ tư, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 BLHS Việt Nam, *biện pháp tư pháp buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra* áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội bao gồm: (i) Biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép là một trong những biện pháp thường được áp dụng cho các pháp nhân thương mại trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản và quản lí công trình hạ tầng kĩ thuật. (ii) Biện pháp buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh được đặt ra nhằm hạn chế tối đa những rủi ro, ảnh hưởng xấu tới môi trường hay sức khỏe con người do hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại gây ra. (iii) Biện pháp buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật; hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm. (iv) Biện pháp buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật. (v) Biện pháp buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm. Biện pháp này nhằm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của cá nhân, tổ chức sở hữu cũng như tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường, lừa dối người tiêu dùng và ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế. (vi) Biện pháp buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường. Như vậy, điều kiện áp dụng các BPHS phi HP đối với pháp nhân thương mại phạm tội chủ yếu liên quan nhiều đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của pháp nhân thương mại đó. Các biện pháp nói trên có mục đích nhằm phòng ngừa bằng cách ngăn chặn và xử lí kịp thời hành vi phạm tội đã hoặc đang diễn ra cũng như giáo dục ý thức pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh của các pháp nhân thương mại.

Kết luận Chương 2

Trong toàn bộ Chương 2, NCS đã phân tích và bình luận các quy định về BPHS phi HP trong luật hình sự năm quốc gia Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt

Nam liên quan đến: định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP; hệ thống các BPHS phi HP; chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP; qua đó, có thể rút ra kết luận sau:

Thứ nhất, luật hình sự Đức không đưa ra định nghĩa pháp lý chung về hệ thống các BPHS phi HP mà chỉ đưa ra định nghĩa liệt kê của từng nhóm biện pháp cụ thể bao gồm: (i) các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn; (ii) hậu quả pháp lý kèm theo là bị mất khả năng đảm nhiệm chức trách; (iii) nhóm các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội (gồm: các biện pháp giám sát; các biện pháp kỷ luật; các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn). Bên cạnh đó, tại Đức, Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền áp dụng các BPHS phi HP và đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP được phân loại thành ba nhóm: (i) người phạm tội (bao gồm người đã thực hiện hành vi phạm tội thuộc một trong ba trường hợp sau: trường hợp có đầy đủ năng lực TNHS; trường hợp có năng lực lỗi mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi có thể bị mất tạm thời vì bị nghiện do sử dụng quá mức đồ uống có cồn hoặc các chất gây say khác; trường hợp năng lực lỗi hạn chế do mắc bệnh; (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do thuộc một trong hai trường hợp sau đây: trường hợp mất năng lực lỗi do mắc bệnh (dẫn đến bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi) trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; hoặc trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của đồ uống có cồn hoặc các chất gây say khác mà không phải do lỗi của mình gây ra trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; (iii) NCTN phạm tội. Ngoài ra, luật hình sự Đức quy định cụ thể về điều kiện áp dụng và nội dung của từng BPHS phi HP.

Thứ hai, luật hình sự Nga không đưa ra định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP trong một điều luật cụ thể. Tuy nhiên, có thể thấy hệ thống các BPHS phi HP trong BLHS Nga bao gồm: (i) các biện pháp chữa bệnh bắt buộc áp dụng đối với người phạm tội và người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS; (ii) nhóm các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội (gồm: các biện pháp giáo dục bắt buộc và biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng riêng biệt thuộc loại hình khép kín của cơ quan quản lý giáo dục trong trường hợp được Tòa án miễn chấp hành HP). Bên cạnh đó, tại quốc gia này, Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền áp dụng các BPHS phi HP và đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP có thể được

phân loại thành ba nhóm: (i) người phạm tội thuộc một trong ba trường hợp sau: người phạm tội trong khi có đầy đủ năng lực TNHS nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh rối loạn thần kinh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; người đang chấp hành HP tù mà bị mắc bệnh rối loạn thần kinh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; người phạm tội trong khi bị rối loạn thần kinh dẫn tới hạn chế khả năng nhận thức hoặc hạn chế khả năng điều khiển hành vi của mình; (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do bị rối loạn thần kinh dẫn đến mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi; và (iii) NCTN phạm tội. Ngoài ra, luật hình sự Nga đưa ra các điều luật quy định cụ thể về điều kiện áp dụng và nội dung của từng BPHS phi HP.

Thứ ba, luật hình sự Hoa Kỳ không đưa ra định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP. Bên cạnh đó, về hệ thống các BPHS phi HP; trước hết, các BPHS phi HP áp dụng đối với người phạm tội và người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS bao gồm: (i) các biện pháp giám sát có tước tự do (gồm biện pháp lưu trú bắt buộc tại các cơ sở cộng đồng về cai nghiện ma túy hoặc rượu và biện pháp lưu trú bắt buộc tại các cơ sở cộng đồng về chăm sóc sức khỏe tâm thần); (ii) biện pháp cấm thực hiện một số nghề nghiệp, công việc hoặc hoạt động kinh doanh; (iii) biện pháp cấm sở hữu súng, thiết bị phá hoại hoặc vũ khí nguy hiểm khác. Mặt khác, đối với NCTN phạm tội, luật hình sự Hoa Kỳ còn quy định về các BPHS phi HP đó là: biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt; biện pháp quản thúc tại gia kết hợp giám sát điện tử; biện pháp đưa vào cơ sở giáo dưỡng; và biện pháp điều trị tâm thần hoặc cai nghiện ma túy và các chất gây nghiện khác. Còn đối với pháp nhân phải chịu TNHS, các BPHS phi HP bao gồm: biện pháp buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả và biện pháp buộc phải ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra. Thêm vào đó, tại Hoa Kỳ, Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền áp dụng các BPHS phi HP và đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP có thể được phân loại thành bốn nhóm sau: (i) người phạm tội bao gồm người đã thực hiện hành vi phạm tội thuộc một trong ba trường hợp sau: trường hợp có đầy đủ năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện; trường hợp bị hạn chế năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện do có khiếm khuyết về tâm thần hoặc mắc bệnh tâm thần; trường hợp tự nguyện đặt mình vào tình trạng

nghiện dẫn đến mất năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện trong tình trạng nghiện; (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do thuộc một hai trường hợp sau: trường hợp mất năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện do có khiếm khuyết về tâm thần hoặc mắc bệnh tâm thần; trường hợp không tự nguyện đặt mình vào tình trạng nghiện dẫn đến mất năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện trong tình trạng nghiện; (iii) pháp nhân phải chịu TNHS; và (iv) NCTN phạm tội. Ngoài ra, luật hình sự Hoa Kỳ cũng quy định, hướng dẫn cụ thể về điều kiện áp dụng và nội dung của từng BPHS phi HP.

Thứ tư, luật hình sự Thái Lan không đưa ra định nghĩa mô tả mà chỉ quy định về định nghĩa liệt kê các biện pháp bảo đảm an toàn (trong đó có một số BPHS phi HP) áp dụng đối với người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS. Bên cạnh đó, hệ thống các BPHS phi HP tại Thái Lan bao gồm: (i) nhóm các biện pháp bảo đảm an toàn áp dụng đối với người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS (gồm: biện pháp lưu trú bắt buộc tại cơ sở điều trị và biện pháp cấm hành nghề); (ii) nhóm các BPHS phi HP đối với NCTN phạm tội (gồm: biện pháp quản chế; các biện pháp giám sát, giáo dục; biện pháp lưu trú bắt buộc trong trung tâm đào tạo và học nghề; biện pháp cải thiện). Thêm vào đó, tại Thái Lan, Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền áp dụng các BPHS phi HP tại quốc gia này và đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP có thể được phân loại thành ba nhóm sau: (i) người phạm tội (bao gồm người đã thực hiện hành vi phạm tội thuộc một trong ba trường hợp sau: trường hợp có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi; trường hợp thực hiện hành vi phạm tội trong khi năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi bị hạn chế do bị thiểu năng hoặc do mắc các bệnh tâm thần (trường hợp này được giảm nhẹ TNHS); trường hợp người phạm tội đã bị kết án với lệnh không được sử dụng chất kích thích (rượu hoặc chất gây say khác hoặc ma túy) nhưng người đó không chấp hành lệnh này; (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do bị thiểu năng hoặc do mắc các bệnh tâm thần làm mất năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; (iii) NCTN phạm tội. Ngoài ra, BLHS Thái Lan quy định cụ thể về điều kiện áp dụng và nội dung của từng BPHS phi HP.

Thứ năm, luật hình sự Việt Nam không có định nghĩa pháp lý mô tả các BPHS phi HP mà đưa ra định nghĩa liệt kê các BPTP áp dụng đối với người phạm tội và pháp nhân thương mại phạm tội, trong đó có một số biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP. Bên cạnh đó, hệ thống các BPHS phi HP trong BLHS Việt Nam hiện hành bao gồm: (i) biện pháp bắt buộc chữa bệnh; (ii) nhóm các BPHS phi HP áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (gồm: các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn TNHS và BPTP giáo dục tại trường giáo dưỡng); và (iii) BPTP buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Thêm vào đó, ngoài Tòa án, CQĐT hoặc VKS cũng có thẩm quyền áp dụng các BPHS phi HP trong một số trường hợp nhất định tùy thuộc vào giai đoạn của tố tụng hình sự. Ngoài ra, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP được phân loại thành bốn nhóm: (i) người phạm tội thuộc một trong hai trường hợp sau: người phạm tội trong khi có đầy đủ năng lực TNHS nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; hoặc người đang chấp hành HP tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; (iii) pháp nhân thương mại phạm tội; và (iv) người dưới 18 tuổi phạm tội. Hơn nữa, mỗi biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP trong BLHS Việt Nam hiện hành đều có các điều luật quy định về điều kiện áp dụng và nội dung cụ thể.

Như vậy, các BPHS phi HP là một chế định quan trọng trong luật hình sự của mỗi quốc gia. Trong đó, xu hướng mở rộng, đa dạng hóa quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự của năm quốc gia Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam phản ánh xu hướng toàn cầu hướng tới cách tiếp cận toàn diện hơn trong phòng ngừa tội phạm cũng như cải tạo người phạm tội. Ở Đức, xu hướng này bắt đầu từ cuối thế kỷ 19 với việc áp dụng các BPHS phi HP bên cạnh HP trong xử lý tội phạm, nhấn mạnh vào việc phục hồi và bảo vệ trật tự xã hội. Bên cạnh đó, tại Nga, từ năm 1996, các nhà làm luật đã quy định các BPHS phi HP là chế định độc lập với HP trong BLHS để ngăn ngừa tội phạm và hỗ trợ người phạm tội tái hòa nhập. Không chỉ vậy, vào cuối thế kỷ 20, Hoa Kỳ cũng đã chứng kiến sự thay đổi theo hướng tích cực đối

với hệ thống tư pháp bằng cách áp dụng các BPHS phi HP thay thế cho HP tù. Cùng với đó, Thái Lan, với chính sách hình sự hiện đại, đã bắt đầu áp dụng các BPHS phi HP để tập trung vào phòng ngừa tội phạm hơn là trừng phạt vào khoảng đầu thế kỷ 20. Ngoài ra, phát huy truyền thống nhân đạo lâu đời của quốc gia, Việt Nam cũng đã đề cao việc quy định và áp dụng các BPHS phi HP để giáo dục, cải tạo người phạm tội và phòng ngừa hành vi phạm tội. Hiện nay, với xu thế tăng cường bảo vệ các quyền con người cũng như hướng tới mục tiêu xây dựng chính sách hình sự nhân văn, tiến bộ mà mỗi quốc gia Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam đều tiếp tục chú trọng phát triển quy định về các BPHS phi HP. Những nội dung được phân tích tại Chương 2 chính là tiền đề để NCS tiến hành so sánh, đánh giá quy định pháp luật của năm quốc gia nói trên; từ đó rút ra những kinh nghiệm lập pháp và đề xuất hoàn thiện quy định của luật hình sự Việt Nam về các BPHS phi HP ở Chương 3 của luận án này.

CHƯƠNG 3. SO SÁNH CÁC BIỆN PHÁP HÌNH SỰ PHI HÌNH PHẠT TRONG LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

3.1. So sánh các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự một số quốc gia

Trên cơ sở phân tích những quy định về các BPHS phi HP theo luật hình sự của Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam, có thể thấy những điểm tương đồng và khác biệt nhất định về định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP, hệ thống các BPHS phi HP, về chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP theo luật hình sự của các quốc gia nói trên.

3.1.1. Định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt

Định nghĩa khái niệm là thao tác logic có nhiệm vụ đưa ra được các dấu hiệu cơ bản của đối tượng được khái niệm phản ánh, qua đó xác định và phân biệt được đối tượng này với các đối tượng gần với nó; đồng thời, nhằm làm rõ nội dung của điều luật mà trong đó có phản ánh khái niệm để qua đó điều luật có thể được áp dụng đúng, thống nhất và để mọi người có thể nắm được những nét chính trong nội dung điều chỉnh của điều luật[253]. Theo đó, khác với HP được hiểu trong khoa học luật hình sự cũng như được quy định trong pháp luật thực định của các quốc gia trên thế giới một cách thống nhất, các BPHS phi HP lại được phân tích bởi nhiều quan điểm có phạm vi khác nhau mặc dù các biện pháp này cũng đóng vai trò quan trọng trong hệ thống các BPHS cũng như trong quá trình xử lý hành vi phạm tội. Vì vậy, định nghĩa khái niệm BPHS phi HP cần phải có nội dung mô tả rõ ràng những dấu hiệu của các biện pháp này, nhằm phân biệt với HP và gia tăng hiệu quả áp dụng các biện pháp này trên thực tế.

Tuy nhiên, *điểm tương đồng* giữa năm quốc gia được lựa chọn so sánh là Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam về định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP đó là luật hình sự của các quốc gia nêu trên đều chưa có định nghĩa pháp lý mô tả hay định nghĩa pháp lý liệt kê BPHS phi HP.

Mặt khác, *điểm khác biệt* trong quy định của luật hình sự tại năm quốc gia nêu trên liên quan đến định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP đó là khác với luật hình sự

[253] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2015), *Sửa đổi Bộ luật Hình sự - Những nhận thức cần thay đổi?*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 169 và 172.

Nga và Hoa Kỳ, BLHS Đức đã đưa ra định nghĩa pháp lý liệt kê từng nhóm biện pháp cụ thể mang tính chất của các BPHS phi HP; trong khi đó, mặc dù BLHS Thái Lan và BLHS Việt Nam hiện hành đã đưa ra định nghĩa liệt kê các biện pháp cưỡng chế ngoài HP được quy định trong luật hình sự nhưng những quy định đó lại bao gồm cả các BPHS phi HP và các biện pháp cưỡng chế khác có liên quan đến tội phạm. Bên cạnh đó, trong khi luật hình sự của Đức, Nga, Hoa Kỳ và Việt Nam đã quy định cụ thể về những tính chất, mục đích quan trọng của các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội đó là tính nhân đạo và mục đích giáo dục, phòng ngừa hành vi phạm tội của NCTN, thì luật hình sự Thái Lan chưa có điều luật thể hiện rõ những nội dung này mà chỉ lồng ghép tính chất, mục đích của các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội vào điều luật quy định về từng biện pháp cụ thể.

3.1.2. Về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt

Trước hết, *điểm tương đồng* lớn nhất giữa năm quốc gia được lựa chọn so sánh đó là luật hình sự của Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam đều quy định về hệ thống các BPHS phi HP bao gồm: biện pháp mang tính chất chữa bệnh bắt buộc; nhóm các biện pháp mang tính chất giám sát, giáo dục đối với NCTN phạm tội và biện pháp đưa NCTN phạm tội vào một cơ sở/ trường giáo dưỡng để giáo dục và giám sát. Bên cạnh đó, trong luật hình sự của mỗi quốc gia nói trên, hệ thống các BPHS phi HP đều thể hiện tính gắn kết khi mỗi biện pháp đều mang những tính chất nhất định, tổng hòa tạo nên mục đích phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội; qua đó thể hiện ý nghĩa quan trọng đối với đối tượng bị áp dụng các biện pháp này, đối với xã hội và nền tư pháp hình sự. Việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự của năm quốc gia đều thể hiện sự nhân đạo của pháp luật và của Nhà nước, phù hợp với triết lý "phúc lợi", triết lý "phục hồi"[254] và triết lý "cộng đồng", đạt được mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội[255].

Tuy nhiên, bên cạnh điểm tương đồng như đã phân tích, quy định về hệ thống các BPHS phi HP trong luật hình sự năm quốc gia được lựa chọn so sánh cũng thể hiện những *điểm khác biệt* nhất định.

---

[254] Hoàng Xuân Châu (2021), "Các triết lí phổ biến trong xử lí người chưa thành niên phạm tội trên thế giới – Kinh nghiệm của Anh, xứ Wales và gợi ý cho Việt Nam", *Tạp chí Luật học*, (2), 3-15.

[255] Lê Đăng Doanh và Cao Thị Oanh (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) – Tập I*, NXB Hồng Đức, Hà Nội, tr. 89.

Trước hết, mặc dù cả năm quốc gia đều quy định về biện pháp chữa bệnh bắt buộc nhưng thuật ngữ chỉ tên gọi của biện pháp này ở mỗi quốc gia là khác nhau. Trong đó, luật hình sự Đức quy định về biện pháp lưu trú bắt buộc trong bệnh viện tâm thần (trong nhóm các biện pháp xử lí cải thiện và bảo đảm an toàn); luật hình sự Hoa Kỳ quy định biện pháp lưu trú bắt buộc tại các cơ sở cộng đồng về chăm sóc sức khỏe tâm thần; luật hình sự Thái Lan quy định biện pháp lưu trú bắt buộc tại cơ sở trị liệu (trong nhóm các biện pháp bảo đảm an toàn); trong khi đó, luật hình sự Nga quy định các biện pháp chữa bệnh bắt buộc (trong nhóm các biện pháp pháp luật hình sự khác); còn luật hình sự Việt Nam gọi tên biện pháp tương tự về mặt bản chất với biện pháp này là biện pháp bắt buộc chữa bệnh (trong nhóm các biện pháp tư pháp). Có thể nói, so với bốn quốc gia còn lại, cách quy định của BLHS Nga thể hiện được tính cưỡng chế cao hơn; cách quy định của BLHS Đức cụ thể hơn và chính xác hơn ngay tại thuật ngữ chỉ tên gọi của biện pháp này.

Thứ hai, khác với luật hình sự Nga và Việt Nam không quy định về BPHS phi hình phạt mang tính chất cải thiện bằng cách cai nghiện chất kích thích cho đối tượng bị áp dụng biện pháp này; luật hình sự Đức đã quy định về biện pháp lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện (thuộc nhóm các biện pháp xử lý cải thiện và bảo đảm an toàn), luật hình sự Hoa Kỳ quy định biện pháp lưu trú bắt buộc tại các cơ sở cộng đồng về về cai nghiện ma túy hoặc rượu và luật hình sự Thái Lan quy định biện pháp lưu trú bắt buộc tại cơ sở trị liệu (trong nhóm các biện pháp bảo đảm an toàn). Bởi lẽ, ảnh hưởng của chất kích thích (bao gồm rượu, đồ uống có cồn, ma túy và các chất kích thích khác) đã được chứng minh là một trong những nguyên nhân có thể dẫn tới hành vi phạm tội và đây cũng là một trong những vấn nạn nổi cộm ở nhiều quốc gia, trong đó có Đức, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam. Ví dụ, theo thống kê, tại Đức, tỉ lệ người phạm tội trong tình trạng nghiện đồ uống có cồn hoặc chất gây say khác rất cao, đặc biệt là đối với các tội phạm bạo lực (28% người phạm tội trong tình trạng nghiện đồ uống có cồn hoặc chất gây say khác trong tổng số 135.835 tội phạm bạo lực được phát hiện vào năm 2010)[256]. Tại Mỹ, mỗi năm, có trung bình hơn 13.000 vụ án giết người xảy ra do người thực hiện hành vi phạm tội trong tình trạng nghiện rượu

[256] Van Amsterdam, J. G. C., Ramaekers, J. G., Verkes, R. J., Kuypers, K. P. C., Goudriaan, A. E., & van den Brink, W., (2020), "Alcohol- and drug-related public violence in Europe (Tình trạng bạo lực công cộng liên quan đến rượu và ma túy ở Châu Âu)", *European Journal of Criminology*, 17(6), 806–825.

hay ma túy.[257] Hay tại Thái Lan, trong năm 2019, có 226.002 người phạm tội trong tình trạng nghiện ma túy được điều trị tại các cơ sở trị liệu bắt buộc[258]. Còn tại Việt Nam, có tới 70% số vụ phạm tội hàng năm là do người nghiện ma tuý gây ra[259]; thêm vào đó, tại nước ta cũng đã xảy ra rất nhiều vụ án đáng lo ngại do người nghiện rượu gây ra như vụ án Ngô Công Tiến dùng dao tấn công người qua đường tại Hà Nội[260] hay vụ án Mạc Văn Sơn dùng dao đâm 3 người trọng thương ở Đăk Lăk[261]. Vì vậy, để góp phần phòng ngừa tội phạm liên quan đến sử dụng ma túy, rượu hoặc các chất kích thích khác, việc quy định về BPHS phi hình phạt mang tính chất cải thiện bằng cách cai nghiện cho đối tượng bị áp dụng biện pháp này là rất cần thiết.

Thứ ba, có biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP, ví dụ như biện pháp cấm hành nghề nhưng do sự khác biệt trong quan điểm lập pháp của từng quốc gia nên có quốc gia quy định đây là biện pháp nằm trong hệ thống các biện pháp mang tính chất của các BPHS phi HP như Đức, Thái Lan và Hoa Kỳ; có quốc gia lại xếp BPHS này vào hệ thống HP như Nga và Việt Nam. Cụ thể, Khoản 2 Điều 45 BLHS Nga quy định tước quyền đảm nhiệm một số chức vụ, cấm hành nghề và làm công việc nhất định vừa là các HP chính, vừa là các HP bổ sung; và Khoản 2 Điều 32 BLHS Việt Nam hiện hành quy định cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định là một trong các HP bổ sung[262]. Bên cạnh đó, khác với ba quốc gia còn lại, luật hình sự Đức và luật hình sự một số bang của Hoa Kỳ có quy

---

[257] Phil MPower (2023), *Key Drug-Related Crime Statistics, MPower Wellness of Exton (Thống kê chính về tội phạm liên quan đến ma túy)*, https://mpowerwellness.com/drug-related-crime-statistics/, truy cập ngày 23/02/2023.

[258] Jirapart Limaksorn (2021), *Drug rehabilitation in Thailand: Treatment or punishment? (Cai nghiện ma túy ở Thái Lan: Điều trị hay trừng phạt?)*, https://idpc.net/blog/2021/04/drug-rehabilitation-in-thailand-treatment-or-punishment, truy cập ngày 17/6/2022.

[259] Trang thông tin Phòng, chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm – Cổng Thông tin điện tử Ủy ban dân tộc, *Tác hại của Ma túy về mặt kinh tế và xã hội*, http://pcmt.ubdt.gov.vn/2012-08-08/3dee96004c453ca0b34ab7a919e9ee20-cema.htm, truy cập ngày 21/12/2022.

[260] Tiến Nguyên (2021), *Hà Nội: Nam thanh niên vô cớ cầm dao đâm người đi đường*, Báo Dân trí, https://dantri.com.vn/phap-luat/ha-noi-nam-thanh-nien-vo-co-cam-dao-dam-nguoi-di-duong-20210222105341004.htm, truy cập ngày 21/12/2022.

[261] Sỹ Đức (2022), *Bắt đối tượng nghiện rượu vô cớ cầm dao đâm 3 người nguy kịch*, Trang thông tin điện tử Công an tỉnh Đăk Lăk, https://congan.daklak.gov.vn/-/bat-oi-tuong-nghien-ruou-vo-co-cam-dao-am-3-nguoi-nguy-kich, truy cập ngày 21/12/2022.

[262] Bình luận về vấn đề này, có quan điểm cho rằng biện pháp cấm hành nghề là biện pháp pháp luật hình sự khác tách người phải chịu TNHS khỏi môi trường có nguy cơ phạm tội lại. Biện pháp này không nhằm "răn đe" người bị áp dụng mà chỉ để giúp họ tránh lặp lại hành vi phạm tội. Tuy nhiên, do có sự đan xen giữa hai hướng của mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội (thiên về hướng phòng ngừa trực tiếp hoặc thiên về hướng phòng ngừa không trực tiếp), mà có thể có sự khác nhau giữa các quốc gia trong việc coi biện pháp này là HP hay là BPHS phi HP. Xem: Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 37.

định biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn là một trong những biện pháp mang tính chất của BPHS phi HP.

Thứ tư, trong số năm quốc gia Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam, chỉ riêng Hoa Kỳ có biện pháp cấm sở hữu súng, thiết bị phá hoại hoặc vũ khí nguy hiểm khác. Nguyên nhân là vì theo pháp luật Việt Nam, người dân không được phép sở hữu súng đạn. Còn ở Đức, Nga và Thái Lan, mặc dù có luật về sở hữu súng đạn nhưng đã được quy định theo hướng siết chặt và hạn chế người dân sở hữu súng đạn. Trong khi đó, mặc dù pháp luật Hoa Kỳ cũng có quy định cho phép người dân sở hữu súng đạn khi đáp ứng các điều kiện nhất định và phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tuy nhiên, tỷ lệ sở hữu súng đạn ở quốc gia này là cao nhất thế giới và theo thống kê, vào năm 2020, có tới 79% số vụ giết người ở Hoa Kỳ liên quan đến súng[263]. Do đó, đây chính là lý do nhà lập pháp Hoa Kỳ thấy sự cần thiết phải quy định biện pháp cấm sở hữu súng, thiết bị phá hoại hoặc vũ khí nguy hiểm khác là một trong các biện pháp mang bản chất của các BPHS phi HP.

Thứ năm, trong số năm quốc gia được lựa chọn so sánh, chỉ hai quốc gia là Hoa Kỳ và Việt Nam quy định về các BPHS phi HP áp dụng đối với pháp nhân. Cụ thể, luật hình sự Hoa Kỳ quy định các BPHS phi HP áp dụng đối với pháp nhân phải chịu TNHS, còn luật hình sự Việt Nam quy định các BPHS phi HP đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Trong đó, luật hình sự Hoa Kỳ quy định về biện pháp buộc phải ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra và luật hình sự Việt Nam đã đưa ra biện pháp buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra. Riêng tại Hoa Kỳ, luật hình sự quốc gia này còn quy định về biện pháp buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả áp dụng đối với pháp nhân phải chịu TNHS. Có thể nói, biện pháp này đã mang lại những kết quả tích cực trong việc phòng ngừa hành vi phạm tội tại Hoa Kỳ. Cụ thể, việc xây dựng kế hoạch cũng như thực hiện một cách có thiện chí của các pháp nhân phải chịu TNHS đã góp phần giảm tỷ lệ tội phạm một cách đáng kể, đặc biệt là các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế ở Hoa Kỳ[264].

---

[263] Ari Davis, Lisa Geller, Rose Kim, Silvia Villarreal, Alexander McCourt, Janel Cubbage, Cassandra Crifasi (2020), *A Year in Review: 2020 Gun Deaths in the U.S. (Đánh giá tổng quan tình hình người tử vong liên quan tới súng ở Hoa Kỳ năm 2020)*, Johns Hopkins Center for Gun Violence Solutions, USA, tr. 11.

[264] Maurice E. Stucke (2014), "In Search of Effective Ethics & Compliance Programs", *The Journal of Corporation Law*, 39(4), 770-832.

Thứ sáu, có thể thấy, nếu như ở Nga và Việt Nam, hệ thống các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội (người dưới 18 tuổi phạm tội) được quy định trong một chương của BLHS mà chưa có Luật chuyên biệt về tư pháp NCTN, thì ba quốc gia còn lại là Đức, Hoa Kỳ và Thái Lan đã tạo ra hệ thống tư pháp NCTN chuyên biệt và đa số những quy định về NCTN phạm tội đã được tập hợp thống nhất trong một luật riêng. Cụ thể, Đức có Luật Tòa thanh thiếu niên, Hoa Kỳ có Đạo luật Tư pháp và phòng ngừa tội phạm NCTN và Thái Lan có Luật Tố tụng và Tòa án gia đình và NCTN. Có thể nói, việc nghiên cứu hình thành một luật riêng về hệ thống tư pháp NCTN phù hợp với đặc điểm về nhận thức, tâm-sinh lý, sự phát triển của lứa tuổi chưa trưởng thành và thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với NCTN phạm tội là một đòi hỏi tất yếu đối với một nền tư pháp hình sự tiến bộ, văn minh.

Thêm vào đó, có thể khẳng định rằng dựa trên quy định của BLHS Nga và BLHS Việt Nam hiện hành, hệ thống các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội ở hai quốc gia này chỉ bao gồm những biện pháp mang tính giám sát, giáo dục. Trong khi đó, tại ba quốc gia Đức, Hoa Kỳ và Thái Lan, bên cạnh những biện pháp mang tính giám sát, giáo dục, luật hình sự còn quy định về các biện pháp mang tính cải thiện áp dụng riêng đối với NCTN phạm tội. Bởi lẽ, những quy định về các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội ở Nga và Việt Nam chỉ được đặt trong BLHS cùng với các chế định khác. Do đó, một số BPHS phi HP khác mang tính cải thiện chưa được quy định riêng đối với NCTN phạm tội (ví dụ như biện pháp chữa bệnh bắt buộc, biện pháp cải thiện…). Có thể nói, việc quy định hệ thống các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội (bao gồm các biện pháp mang tính giáo dục và các biện pháp mang tính cải thiện) tách biệt so với các BPHS phi HP áp dụng đối với người thành niên thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là rất cần thiết bởi những đặc điểm về tâm sinh lý của lứa tuổi chưa trưởng thành đòi hỏi cách thức trị liệu, chăm sóc riêng biệt và phù hợp.

Ngoài ra, khác với bốn quốc gia Đức, Nga, Thái Lan và Việt Nam, luật hình sự Hoa Kỳ lại có quy định riêng về biện pháp quản thúc tại gia kết hợp giám sát điện tử áp dụng đối với NCTN phạm tội. Nguyên nhân của sự khác biệt này xuất phát từ điều kiện kinh tế và chính sách hình sự của các quốc gia. Cụ thể, Hoa Kỳ là một trong những quốc gia có nền kinh tế - công nghệ phát triển từ rất sớm và lớn nhất thế giới; do đó, luật hình sự quốc gia này đã quy định rõ một trong những mục đích chính của

việc áp dụng các BPHS phi HP đối với NCTN phạm tội đó là nhằm xử lý NCTN phạm tội bằng các công nghệ kỹ thuật hiện đại. Thực tế đã chứng minh, tại Hoa Kỳ, việc kết hợp phương thức giám sát điện tử để hỗ trợ cho biện pháp quản thúc tại gia đã góp phần giảm tỷ lệ tái phạm tội và phòng ngừa hành vi phạm tội, đặc biệt là đối với tội phạm có tính chất bạo lực ở NCTN[265]. Như vậy, biện pháp quản thúc tại gia kết hợp giám sát điện tử là một trong những BPHS phi HP được áp dụng phổ biến và đạt hiệu quả cao tại Hoa Kỳ, xứng đáng để Việt Nam học hỏi, vận dụng trong quá trình áp dụng các BPHS phi HP.

3.1.3. Về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Trước hết, *điểm tương đồng* trong quy định pháp luật của Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam đó là cả năm quốc gia đều quy định Tòa án là chủ thể áp dụng các BPHS phi HP. Bên cạnh đó, cả năm hệ thống pháp luật nêu trên đều có Tòa án hoặc Tòa chuyên biệt dành riêng cho NCTN phạm tội, có thẩm quyền quyết định áp dụng các BPHS phi HP đối với NCTN phạm tội.

Mặc dù có những điểm tương đồng nêu trên nhưng luật hình sự của năm quốc gia được lựa chọn so sánh cũng có những *điểm khác biệt* về chủ thể áp dụng các BPHS phi HP. Cụ thể, ở Đức, Tòa thanh thiếu niên chỉ là Tòa thuộc nhánh Tòa án Tư pháp cấp bang và cấp liên bang trong hệ thống Tòa án Đức; tương tự, ở Nga, Tòa NCTN chỉ là Tòa thuộc nhánh Tòa án có thẩm quyền chung trong hệ thống Tòa án Nga. Ở Việt Nam, Tòa gia đình và NCTN cũng là Tòa chuyên trách thuộc Tòa án nhân dân. Trong khi đó, ở Hoa Kỳ, Tòa án NCTN là một Tòa án chuyên biệt nằm trong hệ thống Tòa án liên bang và mỗi tiểu bang cũng có Tòa án NCTN riêng của bang mình. Còn ở Thái Lan, Tòa án gia đình và NCTN cũng là hệ thống Tòa án chuyên biệt được tổ chức từ cấp tỉnh đến cấp trung ương. Điều này thể hiện sự quan tâm chú trọng hơn về việc phát triển hệ thống tư pháp NCTN nói chung và hệ thống Tòa án chuyên biệt dành cho NCTN nói riêng ở Hoa Kỳ và Thái Lan so với ba quốc gia còn lại.

Mặt khác, khác với bốn quốc gia còn lại là Đức, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan quy định Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền quyết định áp dụng các BPHS phi HP (vì Tòa án là cơ quan nhân danh quyền lực Nhà nước, là nơi biểu hiện tập trung nhất

---

[265] U.S. Department of Justice (2011), Electronic Monitoring Reduces Recidivism, https://www.ojp.gov/pdffiles1/nij/234460.pdf, truy cập ngày 29/12/2022.

của quyền tư pháp, hoạt động xét xử của Tòa án thể hiện chất lượng và uy tín của hệ thống cơ quan tư pháp và toàn thể bộ máy nhà nước; nói cách khác, Toà án là thiết chế trung tâm của quyền tư pháp, có vị trí và vai trò đặc biệt trong việc bảo vệ pháp luật và là cơ quan thực hiện hoạt động áp dụng pháp luật[266]), thì BLHS Việt Nam hiện hành lại quy định ngoài Tòa án, CQĐT hoặc VKS cũng có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp này trong một số trường hợp nhất định tùy thuộc vào giai đoạn của tố tụng hình sự. Như vậy, việc BLHS Việt Nam quy định đa dạng các cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp mang bản chất của các BPHS phi HP thể hiện được tính linh hoạt, chủ động của việc áp dụng các BPHS phi HP nhằm phục vụ tốt nhất cho quá trình tố tụng được diễn ra nhanh chóng, kịp thời. Tuy nhiên, việc Điều 92 BLHS Việt Nam hiện hành quy định CQĐT hoặc VKS cũng có thẩm quyền xem xét miễn TNHS và áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là vi hiến bởi theo Khoản 1 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam, người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Theo đó, chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền tuyên bố một người có tội hay không[267].

3.1.4. Về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Nhìn chung, *điểm tương đồng* tiêu biểu nhất giữa các quy định trong luật hình sự Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam về vấn đề này là đều quy định đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP bao gồm: (i) người phạm tội; (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS; (iii) NCTN phạm tội (người dưới 18 tuổi phạm tội). Có thể khẳng định rằng, việc luật hình sự của cả năm quốc gia được lựa chọn so sánh đều quy định về các đối tượng nói trên là hoàn toàn phù hợp với lý luận về các BPHS phi HP.

Tuy nhiên, *điểm khác biệt* về đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP đó là trong số các quốc gia được lựa chọn so sánh, có thể khẳng định rằng luật hình sự Đức và Hoa Kỳ đưa ra những quy định đa dạng và đầy đủ nhất về người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS. Cụ thể, bên cạnh người đã

---

[266] Nguyễn Huyền Ly (2012), *Vai trò của Toà án trong nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội, tr. 1, 9.

[267] Nguyễn Ngọc Hòa (2017), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (phần chung),* NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 395.

thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do mắc bệnh, BLHS Đức còn quy định người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS trong trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của đồ uống có cồn hoặc chất gây say khác mà không phải do lỗi của mình gây ra (Điều 64 BLHS Đức) và luật hình sự Hoa Kỳ quy định người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS trong trường hợp không tự nguyện đặt mình vào tình trạng nghiện dẫn đến mất năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện trong tình trạng nghiện (Khoản (4) Điều 2.08 BLHS Mẫu), đều là một trong số những đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP. Trong khi đó, ba quốc gia Nga, Thái Lan và Việt Nam chưa quy định về các đối tượng này.

Bên cạnh đó, khác với BLHS Đức, BLHS Thái Lan và luật hình sự Hoa Kỳ quy định người phạm tội trong khi có đầy đủ năng lực TNHS là một trong những đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP, thì BLHS Nga và BLHS Việt Nam không quy định về đối tượng này mà quy định người phạm tội trong khi có đầy đủ năng lực TNHS nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; hoặc người đang chấp hành HP tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, là các đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP.

Không chỉ vậy, BLHS Đức quy định người phạm tội trong khi có năng lực lỗi mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi có thể bị mất tạm thời do sử dụng rượu hoặc chất gây say khác, luật hình sự Hoa Kỳ quy định người phạm tội trong khi tự nguyện đặt mình vào tình trạng nghiện dẫn đến mất năng lực nhận thức về bản chất tội phạm của hành vi trái pháp luật đã thực hiện trong tình trạng nghiện và BLHS Thái Lan quy định người phạm tội đã bị kết án với lệnh không được sử dụng chất kích thích (rượu hoặc chất gây say khác hoặc ma túy) nhưng người đó không chấp hành lệnh này, đều là đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP. Trong khi đó, BLHS Nga và BLHS Việt Nam không quy định về các đối tượng này.

Thêm vào đó, trong khi luật hình sự của bốn quốc gia Đức, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan đều quy định người phạm tội trong khi năng lực lỗi bị hạn chế do mắc bệnh là một trong các đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP thì luật hình sự Việt Nam

chưa quy định về đối tượng này. Đây cũng là một trong những hạn chế của quy định về đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP theo BLHS nước ta.

Mặt khác, trong số năm quốc gia nói trên, chỉ có Hoa Kỳ và Việt Nam quy định một trong những đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP là pháp nhân phải chịu TNHS. Còn luật hình sự của cả ba quốc gia Đức, Nga và Thái Lan đều chưa quy định về TNHS của pháp nhân hay pháp nhân thương mại. Tuy nhiên, nếu như luật hình sự Thái Lan hiện hành vẫn quy định người đại diện cho pháp nhân như: giám đốc, người quản lý hoặc người chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của pháp nhân phải chịu TNHS nếu hành vi phạm tội đó là do những người đó chỉ đạo hoặc thực hiện; thì tại Đức và Nga, các dự thảo luật mới đây được đệ trình lên cơ quan lập pháp đều đề xuất bổ sung TNHS của pháp nhân. Điều này cho thấy xu hướng quy định pháp nhân là một trong những đối tượng bị áp dụng BPHS (trong đó có các BPHS phi HP) trên thế giới đang ngày càng phát triển và Việt Nam cần tiếp tục phát huy theo xu hướng tiến bộ này. "Về nguyên tắc, các quốc gia có thể quy định tất cả các loại hình phi thể nhân (pháp nhân) có thể là chủ thể của TNHS, trừ các cơ quan nhà nước khi thực hiện công quyền. Tuy nhiên, tùy tình hình thực tế, các quốc gia có quyền xác lập phạm vi các loại hình pháp nhân có thể là chủ thể của TNHS."[268] Nghiên cứu dưới góc độ so sánh, có thể thấy, luật hình sự Hoa Kỳ quy định phạm vi các loại hình pháp nhân là chủ thể chịu TNHS rộng hơn so với Việt Nam. Cụ thể, Điều 1 Tiêu mục 1 và Điều 18 Tiêu mục 18 BLLB quy định pháp nhân phải chịu TNHS bao gồm: các tập đoàn (corporations), các công ty (companies), các hiệp hội (associations), các văn phòng (firms), các công ty hợp danh (partnerships), các đoàn thể (societies), các công ty cổ phần (joint stock companies)[269]. Còn tại Việt Nam, theo Điều 75 BLHS hiện hành, trong số các pháp nhân thì chỉ có pháp nhân thương mại là chủ thể phải chịu TNHS (mà không phải là tất cả các loại hình pháp nhân)[270]. Trong đó, pháp nhân thương mại được hiểu là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi

[268] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2020), *Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại – Nhận thức cần thống nhất?*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 28.

[269] Lưu ý rằng ở Hoa Kỳ, khái niệm pháp nhân rất rộng, bao gồm tất cả các tổ chức tham gia vào mối quan hệ pháp lý. Xem: Lauren Mcmenemy (2022), *What Is the Meaning of a Legal Entity? (Pháp nhân là gì?)*, https://www.diligent.com/insights/subsidiary-management/meaning-legal-entity/, truy cập ngày 26/12/2022.

[270] Ở Việt Nam, một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ bốn điều kiện sau đây: (i) được thành lập theo quy định của Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015, luật khác có liên quan; (ii) có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015; (iii) có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; (iv) nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập. Xem: Khoản 1 Điều 74 Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015.

nhuận được chia cho các thành viên, bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác (Điều 75 Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015).

Hơn nữa, đối với đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP là NCTN phạm tội, khác với luật hình sự Đức, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan, luật hình sự Việt Nam đã quy định cụ thể ngay từ thuật ngữ chỉ tên gọi của đối tượng này là người dưới 18 tuổi phạm tội. Điều này cụ thể hóa và thống nhất cách hiểu về độ tuổi của NCTN phạm tội. Tuy nhiên, trong khi luật hình sự của ba quốc gia Đức, Nga và Việt Nam quy định độ tuổi tối thiểu của NCTN phải chịu TNHS và bị áp dụng các BPHS phi HP là 14 tuổi, thì tại Thái Lan và một số tiểu bang ở Hoa Kỳ, luật hình sự đưa ra quy định về độ tuổi này thấp hơn. Ngoài ra, khác với luật hình sự Thái Lan chỉ quy định về độ tuổi bắt đầu phải chịu TNHS và tách biệt hai nhóm thiếu nhi phạm tội với thiếu niên phạm tội dựa trên độ tuổi, thì luật hình sự Đức quy định việc xác định một NCTN phạm tội có phải chịu TNHS hay không còn phải dựa trên sự phát triển đầy đủ về mặt trí tuệ để nhận thức được sự sai trái của hành vi phạm tội và tự mình thực hiện hành vi phạm tội với nhận thức đó. Có thể thấy, nguyên nhân luật hình sự của các quốc gia Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam có những sự khác biệt nhất định về độ tuổi của NCTN bị áp dụng các BPHS phi HP là do mỗi quốc gia này có truyền thống lịch sử, văn hóa, quan niệm về đạo đức, phong tục, tập quán khác nhau và sự phát triển không đồng đều về kinh tế, chính trị, xã hội; sự khác biệt về đặc điểm sinh học của từng chủng người cũng như chính sách hình sự và yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm ở mỗi quốc gia. Tuy nhiên, LHQ vẫn nhấn mạnh việc khuyến khích các nước không nên áp dụng tuổi chịu TNHS quá thấp mà nên quy định theo hướng nâng cao độ tuổi đó lên nhằm phát huy tinh thần nhân đạo trong xử lý NCTN phạm tội, cụ thể: Quy tắc tối thiểu về việc áp dụng pháp luật với NCTN quy định: "Trong hệ thống pháp luật thừa nhận khái niệm độ tuổi chịu TNHS của NCTN thì không được quy định quá thấp độ tuổi bắt đầu phải chịu TNHS, có tính đến thực tế của độ tuổi trưởng thành về trí tuệ, tinh thần và tình cảm".

3.1.5. Về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt

Điểm tương đồng lớn nhất giữa luật hình sự của các quốc gia Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam về điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP

là các quốc gia này đều đưa ra các quy định về điều kiện áp dụng và nội dung riêng đối với từng biện pháp cụ thể.

Bên cạnh điểm tương đồng này, năm hệ thống pháp luật được lựa chọn so sánh cũng thể hiện những *điểm khác biệt* nhất định về điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP:

Thứ nhất, đối với biện pháp chữa bệnh bắt buộc, khác với bốn quốc gia còn lại, BLHS Nga quy định rõ về bốn hình thức khác nhau của biện pháp này, đó là: (i) biện pháp chữa bệnh ngoại trú bắt buộc dưới sự theo dõi và điều trị của bác sĩ chuyên khoa tâm thần; (ii) biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại bệnh viện tâm thần dạng công cộng; (iii) biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại bệnh viện tâm thần dạng chuyên biệt; (iv) biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại bệnh viện tâm thần dạng chuyên biệt có sự giám sát chặt chẽ. Có thể nói, việc phân định rõ các hình thức chữa bệnh bắt buộc giúp cho việc áp dụng các biện pháp chữa bệnh bắt buộc được linh hoạt, phù hợp với từng loại tội phạm khác nhau. Đặc biệt, việc quy định về biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại bệnh viện tâm thần dạng chuyên biệt nhằm tách biệt người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị áp dụng biện pháp này với những người mắc bệnh tâm thần nhưng không thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đảm bảo an toàn cho các bệnh nhân khác cũng như đảm bảo sự giám sát chặt chẽ và phòng ngừa khả năng người đó tiếp tục thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Trong khi đó, theo Điều 49 của BLHS Việt Nam hiện hành, NCS đồng tình với quan điểm của một nhà nghiên cứu khi cho rằng đối với biện pháp bắt buộc chữa bệnh, việc quản lý, điều trị cho những đối tượng bị áp dụng biện pháp này trong cùng một cơ sở chuyên khoa y tế với những người bị tâm thần khác không phải là một giải pháp hợp lý[271], ảnh hưởng tới sự an toàn của các bệnh nhân khác cũng như gây khó khăn trong việc giám sát và phòng ngừa khả năng người đó tiếp tục thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Ví dụ, vào năm 2016, vụ việc hai bệnh nhân tâm thần là Nguyễn Hải Long và Nguyễn Thế Minh đang được điều trị tại Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa đã xảy ra mâu thuẫn và đánh nhau bằng dao, dẫn tới hậu quả là cả hai bệnh nhân đều tử vong. Đáng chú ý là cả hai bệnh nhân này đã từng thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và có liên quan đến nhiều vụ án tại địa phương nhưng không phải chịu TNHS do mắc bệnh tâm thần đến mức mất khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi nên

[271] Trương Quang Vinh (2010), "Thực trạng quy định của pháp luật hình sự về các biện pháp tư pháp: Thực tiễn áp dụng và một số đề xuất", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, *2*, 63-67, tr. 67.

được đưa vào điều trị[272]. Mặt khác, nếu như bốn quốc gia còn lại là Đức, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam đều quy định việc chữa bệnh bắt buộc được thực hiện trong một bệnh viện tâm thần, một cơ sở cộng đồng về chăm sóc sức khỏe tâm thần hay một cơ sở trị liệu chuyên khoa, thì tại Nga, các nhà lập pháp đã đưa ra một hình thức chữa bệnh ngoại trú bắt buộc dưới sự theo dõi và điều trị của bác sĩ chuyên khoa tâm thần đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc không cần phải đưa tới các bệnh viện tâm thần. Bởi lẽ, ở quốc gia này, việc chăm sóc người tâm thần tại nhà còn được cho là liệu pháp tâm lý, có hiệu quả trong việc giảm nhẹ các biểu hiện, triệu chứng kích động[273]. Tuy nhiên, thực tế tại Việt Nam và một số quốc gia khác trên thế giới, việc điều trị bệnh nhân tâm thần ngoại trú đã và đang phát sinh nhiều vấn đề, thậm chí là những câu chuyện thương tâm. Ví dụ, theo thống kê của Bộ Y tế Việt Nam, nước ta hiện có khoảng 13 triệu người (chiếm khoảng 15% dân số) bị bệnh liên quan tới rối loạn tâm thần như trầm cảm, động kinh, rối loạn hành vi, tâm thần phân liệt. Theo đó, cứ 10 người thì chỉ có 2-3 người được chữa trị tại các cơ sở y tế, số còn lại đang sinh sống trong cộng đồng và vẫn có nguy cơ gây án khi mất khả năng kiểm soát hành vi[274]. Trong thời gian gần đây đã xảy ra rất nhiều vụ việc đáng lo ngại gây ra bởi bệnh nhân tâm thần được điều trị ngoại trú tại gia đình như vụ việc Hồ Thanh Cường, 34 tuổi đã dùng rựa tấn công cha và anh ruột đến mức tử vong, còn mẹ ruột bị đa chấn thương tại Bình Định[275] hay Nguyễn Thành Sơn đã nhiều lần hành hung người dân xung quanh và thậm chí đã đánh một nữ nhân viên y tế đến mức tử vong ở Quảng Ngãi[276]. Có thể thấy, đặc điểm chung của những vụ việc thương tâm trên đó là người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thường có biểu hiện bề ngoài khá bình thường, nhưng có lúc lại

---

[272] Lê Lâm (2016), *Đánh nhau bằng dao, hai bệnh nhân tâm thần tử vong*, Báo điện tử Thanh niên, https://thanhnien.vn/danh-nhau-bang-dao-hai-benh-nhan-tam-than-tu-vong-185560065.htm, truy cập ngày 22/3/2023.

[273] Đài Truyền hình Việt Nam (2023), Liên tiếp các vụ giết người thương tâm liên quan đến người tâm thần, Báo điện tử VTV, https://vtv.vn/xa-hoi/lien-tiep-cac-vu-giet-nguoi-thuong-tam-lien-quan-den-nguoi-tam-than-20231101183324605.htm, truy cập ngày 02/11/2023.

[274] Bộ Y tế, *Gần 15% dân số (khoảng 13,5 triệu người) Việt Nam đang mắc các rối loạn tâm thần phổ biến và khoảng 3 triệu người mắc các rối loạn tâm thần nặng*, Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế, https://moh.gov.vn/chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia/-/asset_publisher/7ng11fEWgASC/content/gan-15-dan-so-khoang-13-5-trieu-nguoi-viet-nam-ang-mac-cac-roi-loan-tam-than-pho-bien-va-khoang-3-trieu-nguoi-mac-cac-roi-loan-tam-than-nang-?inheritRedirect=false, truy cập ngày 02/11/2023.

[275] Đài Truyền hình Việt Nam (2023), Liên tiếp các vụ giết người thương tâm liên quan đến người tâm thần, Báo điện tử VTV, https://vtv.vn/xa-hoi/lien-tiep-cac-vu-giet-nguoi-thuong-tam-lien-quan-den-nguoi-tam-than-20231101183324605.htm, truy cập ngày 02/11/2023.

[276] T. Trực (2022), Vụ người tâm thần đánh chết nữ nhân viên y tế: Hung thủ đã hành hung nhiều người trước đó, Báo điện tử Người lao động, https://nld.com.vn/thoi-su/vu-nguoi-tam-than-danh-chet-nu-nhan-vien-y-te-hung-thu-da-hanh-hung-nhieu-nguoi-truoc-do-20220818095137548.htm, truy cập ngày 2/11/2023.

bộc phát hành động rất nguy hiểm, gây ra hậu quả đau lòng ít ai ngờ đến. Vì vậy, việc quy định và áp dụng hiệu quả biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại phân khu chuyên biệt của bệnh viện tâm thần tại Việt Nam là vô cùng cần thiết để phòng ngừa tội phạm cũng như bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Ngoài ra, khác với luật hình sự Hoa Kỳ và Thái Lan, BLHS Việt Nam hiện hành quy định thời gian bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành HP tù và BLHS Nga quy định nếu áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc kèm theo HP tước tự do thì thời gian áp dụng biện pháp này được trừ vào thời gian chấp hành HP tước tự do theo nguyên tắc một ngày tại bệnh viện bằng một ngày chấp hành HP tước tự do. Trong khi đó, BLHS Đức quy định nếu áp dụng toàn bộ hoặc một phần biện pháp lưu trú bắt buộc trong bệnh viện tâm thần hay biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại cai nghiện trước khi chấp hành HP, thì thời gian áp dụng các biện pháp này được trừ vào thời gian chấp hành HP nhưng không được trừ quá 1/3 (một phần ba) thời hạn chấp hành HP. Có thể nói, việc quy định thời gian bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành HP tù đã dẫn tới một số bất cập nhất định trong thực tiễn áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Việt Nam. Trên thực tế từ trước tới nay, tại nước ta đã xảy ra rất nhiều vụ án lợi dụng "kẽ hở" của quy định này, làm giả kết quả giám định tâm thần để giúp người phạm tội giảm thời hạn hoặc không phải chấp hành HP tù. Ví dụ như vụ án liên quan đến các bị cáo Vì Thị Hiếu, Hoàng Văn Sứng, Ngô Việt Dũng và Tăng Văn Tuấn về tội "làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và tội "sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" đã được đưa ra xét xử tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ngày 23/6/2021; trong đó, các bị cáo này đã làm giả hồ sơ bệnh án tâm thần của người đang chấp hành hình phạt tù để giúp người phạm tội đó giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù[277].

Thứ hai, trong khi BLHS Nga và BLHS Việt Nam hiện hành chưa quy định về *biện pháp mang tính chất cải thiện bằng cách cai nghiện* cho đối tượng bị áp dụng, thì BLHS Đức, BLHS Thái Lan và luật hình sự Hoa Kỳ đã quy định cụ thể về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp này. Trong đó, BLHS Đức và luật hình sự Hoa Kỳ đã phân định rõ trường hợp áp dụng biện pháp lưu trú bắt buộc trong một

[277] Vũ Uy (2021), "Đóng giả cán bộ Tòa án, làm giả kết quả giám định tâm thần để giúp phạm nhân trốn tránh pháp luật", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, https://tapchitoaan.vn/dong-gia-can-bo-toa-an-lam-gia-ket-qua-giam-dinh-tam-than-de-giup-pham-nhan-tron-tranh-phap-luat, truy cập ngày 29/12/2022.

trại cai nghiện trong trường hợp áp dụng kèm theo HP và trường hợp áp dụng độc lập với HP.

Thứ ba, đối với một số BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội

Trước hết, liên quan đến điều kiện về sự đồng ý của NCTN phạm tội để áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục, trong khi BLHS Việt Nam hiện hành quy định chủ thể có thẩm quyền chỉ áp dụng các biện pháp này nếu người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc người đại diện hợp pháp của họ đồng ý, thì luật hình sự của bốn quốc gia Đức, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan không quy định về điều kiện này. Sở dĩ, bốn quốc gia được lựa chọn so sánh với Việt Nam lại có quan điểm như vậy là vì các nhà lập pháp cho rằng, tất cả các BPHS phi HP đều có tính chất cưỡng chế hình sự nên việc áp dụng các BPHS phi HP (trong đó có các biện pháp mang tính giáo dục) không cần phải có sự đồng ý của đối tượng bị áp dụng là NCTN phạm tội[278]. Hơn thế nữa, việc áp dụng các biện pháp này thay thế cho HP là việc áp dụng theo hướng có lợi hơn cho NCTN phạm tội trong trường hợp được miễn TNHS. Tuy nhiên, NCS đồng ý với quan điểm của một nhà nghiên cứu khi khẳng định rằng hiệu quả của các biện pháp mang tính giám sát, giáo dục chủ yếu dựa vào sự tự giác chấp hành của chính bản thân người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS. Do vậy, việc quy định ý kiến của bản thân người dưới 18 tuổi phạm tội có tính quyết định trong việc áp dụng các biện pháp mang tính giám sát, giáo dục là rất cần thiết để đảm bảo việc áp dụng các biện pháp này đạt hiệu quả trên thực tế[279].

Thêm vào đó, khác với luật hình sự của bốn quốc gia còn lại, luật hình sự Việt Nam chưa đề cao, nhấn mạnh trách nhiệm giám sát, giáo dục của gia đình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS, mà chỉ quy định về trách nhiệm của gia đình trong việc phối hợp và hỗ trợ các cơ quan chính quyền địa phương để giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS đó[280]. Trong khi đó, luật hình sự Nga đã quy định về biện pháp chuyển cho cha mẹ hoặc người giám hộ, hoặc cơ quan có thẩm quyền giám sát và luật hình sự Hoa Kỳ quy định biện pháp quản

---

[278] Doris Layton MacKenzie, Angela R. Gover, Gaylene Styve Armstrong, Ojmarrh Mitchell (2001), "*A National Study Comparing the Environments of Boot Camps With Traditional Facilities for Juvenile Offenders (Một nghiên cứu quốc gia so sánh môi trường của các cơ sở huấn luyện đặc biệt với các cơ sở truyền thống dành cho người chưa thành niên phạm tội)*", National Institute of Justice Research in Brief, US Department of Justice, USA, tr. 6.

[279] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần chung)*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 394, 395.

[280] Xem Khoản 4 Điều 6 và Điều 27 Nghị định 37/2018/NĐ-CP

thúc tại gia kết hợp giám sát điện tử. Hơn nữa, luật hình sự Đức còn quy định về biện pháp hỗ trợ giám sát tại chính gia đình của NCTN phạm tội hoặc một gia đình khác; theo đó, bên cạnh gia đình của NCTN phạm tội, Tòa án có thể giao trách nhiệm này cho một gia đình khác nếu xét thấy việc đó phù hợp với độ tuổi và mức độ phát triển của NCTN phạm tội và khả năng cải thiện các điều kiện giáo dục trong gia đình[281]. Cùng với đó, luật hình sự Thái Lan cũng quy định về lệnh chuyển NCTN phạm tội cho cha mẹ hoặc người giám hộ, hoặc người, tổ chức phù hợp để giám sát; theo đó, Tòa án có thể giao trách nhiệm giáo dục, cải tạo, kiểm tra, giám sát hành vi của NCTN phạm tội cho cha mẹ hoặc người giám hộ, hoặc người, tổ chức khác phù hợp nếu việc đó không gây ra bất kỳ tổn hại nào cho NCTN phạm tội. Có thể nhận định rằng, sự quản lý con cái yếu kém của một số gia đình liên quan đến sự gia tăng hành vi phạm tội ở NCTN và trên thực tế đã xảy ra nhiều trường hợp NCTN không được giáo dục đúng cách bởi gia đình, có cha mẹ, anh chị em luôn mâu thuẫn… đã có xu hướng chống đối xã hội và thực hiện hành vi phạm tội[282]. Đối với những trường hợp đó, việc giao trách nhiệm giám sát, giáo dục NCTN phạm tội cho gia đình họ có thể không đảm bảo rằng hành vi phạm tội của NCTN sẽ không tiếp diễn[283]; nói cách khác, điều này không đáp ứng mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội của các BPHS phi HP. Do vậy, bên cạnh gia đình của chính NCTN phạm tội, việc quy định về sự tham gia giám sát, giáo dục NCTN phạm tội của gia đình, cá nhân hay tổ chức khác (nếu gia đình, cá nhân hay tổ chức đó đồng ý và Tòa án xét thấy phù hợp) đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp mang tính giám sát, giáo dục NCTN phạm tội.

Hơn nữa, trong số năm quốc gia được lựa chọn so sánh, Hoa Kỳ là quốc gia duy nhất quy định về biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt (cơ sở huấn luyện quân đội) áp dụng đối với NCTN phạm tội và việc kết hợp phương thức giám sát điện tử để hỗ trợ cho biện pháp quản thúc tại gia. Do đó, luật hình sự Hoa Kỳ cũng có quy định riêng về điều kiện áp dụng và nội dung của hai biện pháp trên.

---

[281] Xem Điều 34 Quyển Tám Bộ luật Xã hội

[282] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Tư pháp đối với người chưa thành niên*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 86-89.

[283] Phùng Văn Hoàn (2019), "Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (3), 26-31, tr. 31.

Ngoài ra, một điểm khác biệt về nội dung của các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội đó là tại Thái Lan, trong quá trình áp dụng biện pháp cải thiện, các cơ quan quản chế có thể thực hiện một số chương trình cải thiện nhất định liên quan đến hoạt động tôn giáo như thực hiện các nghi lễ, các hoạt động đào tạo Phật giáo… Có thể thấy, nguyên nhân của sự khác biệt này là do sự không tương đồng về yếu tố văn hóa xã hội của Thái Lan so với bốn quốc gia còn lại. Cụ thể, tại Thái Lan, Phật giáo được xem là tôn giáo quốc gia bởi phần lớn người dân đều là Phật tử (chiếm khoảng 95% dân số)[284]; vì vậy, các nhà lập pháp tại quốc gia này cho rằng việc áp dụng các BPHS phi HP cùng với những chương trình mang tính chất tôn giáo sẽ mang lại tác động tích cực và nâng cao hiệu quả áp dụng các BPHS phi HP trên thực tế.

Cuối cùng, khác với luật hình sự Đức, Nga, Thái Lan và Việt Nam, luật hình sự Hoa Kỳ còn đưa ra *biện pháp buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả áp dụng đối với pháp nhân phải chịu TNHS*. Vì vậy, luật hình sự Hoa Kỳ cũng có quy định riêng về điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp này, giúp tăng cường hiệu quả áp dụng trên thực tiễn.

3.2. Những đề xuất hoàn thiện quy định về các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Việt Nam

3.2.1. Những nguyên tắc định hướng việc đề xuất hoàn thiện quy định về các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu quan điểm của các nhà khoa học luật hình sự; có thể thấy, những nguyên tắc định hướng cho việc đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam[285] như sau:

Thứ nhất, đề xuất được đưa ra phải dựa trên cơ sở lý luận về các BPHS phi HP qua việc kết hợp hài hòa các luận điểm tiến bộ của khoa học luật hình sự Việt Nam với các thành tựu tiên tiến của khoa học luật hình sự thế giới. Cụ thể, việc đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam phải đáp ứng được những yêu cầu của triết lý "phúc lợi", triết lý "phục hồi" và triết lý "cộng

---

[284] Nguyễn Hồng Quang (2018), "Vài nét về Phật giáo trong xã hội Thái Lan", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 11(179), 58-74, tr. 60.

[285] Về các nguyên tắc định hướng cho việc đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam, NCS đồng tình và tham khảo quan điểm trong sách chuyên khảo của tác giả Lê Văn Cảm (2018), *Nhận thức khoa học về phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hoá lần thứ ba*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 134, 135; và Dirk van Zyl Smit (2007), *Handbook of basic principles and promising practices on Alternatives to Imprisonment (Cẩm nang về những nguyên tắc cơ bản và tính khả thi của các biện pháp hình sự thay thế hình phạt tù*), United Nations publication, New York, tr. 73-79.

đồng" trong xử lý hành vi phạm tội; đồng thời, phải phù hợp với khái niệm BPHS phi HP (được xây dựng trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc từ các quan điểm khác nhau trong khoa học luật hình sự trên thế giới và ở Việt Nam tại Chương 1 của luận án), ý nghĩa của các BPHS phi HP, cũng như mối quan hệ mật thiết giữa hệ thống các BPHS phi HP và hệ thống HP. Theo đó, đề xuất được đưa ra phải đảm bảo việc áp dụng các BPHS phi HP một cách độc lập với HP, hoặc thay thế hay hỗ trợ trong trường hợp được áp dụng kèm theo HP; đồng thời vẫn phát huy vai trò, chức năng, mục đích, ý nghĩa riêng của từng BPHS phi HP, đó là phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội bằng cách ngăn chặn hành vi phạm tội tiếp tục xảy ra hoặc phục hồi lại mối quan hệ trước khi tội phạm xảy ra; hoặc cải thiện hay giáo dục đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP; từ đó, tối ưu hóa những mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của các BPHS.

Thứ hai, đề xuất được đưa ra phải phù hợp với các chuẩn mực pháp lý quốc tế, dựa trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia được lựa chọn so sánh quy định pháp luật về các BPHS phi HP và phải cân nhắc các giá trị pháp luật hình sự truyền thống tốt của Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu về các BPHS phi HP dưới góc độ so sánh luật, bên cạnh việc xác định những điểm tương đồng và khác biệt trong hệ thống pháp luật của các quốc gia khác nhau, mục đích nghiên cứu so sánh này còn nhằm tìm kiếm những vấn đề cốt lõi chung trong luật hình sự của một số quốc gia và sử dụng kết quả nghiên cứu vào quá trình hài hòa luật hình sự giữa các quốc gia đó. Tuy nhiên, việc hài hoà hoá phải được đảm bảo bằng các thiết chế, cơ chế, mục tiêu rõ ràng, phù hợp với chính sách pháp luật của mỗi quốc gia[286]. Theo đó, việc đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam một mặt phải phù hợp với xu hướng bảo vệ quyền con người được thể hiện qua các chuẩn mực pháp lý quốc tế của LHQ và một số khu vực như đã phân tích tại Chương 1 của luận án; mặt khác, cần tiếp thu kinh nghiệm trong việc quy định về các BPHS phi HP theo luật hình sự của một số quốc gia được lựa chọn so sánh (Đức, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan) một cách có chọn lọc những nội dung hợp lý, phù hợp với trình độ phát triển chính trị, kinh tế - văn hóa - xã hội, các giá trị pháp

[286] Thư viện Quốc hội Việt Nam (2015), Hội thảo quốc tế: "Hài hoà hoá pháp luật trong xây dựng cộng đồng ASEAN - Những vấn đề đặt ra với Việt Nam qua kinh nghiệm từ EU", https://thuvien.quochoi.vn/vi/hoi-thao-quoc-te-hai-hoa-hoa-phap-luat-trong-xay-dung-cong-dong-asean-nhung-van-de-dat-ra-voi-viet, truy cập ngày 13/07/2022

luật truyền thống tốt đẹp của Việt Nam và những yêu cầu khác của quá trình phát triển đất nước[287].

Thứ ba, đề xuất được đưa ra phải xuất phát từ góc độ bảo vệ quyền con người và vì lợi ích của nhân dân nhằm phát huy được các giá trị nhân văn của các BPHS phi HP. Cụ thể, đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam phải đảm bảo việc áp dụng các BPHS phi HP là phù hợp với truyền thống nhân đạo của dân tộc cũng như chính sách khoan hồng trong xử lý tội phạm của Đảng và Nhà nước ta. Trong đó, không có bất kỳ BPHS phi HP nào mang tính chất khủng bố, trả thù hay đầy đọa thể xác hoặc chà đạp nhân phẩm con người. Có như vậy, đề xuất đưa ra mới mang lại ý nghĩa và có giá trị thiết thực và việc áp dụng các BPHS phi HP trên thực tiễn mới đạt được hiệu quả mong muốn.

Thứ tư, đề xuất được đưa ra phải dựa trên cơ sở thực tiễn, phải toàn diện và khách quan, đặc biệt trong đề xuất quy định về hệ thống các BPHS phi HP. Theo đó, việc đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP phải khắc phục được những bất cập, hạn chế còn tồn tại trong quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về các BPHS phi HP, góp phần giảm gánh nặng cho hệ thống tư pháp hình sự. Cùng với đó, việc đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam cũng phải đảm bảo tính đa dạng, linh hoạt và khách quan của hệ thống các BPHS phi HP, phù hợp với từng đối tượng bị áp dụng cụ thể và có thể áp dụng được ở các giai đoạn tố tụng khác nhau một cách hiệu quả.

Thứ năm, đề xuất được đưa ra liên quan đến các BPHS phi HP phải thể hiện được ở mức cao nhất nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong luật hình sự Việt Nam. Về vấn đề này, như đã phân tích tại Mục 1.4 của luận án này, một trong những yêu cầu cơ bản của nguyên tắc pháp chế trong việc áp dụng pháp luật nói chung và những quy định về các BPHS phi HP nói riêng trong thực tiễn đó là: việc phát hiện người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hay pháp nhân phải chịu TNHS cần phải được tiến hành kịp thời, chính xác, khách quan, đồng thời bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người dân được đầy đủ[288]. Vì vậy, việc đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP phải đảm bảo ở mức cao nhất tính công bằng, khách quan, từ đó

---

[287] Trịnh Quốc Toản (2010), *Các HP bổ sung trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 195.

[288] Đoàn Ngọc Xuân (2014), *Nguyên tắc pháp chế trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 31.

tránh hoặc hạn chế việc áp dụng các BPHS phi HP một cách không thống nhất, không hiệu quả.

Như vậy, những nguyên tắc định hướng cho việc đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam nêu trên là cơ sở cho việc xác định mục đích của việc đề xuất, phạm vi những vấn đề được đề xuất, những yêu cầu và điều kiện để các nội dung đưa ra trong các đề xuất có tính khả thi.

3.2.2. Những đề xuất cụ thể hoàn thiện quy định về các biện pháp hình sự phi hình phạt trong luật hình sự Việt Nam

Như đã phân tích ở Mục 3.1 của luận án này, có thể khẳng định rằng, các quy định của BLHS Việt Nam hiện hành liên quan đến các BPHS phi HP đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế nhất định. Vì vậy, việc hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam dựa trên cơ sở lý luận như đã được phân tích, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia được lựa chọn so sánh là hoàn toàn cần thiết.

3.2.2.1. Đề xuất bổ sung định nghĩa pháp lý về biện pháp hình sự phi hình phạt

Lý do đề xuất: Để hoàn thiện quy định của luật hình sự Việt Nam về các BPHS phi HP, trước hết cần phải có một tên gọi thống nhất, hợp lý và một định nghĩa pháp lý mang tính khái quát, đảm bảo sự phù hợp với cơ sở lý luận và thể hiện được bản chất của các BPHS phi HP trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm của luật hình sự Đức. Bởi việc không có một định nghĩa pháp lý rõ ràng trong BLHS Việt Nam hiện hành về các BPHS phi HP đã dẫn tới việc hiểu không đúng hoặc không đầy đủ về bản chất, mục đích và ý nghĩa của các biện pháp này, gây ra những vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn áp dụng và thi hành pháp luật[289].

Đề xuất cụ thể: Cần sử dụng thuật ngữ thay thế thuật ngữ "các biện pháp tư pháp" trong Chương VII, Điều 46, Điều 82, Mục 3 Chương XII và các điều có liên quan trong BLHS Việt Nam hiện hành thành thuật ngữ "các biện pháp hình sự phi hình phạt" hoặc "các biện pháp hình sự khác" hoặc "các biện pháp phục hồi, phòng ngừa". Đồng thời, cần bổ sung thuật ngữ "các biện pháp hình sự phi hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội" hoặc "các biện pháp hình sự khác áp dụng

[289] Hà Lệ Thủy (2020), *Chế định biện pháp tư pháp trong Luật Hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 132-147.

đối với người dưới 18 tuổi phạm tội" để chỉ tên gọi chung của các BPTP mang tính chất của các biện pháp hình sự áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (đang được quy định tại Chương VII và Mục 3 Chương XII BLHS Việt Nam hiện hành) và các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS (đang được quy định tại Mục 2 Chương XII BLHS Việt Nam hiện hành). Bên cạnh đó, cần bổ sung định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP theo hai phương án sau:

Phương án thứ nhất: bổ sung một điều luật về định nghĩa pháp lý mô tả BPHS phi HP tại một Mục riêng trong BLHS Việt Nam (theo như đề xuất hoàn thiện quy định về hệ thống các BPHS phi HP dưới đây) như sau: "*Các biện pháp hình sự phi hình phạt là các biện pháp cưỡng chế hình sự của nhà nước được quy định trong Bộ luật Hình sự, do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền căn cứ vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cụ thể quyết định áp dụng với người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu trách nhiệm hình sự và pháp nhân thương mại phạm tội, được áp dụng độc lập với HP, hoặc thay thế hay kèm theo HP, nhằm ngăn chặn hoặc phục hồi hoặc cải thiện hay giáo dục với mục đích cuối cùng là phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội.*"

Phương án thứ hai: quy định một điều luật về định nghĩa pháp lý liệt kê tương tự như Điều 46 BLHS Việt Nam hiện hành nhưng cần bỏ một số biện pháp không mang tính chất của các BPHS phi HP và bổ sung một số biện pháp khác trong hệ thống các BPHS phi HP (như đề xuất ở Mục 3.2.2.2. trong Luận án này).

3.2.2.2. Đề xuất hoàn thiện quy định về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt

**Đề xuất thứ nhất:*

Lý do đề xuất: Nhằm đảm bảo được tính toàn diện, thống nhất và thể hiện được mối quan hệ chặt chẽ giữa các mặt trong nội tại các BPHS phi HP và giữa các BPHS phi HP với HP cũng như với các chế định khác trong luật hình sự Việt Nam; trước hết, cần xây dựng mô hình cấu trúc quy định của BLHS Việt Nam liên quan đến các biện pháp trên. Bên cạnh đó, BLHS Việt Nam cũng cần tiếp tục đa dạng hóa các biện pháp có bản chất của BPHS phi HP trên cơ sở đáp ứng được các yêu cầu và nguyên tắc trong xây dựng hệ thống các BPHS phi HP.

Đề xuất cụ thể: Luận án đề xuất một Chương VI mới trong BLHS Việt Nam về "CÁC BIỆN PHÁP HÌNH SỰ VÀ CÁC BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ KHÁC CÓ

LIÊN QUAN ĐẾN TỘI PHẠM" trên cơ sở hợp nhất Chương VI và Chương VII của BLHS Việt Nam hiện hành (trong đó, các BPHS bao gồm HP và các BPHS phi HP), với ba mục lần lượt là: Mục 1. Hình phạt; Mục 2. Các biện pháp hình sự phi hình phạt; và Mục 3. Các biện pháp cưỡng chế khác có liên quan đến tội phạm. Bên cạnh đó, cần bổ sung biện pháp buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả (là một trong các BPHS phi HP áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội) vào Chương XI "NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI PHẠM TỘI" của BLHS Việt Nam hiện hành, sửa số thứ tự của Chương này thành Chương X (vì đã hợp nhất Chương VI và Chương VII thành Chương VI mới như đã phân tích ở trên) và các quy định có liên quan trong BLHS Việt Nam hiện hành, sửa số thứ tự của các điều luật cho phù hợp. Thêm vào đó, cần bổ sung biện pháp giám sát, giáo dục tại cơ sở quân đội vào nhóm các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS tại Mục 2 của Chương XII "NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI" và các quy định có liên quan trong BLHS Việt Nam hiện hành, sửa số thứ tự của Chương này thành Chương XI và số thứ tự của các điều luật cho phù hợp, cụ thể như sau:

Chương VI

CÁC BIỆN PHÁP HÌNH SỰ VÀ CÁC BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TỘI PHẠM

Mục 1. HÌNH PHẠT

Điều 30. Khái niệm hình phạt

[…]

Điều 45. Tịch thu tài sản

Mục 2. CÁC BIỆN PHÁP HÌNH SỰ PHI HÌNH PHẠT

Điều 46. Khái niệm biện pháp hình sự phi hình phạt

[...]

Điều 47. Hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt

1. Các biện pháp hình sự phi hình phạt áp dụng đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bao gồm:

a) Lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện;

b) Chữa bệnh bắt buộc tại phân khu chuyên biệt của bệnh viện tâm thần.

2. Các biện pháp hình sự phi hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội bao gồm:

a) Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự;

b) Biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;

c) Biện pháp lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện;

d) Biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại phân khu chuyên biệt trong bệnh viện tâm thần.

3. Các biện pháp hình sự phi hình phạt áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội bao gồm:

a) Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra;

b) Buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả.

Điều 48. Biện pháp lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện

[…]

Điều 49. Biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại phân khu chuyên biệt của bệnh viện tâm thần

[…]

Mục 3. CÁC BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỘI PHẠM

Điều 50. Hệ thống các biện pháp cưỡng chế khác liên quan đến tội phạm

1. Các biện pháp cưỡng chế khác có liên quan đến tội phạm áp dụng đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bao gồm:

a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm;

b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi.

2. Các biện pháp cưỡng chế khác có liên quan đến tội phạm áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội bao gồm:

a) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm;

b) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi;

c) Khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Điều 51. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm

[…]

Điều 52. Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi

[…]

Chương X

NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI PHẠM TỘI

Điều 77. Áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội

[…]

Điều 85. Các biện pháp hình sự phi hình phạt áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội

1. Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra

[…]

2. Buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả

[…]

Điều 86. Các biện pháp cưỡng chế khác có liên quan đến tội phạm áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội

[…]

Chương XI

NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI

Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ XỬ LÝ HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI

Điều 94. Áp dụng Bộ luật Hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

[…]

Điều 95. Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

[…]

Mục 2. CÁC BIỆN PHÁP GIÁM SÁT, GIÁO DỤC ÁP DỤNG TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

Điều 96. Điều kiện áp dụng

Tòa án chỉ quyết định miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp khiển trách; hòa giải tại cộng đồng; hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; hoặc biện pháp giám sát, giáo dục tại cơ sở quân đội; hoặc biện pháp giám sát, giáo dục tại cơ

sở tôn giáo, nếu người dưới 18 tuổi phạm tội và người đại diện hợp pháp của họ đồng ý với việc áp dụng một trong các biện pháp này. Trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội và người đại diện hợp pháp của họ có ý kiến bất đồng thì sẽ ưu tiên áp dụng theo ý kiến của bản thân người dưới 18 tuổi phạm tội[290].

Điều 97. Khiển trách

[…]

Điều 98. Hòa giải tại cộng đồng

[…]

Điều 99. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn

[…]

Điều 100. Giám sát, giáo dục tại cơ sở quân đội

[…]

Mục 3. BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

Điều 101. Giáo dục tại trường giáo dưỡng

[…]

Điều 102. Chấm dứt trước thời hạn biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

[…]

Mục 4. HÌNH PHẠT

[…]

Mục 5. QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT, TỔNG HỢP HÌNH PHẠT, MIỄN GIẢM HÌNH PHẠT, XÓA ÁN TÍCH

[…]

Cụ thể, tại Mục 2. Các biện pháp hình sự phi hình phạt của Chương VI mới (theo đề xuất trên) trong BLHS Việt Nam về "CÁC BIỆN PHÁP HÌNH SỰ VÀ CÁC BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TỘI PHẠM", cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

Thứ nhất, cần bổ sung biện pháp lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện tại những điều luật về các BPHS phi HP áp dụng đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong BLHS Việt Nam hiện hành trên cơ sở học hỏi kinh

[290] Việc sửa đổi chi tiết Điều luật này sẽ được lý giải tại Tiểu Mục *3.2.2.3. Đề xuất hoàn thiện quy định về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt* và Tiểu Mục *3.2.2.5. Đề xuất hoàn thiện quy định về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt* của luận án này.

nghiệm của BLHS Đức, Hoa Kỳ và Thái Lan. Bởi lẽ, ảnh hưởng của chất kích thích (bao gồm rượu, đồ uống có cồn, ma túy và các chất kích thích khác) đã được chứng minh là một trong những nguyên nhân có thể dẫn tới hành vi phạm tội và đây cũng là một trong những vấn nạn nổi cộm ở nhiều quốc gia, trong đó có Đức, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam như đã phân tích tại Mục 3.1 của luận án này. Vì vậy, việc bổ sung biện pháp lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện trong BLHS là rất cần thiết để tăng tính cưỡng chế và nâng cao hiệu quả trong việc phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội.

Thứ hai, cần sửa đổi thuật ngữ "bắt buộc chữa bệnh" quy định tại Điều 46 và các điều luật có liên quan trong BLHS Việt Nam hiện hành thành thuật ngữ "chữa bệnh bắt buộc tại phân khu chuyên biệt của bệnh viện tâm thần" (trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của BLHS Đức và BLHS Nga). Bởi lẽ, việc quy định thuật ngữ như vậy một mặt đúng với cấu trúc ngôn ngữ (về vấn đề này, NCS đồng tình với ý kiến của một nhà nghiên cứu khi cho rằng từ "chữa bệnh" thể hiện nội dung của biện pháp, còn từ "bắt buộc" thể hiện tính chất của chữa bệnh nên phải được đặt ở vị trí đứng sau từ "chữa bệnh"[291] trên cơ sở học hỏi BLHS Nga); mặt khác giúp quy định chi tiết, đầy đủ, thể hiện rõ địa điểm thực hiện biện pháp này để tạo thuận lợi cho thực tiễn áp dụng.

Thứ ba, cần bổ sung quy định về biện pháp buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả tại những điều luật về các BPHS phi HP áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội trong BLHS Việt Nam hiện hành trên cơ sở tham khảo có chọn lọc quy định của luật hình sự Hoa Kỳ do những hiệu quả tích cực của biện pháp này. Thực tế đã chứng minh, ở quốc gia đã áp dụng biện pháp buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả đối với pháp nhân phải chịu TNHS, trong đó có việc xây dựng kế hoạch cũng như thực hiện một cách có thiện chí của các pháp nhân phải chịu TNHS đã góp phần giảm tỷ lệ tội phạm một cách đáng kể, đặc biệt là các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế[292]. Liên quan đến đề xuất bổ sung quy định về điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp buộc thực hiện chương

[291] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ nhiệm đề tài) (2014), *Xây dựng và chuẩn hoá các thuật ngữ luật hình sự phục vụ việc sửa đổi cơ bản, toàn diện Bộ luật Hình sự Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp, Hà Nội, tr. 16.
[292] Maurice E. Stucke (2014), "In Search of Effective Ethics & Compliance Programs", *The Journal of Corporation Law*, 39(4), 770-832.

trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả, NCS sẽ phân tích cụ thể tại Tiểu mục 3.2.2.5 của luận án này.

Ngoài ra, các biện pháp khác không mang tính chất của các BPHS phi HP (như: biện pháp khôi phục lại tình trạng ban đầu áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội; biện pháp tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại và biện pháp buộc công khai xin lỗi áp dụng đối với cả người phạm tội và pháp nhân thương mại phạm tội), thì sẽ xếp ra Mục 3 trong Chương VI mới (theo đề xuất trên) về Các biện pháp cưỡng chế khác có liên quan đến tội phạm. Bởi lẽ, các biện pháp này không có tính gây thiệt hại/ bất lợi của HP và cũng không mang mục đích phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội của các BPHS phi HP; đồng thời, về bản chất, đây là các biện pháp cưỡng chế thuộc các ngành luật khác nhưng được pháp luật hình sự ghi nhận để tăng tính cưỡng chế và để có cơ sở cho việc giải quyết kết hợp các phát sinh liên quan trong cùng vụ án hình sự[293].

**Đề xuất thứ hai:*

Lý do đề xuất: Hiện nay, xu thế chung của rất nhiều quốc gia trên thế giới là xây dựng và phát triển riêng một hệ thống tư pháp NCTN và đa số những quy định về NCTN phạm tội đã được tập hợp thống nhất trong Luật Tư pháp NCTN (hoặc văn bản luật có tên tương tự). Vì vậy, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nhiều nền tư pháp khác nhau để Việt Nam xây dựng một luật chuyên biệt, toàn diện về tư pháp NCTN là phù hợp với xu thế chung của các nước trên thế giới cũng như phù hợp với các cam kết quốc tế về quyền trẻ em mà Việt Nam là thành viên. Bên cạnh đó, việc thông qua Luật Tư pháp NCTN tại Việt Nam, trong đó tập trung hoàn thiện quy định về các biện pháp xử lý đặc biệt đối với NCTN nói chung và người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng sẽ góp phần khắc phục được những bất cập, hạn chế đang tồn tại, đặc biệt là quy định pháp luật về các BPHS phi HP áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội[294]. Hơn nữa, điều này cũng thể hiện một tư tưởng nhân đạo và tiến bộ, phù

---

[293] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 8, tr. 36-38 và tr. 101

[294] Nguyên Anh (2021), "*Tham vấn góp ý đối với dự thảo Đề án xây dựng Luật bảo vệ người dưới 18 tuổi trong hoàn cảnh pháp lý đặc biệt*", Tạp chí Tòa án, https://www.toaan.gov.vn/webcenter/ShowProperty?nodeId=/UCMServer/TAND168599 , truy cập ngày 21/8/2022.

hợp với định hướng cải cách tư pháp, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa hành vi phạm tội của NCTN và thúc đẩy việc tái hòa nhập cộng đồng của họ.

Đề xuất cụ thể: Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao đã chủ động đưa ra những sáng kiến lập pháp và đề xuất Quốc hội xây dựng "Luật Tư pháp NCTN"[295] để phù hợp với xu thế quốc tế cũng như khắc phục những hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật hiện hành về tư pháp NCTN nói chung và các BPHS phi HP áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nói riêng. NCS hoàn toàn đồng ý với đề xuất này, cụ thể: Trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của Đức, Hoa Kỳ và Thái Lan, trong trường hợp Việt Nam thông qua Luật Tư pháp NCTN, cần chuyển các quy định liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội trong BLHS Việt Nam hiện hành, trong đó có các quy định về các BPHS phi HP áp dụng đối với đối tượng này sang Luật Tư pháp NCTN, và sắp xếp theo một trình tự logic, hợp lý, đảm bảo tính thống nhất với các quy định khác trong Luật Tư pháp NCTN. Nếu Luật Tư pháp NCTN chưa được thông qua thì sẽ theo Đề xuất thứ nhất như đã phân tích tại Tiểu Mục 3.2.2.2. Đề xuất hoàn thiện quy định về hệ thống các biện pháp hình sự phi hình phạt của luận án này.

Bên cạnh đó, luật hình sự Việt Nam cần tiếp tục đa dạng hóa các BPHS phi HP áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên cơ sở đáp ứng được các yêu cầu và nguyên tắc trong xây dựng hệ thống các BPHS phi HP và phù hợp hơn với đặc điểm về tâm sinh lý của NCTN phạm tội, từ đó nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp này trên thực tế. Cụ thể, bên cạnh các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS và biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, nhà làm luật cần bổ sung một số biện pháp sau đây vào hệ thống các BPHS phi HP áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội:

Một là, bổ sung biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại phân khu chuyên biệt trong bệnh viện tâm thần (trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của luật hình sự Đức và Hoa Kỳ).

Hai là, bổ sung biện pháp lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện (trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm của luật hình sự Đức và Hoa Kỳ). Theo thống kê của Bộ

[295] Nguyễn Hòa Bình (2023), "Tòa án nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và hoàn thành các chỉ tiêu công tác năm 2022", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, https://tapchitoaan.vn/toa-an-nhan-dan-tich-cuc-thuc-hien-nghi-quyet-dai-hoi-lan-thu-xii-cua-dang-va-hoan-thanh-cac-chi-tieu-cong-tac-nam-20227862.html, truy cập ngày 10/01/2023.

Công an Việt Nam, hiện nay, tỷ lệ người dưới 18 tuổi phạm tội sử dụng trái phép chất ma túy ngày càng tăng[296]. Vì vậy, việc bổ sung biện pháp lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là rất cần thiết và sẽ góp phần phòng ngừa hành vi phạm tội ở nhóm đối tượng này, đặc biệt là đối với tội phạm về ma túy tại nước ta.

Ba là, bổ sung biện pháp giám sát, giáo dục tại cơ sở quân đội vào nhóm các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS (trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc của luật hình sự Hoa Kỳ). Bởi lẽ, khi được rèn luyện và giám sát trong một môi trường kỷ luật nghiêm khắc của quân đội, NCTN phạm tội sẽ trưởng thành hơn, bản lĩnh hơn, giúp họ nhanh chóng tái hòa nhập với cộng đồng. Theo một nghiên cứu của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt áp dụng đối với NCTN phạm tội đã mang lại những lợi ích đáng kể. Đặc biệt, nghiên cứu đã chứng minh rằng các cơ sở huấn luyện đã xây dựng một môi trường kỷ luật quân sự cao, góp phần giảm tỷ lệ tái phạm đối với NCTN phạm tội[297]. Trên thực tế, các học kỳ quân đội dành cho học sinh tại Việt Nam đã đạt hiệu quả cao trong việc thay đổi tư duy, nhận thức và hành động của lứa tuổi chưa thành niên, đặc biệt là ý thức kỷ luật, tuân thủ pháp luật[298]. Do vậy, việc xây dựng và phát triển biện pháp giám sát, giáo dục tại cơ sở quân đội áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là hoàn toàn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở Việt Nam và có tính khả thi cao.

3.2.2.3. Đề xuất hoàn thiện quy định về chủ thể áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Lý do đề xuất: Như đã phân tích, việc BLHS Việt Nam quy định đa dạng các cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp mang bản chất của các

---

296 Giang Oanh (2022), *Báo động tình trạng thanh thiếu niên phạm tội gia tăng*, https://tiengchuong.chinhphu.vn/bao-dong-tinh-trang-thanh-thieu-nien-pham-toi-gia-tang-113220719162948517.htm, truy cập ngày 22/12/2022.

297 Doris Layton MacKenzie, Angela R. Gover, Gaylene Styve Armstrong, Ojmarrh Mitchell (2001), *"A National Study Comparing the Environments of Boot Camps With Traditional Facilities for Juvenile Offenders (Một nghiên cứu quốc gia so sánh môi trường của các cơ sở huấn luyện đặc biệt với các cơ sở truyền thống dành cho người chưa thành niên phạm tội)"*, National Institute of Justice Research in Brief, US Department of Justice, USA, tr. 1.

298 Lê Tây (2023), *Trưởng thành hơn từ học kỳ quân đội*, Báo điện tử Quân đội nhân dân, https://www.qdnd.vn/van-hoa/doi-song/truong-thanh-hon-tu-hoc-ky-quan-doi-733040, truy cập ngày 05/7/2023.

BPHS phi HP thể hiện được tính linh hoạt, chủ động của việc áp dụng các BPHS phi HP nhằm phục vụ tốt nhất cho quá trình tố tụng được diễn ra nhanh chóng, kịp thời. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định trong quy định về chủ thể áp dụng các BPHS phi HP đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS.

Đề xuất cụ thể: Cần sửa đổi quy định tại Điều 92 BLHS Việt Nam hiện hành về chủ thể có thẩm quyền xem xét miễn TNHS và áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục đối với đối tượng là người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS theo hướng: bỏ chủ thể là CQĐT và VKS, chỉ quy định Tòa án là chủ thể duy nhất có thẩm quyền này trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của luật hình sự Đức, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan (đặc biệt là luật hình sự Nga trước đây đã quy định bên cạnh Tòa án, các Ủy ban địa phương về quyền và các vấn đề liên quan tới NCTN cũng có thẩm quyền xem xét miễn TNHS và quyết định áp dụng một trong số các BPHS đối với NCTN phạm tội; tuy nhiên, hiện nay Nga đã bãi bỏ quy định này; theo đó, chỉ có Tòa NCTN mới có thẩm quyền xem xét miễn TNHS và quyết định áp dụng một trong số các BPHS đối với NCTN phạm tội để phù hợp với Hiến pháp[299] và nguyên tắc pháp lý đã được ghi nhận trong nhiều văn kiện quốc tế về vấn đề này[300]). Việc quy định như vậy là hoàn toàn phù hợp với Khoản 1 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam. Cụ thể, Điều 92 BLHS Việt Nam hiện hành cần sửa đổi như sau: "*Tòa án chỉ quyết định miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng biện pháp khiển trách; hòa giải tại cộng đồng; hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; hoặc biện pháp giám sát, giáo dục tại cơ sở quân đội; hoặc biện pháp giám sát, giáo dục tại cơ sở tôn giáo, nếu người dưới 18 tuổi phạm tội và người đại diện hợp pháp của họ đồng ý với việc áp dụng một trong các biện pháp này. Trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội và người đại diện hợp pháp của họ có ý kiến bất đồng thì sẽ ưu tiên áp dụng theo ý kiến của bản thân người dưới 18 tuổi phạm tội*".

---

[299] Höjdestrand, T. (2016), "Social Welfare or Moral Warfare? Popular Resistance against Children's Rights and Juvenile Justice in Contemporary Russia (Phúc lợi xã hội hay Xung đột đạo đức? Những yếu tố phổ biến ảnh hưởng tới quyền trẻ em và tư pháp người chưa thành niên ở Nga hiện nay)", *International Journal of Children's Rights*, 24(4), 826–850; và Diana Madsen (2020), *Juvenile justice and the UN convention on the rights of the child. A qualitative content analysis on the example of the Russian federation (Tư pháp người chưa thành niên và Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em: Phân tích định tính về trường hợp của Liên bang Nga)*, Malmö University, tr. 4.

[300] Liên Hợp quốc, Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948, https://www.un.org/en/about-us/universal-declaration-of-human-rights và Nguyên tắc số 36 đã được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua theo Nghị quyết số 43/173 ngày 09/12/1988, https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/body-principles-protection-all-persons-under-any-form-detention, truy cập ngày 24/3/2023.

Còn đối với các đối tượng khác, cần tiếp tục quy định đa dạng chủ thể áp dụng các BPHS phi HP là CQĐT hoặc VKS hoặc Tòa án tùy từng trường hợp nhất định và tùy thuộc vào các giai đoạn khác nhau của quá trình tố tụng hình sự để đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời và hiệu quả trong việc áp dụng các biện pháp này. Đồng thời, việc tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan này trong áp dụng các BPHS phi HP là điều rất cần thiết. Ví dụ, ở giai đoạn khởi tố, điều tra, giữa VKS và CQĐT cần có sự phối hợp chặt chẽ trong việc áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc. Sự phối hợp chặt chẽ thể hiện ở chỗ, VKS cần phải giám sát, kiểm tra các yêu cầu trưng cầu giám định của CQĐT để đánh giá năng lực lỗi của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có dấu hiệu bị bệnh tâm thần, qua đó có quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh hay không. Ở giai đoạn xét xử, Tòa án cũng phải phối hợp với VKS và CQĐT trong việc xem xét vấn đề áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc… nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp[301].

3.2.2.4. Đề xuất hoàn thiện quy định về đối tượng bị áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt

Thứ nhất, liên quan đến việc bổ sung các đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP trong quy định của BLHS Việt Nam:

Lý do đề xuất: Để góp phần tối ưu hóa mục đích phòng ngừa qua tác động trực tiếp đến các yếu tố thuộc nguyên nhân của hành vi phạm tội[302] như do ảnh hưởng của chất kích thích hoặc do bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, các nhà lập pháp Việt Nam cần bổ sung một số đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP.

Đề xuất cụ thể: BLHS Việt Nam hiện hành cần bổ sung các đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP là người phạm tội trong các trường hợp sau: (i) trường hợp có năng lực lỗi mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi có thể bị mất tạm thời do sử dụng chất kích thích thì BPHS phi HP được áp dụng kèm theo HP trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm từ BLHS Đức (điều này là hoàn toàn phù hợp với Điều 13 BLHS Việt Nam hiện hành quy định người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia

[301] Hà Lệ Thủy (2020), *Chế định biện pháp tư pháp trong Luật Hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 172.
[302] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 28.

hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu TNHS); (ii) trường hợp năng lực lỗi hạn chế do mắc bệnh (trường hợp này được giảm nhẹ TNHS) thì BPHS phi HP được áp dụng kèm theo HP trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm luật hình sự Đức, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan. Đồng thời, BLHS Việt Nam cũng cần quy định thêm đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do bị mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của chất kích thích mà không phải do lỗi của mình gây ra trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, trên cơ sở tham khảo quy định của luật hình sự Đức và Hoa Kỳ.

Thứ hai, cần tiếp tục quy định các đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP trong BLHS Việt Nam hiện hành với những lý do tương ứng như sau: Trước hết, cần tiếp tục quy định người dưới 18 tuổi phạm tội là một trong những đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP (trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của luật hình sự của Đức, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan). Lý do của việc tiếp tục quy định điều này là để đáp ứng nguyên tắc nhân đạo và bảo đảm tính minh bạch trong xử lý NCTN phạm tội theo tinh thần của Hiến pháp và Công ước của LHQ về quyền trẻ em. Bên cạnh đó, cần tiếp tục quy định đối tượng bị áp dụng các BPHS phi hình phạt bao gồm: (i) người phạm tội thuộc một trong hai trường hợp sau: người phạm tội trong khi có đầy đủ năng lực TNHS nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; hoặc người đang chấp hành HP tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình (trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của luật hình sự của Nga); (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội (trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của luật hình sự của Đức, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan); (iii) pháp nhân thương mại phạm tội (trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của luật hình sự của Hoa Kỳ). Bởi lẽ, việc tiếp tục quy định về các đối tượng nêu trên là hoàn toàn phù hợp với lý luận về các BPHS phi HP. Đặc biệt, những quy định liên quan đến TNHS của pháp nhân thương mại trong BLHS Việt Nam hiện hành là phù hợp lý luận về TNHS của pháp nhân[303]

[303] Liên quan đến lý luận về TNHS của pháp nhân, xem: Trần Văn Độ (2011), "*Các học thuyết về cơ sở trách nhiệm hình sự của pháp nhân*", Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số (6), 43-47.

và có một số quan điểm cho rằng đây chính là xu thế tất yếu trong sự phát triển của luật hình sự[304]. Đồng thời, trên cơ sở đánh giá so sánh quy định của luật hình sự Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam, có thể nhận định rằng, xu hướng quy định pháp nhân phải chịu TNHS là một trong những đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP đang ngày càng phát triển trên thế giới; do đó, Việt Nam cần tiếp tục phát huy theo xu hướng tiến bộ này.

3.2.2.5. Đề xuất hoàn thiện quy định về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp hình sự phi hình phạt

Để khắc phục một số hạn chế trong quy định BLHS Việt Nam hiện hành về BPHS phi HP cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng từng BPHS phi HP, BLHS Việt Nam cần quy định thêm về điều kiện áp dụng và nội dung của một số BPHS phi HP sau khi đã sửa đổi hoặc bổ sung quy định về hệ thống các BPHS phi HP như đã phân tích ở Tiểu mục 3.2.2.2 trong luận án này.

Thứ nhất, đề xuất sửa đổi Điều 49 BLHS Việt Nam hiện hành về điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp bắt buộc chữa bệnh

**Đề xuất thứ nhất*

Lý do đề xuất: Trước hết, các nhà lập pháp Việt Nam cần sửa đổi Điều 49 BLHS Việt Nam hiện hành để khắc phục hạn chế trong quy định về việc quản lý, điều trị cho những đối tượng bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại cùng một cơ sở chuyên khoa y tế với những người bị tâm thần khác như đã phân tích. Đồng thời, việc sửa đổi Điều 49 BLHS Việt Nam hiện hành sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp này và đảm bảo an toàn cho các bệnh nhân khác cũng như đảm bảo sự giám sát chặt chẽ và phòng ngừa khả năng đối tượng bị áp dụng biện pháp này tiếp tục thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Đề xuất cụ thể: Đối với biện pháp bắt buộc chữa bệnh (sau khi được sửa đổi thành biện pháp tại phân khu chuyên biệt của bệnh viện tâm thần), cần bổ sung quy định thành lập một hệ thống phân khu riêng biệt trong các bệnh viện tâm thần dành cho người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội (tách biệt với các phân khu khác trong bệnh viện tâm thần điều trị cho những người mắc bệnh tâm thần nhưng không thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội để đảm bảo an toàn cho các bệnh nhân khác

[304] Cao Thị Oanh (2013), "Hoàn thiện Bộ luật Hình sự Việt Nam theo hướng quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân", *Tạp chí Luật học*, (5), 23-29, tr. 23.

cũng như đảm bảo sự giám sát chặt chẽ và phòng ngừa khả năng người đó tiếp tục thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội) và phân chia các hình thức chữa bệnh bắt buộc thành: (i) chữa bệnh bắt buộc tại phân khu chuyên biệt của bệnh viện tâm thần (thông thường); (ii) chữa bệnh bắt buộc tại phân khu chuyên biệt của bệnh viện tâm thần có sự giám sát chặt chẽ (trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm từ quy định của luật hình sự Nga). Việc quy định về một phân khu chuyên biệt trong bệnh viện tâm thần dành cho người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là hoàn toàn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay. Bởi lẽ, khác với Nga có nền kinh tế lớn mạnh, thì điều kiện kinh tế tại Việt Nam vẫn đang phát triển; trong khi đó, để xây dựng một bệnh viện tâm thần chuyên biệt đảm bảo nguồn nhân lực, vật lực để giám sát người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội cần nhiều kinh phí, đồng thời cũng cần khai thác nhiều diện tích đất của quốc gia. Do vậy, phương án phân chia thành một phân khu chuyên biệt trong bệnh viện tâm thần là một giải pháp hợp lý, mang tính khả thi cao ở Việt Nam. Tuy nhiên, để thực hiện được những đề xuất nêu trên, các nhà lập pháp Việt Nam cần dựa vào kết quả khảo sát rõ ràng, chính xác, phải xem xét số lượng trung bình người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội cần được chữa bệnh bắt buộc để đưa ra điều kiện xây dựng phân khu chuyên biệt dành cho những đối tượng này một cách phù hợp. Ngoài ra, NCS cũng đồng tình với quan điểm của một nhà khoa học khi cho rằng cần quy định rõ quy trình, thủ tục giao nhận, quản lý và điều trị các đối tượng bị áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại phân khu chuyên biệt của bệnh viện tâm thần, cũng như cần quy định rõ về thẩm quyền và trách nhiệm của phân khu y tế này[305].

**Đề xuất thứ hai*

Lý do đề xuất: Tiếp thu kinh nghiệm của luật hình sự Đức, Hoa Kỳ và Thái Lan, các nhà làm luật Việt Nam cần sửa đổi Điều 49 BLHS Việt Nam để khắc phục những bất cập trong quy định hiện hành về thời gian bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành HP tù (như đã phân tích ở Mục 3.1.5 của luận án này), tránh tình trạng lợi dụng "kẽ hở" của quy định này, làm giả kết quả giám định tâm thần để giúp người phạm tội giảm thời hạn hoặc không phải chấp hành HP tù.

[305] Trương Quang Vinh (2010), "Thực trạng quy định của pháp luật hình sự về các biện pháp tư pháp: Thực tiễn áp dụng và một số đề xuất", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, *2*, 63-67, tr. 67.

Đề xuất cụ thể: BLHS Việt Nam hiện hành cần bỏ quy định *"thời gian bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù"* tại Điều 49 hoặc sửa đổi theo hướng nhấn mạnh rằng *"thời gian chữa bệnh bắt buộc không được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù"* (tiếp thu kinh nghiệm từ luật hình sự Hoa Kỳ và Thái Lan) hoặc *"thời gian chữa bệnh bắt buộc được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù nhưng không được trừ quá 1/3 (một phần ba) thời hạn chấp hành hình phạt tù"* tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 49 BLHS (tiếp thu kinh nghiệm từ luật hình sự Đức).

Thứ hai, đề xuất bổ sung quy định về điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện

Lý do đề xuất: Bên cạnh việc bổ sung biện pháp lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện vào hệ thống các BPHS phi HP trong BLHS Việt Nam với những lý do đã phân tích tại Tiểu mục 3.2.2.2 của luận án này, các nhà lập pháp cũng cần bổ sung quy định tương ứng về điều kiện áp dụng và nội dung cụ thể để thực thi và nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp này trên thực tế.

Đề xuất cụ thể: Ngoài việc bổ sung biện pháp lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện vào Điều 47 Mục 2. Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong Chương VI mới của BLHS Việt Nam (theo đề xuất tại Tiểu mục 3.2.2.2 của luận án này), cần bổ sung một điều luật riêng tại Mục 2 Chương VI mới của BLHS Việt Nam về điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp này trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm một cách có chọn lọc từ các quy định của luật hình sự Đức, Hoa Kỳ và Thái Lan. Theo đó, cần phân định rõ các trường hợp áp dụng biện pháp này kèm theo HP hay trường hợp áp dụng biện pháp này một cách độc lập với HP. Cụ thể, trên cơ sở tham khảo quy định của luật hình sự Đức, Hoa Kỳ và Thái Lan: *Trường hợp thứ nhất* đó là biện pháp lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện được áp dụng kèm theo HP đối với trường hợp người phạm tội trong khi có năng lực lỗi mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều khiển hành vi có thể bị mất tạm thời vì tự nguyện đặt mình vào tình trạng nghiện do sử dụng quá mức đồ uống có cồn hoặc các chất gây nghiện khác (điều này là hoàn toàn phù hợp với Điều 13 BLHS Việt Nam hiện hành quy định người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự). *Trường hợp thứ hai* đó là biện pháp lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện

được áp dụng độc lập với HP trong trường hợp người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do bị mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của chất kích thích mà không phải do lỗi của mình gây ra (vì người đã thực hiện hành vi trái pháp luật trong tình trạng không có năng lực lỗi thì sẽ không phải chịu TNHS).

Thứ ba, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS

**Đề xuất thứ nhất:*

Lý do đề xuất: Có thể nhận định rằng, hiệu quả của các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS chủ yếu dựa vào sự tự giác chấp hành của chính bản thân người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS[306]. Do vậy, các nhà lập pháp Việt Nam cần sửa đổi quy định về điều kiện áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục theo hướng ưu tiên sự đồng ý của người dưới 18 tuổi phạm tội trong việc quyết định áp dụng các biện pháp này.

Đề xuất cụ thể: Đối với quy định tại Điều 92 BLHS Việt Nam hiện hành liên quan đến điều kiện về sự đồng ý áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục, NCS đồng tình với quan điểm của một nhà khoa học luật hình sự khi cho rằng cần quy định: ý kiến của bản thân người dưới 18 tuổi phạm tội có tính quyết định và có giá trị hơn ý kiến của người đại diện hợp pháp của họ trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội đồng ý nhưng người đại diện hợp pháp của họ không đồng ý và ngược lại[307].

**Đề xuất thứ hai:*

Lý do đề xuất: Có thể thấy, việc giao trách nhiệm giám sát, giáo dục NCTN phạm tội cho một số gia đình có phương pháp giám sát, giáo dục không tốt có thể không đảm bảo rằng hành vi phạm tội của NCTN sẽ không tiếp diễn[308]. Do vậy, luật hình sự Việt Nam cần quy định theo hướng mở rộng các chủ thể phối hợp, hỗ trợ

---

[306] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (phần chung),* NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 394, 395.

[307] Lưu Trung Huy (2020), "Một số vướng mắc trong việc áp dụng các biện pháp giảm sát, giáo dục trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử,* https://tapchitoaan.vn/mot-so-vuong-mac-cac-bien-phap-giam-sat-giao-duc-truong-hop-duoc-mien-trach-nhiem-hinh-su, truy cập ngày 20/8/2022.

[308] Phùng Văn Hoàn (2019), "Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (3), 26-31, tr. 31.

giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội (trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của bốn quốc gia Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan, đặc biệt là Đức và Thái Lan).

Đề xuất cụ thể: Cần bổ sung quy định trong văn bản hướng dẫn thi hành các biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS về trách nhiệm giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội theo đúng thứ tự ưu tiên như sau: 1. Tòa án chỉ giao trách nhiệm giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội cho gia đình của họ nếu xét thấy gia đình đó đáp ứng đủ các điều kiện để thực hiện trách nhiệm giám sát, giáo dục và người dưới 18 tuổi phạm tội đồng ý. 2. Trong trường hợp xét thấy gia đình của người dưới 18 tuổi phạm tội không đáp ứng đủ điều kiện để thực hiện trách nhiệm giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội, Tòa án chỉ có thể giao trách nhiệm đó cho gia đình khác như gia đình của ông bà nội, ông bà ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột hay những người thân thích khác (sau đây gọi là "gia đình của người thân thích") nếu gia đình đó đáp ứng đủ các điều kiện để thực hiện trách nhiệm giám sát, giáo dục và cả gia đình đó cũng như người dưới 18 tuổi phạm tội đồng ý. 3. Trong trường hợp Tòa án xét thấy gia đình của người dưới 18 tuổi phạm tội và gia đình của người thân thích không đáp ứng đủ điều kiện thực hiện trách nhiệm giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội thì Tòa án chỉ có thể giao trách nhiệm đó cho một người hay tổ chức khác nếu người hay tổ chức đó đáp ứng đủ điều kiện để thực hiện trách nhiệm giám sát, giáo dục và cả người hay tổ chức đó cũng như người dưới 18 tuổi phạm tội đồng ý. Trong đó, điều kiện để có thể thực hiện trách nhiệm giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội như sau: (i) gia đình, người hay tổ chức không gây ra bất kỳ tổn hại nào cho người dưới 18 tuổi phạm tội trong một khoảng thời gian do Tòa án quy định (trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của luật hình sự Thái Lan); (ii) gia đình, người hay tổ chức có đủ khả năng trong việc thúc đẩy sự phát triển của người dưới 18 tuổi phạm tội bằng cách kết hợp các hoạt động giáo dục và trị liệu với cuộc sống hàng ngày phù hợp với độ tuổi và mức độ phát triển của người dưới 18 tuổi phạm tội và khả năng trong việc cải thiện các điều kiện giáo dục trong gia đình (trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của luật hình sự Đức).

**Đề xuất thứ ba:*

Lý do đề xuất: Bên cạnh việc bổ sung các biện pháp giám sát, giáo dục tại cơ sở quân đội vào nhóm các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với người dưới

18 tuổi phạm tội được miễn TNHS với những lý do đã phân tích tại Tiểu mục 3.2.2.2 của luận án này, các nhà lập pháp Việt Nam cũng cần bổ sung quy định tương ứng về điều kiện áp dụng và nội dung cụ thể để thực thi và nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp này trên thực tế.

Đề xuất cụ thể: Cần bổ sung một điều luật riêng trong Mục 2. Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự của Chương XI. Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của BLHS Việt Nam (sau khi được sửa đổi từ Chương XII BLHS Việt Nam theo đề xuất tại Tiểu mục 3.2.2.2 của luận án này) về điều kiện áp dụng và nội dung của các biện pháp giám sát, giáo dục tại cơ sở quân đội, trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm của luật hình sự Hoa Kỳ. Theo đó, chủ thể có thẩm quyền phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, hoàn cảnh, điều kiện của NCTN phạm tội, dự liệu được những tác động tích cực của biện pháp này đối với NCTN phạm tội để quyết định áp dụng. Bên cạnh đó, cần đưa ra một bộ tiêu chuẩn chi tiết về điều kiện cơ sở vật chất; chương trình giám sát, giáo dục… tại các cơ sở quân đội được sử dụng để thực hiện các biện pháp này.

**Đề xuất thứ tư:*

Lý do đề xuất: Có thể nói, các tôn giáo khác nhau với những giáo lý, giáo luật khác nhau nhưng nhìn chung đều hướng tới những điều thiện, giúp cải thiện con người trở thành một công dân có ích cho xã hội[309]. Thêm vào đó, hiện nay, những khóa tu dành cho thanh thiếu niên tại các cơ sở tôn giáo cũng đã đạt hiệu quả trong việc thay đổi nhận thức của thanh thiếu niên theo hướng tích cực, từ đó tạo cho họ một lối sống tốt, tuân thủ các quy tắc đạo đức và pháp luật[310]. Như vậy, trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của Thái Lan, việc bổ sung các triết lý tôn giáo hướng thiện, nhân văn (phù hợp với tôn giáo của người đó) vào chương trình giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội là hoàn toàn phù hợp với truyền thống văn hóa, điều kiện kinh tế-xã hội ở nước ta và có tính khả thi cao.

Đề xuất cụ thể: Bổ sung nội dung liên quan đến các triết lý tôn giáo hướng thiện, nhân văn vào nội dung giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được

---

[309] Hồng Minh (2019), "Tôn giáo nào cũng hướng tới điều thiện, đẩy lùi cái ác", *Tạp chí Tuyên giáo điện tử*, https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/ton-giao-nao-cung-huong-toi-dieu-thien-day-lui-cai-ac-121268, truy cập ngày 23/1/2023.

[310] Dương Thị Tuyến (2015), "Khóa tu mùa hè - Nét đẹp trong hoạt động nhập thế của Phật giáo", *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, (3), 27-31.

miễn TNHS tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 37/2018/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành các biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự (Nghị định 37/2018/NĐ-CP), cụ thể như sau:

"Điều 12. Nội dung và hình thức giám sát, giáo dục

1. Nội dung giám sát, giáo dục:

a) Phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân, các quy định của pháp luật liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật;

b) Trang bị các kỹ năng sống cơ bản; hỗ trợ học văn hóa, hướng nghiệp, học nghề, tìm việc làm; trang bị những kiến thức liên quan đến các triết lý tôn giáo hướng thiện, nhân văn phù hợp với tôn giáo của người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự;

c) Tổ chức cho người được giám sát, giáo dục tham gia lao động tại cộng đồng với hình thức phù hợp;

d) Các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ khác quy định tại Điều 71 Luật trẻ em nhằm thúc đẩy việc phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng."

Thứ tư, đề xuất kết hợp phương thức giám sát điện tử để hỗ trợ cho một số BPHS phi HP

Lý do đề xuất: Nhằm tăng cường hiệu quả áp dụng của một số BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam (bao gồm cả biện pháp đã được quy định và biện pháp được NCS đề xuất bổ sung theo Tiểu mục 3.2.2.2 của luận án này); đồng thời, học hỏi kinh nghiệm của Hoa Kỳ, các nhà lập pháp cần bổ sung quy định về việc kết hợp phương thức giám sát điện tử để hỗ trợ cho một số BPHS phi HP. Theo một nghiên cứu của Viện Tư pháp Quốc gia Hoa Kỳ, những người bị đặt dưới sự giám sát điện tử góp phần giảm tỷ lệ tái phạm tội và phòng ngừa hành vi phạm tội, đặc biệt là tội phạm có tính chất bạo lực[311]. Thêm vào đó, với sự phát triển vượt bậc trong sáng tạo công nghệ ở Việt Nam và trên thực tế đã thử nghiệm vòng đeo tay điện tử giám sát cách ly trong đại dịch COVID-19[312], việc xây dựng và phát triển phương pháp giám

---

[311] U.S. Department of Justice (2011), Electronic Monitoring Reduces Recidivism, https://www.ojp.gov/pdffiles1/nij/234460.pdf, truy cập ngày 29/12/2022.

[312] Minh Sơn (2021), Sẽ thử nghiệm vòng tay quản lý người cách ly COVID-19 trong tháng 6, https://www.vietnamplus.vn/se-thu-nghiem-vong-tay-quan-ly-nguoi-cach-ly-covid19-trong-thang-6/717367.vnp, truy cập ngày 29/12/2022.

sát điện tử kết hợp trong việc áp dụng các BPHS phi HP ở nước ta là hoàn toàn phù hợp và có tính khả thi cao.

Đề xuất cụ thể: Đối với biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại phân khu chuyên biệt của bệnh viện tâm thần và biện pháp lưu trú bắt buộc trong một trại cai nghiện, cần bổ sung quy định liên quan đến việc kết hợp phương thức giám sát điện tử để hỗ trợ cho các biện pháp này tại điều luật về điều kiện áp dụng và nội dung của từng biện pháp trong BLHS Việt Nam. Theo đó, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội sẽ bị theo dõi thông qua thiết bị giám sát điện tử để tăng tính hiệu quả của biện pháp này (ví dụ như vòng đeo tay, vòng đeo cổ chân, thiết bị giám sát hiện trường, thiết bị kiểm tra rượu và ma túy...).

Thứ năm, đề xuất bổ sung quy định về điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Lý do đề xuất: Bên cạnh việc bổ sung biện pháp buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả vào hệ thống các BPHS phi HP áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội trong BLHS Việt Nam với những lý do đã phân tích tại Tiểu mục 3.2.2.2 của luận án này, các nhà lập pháp cũng cần bổ sung quy định tương ứng về điều kiện áp dụng và nội dung cụ thể để thực thi và nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp này trên thực tế.

Đề xuất cụ thể: Ngoài việc bổ sung biện pháp buộc thực hiện chương trình đạo đức và tuân thủ hiệu quả vào Điều 47 Mục 2. Các biện pháp hình sự phi hình phạt trong Chương VI mới (theo đề xuất tại Tiểu mục 3.2.2.2 của luận án này), cần bổ sung một điều luật riêng tại Mục 2 Chương VI mới về điều kiện áp dụng và nội dung của biện pháp này trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm một cách có chọn lọc từ các quy định của luật hình sự Hoa Kỳ. Trong đó, cần quy định rõ trách nhiệm của pháp nhân thương mại phạm tội trong việc giải trình để ngăn ngừa và phát hiện hành vi phạm tội, đồng thời cần đưa ra các quy định nhằm thúc đẩy văn hóa của pháp nhân thương mại, khuyến khích ứng xử đạo đức và cam kết tuân thủ pháp luật. Chương trình đạo đức và tuân thủ của pháp nhân thương mại phạm tội phải được thiết kế hợp lý, quy định và thực thi nhằm đạt hiệu quả trong việc ngăn ngừa và phát hiện hành vi phạm tội. Trong quá trình chấp hành biện pháp này, pháp nhân thương mại phạm tội cần thực hiện một số công việc nhất định, phù hợp để truyền đạt thông tin một cách

nghiêm túc, đảm bảo rằng chương trình đạo đức và tuân thủ: được theo dõi, kiểm tra, giám sát để phát hiện tội phạm; được đánh giá định kỳ về hiệu quả; phải có và công khai một hệ thống bao gồm các cơ chế ẩn danh hoặc bảo mật, theo đó các nhân viên và đơn vị của pháp nhân thương mại đó có thể báo cáo hoặc tìm kiếm chỉ dẫn về hành vi phạm tội tiềm ẩn hoặc thực tế mà không lo lắng bị trả thù. Ngoài ra, pháp nhân thương mại phạm tội cũng cần thực hiện một số công việc phù hợp để ngăn chặn hành vi phạm tội tương tự tiếp theo. Hơn nữa, pháp nhân thương mại phạm tội cần đánh giá định kỳ nguy cơ tội phạm và thực hiện các biện pháp để ngăn ngừa thiệt hại của các hành vi phạm tội.

Kết luận Chương 3

Trước hết, trên cơ sở so sánh các BPHS phi HP trong luật hình sự Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam theo năm tiêu chí: định nghĩa pháp lý về các BPHS phi HP, hệ thống các BPHS phi HP, chủ thể áp dụng các BPHS phi HP, đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP, có thể thấy những điểm tương đồng và khác biệt nhất định về các nội dung này. Trong đó, phần lớn những điểm khác biệt có nguyên nhân từ sự khác nhau về truyền thống pháp luật, quan điểm, kĩ thuật lập pháp cũng như điều kiện chính trị - pháp lý, kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia.

Đặc biệt, tại Việt Nam, các BPHS phi HP về cơ bản đã được quy định trong BLHS Việt Nam hiện hành nhưng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế, cụ thể như sau: (i) chưa có định nghĩa pháp lý chính thức mang tính hệ thống về các BPHS phi HP dẫn tới hiểu không đúng hoặc không đầy đủ về bản chất, mục đích và ý nghĩa của các biện pháp này; (ii) chưa đáp ứng được các yêu cầu và nguyên tắc trong xây dựng hệ thống các BPHS phi HP, từ đó không đảm bảo được tính toàn diện, thống nhất về các mặt trong nội tại các BPHS phi HP và giữa các BPHS phi HP với HP cũng như với các chế định khác trong pháp luật hình sự; (iii) quy định về chủ thể có thẩm quyền xem xét miễn TNHS và quyết định áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không chỉ có Tòa án mà còn có các cơ quan khác như CQĐT, VKS là trái với Hiến pháp 2013 của Việt Nam[313]; (iv) chưa quy định đầy đủ về đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP trong một số trường hợp nhất

[313] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (phần chung),* NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 395.

định mặc dù việc áp dụng các biện pháp này trên thực tế là rất cần thiết; và (v) quy định không đầy đủ, rõ ràng về điều kiện áp dụng đối với từng loại BPHS phi HP cụ thể, khiến cho các biện pháp này không đạt được hiệu quả hoặc chưa tối ưu hoá mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội đề ra. Do đó, Luận án đã chọn lọc một số kinh nghiệm từ bốn quốc gia Đức, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan để đưa ra những đề xuất nhằm khắc phục những điểm hạn chế nói trên cũng như hoàn thiện quy định của luật hình sự Việt Nam về các BPHS phi HP.

Mặt khác, những nguyên tắc định hướng việc đề xuất hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam bao gồm: (i) đề xuất được đưa ra phải dựa trên cơ sở lý luận về các BPHS phi HP qua việc kết hợp hài hòa các luận điểm tiến bộ của khoa học luật hình sự Việt Nam với các thành tựu tiên tiến của khoa học luật hình sự thế giới; (ii) đề xuất được đưa ra phải phù hợp với các chuẩn mực pháp lý quốc tế và dựa trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia được lựa chọn so sánh quy định pháp luật về các BPHS phi HP và phải cân nhắc các giá trị pháp luật hình sự truyền thống tốt của Việt Nam; (iii) đề xuất được đưa ra phải xuất phát từ góc độ bảo vệ quyền con người và vì lợi ích của nhân dân nhằm phát huy được các giá trị nhân văn của các BPHS phi HP; (iv) đề xuất được đưa ra phải dựa trên cơ sở thực tiễn, phải toàn diện và khách quan, đặc biệt trong đề xuất quy định về hệ thống các BPHS phi HP; (v) đề xuất được đưa ra liên quan đến các BPHS phi HP phải thể hiện được ở mức cao nhất nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong luật hình sự Việt Nam. Các nguyên tắc này đều là những nội dung mang tính chỉ đạo mà mỗi đánh giá, nhận xét hay đề xuất đưa ra đều phải tuân thủ; giúp cho việc đề xuất hoàn thiện quy định của luật hình sự Việt Nam về các BPHS phi HP được logic, thống nhất, từ đó có thể đưa ra những đề xuất cụ thể mang tính tích cực và hữu ích. Vì vậy, trong Chương 3, với kinh nghiệm chọn lọc từ luật hình sự Đức, Nga, Hoa Kỳ và Thái Lan, Luận án đã đưa ra những đề xuất cụ thể hoàn thiện quy định về định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP; về hệ thống các BPHS phi HP; về chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam đáp ứng đầy đủ năm nguyên tắc nói trên.

PHẦN KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu một cách có hệ thống, chuyên sâu và toàn diện những vấn đề lý luận về các BPHS phi HP; cũng như phân tích, bình luận về các BPHS phi HP trong luật hình sự Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam dưới góc độ so sánh; từ đó đưa ra những đề xuất hoàn thiện luật hình sự Việt Nam, Luận án đã giải quyết được một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, Luận án đã khái quát được những công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước liên quan đến các BPHS phi HP. Có thể thấy rằng, các công trình nghiên cứu đó đã phân tích một số vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật của một số quốc gia trên thế giới và đưa ra những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật về một số BPHS phi HP vô cùng giá trị và hữu ích để NCS tìm hiểu, học hỏi trong quá trình thực hiện Luận án của mình. Tuy nhiên, đa phần các công trình này chỉ nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan tới các BPHS phi HP dưới góc độ cụ thể ở từng quốc gia được lựa chọn nghiên cứu mà chưa khái quát hóa, chưa hệ thống hóa cũng như chưa nghiên cứu so sánh chuyên sâu những quy định pháp luật đó giữa các quốc gia với nhau, đặc biệt là nghiên cứu so sánh giữa Việt Nam và các quốc gia khác. Do đó, NCS đã mở rộng hơn đối tượng cũng như phạm vi nghiên cứu, để góp phần phát triển hệ thống lý luận và đánh giá so sánh thực trạng pháp luật về các BPHS phi HP ở Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam nhằm đưa ra những đề xuất cụ thể để hoàn thiện quy định của luật hình sự Việt Nam về các BPHS phi HP.

Thứ hai, Luận án đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống lý luận về các BPHS phi HP. Theo đó, các BPHS phi HP là các biện pháp cưỡng chế hình sự của nhà nước được quy định trong luật hình sự, do cơ quan tư pháp có thẩm quyền căn cứ vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cụ thể quyết định áp dụng với người phạm tội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS và/ hoặc pháp nhân phải chịu TNHS, được áp dụng độc lập với HP, hoặc thay thế hay kèm theo HP, nhằm ngăn chặn hoặc phục hồi hoặc cải thiện hay giáo dục với mục đích cuối cùng là phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội. Bên cạnh đó, mỗi BPHS phi HP đều được quy định về điều kiện áp dụng và nội dung tương ứng trong luật hình sự; đối tượng bị áp dụng các BPHS phi HP gồm: (i) người phạm tội (bao gồm người đã thực hiện hành vi phạm tội thuộc một trong ba trường hợp sau: trường hợp có đầy đủ năng lực TNHS; trường hợp có năng lực lỗi mặc dù năng lực nhận thức hoặc năng lực điều

khiển hành vi có thể bị mất tạm thời do sử dụng chất kích thích; trường hợp năng lực lỗi hạn chế do mắc bệnh (trường hợp này được giảm nhẹ TNHS)); (ii) người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS do thuộc một trong hai trường hợp sau đây: trường hợp mất năng lực lỗi do mắc bệnh (dẫn đến bị mất khả năng nhận thức hoặc bị mất khả năng điều khiển hành vi) trong khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội; hoặc trường hợp mất năng lực nhận thức hoặc mất năng lực điều khiển hành vi vì bị nghiện do ảnh hưởng của chất kích thích mà không phải do lỗi của mình gây ra; (iii) pháp nhân phải chịu TNHS; và (iv) NCTN phạm tội. Thêm vào đó, cơ sở của việc quy định các BPHS phi HP trong luật hình sự bao gồm: cơ sở lý luận là sự ra đời và phát triển của triết lý "phúc lợi", triết lý "phục hồi" và triết lý "cộng đồng" trong xử lý hành vi phạm tội; cơ sở pháp lý là chuẩn mực pháp lý quốc tế về bảo vệ quyền con người; cơ sở thực tiễn dựa trên bối cảnh nếu chỉ áp dụng HP sẽ tạo ra gánh nặng cho hệ thống tư pháp. Hơn nữa, các BPHS phi HP có ý nghĩa quan trọng đối với đối tượng bị áp dụng các biện pháp này, đối với xã hội và nền tư pháp hình sự. Một hệ thống các BPHS phi HP hoàn chỉnh phải thoả mãn các yêu cầu và được xây dựng theo các nguyên tắc sau đây: (i) một mặt phải thể hiện tính độc lập tương đối của các biện pháp này so với HP; mặt khác phải bảo đảm mối quan hệ mật thiết với hệ thống HP – đó là các BPHS phi HP được áp dụng thay thế hoặc kèm theo HP nhằm tối ưu hóa mục đích phòng ngừa hành vi phạm tội; (ii) phải xuất phát từ đặc điểm của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hay pháp nhân phải chịu TNHS - các đối tượng bị áp dụng các biện pháp này; (iii) phải đảm bảo tính đa dạng, phù hợp với các đối tượng bị áp dụng và có thể áp dụng được ở các giai đoạn tố tụng khác nhau. Ngoài ra, căn cứ vào các tiêu chí khác nhau, có thể phân loại các BPHS phi HP thành các nhóm khác nhau như sau: *Căn cứ vào đối tượng bị áp dụng,* các BPHS phi HP có thể được chia thành bốn nhóm sau: (1) các BPHS phi HP áp dụng đối với người phạm tội; (2) các BPHS phi HP áp dụng đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không phải chịu TNHS; (3) các BPHS phi HP áp dụng đối với pháp nhân phải chịu TNHS; (4) các BPHS phi HP áp dụng đối với NCTN phạm tội. *Căn cứ vào cách tiếp cận để đạt được mục đích cuối cùng là thiên về hướng phòng ngừa trực tiếp hành vi phạm tội*, có thể chia các BPHS phi HP thành: (1) các BPHS phi HP có mục đích ngăn chặn để phòng ngừa; (2) các BPHS phi HP có mục đích phục hồi để phòng ngừa; (3) các BPHS phi HP có mục đích cải

thiện để phòng ngừa; (4) các BPHS phi HP có mục đích giáo dục để phòng ngừa. *Căn cứ vào mối quan hệ với HP*, có thể chia các BPHS phi HP thành ba nhóm: (1) các BPHS phi HP được áp dụng độc lập với HP; (2) các BPHS phi HP được áp dụng kèm theo HP và (3) các BPHS phi HP được áp dụng thay thế HP.

Thứ ba, Luận án đã phân tích quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự của Đức, Nga, Hoa Kỳ, Thái Lan và Việt Nam, đánh giá những điểm tương đồng và khác biệt trong quy định về các BPHS phi HP theo luật hình sự các quốc gia này trên cơ sở soi chiếu với hệ thống lý luận đã được phân tích. Bên cạnh đó, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia được lựa chọn so sánh, Luận án đã đưa ra những đề xuất cụ thể hoàn thiện quy định về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam về: định nghĩa pháp lý về BPHS phi HP; hệ thống các BPHS phi HP; chủ thể áp dụng, đối tượng bị áp dụng, điều kiện áp dụng và nội dung của các BPHS phi HP.

Với những kết quả đạt được nêu trên, Luận án này sẽ là nguồn học liệu bổ ích, phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập của các nhà khoa học, các giảng viên luật và người học thuộc chuyên ngành luật hình sự tại các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam. Đồng thời, đây cũng là một tài liệu có giá trị cho các nhà lập pháp tham khảo trong quá trình sửa đổi và bổ sung các quy định pháp luật về các BPHS phi HP trong luật hình sự Việt Nam. Bên cạnh đó, Luận án cũng có giá trị tham khảo đối với các cơ quan có thẩm quyền để áp dụng pháp luật về các BPHS phi HP một cách đúng đắn và hiệu quả hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Các văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật

1. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 25/04/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;
2. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020;
3. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII ngày 01/02/2021 của Đảng Cộng sản Việt Nam;
4. Bộ luật Hình sự số 17-LCT/HĐNN7 ngày 27/06/1985 của Việt Nam;
5. Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 ngày 21/12/1999 của Việt Nam;
6. Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Việt Nam;
7. Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Việt Nam;
8. Luật số 37/2009/QH12 ngày 19/06/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự của Việt Nam;
9. Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/06/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 của Việt Nam;
10. Luật số 62/2014/QH13 ngày 24/11/2014 Luật tổ chức Tòa án nhân dân của Việt Nam;
11. Nghị định số 37/2018/NĐ-CP ngày 10/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành các biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự;
12. Thông tư số 01/2016/TT-CA ngày 21/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao quy định việc tổ chức các Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương;
13. Nguyên tắc số 36 đã được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua theo Nghị quyết số 43/173 ngày 09/12/1988;

14. Quy tắc chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về quản lý tư pháp người chưa thành niên (Quy tắc Bắc Kinh) do Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua theo Nghị quyết ngày 29/10/1985;
15. Quy tắc chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về phòng ngừa vi phạm pháp luật của người chưa thành niên, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua theo Nghị quyết ngày 14/12/1990 (hướng dẫn Riyadh);
16. Quy tắc chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về các biện pháp không giam giữ (Quy tắc Tokyo) ngày 14/12/1990;
17. Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948;
18. Bộ luật Hình sự Đức năm 1998, sửa đổi, bổ sung năm 2022;
19. Bộ luật Hình sự Nga năm 1996, sửa đổi, bổ sung năm 2022;
20. Bộ luật Hình sự Mẫu của Hoa Kỳ năm 1962, sửa đổi, bổ sung năm 2021;
21. Bộ luật Hình sự Thái Lan năm 1956, sửa đổi, bổ sung năm 2016;
22. Bộ luật xử lý vi phạm hành chính của Nga năm 2001;
23. Đạo luật Tư pháp và phòng ngừa tội phạm người chưa thành niên của Hoa Kỳ năm 1974, sửa đổi, bổ sung năm 2018
24. Luật Tòa thanh thiếu niên của Đức năm 1953, sửa đổi, bổ sung năm 2021;
25. Luật Tố tụng và Tòa án gia đình và người chưa thành niên của Thái Lan năm 2010;
26. Luật Tổ chức tòa án của Đức năm 1975, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
27. Luật Xử lý vi phạm hành chính của Đức năm 1987, sửa đổi, bổ sung năm 2021;
28. Tiêu mục 18 về Các tội phạm và tố tụng hình sự trong Bộ tổng luật của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.
29. Tiêu mục 28 về Quản lý Tư pháp trong Bộ Tổng hợp các quy định liên bang Hoa Kỳ.
30. Hướng dẫn kết án liên bang năm 2021 của Ủy ban Tuyên án Hoa Kỳ

B. Các tài liệu tham khảo khác

Tiếng Việt

31. Vũ Hải Anh (2012), "*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân theo quy định của một số nước trên thế giới*", Tạp chí Nghề luật, (2) 57-61.
32. Nguyên Anh (2021), Tham vấn góp ý đối với dự thảo Đề án xây dựng Luật bảo vệ người dưới 18 tuổi trong hoàn cảnh pháp lý đặc biệt, https://www.toaan.gov.vn/webcenter/ShowProperty?nodeId=/UCMServer/TAND168599.
33. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Trẻ hóa tội phạm - hồi chuông báo động trong xã hội hiện đại*, https://dangcongsan.vn/phap-luat/tre-hoa-toi-pham--hoi-chuong-bao-dong-trong-xa-hoi-hien-dai-314523.html.
34. Mai Bộ (2015), *"Áp dụng biện pháp tư pháp"*, Tạp chí Toà án nhân dân kỳ II (18), 19-27.
35. Bộ Y tế, *Gần 15% dân số (khoảng 13,5 triệu người) Việt Nam đang mắc các rối loạn tâm thần phổ biến và khoảng 3 triệu người mắc các rối loạn tâm thần nặng*, Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế, https://moh.gov.vn/chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia/-/asset_publisher/7ng11fEWgASC/content/gan-15-dan-so-khoang-13-5-trieu-nguoi-viet-nam-ang-mac-cac-roi-loan-tam-than-pho-bien-va-khoang-3-trieu-nguoi-mac-cac-roi-loan-tam-than-nang-?inheritRedirect=false.
36. Nguyễn Hòa Bình (2023), "*Tòa án nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và hoàn thành các chỉ tiêu công tác năm 2022*", Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, https://tapchitoaan.vn/toa-an-nhan-dan-tich-cuc-thuc-hien-nghi-quyet-dai-hoi-lan-thu-xii-cua-dang-va-hoan-thanh-cac-chi-tieu-cong-tac-nam-20227862.html.
37. Lê Văn Cảm (2000), *"Hình phạt và biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam"*, Tạp chí Dân chủ và Pháp Luật, (08), 11-13.
38. Lê Văn Cảm (2005), *Giáo trình sau đại học Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự (phần chung)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

39. Lê Văn Cảm (2018), *Nhận thức khoa học về phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hoá lần thứ ba,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
40. Lê Văn Cảm (2021), "*Học thuyết về hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự - nền tảng lý luận của chiến lược phát triển pháp luật hình sự*", Hội thảo khoa học cấp Quốc gia "Cải cách tư pháp trong lĩnh vực tư pháp hình sự", Thừa Thiên Huế.
41. Lê Văn Cảm, Trịnh Tiến Việt (2008), "*Thực trạng các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về hệ thống hình phạt và phương hướng hoàn thiện*", Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật, 24, 206-217.
42. Lưu Ngọc Cảnh (2010), *Các hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội.
43. Hoàng Xuân Châu (2021), "*Các triết lí phổ biến trong xử lí người chưa thành niên phạm tội trên thế giới – Kinh nghiệm của Anh, xứ Wales và gợi ý cho Việt Nam*", Tạp chí Luật học, (2), 3-15.
44. Lê Lan Chi (2017), "*Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật hình sự trong tiến trình nội luật hóa Công ước chống tra tấn và trừng phạt hoặc đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo làm mất phẩm giá khác*", Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, (4), 3-8.
45. Đài Truyền hình Việt Nam (2023), *Liên tiếp các vụ giết người thương tâm liên quan đến người tâm thần*, Báo điện tử VTV, https://vtv.vn/xa-hoi/lien-tiep-cac-vu-giet-nguoi-thuong-tam-lien-quan-den-nguoi-tam-than-20231101183324605.htm.
46. Đặng Văn Cường (2021), *Nguyên nhân tội phạm ngày càng trẻ hóa và các giải pháp phòng ngừa*, Cổng thông tin điện tử Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, https://www.vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/nguyen-nhan-toi-pham-ngay-cang-tre-hoa-va-cac-giai-d10-t9836.html.

47. Lê Việt Cường (2021), *Xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
48. Vũ Cao Đàm (2008), "*Giả thuyết và giả thiết trong nghiên cứu khoa học*", Tạp chí Hoạt động khoa học, (585), dẫn theo https://phapluatdansu.edu.vn/2010/04/01/21/38/4725-3/.
49. Quang Đạo (2022), *Ngăn chặn xu hướng trẻ hóa tội phạm*, https://dangcongsan.vn/phap-luat/ngan-chan-xu-huong-tre-hoa-toi-pham-607325.html.
50. Trần Văn Độ (2011), "*Các học thuyết về cơ sở trách nhiệm hình sự của pháp nhân*", Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số (6), 43-47.
51. Sỹ Đức (2022), *Bắt đối tượng nghiện rượu vô cớ cầm dao đâm 3 người nguy kịch*, Trang thông tin điện tử Công an tỉnh Đăk Lăk, https://congan.daklak.gov.vn/-/bat-oi-tuong-nghien-ruou-vo-co-cam-dao-am-3-nguoi-nguy-kich.
52. Nguyễn Thị Phương Hoa (2016), "*Hoàn thiện quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015*", Tạp chí Luật học, Số đặc biệt về Bộ luật hình sự năm 2015, 27-35.
53. Nguyễn Thị Phương Hoa, Phan Anh Tuấn (Đồng chủ biên) (2017), *Bình luận khoa học Những điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
54. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ nhiệm đề tài) (2014), *Xây dựng và chuẩn hoá các thuật ngữ luật hình sự phục vụ việc sửa đổi cơ bản, toàn diện Bộ luật Hình sự Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp, Hà Nội.
55. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2015), *Sửa đổi Bộ luật Hình sự - Những nhận thức cần thay đổi?*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
56. Nguyễn Ngọc Hoà (Chủ biên) (2017), *Bình luận Khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (Phần chung)*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
57. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2020), *Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại – Nhận thức cần thống nhất?*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

58. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2022), *Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
59. Phùng Văn Hoàng (2019), *"Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015",* Tạp chí Toà án nhân dân Kỳ I, (03), 26-31.
60. Nguyễn Thị Ánh Hồng (2012), *"Biện pháp tư pháp trong Luật hình sự Việt Nam và vấn đề bảo vệ Quyền con người"* Tạp chí Khoa học Pháp lý (03), 24-30.
61. Phạm Thị Hồng (1997), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
62. Phạm Mạnh Hùng (2002), "*Khái niệm trách nhiệm hình sự*", Tạp chí Luật học, (1), 22-28.
63. Đỗ Văn Hùng (2020), *Các biện pháp tư pháp áp dụng với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam – Trên cơ sở số liệu thực tiễn của địa bàn tỉnh Hà Giang*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội.
64. Lưu Trung Huy (2020), "*Một số vướng mắc trong việc áp dụng các biện pháp giảm sát, giáo dục trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự*", Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, https://tapchitoaan.vn/mot-so-vuong-mac-cac-bien-phap-giam-sat-giao-duc-truong-hop-duoc-mien-trach-nhiem-hinh-su.
65. Lưu Thị Thu Hương (2014), *Các biện pháp tư pháp trong pháp luật hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội.
66. Trần Minh Hưởng (2002), *Tìm hiểu Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam (phần chung)*, NXB Lao Động, Hà Nội.
67. Hoàng Minh Khôi (2016), "*Hoàn thiện hệ thống tư pháp cho người chưa thành niên ở một số nước và những nội dung có thể tham khảo*", Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, 11(215), 58-64.

68. Nguyễn Minh Khuê (2019), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự hiện hành (Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017) Tập 1 - Những quy định chung*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
69. Nguyễn Quý Khuyến (2019), "*Một số vấn đề về biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự năm 2015"*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (01), 13-21.
70. Lê Lâm (2016), *Đánh nhau bằng dao, hai bệnh nhân tâm thần tử vong*, Báo điện tử Thanh niên, https://thanhnien.vn/danh-nhau-bang-dao-hai-benh-nhan-tam-than-tu-vong-185560065.htm
71. Phạm Văn Lợi (Chủ nhiệm đề tài) (2006), *Một số vấn đề về chính sách hình sự trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp, Hà Nội.
72. Uông Chu Lưu (Chủ nhiệm đề tài) (2006), *Cải cách các cơ quan tư pháp, hoàn thiện hệ thống các thủ tục tư pháp, nâng cao hiệu quả và hiệu lực xét xử của Toà án trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân*, Đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước, Hà Nội.
73. Nguyễn Huyền Ly (2012), *Vai trò của Toà án trong nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội.
74. Hồng Minh (2019), "*Tôn giáo nào cũng hướng tới điều thiện, đẩy lùi cái ác*", Tạp chí Tuyên giáo điện tử, https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/ton-giao-nao-cung-huong-toi-dieu-thien-day-lui-cai-ac-121268.
75. Đặng Thanh Nga (2008), "*Một số đặc điểm tâm lí của người chưa thành niên phạm tội*", Tạp chí Luật học, 1, 39-44.
76. Lê Thị Nga (2013), *"Bảo vệ quyền trẻ em bằng các biện pháp tư pháp hình sự"*, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, (06), 6-13.
77. Nguyễn Thị Tố Nga (2011), *Các biện pháp tư pháp áp dụng với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của pháp luật hình sự*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội.

78. Tiến Nguyên (2021), *Hà Nội: Nam thanh niên vô cớ cầm dao đâm người đi đường*, Báo Dân trí, https://dantri.com.vn/phap-luat/ha-noi-nam-thanh-nien-vo-co-cam-dao-dam-nguoi-di-duong-20210222105341004.htm
79. Nguyễn Thị Minh Nguyệt (2016), *Biện pháp tư pháp giáo dục đối với người chưa thành niên phạm tội trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội.
80. Cao Thị Oanh (2013), "*Hoàn thiện Bộ luật Hình sự Việt Nam theo hướng quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân*", *Tạp chí Luật học*, (5), 23-29.
81. Cao Thị Oanh và Lê Đăng Doanh (Đồng chủ biên) (2016), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015 (Thực hiện từ 01/7/2015)*, NXB Lao động, Hà Nội.
82. Giang Oanh (2022), *Báo động tình trạng thanh thiếu niên phạm tội gia tăng*, https://tiengchuong.chinhphu.vn/bao-dong-tinh-trang-thanh-thieu-nien-pham-toi-gia-tang-113220719162948517.htm.
83. Phaivanh Ounvilai (2015), *Hệ thống hình phạt - So sánh giữa pháp luật hình sự Lào và Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
84. Hoàng Phê (Chủ biên) (2003), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
85. Nguyễn Hồng Quang (2018), "*Vài nét về Phật giáo trong xã hội Thái Lan*", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, 11(179), 58-74.
86. Hoàng Thị Kim Quế (2007), "*Triết học pháp luật trong hệ thống các khoa học pháp lý*", Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, 23, 49-56.
87. Nguyễn Cao Siêng (2021), "*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về việc kết hợp giữa đạo đức và pháp luật trong quản lý xã hội Việt Nam hiện nay*", Tạp chí Cộng sản, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/823346/van-dung-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-viec-ket-hop-giua-dao-duc-va-phap-luat-trong-quan-ly-xa-hoi-viet-nam-hien-nay.aspx.
88. Minh Sơn (2021), Sẽ thử nghiệm vòng tay quản lý người cách ly COVID-19 trong tháng 6, https://www.vietnamplus.vn/se-thu-nghiem-vong-tay-quan-ly-nguoi-cach-ly-covid19-trong-thang-6/717367.vnp.

89. Ngô Thanh Sơn (2013), *Biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội), Hà Nội.
90. Lê Tây (2023), *Trưởng thành hơn từ học kỳ quân đội*, Báo điện tử Quân đội nhân dân, https://www.qdnd.vn/van-hoa/doi-song/truong-thanh-hon-tu-hoc-ky-quan-doi-733040.
91. Nguyễn Phương Thảo (2017), "*Thủ tục xét xử vụ án hình sự đối với người dưới 18 tuổi tại Tòa án Gia đình và người chưa thành niên của một số quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam*", Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (5), 50-57.
92. Vy Thảo (2022), "*Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới*", Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, https://dangcongsan.vn/thoi-su/tiep-tuc-day-manh-cai-cach-tu-phap-nham-dap-ung-yeu-cau-trong-tinh-hinh-moi-601813.html.
93. Phạm Mai Thắm (2018), *Các biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật Hình sự 2015*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
94. Trần Đình Thắng (2020), "*Biện pháp tư pháp – Thực trạng và giải pháp*", Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, 9(409), 11-14.
95. Đào Lệ Thu (Chủ nhiệm đề tài) (2022), *Triết lý xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật và sự thể hiện trong thực tiễn lập pháp của một số quốc gia trên thế giới*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
96. Nguyễn Đức Thùy (2008), *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người với Việt Nam*, Tạp chí Nhân dân điện tử, https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/tuyen-ngon-the-gioi-ve-quyen-con-nguoi-voi-viet-nam-602896/.
97. Hà Lệ Thuỷ (2020), *Chế định biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn,* Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
98. Hà Lệ Thuỷ (2016), *"Các biện pháp tư pháp trong Luật hình sự một số nước trên thế giới"*, Tạp chí Toà án nhân dân kỳ II, (04), 32-36.

99. Hà Lệ Thuỷ (2017), *"Hình phạt và các biện pháp tư pháp áp dụng với pháp nhân phạm tội trong Bộ luật Hình sự Việt Nam và pháp luật một số nước"*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, (14), 60-64.
100. Hà Lệ Thuỷ (2020), *"Đánh giá quy định của Bộ luật Hình sự 2015 về các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong sự so sánh với pháp luật nước ngoài"*, Tạp chí Toà án nhân dân Kỳ I, (11), 1-8.
101. Mai Thị Thủy (2021), "*Giáo dục bắt buộc áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự Liên bang Nga và gợi mở cho Việt Nam*", Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, 09 (433), 48-57.
102. Trịnh Quốc Toản (2010), *Các hình phạt bổ sung trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
103. Trịnh Quốc Toản (2015), *Nghiên cứu hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam dưới góc độ bảo vệ quyền con người*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
104. T. Trực (2022), *Vụ người tâm thần đánh chết nữ nhân viên y tế: Hung thủ đã hành hung nhiều người trước đó*, Báo điện tử Người lao động, https://nld.com.vn/thoi-su/vu-nguoi-tam-than-danh-chet-nu-nhan-vien-y-te-hung-thu-da-hanh-hung-nhieu-nguoi-truoc-do-20220818095137548.htm.
105. Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam Tập 1*, NXB CAND, Hà Nội.
106. Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Tư pháp đối với người chưa thành niên*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
107. Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), *Giáo trình Luật so sánh*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
108. Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Luật so sánh*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
109. Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Lí luận chung về nhà nước và pháp luật,* NXB Tư pháp, Hà Nội.
110. Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Xã hội học pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

111. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2019), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam: Phần chung*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
112. Dương Thị Tuyến (2015), "*Khóa tu mùa hè - Nét đẹp trong hoạt động nhập thế của Phật giáo*", Tạp chí Nghiên cứu Phật học, (3), 27-31.
113. Đào Trí Úc (Chủ biên) (1994), *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
114. Vũ Uy (2021), "*Đóng giả cán bộ Tòa án, làm giả kết quả giám định tâm thần để giúp phạm nhân trốn tránh pháp luật*", Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, https://tapchitoaan.vn/dong-gia-can-bo-toa-an-lam-gia-ket-qua-giam-dinh-tam-than-de-giup-pham-nhan-tron-tranh-phap-luat.
115. Nguyễn Thị Tố Uyên (2021), " *Một số vấn đề về mối quan hệ giữa pháp luật và tôn giáo ở Việt nam hiện nay*", Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam, 1(86), 53 - 60.
116. Trịnh Tiến Việt (2008), "*Khái niệm miễn trách nhiệm hình sự và phân loại các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự*", Tạp chí Luật học, 6, 45-53.
117. Trịnh Tiến Việt (2010), *"Những khía cạnh pháp lý hình sự về các hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội- Kỳ I"*, Tạp chí Toà án nhân dân kì I, (13), 9-24.
118. Trịnh Tiến Việt (2010), *"Những khía cạnh pháp lý hình sự về các hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội- Kỳ II (tiếp theo và hết)"*, Tạp chí Toà án nhân dân kì II, (14), 2-23.
119. Trịnh Tiến Việt (2020), "*Chính sách hình sự Việt Nam trước thách thức cách mạng công nghiệp 4.0*", Kỷ yếu Hội thảo: Những vấn đề lý luận hiện đại về nhà nước và pháp luật, Hà Nội, 345-367.
120. Trương Quang Vinh (2010), *"Thực trạng quy định của pháp luật hình sự về các biện pháp tư pháp: Thực tiễn áp dụng và một số đề xuất"*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (02), 63-67.

121. Trương Quang Vinh (2016), "*Chính sách hình sự áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015"*, Tạp chí Luật học, 4, 79-89.
122. Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người: Tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
123. Hoàng Hải Yến (2022), "*Bàn về khái niệm biện pháp hình sự phi hình phạt trong mối quan hệ với hình phạt*", Tạp chí Kiểm sát, (11), 46-52.
124. Lưu Hải Yến (2016), "*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015*", Tạp chí Luật học, Số đặc biệt về Bộ luật hình sự năm 2015, 130-144.

Tiếng nước ngoài

125. Act For Juvenile Justice, JJDPA History, https://www.act4jj.org/history#:~:text=Signed%20into%20law%20by%20President,children%20and%20youth%20in%20the.
126. Berrin Akbulut (2017), *"Criminal law responsibility of legal entities in Turkey (Trách nhiệm hình sự của pháp nhân tại Thổ Nhĩ Kỳ)",* Perspectives of Business Law Journal, (06), 154-158.
127. Leanne Fiftal Alarid (2015), *Community-Based Corrections (Các biện pháp xử lý dựa vào cộng đồng)*, Cengage Learning, Boston.
128. Francis A. Allen (1978), "*The Decline of the Rehabilitative Ideal in American Criminal Justice (Giai đoạn suy yếu của triết lý cải tạo phúc lợi trong tư pháp hình sự Hoa Kỳ*", Cleveland State Law Review, 27(2), 147-158.
129. James F. Anderson, Laronistine Dyson và Jerald C. Burns (1999), *Boot Camps: An Intermediate Sanction (Biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt: Một biện pháp hình sự trung gian)*, NXB University Press of America, Lanham.
130. Robert B. Aukerman và M.S.W. Peggy McGarry (1994), *Combining Substance Abuse Treatment with Intermediate Sanctions for Adults in the Criminal Justice System (Kết hợp các biện pháp hình sự trung gian trong hệ thống tư pháp hình sự và điều trị cho người thành niên lạm dụng chất gây*

nghiện), Trung tâm trị liệu cho người nghiện, lạm dụng chất gây nghiện thuộc Bộ Y tế và Dịch vụ nhân sinh Hoa Kỳ.

131. Corda, A. và Kaspar, J. (2022), "Collateral Consequences of Criminal Conviction in the United States and Germany" (Các hậu quả pháp lý của việc kết án hình sự theo quy định của Hoa Kỳ và Đức), *Core Concepts in Criminal Law and Criminal Justice (Các khái niệm cốt lõi trong Luật hình sự và Tư pháp hình sự)*, 2, 392-437, Cambridge University Press, UK.
132. Henry Campell Black, M.A. (1968), *Black's Law Dictionary*, West Publishing Co., Minnesota.
133. Mary Bosworth (2005), "*Rehabilitation Theory (Triết lý cải tạo phúc lợi)*", SAGE Publications, Inc., 1-2, 831-834.
134. Monsicha Bunnag (2012), *Alternative Sanctions through Rehabilitation of Offenders (Các biện pháp hình sự thay thế thông qua cải tạo người phạm tội),* Master's Thesis, Dhurakij Pundit University, Thailand.
135. Shawn D. Bushway (2014), "*Incapacitation (Các biện pháp hình sự phi hình phạt có tước tự do)*", Encyclopedia of Criminology and Criminal Justice, Springer, New York.
136. Sakharov, A. B. (1977), "*On the Conception of the Causes of Crime in Socialist Society (Về quan niệm nguyên nhân tội phạm trong xã hội xã hội chủ nghĩa)*", Soviet Law and Government, 15(4), 37–54, tr. 41-43.
137. Gail A. Caputo (2004), *Intermediate Sanctions in Corrections (Các biện pháp hình sự trung gian trong xử lý tội phạm)*, NXB University of North Texas Press, Texas, 2004.
138. Gregg D. Caruso và Derk Pereboom (2022), "A Non-Punitive Alternative to Retributive Punishment (Biện pháp hình sự phi hình phạt thay thế cho hình phạt)", *Handbook of Philosophy and Science of Punishment (Cẩm nang Triết lý và Khoa học về Hình phạt)*, NXB Routledge, England.
139. Maizer Chankseliani (2012), "*Punishment and other penal measures* (Hình phạt và các biện pháp hình sự khác)", European Scientific Journal, 8(2), 98-108.

140. Slobogin Christopher (2012), "*Preventive Detention in Europe, the United States and Australia (Biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn ở châu Âu, Hoa Kỳ và Australia)*", Vanderbilt Public Law Research Paper Working Paper, 12, 1-19.
141. Francesco Clementucci (2015),*"Comparative analysis of criminal law, procedures and practice concerning liability of entrepreneurs (Phân tích so sánh luật hình sự, tố tụng hình sự và thực tiễn về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại)",* Workshop Protection of the Rights of Entrepreneurs in the Russian Federation from Corrupt Practices, EU.
142. Council of Europe, Committee of Ministers, *Recommendation No. R(99) 22 concerning prison overcrowding and prison population inflation (Khuyến nghị số R(99) 22 liên quan đến tình trạng quá tải nhà tù và "lạm phát" số lượng người bị kết án phạt tù)*, https://rm.coe.int/168070c8ad.
143. Iain Crow (2001), *The Treatment and Rehabilitation of Offenders (Biện pháp trị liệu bắt buộc và cải tạo dành cho người phạm tội),* Sage Publishing London, United Kingdom.
144. Van Amsterdam, J. G. C., Ramaekers, J. G., Verkes, R. J., Kuypers, K. P. C., Goudriaan, A. E., & van den Brink, W., (2020), "*Alcohol- and drug-related public violence in Europe (Tình trạng bạo lực công cộng liên quan đến rượu và ma túy ở Châu Âu)*", European Journal of Criminology, 17(6), 806–825.
145. Ari Davis, Lisa Geller, Rose Kim, Silvia Villarreal, Alexander McCourt, Janel Cubbage, Cassandra Crifasi (2020), *A Year in Review: 2020 Gun Deaths in the U.S. (Đánh giá tổng quan tình hình người tử vong liên quan tới súng ở Hoa Kỳ năm 2020)*, Johns Hopkins Center for Gun Violence Solutions, USA.
146. Kirstin Drenkhahn (2013), "*Secure Preventive Detention in Germany: Incapacitation or Treatment Intervention? (Biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn ở Đức: Hạn chế quyền tự do hay sự can thiệp điều trị?)*", Behavioral Sciences and the Law.
147. European Court of Human Rights, Information Note on the Court's case-law No. 125 December 2009, M. v. Germany - 19359/04, Judgment 17.12.2009

[Section V], https://hudoc.echr.coe.int/fre#{%22itemid%22:[%22002-1190%22]}.

148. Brent Fisse (1990), "*Sentencing Options against Corporations (Các lựa chọn kết án đối với pháp nhân thương mại)*", Criminal Law Forum, 1, 211–258.
149. John F. Frana and Ryan D. Schroeder (2008), "*Alternatives to Incarceration (Các biện pháp hình sự thay thế hình phạt tù)*", Justice Policy Journal, 5(2), 1-32.
150. Natasha A. Frost (2008), "*The mismeasure of punishment - Alternative measures of punitiveness and their (substantial) consequences (Hạn chế của hình phạt - Các biện pháp hình sự thay thế và kết quả (trọng yếu) của các biện pháp này*)", Punishment & Society Journal, 10(3), 277-300.
151. Stephen P. Garvey (2011), "Alternatives to Punishment (Các biện pháp thay thế hình phạt)", *The Oxford Handbook of Philosophy of Criminal Law (Cẩm nang Oxford về Triết lý luật hình sự)*, Oxford University Press, Oxford.
152. Stefani Giorgia, Kronberga Ilona, Sile Sanita, Bisi Roberta, Sette Raffaella, Gregori Emilio, Distaso Marta, Freeman Ruth (2016), *Alternatives to imprisonment in Europe: increasing understanding and promoting implementation: Guidance (Các biện pháp thay thế hình phạt tù ở Châu Âu: Hướng dẫn nâng cao hiểu biết và thúc đẩy áp dụng)*, Comunità Papa Giovanni XXIII, Italy.
153. Voncile B. Gowdy (1992), *Intermediate Sanctions (Các biện pháp hình sự trung gian)*, U.S. Department of Justice, Office of Justice Programs, National Institute of Justice, USA.
154. Kaiser Günther (1992), "*Juvenile Delinquency in the Federal Republic of Germany (Người chưa thành niên phạm tội ở Cộng hòa Liên bang Đức)*", International Journal of Comparative and Applied Criminal Justice, 16 (1-2), 185-204.

155. Una Kirstine Hakvåg (2009), *Juvenile Justice in the Russian Federation (Tư pháp người chưa thành niên ở Liên bang Nga)*, Master's Thesis, University of Oslo.
156. Gina Penly Hall (2014), "Boot Camps for Juveniles (Biện pháp đưa vào cơ sở huấn luyện đặc biệt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội)", *Encyclopedia of Criminology and Criminal Justice*, Springer, USA.
157. Luisa Hartmann và Johannes Munzert (2022), "The Criminal Liability of Corrections Officers in German Prisons: The Landmark Decision of the Federal Court of Justice from November 28, 2019 (2 StR 557/18) (Trách nhiệm hình sự của quản giáo trong các nhà tù ở Đức: Phán quyết mang tính bước ngoặt của Tòa án Tư pháp Liên bang Đức ngày 28 tháng 11 năm 2019 (2 StR 557/18))", *German Law Journal*, 23, 625-636.
158. Joseph Heffner & Oriel Feldman Hall (2019), *"Why we don't always punish: Preferences for non-punitive responses to moral violations (Tại sao không phải lúc nào cũng áp dụng hình phạt: Việc ưu tiên áp dụng các biện pháp hình sự phi hình phạt đối với hành vi xâm phạm nhân phẩm)"*, Scientific Report, 9, 13219, 1-13.
159. Ricardo H. Hinojosa (2006), *Final Report on the Impact of United States v. Booker On Federal Sentencing (Báo cáo về tác động của Án lệ United States v. Booker về kết án liên bang)*, United States Sentencing Commission.
160. Müller-Dietz, H. (2019), *Kriminaltherapie heute: Forschungsberichte zur Behandlung von Delinquenten und Drogengeschädigten (Điều trị pháp lý hiện nay: báo cáo nghiên cứu về điều trị pháp lý đối với người phạm tội và nạn nhân liên quan tới tội phạm về ma túy)*, NXB Walter de Gruyter GmbH & Co KG, Berlin.
161. Josine Junger-tas (1994), "*Alternative Sanctions: Myth and Reality (Các biện pháp hình sự thay thế: lý thuyết và thực tế)*", European Journal on Criminal Policy and Research, 2(1), 44-66.

162. Josine Junger-tas (1994), *Alternatives to prison sentences: Experiences and developments (Các biện pháp thay thế hình phạt tù: Kinh nghiệm và sự phát triển),* Kugler Publisher, New York, USA.
163. JusLaws&Consult International Law Firm, *Criminal Liabilities Of A Legal Person (Trách nhiệm hình sự của pháp nhân)*, https://www.juslaws.com/criminal-litigation/criminal-liabilities-of-legal-person.
164. Schaefer, Nicole J., Stefancic, Ana (2003), "*Alternative to Prison Programs for the Mentally ill Offender (Biện pháp thay thế hình phạt tù dành cho người phạm tội mắc bệnh tâm thần)*", Journal of Offender Rehabilitation, 38(2), 41-55.
165. Dan M. Kahan (1996), *What Do Alternative Sanctions Mean? (Tìm hiểu về các biện pháp hình sự thay thế hình phạt),* The University of Chicago Law, Chicago, USA.
166. Kittipong Kittayarak (2010), *Responding to prison overcrowding: Another attempt from Thailand (Giải pháp đối với tình trạng quá tải cơ sở giam giữ: Một nghiên cứu khác tại Thái Lan)*, Twelfth United Nations Congress on Crime Prevention and Criminal Justice, Brazil, 151-168.
167. Andrew R. Klein (1997), *Alternative Sentencing, Intermediate Sanctions and Probation (Quyết định áp dụng các biện pháp hình sự thay thế, các biện pháp hình sự trung gian và quản chế)*, NXB Anderson Publishing Co., Cincinnati, Ohio.
168. Philip D. Knapp (1994), *Survey of in-state Community Based Programs (Khảo sát các Chương trình Hỗ trợ Cộng đồng của các tiểu bang)*, Report on juvenile offenders (Báo cáo về người chưa thành niên phạm tội), Kansas Criminal Justice Coordinating Council.
169. Jirapart Limaksorn (2021), *Drug rehabilitation in Thailand: Treatment or punishment? (Cai nghiện ma túy ở Thái Lan: Điều trị hay trừng phạt?)*, https://idpc.net/blog/2021/04/drug-rehabilitation-in-thailand-treatment-or-punishment, truy cập ngày 17/6/2021.

170. Doris Layton MacKenzie, Angela R. Gover, Gaylene Styve Armstrong, Ojmarrh Mitchell (2001), "*A National Study Comparing the Environments of Boot Camps With Traditional Facilities for Juvenile Offenders (Một nghiên cứu quốc gia so sánh môi trường của các cơ sở huấn luyện đặc biệt với các cơ sở truyền thống dành cho người chưa thành niên phạm tội)*", National Institute of Justice Research in Brief, US Department of Justice, USA.
171. Diana Madsen (2020), *Juvenile justice and the UN convention on the rights of the child. A qualitative content analysis on the example of the Russian federation (Tư pháp người chưa thành niên và Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em: Phân tích định tính về trường hợp của Liên bang Nga)*, Malmö University.
172. Maryville University (2019), *Criminal Responsibility: Evaluation and Overview (Trách nhiệm hình sự: Đánh giá và Tổng quan)*, truy cập tại https://online.maryville.edu/blog/criminal-responsibility/.
173. Lauren Mcmenemy (2022), *What Is the Meaning of a Legal Entity? (Pháp nhân là gì?)*, https://www.diligent.com/insights/subsidiary-management/meaning-legal-entity/.
174. Grischa Merkel (2011), "*Case Note - Retrospective Preventive Detention in Germany: A Comment on the ECHR Decision Haidn v. Germany of 13 January 2011 (Tóm tắt và phân tích án lệ - Áp dụng hồi tố biện pháp lưu trú bắt buộc trong trại bảo đảm an toàn tại Đức: Bình luận về Quyết định của ECHR trong vụ việc Haidn v. Đức ngày 13 tháng 1 năm 2011)*", German Law Journal, 12(3), 968-977.
175. T. F. Miniazeva và A. V. Serebrennikova (2015), "*Security Measures in Russia and Germany: Comparative Legal Analysis (Các biện pháp bảo đảm an toàn ở Nga và Đức: Phân tích dưới góc độ so sánh luật)*", Mediterranean Journal of Social Sciences, MCSER Publishing, Rome-Italy.
176. Tatiana V. Nepomnyashchaya (2017), *"Other measures of a criminal-law nature: Definition, Legal nature, System (Định nghĩa, Bản chất pháp lý, và Hệ*

thống các biện pháp pháp luật hình sự khác), Law Enforcement Review, 1(1), 114-121.

177. Norton Rose FulBright (2020), *Germany takes next step to establish a corporate criminal liability regime (Những bước tiếp theo trong hoạt động thiết lập trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại ở Đức)*, https://www.nortonrosefulbright.com/en/knowledge/publications/9d3d5764/germany-takes-next-step-to-establish-a-corporate-criminal-liability-regime.
178. Office of Juvenile Justice and Delinquency Prevention (2014), "*Group Homes (Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dưỡng)*", Literature Review A Product of the Model Programs Guide.
179. Office of Juvenile Justice and Delinquency Prevention (2014), "*Home Confinement and Electronic Monitoring*", Literature Review A Product of the Model Programs Guide.
180. Patricia O'Brien (1978), "*Crime and Punishment as Historical Problem (Tội phạm và Hình phạt - Một vấn đề lịch sử)*", Journal of Social History, 11(4), 508–520.
181. Jacob Öberg (2014), "*The definition of criminal sanctions in the EU (Định nghĩa về BPHS ở Liên minh châu Âu)*", European Criminal Law Review, 3(3), 273-299.
182. Marcus Paul (1994), *Alternative Penal Sanctions (Các biện pháp hình sự thay thế hình phạt)*, Faculty Publications, William & Mary Law School.
183. Apirat Petchsiri (1986), "A short history of Thai criminal law since the nineteenth century (Tóm lược về lịch sử của luật hình sự Thái Lan từ thế kỷ 19", *Malaya Law Review*, 28(1), 134-150.
184. Inna Podroykina, Marina Alekseeva (2023), "*Judicial fine as a means of ensuring sustainable state development (Phạt tư pháp như một phương tiện đảm bảo sự phát triển bền vững của nhà nước)*", E3S Web of Conferences 402, 13012, 1-6
185. Michael Pösl, Andreas Dürr (2012), "*Germany's System of Preventive Detention Considered Through the European Court of Human Rights and the*

German Federal Constitutional Court (Hệ thống các BPHS phòng ngừa có tước tự do của Đức dưới góc nhìn của Tòa án Nhân quyền Châu Âu và Tòa án Hiến pháp Liên bang Đức)", European Criminal Law Review, 2, 158-181.

186. JJ. Prescott (2016), "*Criminal Sanction and Deterrence (Biện pháp hình sự và tính răn đe)*", Encyclopedia of Law and Economics, Springer Science+Business Media, New York.
187. Pablo Alberto De Rosa (2018), "*Psychoeducational Approach of Vygotsky and its Relationship with the Symbolic Interactionism: Application to the Juvenile Criminal Responsibility and Educational Processes (Phương pháp tiếp cận tâm lý giáo dục của Vygotsky và mối quan hệ với học thuyết tương tác tượng trưng: Áp dụng phương pháp này với trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên và các quá trình giáo dục)*", Propósitos y Representaciones, 6(2), 631-669.
188. Nikolay V. Schedrin, Alexey A. Vostokov (2015), *"Corporate Criminal Liability or Other Criminal Law Measures in Respect of Legal Entities? (Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại hay các biện pháp pháp luật hình sự khác áp dụng đối với pháp nhân?)",* Journal of Siberian Federal University, (10), 2100-2106.
189. Horst Schroder (1965), "*German Criminal Law and Its Reform (Quá trình cải cách luật hình sự Đức)*", Duquesne Law Review, 4(1), 97-113.
190. Werner Schroeder (2020), *Limits to European Harmonisation of Criminal Law (Những hạn chế trong hài hòa hóa pháp luật hình sự châu Âu)*, Associations for European Criminal Law, 144-148.
191. Ann M. Simmons (2022), *"Russia Looks to Impose Criminal Liability on Firms Complying With Sanctions (Nga xem xét áp dụng trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại)"*, The Wall Street Journal, https://www.wsj.com/livecoverage/russia-ukraine-latest-news-2022-04-07/card/russia-looks-to-impose-criminal-liability-on-firms-complying-with-sanctions-s52V9QICjKiou7ldVuAc.

192. Alessandro Stasi (2021), *General Principles of Thai Criminal Law (Những nguyên tắc chung của luật hình sự Thái Lan)*, Springer, Singapore.
193. Maurice E. Stucke (2014), "*In Search of Effective Ethics & Compliance Programs*", The Journal of Corporation Law, 39(4), 770-832.
194. Terzikyan, S. and Prikhodko, N. (2021), "Criminal Legal Measures of Fight against Crime in Russian and German Criminal Law (Các biện pháp pháp luật hình sự nhằm đấu tranh chống tội phạm trong luật hình sự Nga và Đức)", *Proceedings of the VII International Scientific-Practical Conference "Criminal Law and Operative Search Activities: Problems of Legislation, Science and Practice" (CLOSA 2021)*, 329-334.
195. John Tecuceanu, *Theories of rehabilitation (Triết lý cải tạo phúc lợi)*, Changing Inside, https://changinginside.co.uk/offender-management-rehabilitation/.
196. Terre des homes (2021), *Access to justice for children Country fact sheet: Russia (Tờ thông tin quốc gia về tư pháp người chưa thành niên ở Nga)*, https://childhub.org/sites/default/files/library/attachments/14%20Russia%20Access%20to%20Justice%20for%20Children.pdf.
197. The U.S. Department of Justice (2021), *Restitution (Bồi thường thiệt hại)*, https://www.justice.gov/usao-wdwa/victim-witness/victim-info/restitution.
198. Jeremy Travis (1996), "*Alternative Sanctions in Germany: An Overview of Germany's Sentencing Practices (Các biện pháp hình sự thay thế hình phạt: Tổng quan về thực tiễn tuyên án tại Đức)*", National Institute of Justice Research Preview, US Department of Justice.
199. Höjdestrand, T. (2016), *"Social Welfare or Moral Warfare? Popular Resistance against Children's Rights and Juvenile Justice in Contemporary Russia (Phúc lợi xã hội hay Xung đột đạo đức? Những yếu tố phổ biến ảnh hưởng tới quyền trẻ em và tư pháp người chưa thành niên ở Nga hiện nay)"*, International Journal of Children's Rights, 24(4), 826–850.
200. United Nations (2006), *Frequently Asked Question on a Human Rights-Based approach to development cooperation (Câu hỏi thường gặp về cách tiếp cận*

dựa trên quyền con người đối với sự hợp tác phát triển của các quốc gia), New York and Geneva.

201. United Nations (2007), *Handbook of basic principles and promising practices on Alternatives to Imprisonment (Cẩm nang về những nguyên tắc cơ bản và tính khả thi của các biện pháp hình sự thay thế hình phạt tù)*, New York.
202. University of California Press (2004), *Punishment Theory and Practice (Học thuyết và thực tiễn của việc áp dụng hình phạt)*, UC Press E-Books Collection.
203. U.S. Department of Justice (2011), Electronic Monitoring Reduces Recidivism, https://www.ojp.gov/pdffiles1/nij/234460.pdf
204. Zemlyukov S.V. (2001), "*The concept and content of criminal law measures (Khái niệm và nội dung của các biện pháp hình sự)*", State and Law at the Turn of the Century: Criminology, Criminal Law, Judicial Law: Proceedings of the All-Russian Conference (Kỷ yếu Hội thảo: Nhà nước và pháp luật vào thời điểm chuyển giao thế kỷ: Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tư pháp), 29–36.
205. Stephanie N. Whitehead (2017), "Intermediate Sanctions (Các biện pháp hình sự trung gian)", *The Encyclopedia of Corrections*, John Wiley & Sons, Inc., USA.
206. Cattleya Wisesrat (2006), *Application of Safety Measures in Criminal Cases (Áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn trong các vụ án hình sự)*, Master's Thesis, Dhurakif Pundit University, Thailand.
207. Stephen A. Yoder (1978), "*Criminal sanctions for corporate illegality (Các biện pháp hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự)*", The Journal of Criminal Law & Criminology, 69(1), 40-58.
208. Skobelin S.Yu (2009), "*The essence and content of criminal law measures, alternative to punishment (Bản chất và nội dung của các biện pháp pháp luật hình sự thay thế cho hình phạt*)", Yuridicheskaya nauka i pravookhranitel'naya praktika, 4(10), 57–62.
209. Svetlana Zakharova, Lyudmila Budanova, Sergey Rihanov, Ulyana Gromova, Andrei Shcherbakov (2019), "*Institute of Substitution of Punishment and*

Other Measures in Criminal Law of Russian Federation and Foreign Countries (Khái quát các biện pháp hình sự thay thế hình phạt và các biện pháp khác trong luật hình sự Liên bang Nga và các quốc gia trên thế giới)", Advances in Economics, Business and Management Research, 131, Atlantis Press.

210. Franklin E. Zimring (1993), "*Drug Treatment as a Criminal Sanction (Biện pháp hình sự về trị liệu cai nghiện)*", University of Colorado Law Review, 64(3), 809-825.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA NGHIÊN CỨU SINH LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Đề tài luận án: Các biện pháp hình sự phi hình phạt dưới góc độ so sánh luật.

STT	Tên bài viết	Tên công trình	Năm xuất bản
1	Đỗ Thị Ánh Hồng, Quyền giáo dục thể hiện trong các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về biện pháp phi hình phạt áp dụng cho người dưới 18 tuổi phạm tội	Tạp chí Giáo dục và Xã hội số 113 (174), ISSN 1859-3917	Tháng 8/2020
2	Đỗ Thị Ánh Hồng, Bảo đảm quyền của người dưới 18 tuổi (người chưa thành niên) phạm tội trong các quy định về hình phạt và biện pháp phi hình phạt dưới góc độ so sánh luật	Tạp chí Khoa học Kiểm sát số 05 (42)/2020, ISSN 2354-063X	Tháng 10/2020
3	Đỗ Thị Ánh Hồng, Các biện pháp phi hình phạt và chế tài áp dụng đối với trường hợp vi phạm hợp đồng trong pháp luật Anh – Mỹ và đề xuất cho Việt Nam	Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, ISBN: 978-604-81-2342-0	Tháng 7/2021
4	Đỗ Thị Ánh Hồng, Khung pháp luật của EU và những hàm ý đối với việc hài hòa hóa quy định về các biện pháp phi hình phạt nhìn từ góc độ bảo vệ quyền con người trong khuôn khổ ASEAN	Hội thảo khoa học Bộ Tư pháp: Hài hòa hóa pháp luật của EU và hàm ý cho ASEAN ở một số khía cạnh tư pháp quốc tế	Tháng 10/2021
5	Đỗ Thị Ánh Hồng, Mục 1 và Mục 2 Chương 4: Trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp hình sự khác theo pháp luật hình sự Nhật Bản	Sách chuyên khảo "Trách nhiệm hình sự, Hình phạt và các biện pháp hình sự khác", GS. TS Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), Nhà xuất bản Tư pháp, 2022	Tháng 12/2022
6	Đỗ Thị Ánh Hồng, Các biện pháp hình sự phi hình phạt theo luật hình sự Đức và luật hình sự Việt Nam dưới góc độ so sánh	Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội số 02/2023, ISBN: 0866-756X	Tháng 02/2023